

NAM PHONG

VĂN - HỌC KHOA - HỌC TẬP - CHÍ

TRIẾT-HỌC BERGSON

HENRI BERGSON là một nhà đại-triết-học ở nước Pháp ngày nay. Ông sinh tại Paris năm 1859, hiện còn sống. Tư-tưởng ông có ảnh - hưởng rất sâu-xa, thật có thể ví như một ngôi sao Bắc-đầu trong cõi học thế-giới hiện-thời.

Ông lại vừa kiêm làm một nhà văn-học trứ-danh nữa. Nguyên đã có chân Hội « Triết-học Bác-sĩ » (*Académie des Sciences morales et politiques*), năm 1914 ông lại được bầu vào Hội « Văn-học Bác-sĩ » nước Pháp (*Académie française*). Năm 1928 lại được phần thưởng Nobel về văn-học, là một phần thưởng quốc-tế rất có giá-trị.

Những trước-tác có tiếng của ông là các sách như sau này : « Luận về những điều-kiện trực-tiếp của ý-thức » (*Essai sur les données immédiates de la conscience*), « Vật-chất cùng Ký-ức » (*Matière et Mémoire*), « Sáng-hóa luận » (*L'Evolution créatrice*), « Liên - tiếp với Đồng-thời » (*Durée et Simultanéité*), « Xét về tâm-lý sự Cười » (*Le Rire ; essai sur la signification du comique*).

Một cái học-thuyết mà ngay sinh-thời tác giả đã được thiên-hạ suy-tôn sùng-bái, cổ-lai tưởng cũng hiếm có vậy. Triết-học ông BERGSON thật đã được cái vinh - hạnh đặc-biệt đó. Ở nước Pháp thì EDOUARD LE ROY trong sách « Một nền triết-học mới » (*Une philosophie nouvelle*) đã có câu nói rằng : « Triết-học này, là mở ra một niên-hiệu mới, lịch-sử không bao giờ

quên được... Lại khởi ra một cuộc cách-mệnh về tư - tưởng cũng quan-trọng bằng cuộc cách - mệnh của Khang-đức (KANT) hay của Tô-cách-lập (SOCRATE) vậy. »

Ngoài nước Pháp cũng được các học-giả hoan nghênh tán - tụng như thế. Nhà triết-học trứ-danh đệ - nhất của nước Đan-mạch (*Danemark*), HARALD HOFFDING, mở hẳn một cuộc giảng-nghĩa, soạn hẳn một bộ sách lớn để bình-luận về triết - học BERGSON. Lại nhà triết-học trứ - danh đệ-nhất của nước Mỹ, WILLIAM JAMES, khi đọc xong bộ sách « Sáng-hóa-luận », viết thư cho một người bạn nói rằng : « Tôi đọc sách này thấy sáng quắc như hào-quang xuất-hiện, tưởng nhất thiết hình-sắc đều phai-nhạt cả. »

Ở Đông-Á, các nhà tư-tưởng Ấn-độ và Nhật-bản cũng biết và cũng chuộng cái triết-học lớn-lao đó.

Vậy thời triết-học BERGSON là gì mà trong khoảng mấy chục năm đã nổi danh lừng-lẫy khắp hoàn-cầu như vậy?

Có thể tóm lại một câu mà nói rằng : triết học ấy là triết - học « liên-tiếp », triết-học « tự-tại » (*philosophie de la durée*).

Hễ ta để ý suy-xét về bản-thân ta, thì ta thấy rằng cuộc sinh-hoạt trong nội-tâm ta là biến-đổi luôn luôn. Như khi no, khi đói ; khi buồn, khi vui ;

khi chăm chỉ, khi lười-biếng; khi làm việc, khi ngồi không. Thấy trong mình thay đổi luôn.

Cuộc nội - tâm-sinh-hoạt đó là lưu-chuyển luôn, mà liên-tiếp luôn; các trạng thái bày ra, không biết mỗi cái bắt đầu lúc nào mà cùng-tận lúc nào. Như vọt nghe thấy một tiếng nổ to, nó kích-động mạnh đến mình, là bởi trước kia yên lặng cả; mà sự kích-động đó mạnh hay yếu cũng lại bởi thói quen, tính-chất cùng sự ký-ức của mình nữa.

Nói rằng cái bản-ngã của ta có đấy, « tự-tại » đấy, tức là nói rằng cuộc nội-tâm-sinh-hoạt của ta vừa thay đổi và vừa tiếp-tục luôn. Ví như dòng nước chảy, ví như một con sông, ngày tháng chảy không cùng, liên-liền tiếp-tiếp mãi.

Sự liên-tiếp đó, ấy là cái làm ra cái bản-thể của ta (*notre être*).

Mà có lẽ không những một bản-thể ta mà thôi.

Trong cõi vật-chất cũng thấy có liên-tiếp, có biến-hóa. Ông BERGSON nói: « Muốn làm một cốc nước đường, làm thế nào cũng phải đợi cho đường nó tan. »

Thân-thể ta cùng các vật tiếp-xúc với thân-thể ta đều là hiện-tại liên-tiếp cả. Lại không có lẽ gì hạn-chế sự hiện-tại liên-tiếp đó trong những vật tiếp-cận ngay với thân-thể ta mà thôi. Có thể lần lần khuếch-trương nó ra cả vũ-trụ, vì vũ-trụ cũng là một đại-khối vậy. Vậy có thể quyết-đoán rằng: « Vũ-trụ vẫn tự-tại ».

Sự hiện-tại liên-tiếp chính là cái bản-chất làm thành ra các hiện-trạng. Nó là căn-cốt của bản-thể ta, nó là bản-chất của mọi vật.

Song ta vốn có thói quen đem cái hiện-tại liên-tiếp đó mà phân cắt nó ra từng mảnh, thành từng thời-khắc, từng hiện-trạng đặc-biệt. Là bởi trí-

tuệ ta bằm-sinh ra cốt để giúp cho sự hành-động.

Người ta tư-tưởng, trước nhất là để hành-động, để mưu cho tránh khỏi sự nguy-hiểm, cho thỏa được sự cần-dùng. Tư-tưởng là để chế-tạo ra các đồ dùng giúp cho tài-lực mình khiếm-khuyết. Ra hành-động thời phần nhiều chỉ châu-tuần ở trong khoảng những vật-chất hữu-hình, những vật-chất không có sinh-hoạt. Trí-tuệ ta đại-đề chỉ tác-dụng đối với những hình-thể vô-cơ (*le solide inorganisé*). Thành ra tưởng-tượng toàn-thể sự-vật đều theo kiểu những vật hữu-hình đó, có hình-thể nhất-định mà không có liên-tiếp với nhau. Không có tư-cách tưởng-trọng sự hiện-tại liên-tiếp, cùng những tinh-cách chân-chính của nó, là lưu-chuyển luôn và tiếp-tục hoài.

Muốn cảm-giác được chân-tướng của sự-vật thì không thể dùng cái trí-tuệ (*intelligence*) chỉ ứng-dụng về mặt hành-động mà thôi; phải dùng một phương-pháp khác, là phép trực-giác (*intuition*).

Tiếng « trực-giác » đây không phải theo nghĩa thông-thường chỉ một cách ức-đặc phỏng-đoán, một sự cảm-giác thuần thuộc về chủ-quan, một cái tâm-trạng thuộc về tình-cảm đầu.

Phép trực-giác của BERGSON chính là một cách tác-dụng của trí-tuệ theo nghĩa rộng; nhưng trí-tuệ đây không có thuần theo cái huynh-hướng tự-nhiên mà lại phản-phức lại mình để cảm-giác những sự-vật mà tự mình vì quá thiên về phương-diện công-lợi không thể tư-nghị được.

Trực-giác đây chính là một cách tư-nghị; nhưng là một cách tư-nghị siêu-việt ra ngoài sự tư-tưởng thường (*une pensée qui déborde le pur entendement*).

Chính là một cách suy-nghĩ, một cách chú-ý; nhưng là một cách suy-nghĩ, một cách chú-ý thâm-trầm, không thiết đến sự hành-động ở ngoài, bỏ cả những

lỗi mệnh-danh, lỗi lý-luận thường, mà trực - tiếp cảm-xúc lấy cái chân-tướng.

Phép trực-giác của BERGSON, chính ông đã giải-thích là : « một cách thần-cảm, khiến cho người ta tự đề mình vào trong sự-vật để sáp-nhập với cái phần đặc-biệt của mỗi sự-vật, tức là cái phần vô-khả-tư-lượng vậy. » (*L'intuition, cette espèce de sympathie intellectuelle par laquelle on se transporte à l'intérieur d'un objet pour coïncider avec ce qu'il a d'unique et par conséquent d'inexprimable.*)

Trực-giác chính là một cách thí-nghiệm đặc-biệt mà đích-xác. Là một cách trực-tiếp ngay với chân-tướng, Mà chân-tướng tức là sự hiện-tại liên-tiếp. Vậy thời phép trực - giác của BERGSON là trực - giác về tự-tại (*intuition de la durée*).

Thi-dụ ta trực-cảm, trực-giác cái bản-thân ta, cái bản - ngã của ta nó đương tồn-tại liên-tiếp đó ; lúc bấy giờ tất là ta có thần-cảm với ta. Triết-học khiến cho ta đem cái thần-cảm ấy ra ngoài giới-hạn bản-thân ta : thế là tự-khắc ta trực-giác được cả cuộc sinh-hoạt chung trong vũ-trụ, trực - giác được cả cái hiện-tại liên-tiếp vậy.

Triết-học BERGSON là triết-học tự-tại, lại là triết-học trực-giác (*intuitionisme*) vậy.

Trực - giác khiến cho ta quan-cảm được tự-nội-dung của chân tướng ; dù biết được chút-đỉnh mặt lòng, mà biết một cách tuyệt-đích tuyệt-xác.

BERGSON nói : « Phải quan - sát để quan sát, chứ không phải quan - sát để hành-động. Như vậy thời cái Tuyệt-đối nó lộ ra ngay cạnh ta, và cũng có một phần ở chính bản - thân ta vậy. Bản-tinh nó là thuộc về tâm-tinh, chứ không phải là thuộc về lý-số. Nó sinh-hoạt cùng với ta. Nó cũng tự-tại như ta, duy có cách thâm - trầm, mật-thiết, chung-đúc hơn nhiều vậy. »

Phép trực-giác đó, ông BERGSON đã bàn giải rõ trong hai bài đại-luận, đề là « Tổng-luận về siêu-hình-học » (*Introduction à la métaphysique*, 1903), và « Phép trực-giác về triết-học » (*L'intuition philosophique*, 1911). Nhân phương-pháp đó, ông kết-luận rằng phạm nhả triết-học từ nay không thể tự-phụ là kết-cấu ra một cái thống-hệ tuyệt-đối có thể giải-quyết được cả các vấn - đề lớn về triết-học, một cái thống-hệ hoàn-toàn, thiên-hạ chỉ có một là theo cả, hai là bỏ cả mà thôi. Triết-học lấy phép trực-giác làm căn-cứ thời phải là công-phu chung của cả các nhà tư-tưởng, các nhà quan-sát bổ - khuyết, đình-chính lẫn cho nhau vậy.

Đối với triết-học giải nghĩa như thế, thời về phần ông BERGSON thật đã giúp được nhiều. Ông đem phương - pháp của ông ứng - dụng ra nhiều vấn-đề quan-trọng về triết-học : như vấn-đề tự-do, vấn-đề ký-ức, vấn-đề sự quan-hệ thân-thể với linh-hồn, vấn-đề vật-chất cùng sinh-hoạt.

Trong sách « Luận về các điều-kiện trực-tiếp của ý-thức » (xuất-bản năm 1889), ông bác các cái thuyết định-mệnh (*déterminisme*), thường hoặc lấy lẽ khoa-học, hoặc lấy lẽ tâm - lý mà cho phạm sự quyết-định của người ta là có cái tính-cách tất-nhiên cả, hình như đã có tiền-định và có thể dự-đoán được. Ông chứng-giải mà kết-luận rằng người ta chính có quyền tự-do ở mình.

Sự tự-do ấy là một sự-thực, ý-thức có thể trực - tiếp mà quan-cảm. Mà trong các sự - thực người ta kinh-nghiệm, không có cái nào rõ-ràng bằng cái đó. Mỗi người trực-giác mà biết rằng mình tự-do.

Trong cuộc đời hằng ngày của ta, vẫn biết rằng có nhiều việc thuộc cái quyền tiền-định của thói-quen hay của thị-dục. Nhưng nếu ta biết suy-nghĩ cho kỹ, nếu biết đem cả tâm-tư tinh - cảm,

đem cả toàn-thể nhân cách của ta, đem cả cái quan-niệm thâm-thiết của ta về nhân-sinh, về hạnh-phúc, về sự-nghiệp, về danh-dự, mà quyết-định việc gì, thời sự quyết-định đó là tự-do vậy.

BERGSON nói rằng : « Hành-động tự-do, là tự nhận-chân mình, tự đặt mình vào trong cõi tự-tại thuần túy vậy. »

Trong bộ sách quan-trọng đề là « Vật-chất cùng Ký-ức » (xuất-bản năm 1896), ông đem phương-pháp trực-giác ứng-dụng về một vấn đề tâm-lý-học, là vấn đề ký-ức, và nhân đó tiến lên vấn đề quan - hệ thân-thể với tinh-thần là một vấn đề siêu-bình học.

Ông phân-biệt có hai loại ký-ức : một là « ký-ức tập - quán » (*mémoire-habitude*), là cách nhớ một điều gì vì đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, hề động đến thì nhớ lại (thí-dụ như nhớ một bài đã học thuộc lòng vậy) ; hai là « ký-ức tưởng-tượng » (*mémoire des images-souvenirs*), là cách nhớ tự-nhiên, không khó-nhoc gì, như hình-tượng việc ký-vãng đã in vào trong trí vậy (thí-dụ như nhớ những việc phiền-phức hằng ngày mà nhớ hiển-nhiên như thật).

Trong hai loại ký-ức đó, duy có cái ký-ức tập-quán là có mật-thiết liên-lạc với tri-não. Con ký-ức tưởng-tượng là ký-ức chân-chính, thời đặc-biệt hẳn. Tri-não không phải là cái kho chứa sự ký-ức : không phải dùng để ghi nhớ lấy, mà dùng để gọi nhắc lại, hay là nói đúng hơn thì dùng để tạm-đào-thải những cái ký-ức nào hiện không cần-dùng đến.

Ký-ức là đặc-biệt với vật-chất. Thân-thể chỉ dùng để khuynh-hướng sự ký-ức về cõi hiện-tượng mà thôi. Khác nào như liên-lạc sự ký-ức với cõi hiện-tại vậy.

Nhân kinh-nghiệm về tâm-lý-học như thế, ông BERGSON bèn suy-diễn ra mà kết - luận được nhiều điều quan-trọng về siêu - hình - học, ông giải rõ

trong mấy thiên sách đề là « Tinh-lực luận » (*L'Énergie spirituelle*, 1920).

Cứ cái lý-thuyết của ông về sự ký-ức, thì tất phải cho tinh-thần là một cái thực-thể độc - lập. Thân thể bao giờ cũng khuynh-hướng về đường hành-động, nên có cái chức-trách phải hạn-chế sự sinh-hoạt của tinh-thần để giúp cho việc hành-động. Tri-não chỉ dùng để sai khiến sự cử-động của thân-thể, ông gọi nó là một cái cơ - quan đề ra hiệu làm trò (*un organe de pantomime*).

Tinh-thần đã đặc-biệt với thân-thể thời cái thuyết linh - hồn còn lại sau khi thân - thể đã chết cũng có lẽ có. Ông nói rằng : « Sau khi thân-thể đã giải-tán ra rồi, nhân - cách có lẽ còn lưu-tồn lại, mà lại mạnh-mẽ thêm lên cũng có, đó là một sự không những có thể có được, mà lại có thể cho là chắc có vậy. »

Ông BERGSON nhân xét về vấn đề ký-ức mà xét đến vấn đề vật-chất, lại nhân vấn đề vật - chất mà xét đến vấn đề sinh - hoạt. Vấn đề này ông nghiên-cứu trong bộ sách cốt-yếu của ông đề là « Sáng-hóa-luận », xuất-bản năm 1907.

Trong sách ấy ông thảo-luận và giải-thích ra phương-diện của ông các cái thuyết về vạn-vật tiến-hóa, là những thuyết cho rằng các giống vật là giống nọ nhân giống kia tiến-hóa mà thành ra. Ông xướng lên cái thuyết rằng nguyên-thủy có một cái sức sinh-hoạt bùng-bột lên (*élan originel de la vie*), truyền tự lớp chủng-tử này đến lớp chủng-tử khác, do các cơ-thể đã phát-đạt làm thành như cái dây liên-lạc đề nối các chủng-tử ấy với nhau.

Ông xét cái sức sinh-hoạt bùng-bột ấy nó phát ra các phương - diện khác nhau thế nào, làm thành ra giống thực-vật bất-động, giống động-vật có bản-năng và giống người ta có tri-tuệ.

Ông nói rằng : « Động-vật là căn-cứ ở thực-vật, người ta là căn-cứ ở động-vật, và toàn-thể nhân-loại trong không-gian và trong thời-gian, ví như một đội quân lớn, thiên-bình vạn-mã trải rầm-rầm cả quanh mình ta, trước ta cùng sau ta, tiến lên hàng-hái, có sức mạnh đảo-áp cả mọi sự đề - kháng, thẳng-đoạt cả mọi sự ngăn-trở, và có lẽ đoạt được cả cái chết vậy. » « *L'animal prend son point d'appui sur la plante, l'homme chevauche sur l'animalité, et l'humanité entière, dans l'espace et dans le temps, est une immense armée qui galope à côté de chacun de nous, en avant et en arrière de nous, dans une charge entraînant, capable de culbuter toutes les résistances et de franchir bien des obstacles, même peut-être la mort.* »

Triết-học BERGSON còn có nhiều ý-kiến mới lạ về các vấn-đề khác nữa, như về khoa-học và về mỹ-thuật.

Theo ý ông thì khoa-học là cốt để tăng cái thế-lực của người ta đối với sự-vật. Khoa-học lại gây cho người ta được nhiều cái tư-cách tốt : như sự tinh-tế, sự đích-xác, sự cần nhất-nhất phải có chứng-cớ phân-minh, sự biết phân-biệt cái gì là có thể được, có lẽ chắc, với cái gì là cái có hẳn chắc hẳn.

Thiên-hạ thường phao - truyền lên rằng triết-học BERGSON là một cái triết-học phản-đối với khoa - học, thật là hiểu lầm vậy.

Chính ông BERGSON đã nói rằng : « Khoa-học với triết-học là hai môn khác nhau, nhưng có thể hỗ-trợ cho nhau. » Bởi có cái tư-tưởng đó nên ông mới đem một cái thuyết về khoa-học quan-trọng nhất đời nay, là thuyết « tương-đối » (*relativité*) của nhà bác-học Đức EINSTEIN, mà bình-phẩm trong sách « Liên-tiếp với Đồng-thời » của ông xuất-bản năm 1922.

Mỹ-thuật cũng như khoa-học, cũng có một địa-vị to trong triết-học BERGSON.

Trong các trước-tác của BERGSON có một quyển sách nhỏ rất thú-vị đề là « Sự Cười », xuất - bản năm 1900, là quyển sách phổ-thông nhất của ông, người không chuyên-trị về triết-học cũng có thể đọc được ; trong sách ấy có nhiều đoạn bàn về mỹ-thuật rất sâu-sắc.

Phần nhiều người ta quan - sát về ngoại-giới chỉ là đề hành-động đối với ngoại-giới mà thôi. Trái lại thì nhà mỹ-thuật có thể cho là một người « đãng-tri » (*un distrait*), không thiết đến sự lợi-hại ở đời, thường đem con mắt thanh-tân mà quan-sát sự - vật. Nhà mỹ-thuật thì ít ra cũng có một cái giác-quan làm việc là đề tự - khoái, chứ không phải chủ sự lợi-ích gì. Ông nói rằng đối với nhà mỹ - thuật « tạo-vật hình như quên không đem cái cảm - giác buộc với sự cần - dùng. » Nhà mỹ-thuật ưa sắc đẹp là chỉ vì sắc đẹp, ưa tiếng hay là chỉ vì tiếng hay, chứ không vì lẽ gì khác nữa, mà lại có cái tài đem cái cảm-giác vô-tư-kỷ của mình mà truyền cho kẻ khác.

Ông nói rằng : « Mỹ-thuật chỉ là một cách quan-sát chân - tướng trực-tiếp hơn mà thôi. Nhưng mà phải có lý-tưởng mới trực-tiếp với chân - tướng được. »

Trong các mỹ-thuật, ông nghiên-cứu riêng về lối hài-kịch là lối chủ ý gây ra cái cười. Ông cho là người ta cười là khi thấy kẻ khác mất cái vẻ sinh-hoạt uyển - chuyển đi mà biến thành như cái máy tự-động vậy. Cái buồn-cười là cái cảnh con người biến thành cái máy vậy.

Nói tóm lại, triết-học BERGSON thật là một triết-học rất phong-phú. Duy còn khuyết một bộ-phận quan - trọng, là phần luân - lý. Hiện nay ông đang nghiên-cứu về phần ấy. Có thể đoán biết được rằng luân - lý ấy sẽ tán-dương sự khoái-lạc ở đời, sự khoái-lạc có cái sức sáng-tạo ở đời. Ông đã nói rằng : « Có khoái-lạc thì biết rằng sự sinh-hoạt đã thành-công, đã tấn-tới, đã

thăng-lợi... hễ đâu có khoái-lạc là có sức sáng-tạo ở đấy : sáng - tạo càng phong-phủ, thì khoái-lạc càng thâm-trầm.»

Ở cuối một quyển sách của ông, có câu kết-luận rằng: « Triết-học có thể làm cho ta được khoái-lạc » Cái luận-lý của ông đưng kết-cấu bây giờ chắc sẽ giữ được lời hứa tốt đẹp đó.

Hiện nay triết-học BERGSON đã là một cái công-trình rất vĩ-dại và có đặc-sắc vô-cùng. Nhiều các vấn-đề lớn về

triết-học cổ-kim đã nhờ đó mà bày tỏ ra một cách mới lạ, giải-quyết bằng một cách thâm-trầm huyền-diệu vô-cùng.

Tư-tưởng đã mới lạ mà lời văn lại sáng-sủa đẹp - đẽ, bóng-bẩy tinh - vi, có thú-vị vô-cùng. Những một cái văn-chương diễm-lệ đó cũng đủ khiến cho ông đáng được phần thưởng Nobel về văn-học.

T. -C. biên-dịch

KHẢO VỀ TÔN-GIAO NHẬT-BẢN

IV

8. — Thần-đạo

Ở Nhật-bản bấy giờ, về Phật - giáo thì đã có nhiều người muốn kết-thác với phái triết-học Tây-dương để dựng ra một nền Phật-giáo mới. Nhưng trừ cái việc mà họ chỉ đặt điều-lệ này điều-lệ khác ra thì chẳng đời mới được cái gì. Tuy các môn-phái trong Phật-giáo, lúc ấy họ có sợ Gia-tô-giáo sẽ tràn lấn mất giáo minh đi, nên họ có đặt ra hội *Cộng-lễ*, rồi cải ra *Các-tôn hiệp - hội*, hoặc kẻ thì xướng lên làm những sự nghiệp từ-thiện, hoặc nơi thì mưu việc truyền-giáo ra nước ngoài, nhưng đại-suất cũng là những chuyện vu-vơ đênh-đoảng chẳng thiết-thực được chút nào cả.

Về Cơ-đốc-giáo thì tuy đông kẻ tông-giáo được một lúc, là nhân sự giáo-dục mới mà cảm-hóa được bọn thiếu-niên về trung-lưu xã-hội; còn như bọn nhân-dân về hạ-lưu xã-hội thì không có ảnh-hưởng gì. Bọn hạ-lưu xã-hội ở Nhật-bản từ đầu thời Minh-trị đến nay, họ mắc vào cái bệnh không có điều gì để tin theo thì không yên bụng được.

Vi vậy những kẻ mượn thần - đạo để lập ra tôn-giáo kia họ bèn dẫn-dụ cho bọn hạ-lưu thờ cúng những ngẫu-tượng. Họ đem những việc đồng-bóng cúng-đạo để an-ủi cho bọn ấy mà khiến cho càng mê thêm đi. Nào là vị thần « *Hĩm-có* », nào là vị Thần « *Lợi-lộc* », nay về đồng ở làng này, mai tỏa bóng ở làng nọ. Bọn vô - tri làm bậy, đến cái thuật *múa thần còn* là một thuật đê-liệt, thế mà bọn ngu-dần lại càng tin-nguỡng lắm. Xem thế thì biết đang cái lúc mà sự tư-tưởng của bọn trung-lưu hoạt-bát, thì phái Thần-đạo này đã tràn lấn vào khắp cả mặt trong của nhân - dân rồi. Đến năm Minh-trị thứ 25, 26 thì thế-lực phái Thần-đạo này bèn công-nhiên hiện ra hẳn mặt ngoài của xã-hội.

Tuy bấy giờ có bài *Tôn-giáo-luận* cả tiếng hô-hào về việc trừ bỏ những tục mê-tin như thế, nhưng bọn này đã thâm-căn cố-đế lắm, nên không chuyển-động được tí gì.

Xét ở Nhật-bản từ cổ đã có cái thói cầu trời cầu thánh, lễ lạy những tượng

gỗ tượng đất rời. Cái *đạo trầy lẽ*, là lên đỉnh núi Bạch-sơn 白山, núi Ngự-nhạc 御嶽, trên ngàn núi Phú-sĩ 富士, mà cầu phúc thì đã thịnh-hành từ đời Đức-xuyên rồi. Đến nay gỗ đề lâu ngày sinh ra mối mọt, cũng là vận-hội khiến nên. Bấy giờ Phật-giáo thì có phái Nhật-liên-tôn 日蓮宗 nhân tục thờ thần Thiên-cầu 天狗 mà làm cho mê-hoặc thêm. Xem bói thì có lối « quan-lý-học 觀理學, hiên-chân-học 顯真學, cán-chi-học 幹枝學 » *Đạo trầy lẽ* thì có Phú-sĩ-giáo, Ngự-nhạc-giáo. Hoàn-sơn-giáo 丸山教 thì lại sinh ra Tu-thành-phái. Còn nhiều phái nữa như Hắc-vị - kim - quang 黑位金光, Liên-môn 蓮門, Thiên-luân-vương 天輪王 và Thiên-lý 天理, vân-vân. Bọn đó đều giả danh là Thần-đạo mà đặt ra từng giáo-phái. Bề ngoài thì tuy lập ra có những tin-điều nhất-định để che mặt thế-gian, mà bên trong thì chỉ cốt có phù bùa yểm đảo để cô-hoặc bọn ngu-dân. Đặt láo ra những tên thần kia thần nọ. Bịa ra những sự oai-linh ghê-gớm. Xưng-tụng rằng *phù thần dấu thánh có thể trị bệnh khu tà được; kẻ biết mà kính lễ cầu đảo thì sẽ đắc-phúc*.

Phái thì lấy cái thuyết « *ai tin đạo thì giàu nghèo cùng được bình-đẳng như nhau* » để phiến-hoặc bọn dân cùng. Phái thì đem cái huy-hiệu *đại-thi-chủ* để phỉnh - phờ những nhà giàu cho người ta quyền ra những món tiền to.

Lưu-tệ sinh ra vô-số tội-ác. Có kẻ thì vì tranh nhau về môn-phái mà gây nên sự bất-hòa ở chỗ hương-đăng. Có người thì vì giữ điều bí-mật của đạo mình theo mà sinh ra trong gia - đình ngờ-vực nhau. Thậm-chi mượn tiếng mở hội cầu phúc mà thực thì để làm cái chỗ cho trai gái đập-diu. Nói không xiết những điều bại-tục thương-luân. Trước họ còn sợ-hãi giấu-giếm, sau rồi công-nhiên vận - động hoành-hành giữa ban ngày. Nhà - nước bất-

đắc-dĩ phải đem quyền-lực cảnh - sát mà can-thiệp vào để ngăn cấm đi. Ôi, xét cái nguồn sinh ra họa-hại như thế cũng chỉ vì cái tội của bọn đồng-cốt bịa ra những lời yêu-quái để cô-hoặc người ta đó thôi. Thế mà các nhà tôn-giáo ở trong nước Nhật - bản bấy giờ chỉ biết bàn nhảm cãi quanh nhau. Trừ cái việc bênh-vực cho bản-phái mình ra thì tuyệt không còn để ý đến việc giáo-hóa nào nữa. Vậy họ tự hỏi họ đối với đời như thế đã là vô-tội chưa ?

Trong các phái yêu-giáo ở Nhật-bản bấy giờ mà có thế-lực mạnh nhất thì là phái Hoàn-sơn, phái Liên - môn và phái Thiên - lý. Phái Hoàn - sơn thì đề - xướng lên cái thuyết « *quán-phú 均富* », kết-quả đến bọn tín-đồ nhiều kẻ phải phá-sản, nên thế-lực đã bớt đi. Nhưng ở đây suy thì ở kia lại thịnh, họa-doan truyền-bá mãi không dứt.

Phái Liên-môn thì rất thịnh về dâm-phong, cho nên các nơi thành - phố theo đông. Nhưng dâm - phong đã thịnh rồi thì bản-phái hốt-nhiên tự tiêu-diệt đi mất.

Còn như phái Thiên-lý thì chuyên một việc cầu cúng, rất hợp với ý-kiến bọn vô-giáo-dục, nên được thịnh-hành lắm. Tinh số tín-đồ có đến hơn 500 vạn. Nhưng chỉ thịnh được một hồi rồi lại suy ngay. Chỉ vì phái này hơi có chút giáo-lý hơn các phái kia, nên đến nay cũng vẫn còn.

Xét sự tin-ngưỡng của dân gian Nhật-bản từ cổ đến nay, thì người ta vẫn nghĩ rằng : « *Phật là đáng cầu-chủ về đời vị-lai mà Thần thì là đáng ban lợi-ích về đời hiện-tại.* » Ấy bởi những điều tin-niệm như thế đã in sâu vào lòng người không thể tẩy-trừ đi được. Vậy bây giờ mà cầu lấy lợi-ích ngay thì kêu bằng « *Phật* » để mà thờ, chỉ cho bằng kêu bằng « *Thần* » để mà cúng còn hơn. Vì thế mà

những bọn giả-danh là Thần-đạo đều xin thuộc cả về sở Thần-đạo bản-cục của Nhà-nước cai-quản. Nhưng chính lối Thần-đạo cổ của Nhật-bản mà sở Bản-cục cai-quản kia đến bấy giờ cũng hủ-bại lắm, mình tự giám-đốc mình còn chưa xong, nữa còn giám-đốc gì được ai. Ôi, đường đường một giáo-phái lớn của Nhà-nước mà cũng dùng những thủ-đoạn không kém gì bọn yêu-giáo. Nghĩa là ngoài cái cách đồ lấy cái túi bạc của kẻ *con hương* ra thì không còn gì là giới-giang nữa.

Đương cái khi lòng người mê-hoặc như bị làn sóng soáy cuồn-cuộn đem đi như thế thì chỉ còn có một phái Thực-hành-giáo 實行教 tôn ông Sai-diễn Lê-nhất 柴田禮 - lên làm Quản-trưởng, là chống lại được một cái cột đã đứng vững giữa dòng mà thôi. Phái này đã giữ được cái chân-tĩnh của nhà Tôn-giáo mà lại kiêm được cái khí-tượng hoạt-bát nữa.

Nguyên phái này từ đầu thời-đại nhà Đức - xuyên, có ông Trảng-cốc Xuyên-dác nằm nép ở trong hang núi Phú-sĩ. Ông cho núi này là cái biểu-tượng chính-khi của trời đất. Vì vậy ông bèn thờ mặt trời mà lấy núi này làm cái gốc lập-giáo. Thế là *đạo trời* 天祖 氏 đã thịnh từ bấy giờ rồi. Đến đời duy-tân, ông thân-sinh của ông Sai-diễn Lê-nhất lập-thành ra phái Thần-đạo này là lối chỉ sùng-bái thiên-địa. Nay ông Sai-diễn Lê-nhất nổi lên, ông lấy rằng: « *Thần-đạo là cái nguyên-khi của quốc-gia Nhật-bản, làm sáng-láng cho cái gốc lớn nhân-đạo vậy.* » Ông bèn đem cái tri thông-sáng, cái tài giới-giang của ông ra để mở-mang cái tôn-chỉ ấy. Giáo-phái của ông tuy chưa được tỏ rạng lắm, nhưng tự lập thành một nhà tôn-giáo để cảm-hóa người đời, lại mở-mang được những sự-nghiệp tiến-thủ nữa. Thực đáng gọi là hạc lập kê-quần lúc bấy giờ.

Lại có ông Cao-lại-chân-khanh 高化 瀨 真 卿 mở ra nhà *Cảm-hóa-viên* 感化院 ở núi Thanh-son. Ông muốn đem khoa Thần-đạo hợp với khoa tâm-học làm một. Trong 10 năm chuyên về việc thi-hành giáo-lý ấy. Ông lại xưng lên rằng: « *Thần-đạo trong vũ-tru chỉ qui về một lòng thành.* » Câu ấy cũng là một tia ánh sáng ở trong Thần-đạo đó. Vì thế giáo-phái của ông này với giáo-phái Thực-hành cũng nổi tiếng khen hồi bấy giờ. Hai phái Thần-đạo đang cải-tiến này cùng lấy sự bao-dung làm tôn-chỉ. Nghĩa là muốn lựa chọn lấy tất cả những cái hay của các giáo khác mà hòa-hợp vào trong Thần-đạo Nhật-bản vậy.

9. - Bề trong Phật-giáo vẫn hủ-bại

Phật-giáo đời Minh-trị nay là sản-nhi của Phật-giáo hủ-bại đời Đức-xuyên xưa. Tuy có được một hồi vì bị chủ-nghĩa quốc-giáo công-kích mới tự phẫn-chấn lên được một chút, kể đó lại nhân việc vận-động bài-sích giáo Co-đốc, nên mới có cái khi phục-sinh lại, nhưng những việc trên đó đều không phải là tự trong nội-bộ khởi-dưỡng sinh-khi lên được. Chẳng qua là chịu sự kích-thích ở ngoài đưa đến, như kẻ liệt được phát thuốc tiêm hồi-sinh để gương lại. Rồi a-dua với thời-thế mà làm ra cái vẻ hưng-khởi đó mà thôi. Kỳ-thực bề trong thì vẫn đồ nát suy-đồi không khác gì ở đời Đức-xuyên vậy. Về khoảng năm Minh-trị 14, 15 đã xưng lên việc cải-cách Phật-giáo, không biết làm sao rồi lại im ngay. Đến cả như việc ý-đồ theo đuổi bài luận « *tôn-giáo với giáo-dục xung-đột* », rồi giở-dối ra cái cuộc phá-tà hiễn-chính ốm-tỏi. Thế rồi không mấy chốc cũng hết hơi.

Đến năm thứ 24, 25 trở đi thì cái khí hủ-bại ở bề trong nó lại vọt ra mà hiện lên nhiều sự xấu-sa lắm.

Trước kia phái Tào - động-tôn đã có cái kịch nội-biến, phái Đông-bản-nguyên-tự cũng đã tranh nhau về giáo-quyền. Từ đó bề ngoài tuy thấy yên-yên mà bề trong đã phục sẵn cái cơ đại-loạn rồi. Đến năm thứ 28, Tào-động-tôn phát ngay ra việc tài-quyền tranh-nghị, cãi-cọ nhau về tiền của lời-thời mãi, đến nỗi việc hội đồ nát, trong phái oán giận nhau. Cuối năm thứ 29, các tôn - phái đều phái ủy-viên đến mở ra một cuộc « *các tôn hiệp hội* » để xét về những điều cương-yếu trong các phái của nhau. Hội-đồng ủy-viên bèn xan bỏ ngay bốn câu cương-yếu mà phái Nhật-liên tôn lấy làm trọng-thể đi. Vì thế sinh ra tranh-luận mãi. Phái Diệu - mẫn - tự 妙滿寺 hết sức công-kích hội-đồng ủy-viên ấy, sau đến xách nhau ra tòa án kiện nhau mà cũng không thôi. Phái Nhật-liên-tôn bèn lập ra một đoàn gọi là *Diệu-tôn thống-nhất đoàn*, ý để cầu các thiện - tin người ta giúp sức cho Hội-đồng ủy-viên thì cãi nhau đến cả những chuyện kinh *Pháp-hoa* và kinh *Tam-tạng* đảng nào hơn đảng nào kém, *Phật Thích-ca* với *Phật Di-đà* vị nào chân-chính vị nào không.

Tháng 6 năm ấy, Triều-đình ban tước cho vị pháp-chủ phái Châu-tôn mà câu chuyện *Bá-tước trọc đầu*, *Bá-tước Đại-cốc* 大谷 (hiệu của Pháp-chủ ấy) lao nhao khắp mọi nơi.

Tháng 9, Nhà-nước mở một hội-đồng gọi là *Tôn - giáo gia khản-đàm - hội* 宗教家懇談會. Tăng-đồ cũng có nhiều người đến dự mà bị tất cả các sư - mô chê cười sỉ - mạ. Tháng 10, phái Chân-ngôn-tôn xướng ra thuyết *phân rẽ cổ-nghĩa với tân-nghĩa ra làm hai*. Lại cuối năm 29, bọn Thanh-trạch, Nguyệt-nhi công-kích phái Đông-bản-nguyên-tự một cách rất dữ. Vì trong phái ấy nội-sự bất-tu mà tài chính rối - loạn. Nên chỉ họ

mượn cái tinh-thần chấn-hưng việc học để mà cải-cách các sự-vụ trong chùa lại. May được nhà Đại-học-liệu 大學寮 ứng-chuẩn cho và bọn môn-đồ ở Tham vĩ giúp vào. Họ bèn kéo nhau đến chùa Đông-bản-nguyên-tự rồi lập ra một hội đồng-minh để cải-cách. Có kẻ hiểu danh vì cuộc cải-cách này cũng như cuộc cải-cách Tôn-giáo của Lộ-dắc bên tây. Song-le có thực được như thế đâu, bản-ý tụi cải-cách này là chỉ cải-cách sự-vụ trong chùa mà thôi, cho nên khi đã thay đổi những người chức-việc trong sơn-môn và đặt qua-loa lại một vài chế-độ mới thì tụi cải-cách này bằng lòng nín lặng ngay. Ngoài ra cũng còn có mấy việc tao-nhiều khác nữa; nhưng đều không đủ gây nên vận-hội mới cho nhà tôn-giáo. Mà lại chỉ tổ bực-lộ ra những tình hèn-nhất, tàn-nhẫn, khốc-bạc và uơnlười, câu-thả, vô-thức của bọn sư-mô đó thôi. Thật là đáng buồn.

10. — Sự thay mới của các nhà Tôn - giáo

Ở Nhật - bản, từ đời Đức-xuyên có mấy bộ sách phê-bình của bọn Phú-vĩnh thì đã mở ra cái mới *phê-bình và nghiên - cứu về Phật - giáo* rồi. Sau lại có Bình-điền cũng công-kích thêm vào thì cái phong *phê-bình nghiên-cứu Phật - giáo* lại càng thêm mạnh. Đến đời Minh-trị mới có cuộc tranh-luận nhau về núi *Tu-di* 須彌山 với quả địa-cầu. Lại còn có người định đem những nghĩa-lý mới đời nay để giải-thích Phật-giáo nữa. Thế là cái kết - quả gián - tiếp về sự *nghiên-cứu Phật-giáo* đó.

Còn như bọn môn-đồ nhà Phật muốn kết-thác với phái triết-học Tây-dương thì cũng là một cái nền-móng biết tu-tĩnh của Phật-giáo vậy.

Đến năm Minh-trị thứ 23, ông Cửu-mễ viết bài luận nói *Thần-đạo là cái tục tế trời từ đời cổ-giả*. Vì thế lại thành

ra biện-luận tranh - dành nhau âm-ỹ, mà làm kích-thích đến bọn học-giả về khoa Tôn-giáo. Vả bấy giờ lại gặp lúc cái phong-trào *nghiên-cứu Tôn-giáo* của thế-giới truyền vào trong học-giới Nhật-bản). Các nhà Đại-học Nhật-bản đua nhau lấy vấn-đề *lỉ-hiệu tôn-giáo* làm một khoa giảng riêng. Như quan Giáo-thụ *Ngoai-son* 外山 dạy về khoa xã-hội-học thì luận về sự khởi nguyên của Tôn-giáo, Quan Giáo-thụ *Tinh-thượng* 井上 thì giảng về khoa Đông-dương triết-học lại kiêm việc *tỉ-hiệu Tôn-giáo*. Năm Minh-trị thứ 25, trong học-qui đang có một mục triết-học của Chi-na, lại thêm vào một mục triết-học của Ấn-độ nữa. Từ đó về khoa *tỉ-hiệu Tôn-giáo*, người ta rất chú-ý về hai mục là Ấn-độ triết-học với Đông-dương triết-học. Bởi vậy người Nhật-bản mới **mở ra được hai cái tạp-chí là *Đông-dương triết-học với Phật-giáo sử* làm 佛敎史林.**

Còn như hội Đồng-chí xã của bên Gia-tô-giáo thì nhà trường *Thần học-hiệu* tức là cái cơ - sở để mở ra nhà *Tôn-giáo bác - vật - quán*. Thầy tăng Hưng-nhiên tỉ - khẩu 興然比丘 về Phật-giáo thì mở ra nhà trường *Phạn-ngữ học-hiệu* 梵語學校. Nhà triết-học-quán thì mở ra lớp *Tôn-giáo học-khoa*. Nhân năm ấy ở bên nước Mĩ mở ra cuộc Tôn-giáo đại-hội, các nhà Tôn-giáo Nhật-bản cũng sang dự hội. Nên chi việc *tỉ-hiệu Tôn-giáo* lại càng là việc có giá-trị lắm, Học-sinh trường Đại-học có người chuyên học về nghề *nghiên-cứu Tôn-giáo*. Các trường học ở các nơi cũng nhiều trường mở ra một lớp *tỉ-hiệu Tôn-giáo*. Ấy mấy việc trên này đều là cái kết-quả của việc *tỉ-hiệu Tôn-giáo* là việc thuộc về học-thuật, về nghiên - cứu của Nhật-bản mới hưng-thịnh lên vậy.

Lại từ khi các giáo - phái của nước Đức như là *phái tự-do, phái vũ-trụ thần-*

giáo truyền vào trong nước Nhật-bản, thì người Nhật-bản mới được hiểu đến những học-thuật về tự-do nghiên-cứu của đạo Cơ-dốc mà người ta đã thịnh-hành ở Âu - Mĩ rồi. Bấy giờ không những người ở trong đạo Cơ-dốc, đến cả những học trò các trường, cũng không ai là không biết thế nào là cái cách quan-sát đạo Cơ-dốc bằng lịch-sử, bằng phê-bình vậy. Kể đó có người thì dịch những sách Tôn-giáo triết-học của Tây-dương ra, có người thì đăng những bài phê-bình về Phật-giáo, về Cơ-dốc-giáo lên tạp-chí. Từ đó những kẻ chỉ biết có một giáo-ngĩa của nhà mình, coi đạo của mình là đạo thượng-thừa không gì hơn, và lấy làm đặc-ý tự-túc kia, mới bỏ dần dần những cái vọng-lin ấy đi.

Về sau đến có người không cần nghiên-cứu về lịch-sử của Tôn-giáo nữa, mà tự đem những nghĩa mới của mình mới nghĩ ra, tiêu-yết lên đề cầu cho người ta phê-bình. Thực không khác gì như vua A-khắc-pha đại-đế 阿克坡大帝 vì nghiên-cứu đề so-sánh các Tôn-giáo mà lập ra được một nhà Tôn-giáo mới. Cái xu-thế tự-nhiên bao giờ cũng vẫn như vậy.

Gia - chi - dĩ năm 27, 28, có trận Nhật-bản chiến-tranh với Trung quốc mà Nhật-bản thắng. Trận ấy kích động cho quốc dân Nhật-bản tự tỉnh ra mà phấn-chấn lên để lập lấy những sự-nghiệp lớn-lao hơn. Cho nên bấy giờ phạm là người trí-thức ở Nhật ai cũng nghĩ rằng Tôn-giáo của Nhật bản hơn hai nghìn năm nay đã hợp được đạo Nho đạo Phật với tư-tượng của Nhật-bản làm một, thì nay chính đương cái thời - vận sự văn-hóa của hai phương Đông-Tây dung-hòa làm một, vậy người Nhật-bản thế nào cũng phải có một hai điều gì sáng-kiến riêng để chất-vấn với thế-giới thì mới được.

Vả, cũng vì trận chiến-tranh ấy mà khiến cho người Nhật-bản cũ-quốc

một lòng, hết sức cống-hiến cho quốc-gia. Nào là việc sang Cao-li truyền-giáo, việc tuyê-n-giáo cho trong quân-lính, nào là việc đi cửa chữa cho quân-lính tử-thương. Lại nào là khi chiến-thắng rồi thì sang Đài-loan truyền-giáo. Các tôn các phái đều quên hết cái lòng bè-dạng đi mà cố gắng giúp-dáp vào cho nước. Đó thực là một cái đềm rất hay đã bày rõ ra vậy.

Cũng vì người Nhật-bản lúc bấy giờ trong thì người ta nhờ được sự học-vấn thúc-giục như thế, ngoài thì người ta cảm xúc cuộc thời-thế như kia, cho nên từ kẻ học-giả đến nhà tôn-giáo, ai nấy cùng cho tôn-giáo của mình đã có từ xưa đến nay là chưa mãn-nguyện cả. Bấy giờ người nào cũng chịu khổ-tâm nghiên-ngẫm một cách rất thâm-đạm, dễ mong lập lấy một nền tôn-giáo mới, cho kịp ra đời giữa cái thời-vận này. Ấy bởi vậy mà người đời gọi lúc ấy là cái thời-đại *khát-tưởng tôn-giáo mới* của người Nhật-bản đó.

Do cái đại-thế của cuộc đời nó xui khiến, nên những người dũng-mãnh tinh-tiến ở trong Phật-giáo với Gia-tô-giáo, dần dần biết rằng các nhà Tôn-giáo phải cùng nhau mà tìm cho ra công-lý, chứ không nên chỉ khu-khu trong cái vòng nhỏ hẹp của đạo mình, cái câu « *Phật Gia tiếp-cận* » mà người đời vẫn xưng-tụng, đến bây giờ mới tỏ ra sự thực. Bọn đệ-tử Phật thì có người tán-dương khen-ngợi về đạo-đức của đạo Cơ-đốc. Bọn môn-dồ đạo Cơ-đốc thì có kẻ đi tham-thiền, hoặc là làm lễ qui « *thập giới* ». Lại có người thì định đem những tinh-t túy của Nho Phật mà hợp với Cơ-đốc-giáo. Kết-quả của việc này là tháng 9 năm thứ 29 mở ra cuộc *Tôn-giáo khần-dàm hội*. Kỳ-thủ những kẻ hay tây-vị kia chèn giều việc đó, đầu đầu cũng thấy râm-ran, nhưng người ta cũng không cần mà cứ mở hội ra. Tôi dự được hơn 40 người, như về Thần-đạo thì có ông Sai-diền-

Lễ-nhất, về Phật-giáo thì có ông Thích-tôn-diên, về Cơ-đốc-giáo thì có ông Hải-lão-danh 海老名, ông Hoàn-tĩnh, vân-vân. Rồi cùng nhau ngỏ lòng thành-tâm mượn việc công-ích, thực là một hội trọng-thể từ cuộc đại-hội Chi-ca-kha 支加哥 đến nay mới có là một.

Tuy-nhiên, ở đời việc hay vẫn không bền: đến mùa xuân sang năm lại mở kỳ hội thứ hai, thì bọn Phật-giáo sợ miệng-tiếng và trở-lực khác nên đến dự hội ít lắm. Ôi, coi đó đủ biết cái bụng cố-chấp thiên-vị về giòng-phái kia, khó nhất-dán mà trừ hết được. Hay là cái khí tiến-thủ của bọn Phật-giáo kia đã hết hơi rồi sao; nhưng mà Phật-giáo cũng suy đi từ đấy.

Dù thế mặc lòng, nay xét Nhật-bản mà sờ-dĩ nổi lên được những sự vận-động về chủ-nghĩa Tân-tôn-giáo như thế là bởi mấy cơ đã lâu như sau này:

Kể từ khi Giáo-bộ-tính của Nhà-nước tuyên-bố ra thuyết *đại-giáo* đến năm thứ 5, 6, ông Gây-châu lại viết ra bài luận nói về *các giáo là một mối*, thì đều là phát-minh ra cái ý hợp-tư-tưởng của Nho-giáo với phái thực-nghiệm-học của Tây-dương làm một đó. Sau đến hồi có loạn tây-nam, ông Tá-giã-thường - dân 佐野常民 xướng lập lên hội *Bác-ái-xã* tức là cái gốc của hội *Nhật-bản xích-thập-tự xã* 日本赤十字社 đó. Còn như hội *Nhật-bản hoàng-đạo hội* của ông Gây-thôn, đạo *Tân-Phật-giáo* của ông Thủy-Cốc, phái *Tân-Chân-tôn* của ông Bắc-xương, thuyết *Chấp-trung-học* của ông Đãng-diền, phái *Đại-đạo-cửu-thế giáo*, phái *Quốc-giáo đại-đạo* của ông Điều-vĩ, phái *Lý-học-tôn* của ông Xam-phố và phái *Nhật-bản Yếu-ni dịch-lãng*, vân-vân, cùng kể nhau nổi lên. Đến khi đạo sắc lệnh nói về sự giáo-dục của nhà vua Nhật-bản ban xuống rồi thì đạo nào phái nào cũng phải lấy đó làm nguồn-gốc mà suy-diễn ra. Cho nên từ

năm thứ 25 trở đi, tức là một thời-đại thí-nghiệm về Tôn-giáo của người Nhật-bản vậy. Bấy giờ có người thì xướng-lập lên một đoàn *Phật-giáo thống-nhất*; có người thì muốn khôi-phục lại cái tinh-thần cổ của Phật Thích-ca mà lập ra phái *Thích-ca-tôn*; có người thì muốn lấy Phật-giáo làm chủ để thuyết-minh cho lời sắc-lệnh của nhà vua mà lập ra *Đại-Nhật-bản giáo*, hoặc gọi là *Đại sắc-ngữ giáo*; lại có nhà triết-học về thần-giáo muốn nhân thuyết *Vũ-trụ luận* của giáo Cha-lạp sĩ-đà-lạp 渣拉士陀拉 với thuyết *Nhân-quả* của Phật-giáo để làm cốt-gốc cho cái đạo *Cổ sự ký* 古事記. Có người định ra giới-luật có *ba điều tín, ba nết tốt* để trừ bỏ cái trở-lực về tôn-phái đi mà tổ-chức ra hội *Thông Phật-giáo* Quan Giáo-thụ là ông Nguyên-lương 元良 giảng về nghĩa Tôn-giáo thì lấy rằng: « *Thần tức là tổ-tiên, muốn cầu lấy cái linh-hồn bất-diệt của tổ-tiên thì phải cầu ở trong con cháu. Mà cái nước Thiên-dàng kia sẽ thấy được ở sau này.* » Quan Giáo-thụ là ông Ngoại-sơn thì phụ-họa vào thuyết « *tiến-hóa* » mà lấy rằng: « *Hệ tiến-hóa đến cực-độ tức là nước Thiên-dàng đó.* »

Ngoài ra lại còn phái *Chân-lý-giáo* đem những việc xảy ra ở hiện-thế để giải-thích cho cái thuyết *nhân-quả báo-ứng* của Phật, là muốn cho Phật-giáo hợp với lời sắc-ngữ đó. Về Thần-đạo thì người ta đặt ra hội *Nhật-bản đạo-dức* để chuyên việc thực-hành những đạo-dức cũ mà khuyến-khích cho quốc-dân.

Tới năm thứ 30 có một chủ-nghĩa gọi là *Nhật-bản chủ-nghĩa* xuất-hiện ra, thực là việc rất xuất-sắc ở trong các chủ-nghĩa mới hồi bấy giờ. Chủ-nghĩa này là lấy quốc-thể Nhật-bản làm gốc, rồi đem cái tinh-thần « *quang minh sinh* 光明生 » để chỉ dẫn những điều đạo-dức cho người ta noi theo. Chủ-nghĩa này là do hai quan Giáo-thụ

là ông Nguyên-lương với ông Tinh-thượng làm chủ-động và tạo-nhân ra. Những tạp-chí để làm nơi then-máy mà phổ-bày sự cốt-yếu thì có tạp *Nho-giáo tạp-chí* với tạp *Thần-đạo tạp-chí*. Bấy giờ nào là *phái hợp giáo Cha-lạp-sĩ-đà-lạp với đạo Cổ-sự ký*, nào là *phái lấy thuyết công lợi nước Anh để phụ-hội cho thuyết mình*, nào là *phái căn-cứ vào pháp-lý-học để giải-thích nghĩa quốc-gia*, đều tranh nhau rồi-rit kéo đến nhập-đảng với chủ-nghĩa này.

Chủ-nghĩa này phản-đối với Phật-giáo và Gia-tô-giáo, cho nên người đời chê chủ-nghĩa này có tinh bài-xích. Nhưng xét đến tinh thực thì chủ-nghĩa này có đủ cái tính bao-quát là tinh thông-thường của quốc-dân Nhật-bản. Vậy ta đừng có thấy chủ-nghĩa này khác với hai đạo Phật-giáo và Gia-tô-giáo mà vu cho điều không hay.

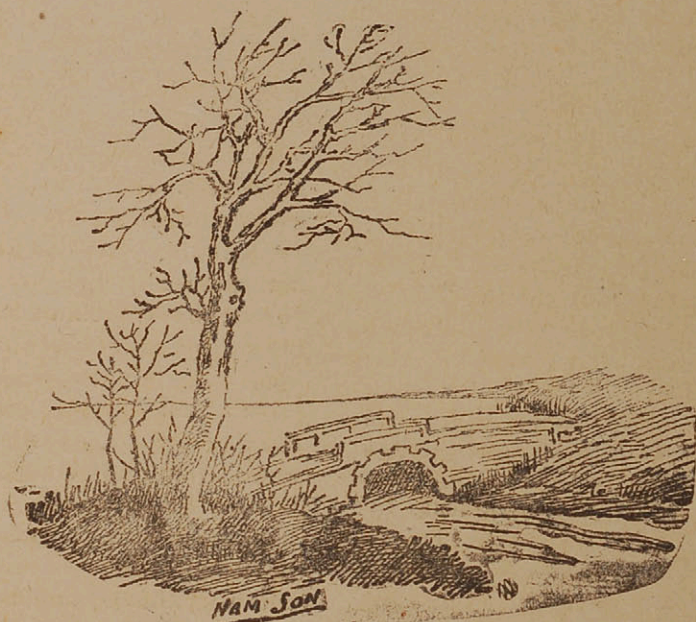
Ta phải biết rằng Nhật-bản từ cổ đến nay, phạm những diên-chương văn-vật gì đều là họ góp lấy những cái hay của nước ngoài lại cả. Nếu nay họ vẫn giữ được cái tinh thần ấy, lại luyện thêm được tinh trâm-hùng cương-ngệ vào nữa thì họ sẽ có thể thu cả tinh-túy của Á-Âu lại một lò mà đúc nên một cái sản-vật lớn để làm gương cho các nước Á-đông ta được, nữa là một việc Tôn-giáo.

Kể lại từ thời-dại nước Nhật-bản mới lập-quốc, hợp hai dân-tộc nam-bộ và bắc-bộ lại làm một dân-tộc Nhật-bản. Rồi nào là văn-minh của Chi-na, nào là tư-tưởng của Ấn-độ, tuyên vào nước này đều thấy hay thêm ra. Lại tự thời-dại duy-tân này, nào là khoa triết-học của Tây-dương phát-nguyên từ Hi-lạp, nào là đạo Cơ-đốc đang thịnh-hành ở Âu-Mĩ cũng đều bị hấp-lực của quốc-dân nước ấy hút lấy sớm hơn cả các nước Á-đông để làm từng thành-phần một ở trong cái toàn-thể tổ-chức tôn-giáo

nước ấy. Cho nên tôn - giáo-sử của Nhật-bản là lịch-sử bao-quát dung-hợp vậy. Cái kết-quả của tôn-giáo-sử Nhật-bản mà đã trình bày ra bây giờ là cuộc vận-dộng của bao nhiêu người xướng-lập ra tôn-giáo mới đó. Tuy những người này họ mới biết tới việc ngộ, nghĩa là họ chỉ chăm-chăm lập lấy cái tên Tôn-giáo mới, cải cái qui - điều cũ lại đó thôi, chứ thực họ chưa biết tìm đến chỗ căn-bản của Tôn-giáo đâu, như thế không khỏi bị kẻ thức-giả người ta chế cười; tuy vậy nhưng thực ra thì ở Nhật-bản 30 năm nay trong cõi tôn-giáo, hết lớp sóng nọ đến lớp sóng kia, biến dời thay đổi biết bao, mà còn càng quẩn tròn vào càng tiến cao lên như hình chôn ốc kia chứ đã thôi đâu. Vậy cái tân-cảnh-tượng của tôn-giáo Nhật-bản sau này, rõ-ràng tốt - đẹp chưa có thể hạn được. Đó cũng là vì cuộc vận-dộng về tôn-giáo

mới của Âu-Mĩ đang sôi-nổi ùng-ùng, đại-thể xui ra, tiến-hóa chưa biết đâu là bờ-bến. Vậy sinh gặp thời buổi này, trên trông lên nghìn muôn năm trước, dưới trông xuống nghìn muôn năm sau, ai mà không phải cảm-dộng. Ông Tinh-thượng Triết-thứ-lang 井上哲次郎 Nhật-bản có câu phê-bình cái thời-vận nước ấy bấy giờ và ngụ một cái hi - vọng rất tôn. Nay lục vào đây để kết bài khảo-cứu về lịch - sử tôn-giáo này. Câu rằng: « Ngày nay các tôn-giáo ở hai phương Đông Tây đang tranh-dành nhau ở nước ta, cái khi-tượng như mây như rồng, như mưa, như sấm chớp, đang sôi-nổi ùng-ùng, lộn mùa bay cuốn. Ta quyết đứng trong cái chỗ còn lơ-mơ kia đã nảy một cái mầm đại-biến-dộng ở đây rồi. »

ĐỒ-NAM biên-dịch



CHÍNH-TRỊ-HỌC

II

Chính-trị-học về Cận-đại

Cứ xét về cuối thế-kỷ thứ 18, thì tưởng rằng chính-trị-học từ nay là căn-cứ hẳn ở cái thuyết quyền thiên-nhiên. Nhưng tự cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp, trong suốt cõi Âu-châu, dân-trí rối loạn, xướng lên vô-số những thuyết chính-trị khác nhau, có nhiều thuyết muốn tổ-thuật những tư-tưởng đã loại bỏ tự trăm năm về trước rồi. Nay muốn thuật lại các thuyết đó cho có manh-mối cũng khó lắm. Nhân có quyển sách có giá-trị của ông HERVY MICHEL đề là « Cái quan-niệm về Quốc-gia » (*L'idée de l'Etat*), sách này là đứng về phương diện nước Pháp mà căn-cứ ở cái quan-niệm Quốc-gia để phân-biệt các phái chính-trị; vậy ta theo sách đó mà thuật ra như sau này, rồi sẽ kết-luận lấy mấy điều đại-cương.

Phái phản-đối chủ-nghĩa tự-do về chính-trị. — Nước Pháp nổi lên cuộc Cách-mệnh đổi chính-thể quân - chủ làm chính-thể dân-chủ, các nước quân-chủ Âu-châu bèn kết-liên nhau lại để đàn-áp, làm cho Pháp phải thất-bại; tự đấy là gây lên một cuộc phản-động kịch-liệt đối với những học-thuyết đã tạo-thành ra Cách - mệnh và đã nhờ Cách-mệnh mà truyền bá ra.

Ở nước Pháp thì thấy đột - nhiên quay về các thuyết thần-quyền. Đối với cái thuyết « Tuyên-bổ nhân-quyền » (*Déclaration des droits de l'homme*), bọn DE MAISTRE, DE BONALD, BALLANCHE, LAMENNAIS, xướng lên cái thuyết « Tuyên-bổ thần-quyền » (*Déclaration des droits de Dieu*). JOSEPH DE MAISTRE nói rằng người ta là kẻ có tội, cần phải có người quản-trị. Đặt ra chính-phủ không phải là thuộc quyền người ta, nhưng là một

sự tất-yếu. Pháp-luật không phải như phái tự do, phái dân-chủ hiểu lầm là tiêu-biểu cho ý-chí chung của người ta đâu. Thực là tự bề trên ban-phát ra. Hiến-pháp không phải là biên-chép bằng giấy mực. Người ta chẳng qua là tuân-hành mệnh-lệnh của Thượng-đế mà thôi. BALLANCHE và LAMENNAIS thì hơi thiên về chủ-nghĩa tự-do và cho người ta cũng có ít nhiều quyền-lợi. BONALD thì chỉ thuật cái tư-tưởng của DE MAISTRE theo lối học kinh-viện đời Trung-cổ mà thôi. Như nói rằng người ta tự-phụ đặt ra pháp-luật thì cũng vô-ly như tự-phụ « làm được cho vật - chất có trọng-lực vậy. » « Người ta chỉ sống vì xã-hội, xã-hội chỉ vì mình mà đào-tạo ra người ta... Ở trong xã-hội không có quyền-lợi, chỉ có nghĩa-vụ mà thôi. » Xã-hội chỉ là một cái hiện-tượng tất yếu của « thiên-chí » (*volonté divine*) mà thôi.

HALLER, người Thụy-sĩ (*Suisse*), cũng thiên về phái thần - quyền, tư - tưởng giống như các nhà chính-trị về đời đế-chế cũ. Theo ý ông thì đã có cái chính-thể quân-chủ chính-thống, cũng phải có một khoa-học chính trị chính-truyền, thường phát-biểu ra, có thể dò xét được. Xã-hội pháp-luật là kết-quả của xã-hội thiên-nhiên. Quốc - gia nào cũng là chánh-đáng cả. Vua là chúa-tể trong nước mình. Quân-chủ trị-vị không phải là chịu ủy-quyền của ai, thực là do bản-quyền của mình. Quyền - vị đã thành-lập thì phải tôn - trọng. Khoa chính-trị không phải là người ta chế-tạo ra; không thể lấy lý-luận mà biết được cõi-rẽ của chính-trị thế nào; sự bất-bình-đẳng trong loài người là một

điều tự-nhiên ; người ta làm người là không có quyền gì tuyệt-đối cả.

BENTHAM và BURKE ở nước Anh thì lại phản-đối phải tự-do ra một cách khác. BENTHAM đem cái thuyết dân-ước và cái thuyết quyền thiên-nhiên mà bài - bác hết cả. Ông cho rằng quyền thiên-nhiên là vô-lý. Luật thiên-nhiên cũng không thể có được ; chỉ có những khuynh-hướng của người ta mà pháp - luật phải qui-định mà thôi. Pháp-luật định ra hình-phạt, tức là tạo-thành ra công-lý. Thuyết xã-tước là một cái thuyết huyền-tượng. Tự-lợi là căn-bản của người ta, công-lợi là căn-bản của chính-trị. Chức-vụ cốt-yếu của chính phủ là phòng - bị cho người ta khỏi phạm vào hình-phạt, còn sự hạnh-phúc thì mỗi người tự mưu lấy cho mình. Vậy thời người ta phải cẩn-thận chăm-chút lấy việc mình ; phải làm sao cho tránh khỏi những sự biến-động, những cuộc cách-mệnh. Nếu việc cai-trị được ổn-thỏa thì không cần phải cầu lấy tự - do chính - trị làm gì. Nên cứ dùng cái chính-sách « tùy tiện tùy nghi » (*laisser faire, laisser passer*) là hay hơn cả. Cái triết-học cẩn - thận và thiết-thực đó, ở nước Anh có ảnh-hưởng sâu-xa lắm ; có thể nói là hầu hết các học-giả nước Anh về cận-đại đều xuất-nhập ở đó, thứ nhất là STUART MILL, và cả lịch-sử về chính-trị và về xã-hội nước ấy là căn-nguyên tự đó. Tự - tưởng giống với BENTHAM thời có BURKE, cho rằng không có quyền gì là quyền thiên - nhiên trừu - tượng cả, phàm những lý-thuyết bằng-không cấu-tạo ra là không có giá-trị gì cả, duy có sự tập-quần, sự kinh-nghiệm là có giá-trị mà thôi, hiến-pháp cũng như các sự-vật khác, phải lần lặn thông-thả mới tập-thành được, chứ không phải một buổi mà cấu-tạo ra ngay, và phàm sự đời cứ lấy lẽ phải của mỗi người hay lẽ phải của công-chúng làm bằng-cứ là

hảo-huyền cả. Lẽ phải về chính-trị là chiều theo thời-đại cùng xứ-sở mình sinh-trưởng mà khéo biết chằm chước lý-tưởng với sự thực vậy. Về chính-trị không nên đem cái ý-chí của người ta mà can-thiệp vào lắm.

Ở nước Đức thì có hai người là SAVIGNY và HEGEL chủ-trương cuộc phản-đối lại các tư-tưởng thế-kỷ thứ 18. SAVIGNY là lãnh-tụ phái triết-học về chính-trị lấy lịch-sử làm căn-cứ, phái này đã phối-thai ra tự VICO, MONTESQUIEU và BURKE từ đời trước. Theo phái này, thì các chế-độ về chính - trị là sinh - trưởng theo cách tự - nhiên. Muốn cứ lấy lẽ phải thuần - túy mà xếp-đặt lại cho chính - đốn, thì thật là sai-lầm quá. Công-lý không phải là tùy ý người ta sắp-đặt, không phải là do ở pháp-luật gây nên được. Công-lý là một cái sức mạnh, một cái « chức-trách » (*fonction*) của dân. « Công-lý ở đâu cũng là bởi những sức mạnh ngầm ở trong mà gây dựng ra. » Quốc-gia vẫn có sinh-hoạt đặc-biệt. « Cái sức mạnh cao-thượng đó mà phát - biểu ra, tức là tiếng kêu của dân vậy. » Chỉ nên dừng về phương-diện lịch-sử mà xét nghiệm xem sức mạnh ấy tiến-hóa thế nào mà thôi. Không có thuyết nào phản-đối sự cách-mệnh, trái hẳn với lý-tưởng của ROUSSEAU bằng thuyết này. Thuyết này ở Đức phát-đạt lắm. Trực-tiếp kế-nghiệp cho SAVIGNY thì có BLUNTSCHLI, rồi đến HEGEL thì đem triết-ly bỏ thêm vào cho học-thuyết được hoàn - toàn.

Triết-học của HEGEL vốn là phiền-phức lắm, mỗi người giải-thích ra một cách khác nhau ; tuy - nhiên có cái ý-thức riêng về lịch - sử tiến - hóa, về lẽ phải đương-nhiên, về cái chính - lý tiềm-tàng trong sự-vật. Nhưng trước hết triết-học ấy là có ý phản-đối các tư-tưởng thế-kỷ thứ 18. Như thuộc về quốc - gia thì không cần gì phải xét quốc-gia thế nào là phải là nên, chỉ

nên xét hiện-tượng quốc-gia thế nào. Quốc-gia hiện thế nào là thế ấy chứ không thể thế khác được ; phải cứ hiện-tượng như thế mà giải nghĩa cho ra. Cứ lý - luận - thượng, cứ thuần - lý - thượng thì quốc gia là cao hơn và có trước xã-hội. Quốc-gia tức là tiêu biểu cho cái quan-niệm tối-cao về tâm - lý. Quốc-gia phải định cái trình-độ tự - do bình-dẳng cho đến đâu là vừa phải. Kể ra thì chính-quyền thuộc về đâu cũng là chánh-đang cả. Duy HEGEL có ý thiên về quyền quân chủ hơn.

Mỗi quốc-gia đều có quyền độc-lập tự-trị. Quốc-gia là cường-quyền, và có phép được dùng cường-quyền để tự duy-trì lấy và tự khoáng-trương ra. Lễ « quốc-thị » là lễ tuyệt-đối. Đối với cá-nhân, công lý là ở sự làm trọn nghĩa-vụ ; tự-do là ở sự phục-tòng ý chung. Quốc-gia chính là một cái cơ-thể, và sự phát-đạt của quốc-gia là theo lẽ phát-đạt chung của các cơ-thể. Cá-nhân không có giá-trị gì cả. Quốc-gia, tinh-thần quốc - gia là gồm hết thảy. Cứu-cánh của quốc-gia không phải là ở sự duy-trì cái quyền sở-hữu cùng các quyền-lợi khác của cá-nhân ; chính là ở sự phát-đạt của quốc-gia. Các học-thuyết tôn-trọng quốc-gia thịnh - hành trong thế-kỷ thứ 19, hầu hết là xuất-nhập ở triết-học HEGEL.

Xem như thế thì cái phong - trào phản-đối các tư-tưởng về thế-kỷ thứ 18 ở Pháp, ở Anh, ở Đức, đã phát-hiện ra nhiều trạng-thái khác nhau. Tuy-nhiên cũng có mấy cái tinh - cách chung như sau này : cần phải lấy lẽ lịch-sử tiến-hóa làm căn-cứ; muốn cho quốc-gia có nhân cách đặc-biệt, có mục-đích ở ngoài cá-nhân ; lại trong cuộc tiến-hóa về chính-trị cho rằng có một cái thiên-mệnh thuộc về lịch - sử hay thuộc về thuần-lý làm chủ-trương : đó là những cái quan-niệm mới, các học-giả đời bấy giờ thường đề-xướng lên, át mất cả cái chủ-nghĩa duy-lý đời trước.

Phái phản-đối chủ-nghĩa tự-do về kinh-tế và xã-hội. — Cái phong - trào phản-đối vừa nói đó không phải chỉ xuất-hiện về một phương-diện chính-trị mà thôi. Một cái đặc-sắc của thế-kỷ thứ 19 là các vấn - đề xã-hội đối với các vấn-đề chính-trị có phần mỗi ngày một quan-trọng hơn. Nhân đó mà tự-nhiên khoa chính-trị triết-học dần dần thành như một bộ-phận của khoa xã-hội triết-học, hay là xã - hội - học. Vậy muốn thuật lại lịch-sử chính-trị học về thế-kỷ thứ 29, thì cần phải biết rằng những nhà bàn về chính-trị đời ấy phần nhiều là nhà kinh-tế-học chứ không phải nhà chính-trị-học thuần-túy : tức như phái « xã-hội » (*socialistes* hồi đầu vậy).

Như SAINT-SIMON thì cho chính - trị-học phải làm một khoa - học kinh-nghiệm. Cho người ta cũng là một phần trong vạn-vật, và chính-trị-học cũng là một phần trong khoa - học thực-nghiệm (ý-tưởng đó rồi sau này AUGUSTE COMTE sẽ diễn-giải rõ hơn). Nhưng SAINT-SIMON không có suy-diễn ra hết lẽ. Ông cho rằng thật cải-cách chính-trị không phải là đổi cái chính-thể nọ ra chính-thể kia mà thực là đổi cái « chế-độ công - nghệ » (*régime industriel*) vào cái chế-độ vẫn thi-hành từ trước. Nhưng cách tổ-chức chế - độ công-nghệ ấy thế nào thì trong chi ông hãy còn phẳng-phất chưa định rõ. Chủ-đích là dùng khoa-học mà cải-lương cho thân phận loài người về ba phương diện đạo-đức, thân-thể và trí-thức. Xã-hội sẽ cải-cách lại và đình-trật-tự trong xã-hội sẽ bằng-cứ ở công-việc làm của người ta. Kể vô - công rồi nghề sẽ tìm cách trừng-trị, và trong xã-hội mới chỉ có những kẻ sinh-sầu ra công nọ việc kia mà thôi, và bậc thượng-lưu chỉ có các nhà bác-học, các nhà mĩ-thuật, các nhà công - nghệ mà thôi. Cuộc sinh-hoạt trong xã-hội phải lấy sự hạnh-phúc cho người ta làm

mục-đích. SAINT-SIMON cho cái lý-tưởng bác-ái trọng hơn là cái lý-tưởng công-nghĩa. Tuy ông vẫn nói rằng ông trọng sự tự-do cùng sự phát-đạt riêng của cá-nhân, nhưng vì ông chú-ý nhất về cách tổ-chức của quốc-gia và về cái thuyết « liên-tiếp tiến - bộ » (*progrès continu*), nên thực đã giúp cho cái chính-sách chuyên-chế của quốc-gia, cho quyền quốc-gia đòi được cả quyền sở-hữu của người ta.

Phái SAINT-SIMON sau này khuynh-hướng ra nhiều đường, có khi thành ra mộng-tưởng không thiết-thực, song về đường chính-trị vẫn giữ được sự-nghiệp của thầy và thủy-chung vẫn bài-bác cái chủ-nghĩa cá-nhân, cho rằng chủ-nghĩa này kết-quả đến thành ra ích-kỷ, thành ra phóng - đảng, thành ra cạnh-tranh nhau kịch-liệt, và rút đứt cả các cái dây liên-lạc của xã-hội. Cần phải chấn-hung về tôn-giáo để cho cá-nhân thoát-li ra ngoài cái phạm-vi nhỏ-hẹp của mình và gây ra một đoàn-thể đại-đồng, biến-đổi được cả xã-hội, và lấy quốc-gia làm cái cơ-quan điều-độ cho công-việc làm của người ta. Pháp-luật đặt ra phải có cái tinh-cách hòa - bình đạo-đức, và phải biến-đổi được tâm-tinh người ta theo về phương-diện xã-hội. Chính-phủ phải thế nào cho dân « yêu mến, qui-báu, kính-trọng », và phải có ảnh-hưởng rất rộng-rãi. Phải gồm được cả phạm-vi của xã-hội. Chính-phủ phải phân-phối các khí-cụ cùng các tư-bản cần dùng cho sự làm ăn, có quyền cai-trị rất rộng, việc gì cũng có thể can-thiệp vào, cho đến việc đạo-giáo tín-ngưỡng nữa. Mấy nhà chủ-trương sự tiến-bộ của loài người, như BUCHEZ và LEROUX, mà có ý thiên về chủ-nghĩa chuyên-chế, cũng là bởi khuynh-hướng về một đường như thế. BUCHEZ thì cho rằng chức-vụ của người ta là do chức-vụ của quốc-gia mà ra, chức-vụ của quốc-gia là do chức-vụ của nhân-

loại mà ra, và chức-vụ của nhân-loại là ở sự tiến-bộ. Chủ-nghĩa cá-nhân về triết-ly, về chính-trị, về kinh-tế, đều là đáng chê cả. Không có quốc-gia thì cá nhân là vô-lực. Cá - nhân là toàn thuộc ở chính-phủ, đưa đường chỉ lối cho mới có thể hành-động được. LEROUX thì muốn cho xã-hội vừa là giáo-chủ, vừa là hoàng-đế (*une société « pape et empereur »*), và cho quốc-gia là cái công-trình kiệt-tác của cái tài sáng-tạo của người ta. Quốc-gia phải điều-hòa được quyền-lợi của cá-nhân với quyền-lợi của đoàn-thể. Hết thầy các học-phái đó, vì lập-luận có khi không rõ-ràng, tư-trởng có chỗ phản-trái nhau, lại lắm lúc không định được rõ cái cách thực-hành thế nào, cho nên thiên-hạ không biết cái chân-giá-trị; bấy nhiêu phái đều có một chỗ giống nhau, là khuếch-trương cái quyền quốc-gia cho rất rộng, dùng quốc-gia làm cái cơ-quan để đưa nhân-loại vào cõi hạnh-phúc, cốt nhất là cho quốc-gia can-thiệp về đường kinh-tế.

LOUIS BLANC thì giải rõ cái chức-vụ của quốc-gia phải thế nào. Ông trông thấy cái cảnh-tượng hỗn-độn về kinh-tế, về vật-chất, về tinh-thần ở trước mắt mà ông lấy làm tức giận thay. Ông vốn có như một cái cảm-tình tôn-giáo ở trong lòng, thường tiêu-biểu ra lời nói rằng: Người ta phải làm việc để giúp cho sự tiến-bộ chung của hết thầy. Quyền tự-do tức là quyền hành-động tự-do, hay nói nôm là có quyền làm được. Vậy thì đoàn-thể phải có quyền được làm và phải dùng quyền ấy để tổ - chức công - việc làm, quốc-gia có biết tổ-chức công - việc làm thì mới làm hết nghĩa - vụ của mình, là giữ-gìn được quyền - lợi cho cá-nhân. Quốc - gia phải mở cuộc công-thải để lập các công-xưởng trong xã - hội, và các công-xưởng ấy, phải định cách liên-lạc hòa-bình với nhau; vì bao nhiêu công-phu bạo-động của người ta phải

qui về một mục - đích chung cả ; bao nhiêu công-nghệ trong xã-hội phải có liên-đái với nhau cả. Lại đặt ra cách giáo-dục cưỡng-bách không mất tiền để luyện - tập mọi người cùng theo về chế-độ ấy. Như thế thì quyền quốc-gia rộng thật, nhưng quốc - gia chỉ là công-cộng của mọi người. Câu trảm-ngôn của quốc-gia phải là : « Tùy tài-lực của mỗi người mà dùng, cho mỗi người được đủ sự cần-dùng ». Xã-hội sẽ lấy gia-đình làm mẫu. Quyền tự-do của cá-nhân có thể tôn - trọng được đến đâu sẽ tôn-trọng đến đó. Nói tóm lại thì LOUIS BLANC muốn cho sự ngẫu-nhiên không can-thiệp đến cõi nhân-sự và ủy cho quốc-gia phải theo phương-pháp khoa-học nghĩ đặt ra một cách dự-phòng cho xã-hội.

Trước ông, đã có một phái học cũng có cái tư-tưởng như thế mà suy-diễn ra một cách bạo hơn. Tự trước năm 1848 PECQUEUR và VIDAL đã xướng lên cái chủ-nghĩa « tập-sản » (*collectivisme*). CABET thì làm quyền-sách « Du-lich đất Y-ca-ri » (*Voyage en Icarie*), trong bày ra cái chương-trình một xã-hội thuần cộng-sản, rồi sau đi sang Mĩ - châu muốn thực - hành hẳn cái chương-trình ấy. Đành hi-sinh sự tự - do đi và khiến hết-thảy dân trong nước là quan-lại của quốc-gia cả, và quốc - gia thì phải chia đều tài - sản cho mọi người cùng được hưởng chung. Các phái xã-hội đều chuyên-chủ đệ-nhất về sự hạnh-phúc của cá - nhân, ông cho rằng nếu thi hành được cái chế-độ đó thì kết quả tất được hạnh-phúc như thế.

Cho đến các nhà trước-thuật có thể-lực nhất trong phái kinh-tế-học chính-truyền, cũng ra sức duy-trì cái thuyết cho quốc-gia được quyền-lực rất mạnh. Ở nước Pháp cũng có nhiều học-giả phản-đối cái thuyết phóng-nhiệm tự-do, như VILLENEUVE-BARGEMONT, BLANQUI, vàn-

vân. SISMONDI thì chứng-giải rằng mục-đích của chính phủ không phải là tích-lũy lấy nhiều tài-sản trong nước, nhưng phải làm thế nào cho hết thảy người dân đều được hưởng mọi sự khoái-lạc về nhân-sinh, khiến cho tăng thêm sự hạnh-phúc chung trong xã-hội. Quốc-gia phải xem xét cho biết cái tỉ - lệ số thu-hoạch với số nhân dân, số tiêu-thụ với số sinh-sản thế nào. Quốc-gia phải thường thường can-thiệp về đường kinh-tế. Thuyết dân-quyền chẳng qua là một cái mộng-tưởng, và phép đầu phiến phở - thông cũng đáng bài-bác như chủ-nghĩa cá-nhân vậy. Trong nước phải lấy lẽ phải sáng-suốt làm chủ.

Xem như thế thì cái phái xã-hội thứ nhất ở nước Pháp đó cùng những học-giả có tiếp-cận với phái đó, thật cũng có một địa-vị to trong lịch-sử chính-trị-học. Hết thảy các nhà tư-tưởng đó đều cho rằng xã-hội không phải là chỉ gồm các cá-nhân lại mà thôi, chính là một cái cơ-thể hoàn - toàn đặc-biệt. Sự tự-do không phải là một cái cứu - cánh tuyệt-đối, chỉ là một phương-tiện để cho đạt tới một cõi cứu - cánh cao - thượng hơn, là nhờ công giáo-hóa của xã-hội mà hết thảy mọi người đều gây nên được cái tư-cách thanh-cao. Chính-phủ tuyệt-đối là chính-phủ tổ-chức theo phép khoa-học, vì mục - đích chính-trị là phải giáo-hóa cho người ta thật được hoàn-toàn. Quốc-gia không phải là một cái chế-độ để làm cảnh-sát, để giữ trị-an, chính là một cái động-lực rất hoạt-bát, để chủ-trương, chi phối hết thảy. Biểu-biêu cho những tư - tưởng đó ở Anh thì có OWEN, ở Đức thì có LIST cùng cả học-phái của ông, tức là bọn tiên-phong cho phái LASSALLE và MARX sau này. Cả cái phong-trào tư - tưởng này, kết-quả đến cuộc cách-mệnh năm 1848, thủy-chung vẫn là có ảnh-hưởng của nước Pháp nhiều hơn cả.

Phái tự-do về thể-kỷ thứ 19. —
 Triết-học thể-kỷ thứ 18 cùng cuộc Đại-Cách-mệnh Pháp vẫn là gốc ở chủ-nghĩa tự-do, nhưng người đời sau cho chủ-nghĩa ấy là phần cốt-yếu thì cũng là quá. Trong các sách của ROUSSEAU cùng cả phái JACOBINS xét kỹ ra cũng có nhiều cái thuyết thiên hẳn về chủ-nghĩa quốc-gia xã-hội. Tuy-nhiên cả cái phong-trào tư-tưởng thể-kỷ thứ 18 thực đã nhiễm sâu mấy cái lý-tưởng về quyền thiên-nhiên và quyền cá-nhân. Sau này tuy có phong trào phản-đối lại, nhưng các nhà tư-tưởng về đời quân chủ phục-hưng nước Pháp vẫn còn phảng-phất những lý-tưởng đó. Như DESTUTT DE TRACY vẫn chủ - trì cái chủ-nghĩa duy-lợi và chủ - nghĩa duy-cảm (*sensualisme*) của thể-kỷ thứ 18, và yêu-cầu nên đặt một cái chính-thể cho phải-chăng đủ bảo-thủ cho quyền tự-do về chính-trị, quyền tự-do của cá-nhân và quyền tự-do về ngôn-luận. DAUNOU và STAËL thì lại yêu-cầu một cách mạnh-mẽ hơn nữa các quyền tự-do cần cho người ta làm người và làm dân trong nước.

Các nhà lý-thuyết cùng phái tự-do về đời « Quân-chủ tháng bảy » (*Monarchie de Juillet*), tư-tưởng có khi khác nhau, nhưng đại-đề cũng là xuất-nhập ở chủ-nghĩa cá-nhân cả.

Phái lý-thuyết thì muốn điều-hòa cả cái chế-độ mới cũ của nước Pháp mà xướng ra một cái thuyết cũng uyển-chuyển lắm. Theo phái này thì người ta vốn có mấy cái quyền cốt-yếu, thần-thánh bất-khả-xâm-phạm (như quyền tín-ngưỡng tự-do, quyền công-dân trong nước, v. v.), nhưng lại còn có những quyền-lợi khác, chia cho người ta không được đều, vì người ta bần-sinh ra vẫn không được bình-đẳng với nhau. Thí - dụ như quyền tham-dự vào việc chính-trị trong xã-hội, không phải là có thể chia đều cho mọi người! Xã-hội không phải là hợp-

tập những người nhân-cách cùng ý-chí đều bằng nhau cả. Xã-hội lại là gồm những mối lợi khác nhau, cần phải có cách tiêu-biểu ra. Những người nào có tư-sản, có thể giữ được quyền-lợi của mình, thì những người ấy mới có quyền-lợi về chính-trị. Như Guizot thì cho rằng bậc trung-cấp trong xã-hội là bậc có học-thức hơn, biết lẽ phải hơn, thì bậc ấy phải cầm quyền chính-trị mà không phạm đến quyền tự-do của cá-nhân.

Phái tự-do thì xét các vấn-đề chính-trị có lý-luận hơn. Như BENJAMIN CONSTANT nói rằng : « Chủ-quyền trong nước là ở toàn-thể quốc-dân, vì ở trong nước không thể có một người nào, một đảng nào hay một phái nào không được cử-quốc ủy-nhiệm cho mà có thể tự-xưng là chủ-quyền ở tay mình vậy. » Nhưng cá-nhân có quyền riêng của cá-nhân, không thuộc quyền chính-trị của xã-hội, không ai là có thể đoạt được. Vì mục-đích của xã-hội không phải là khiến cho mọi người đều được bình - đẳng mà hưởng các quyền-lợi thiên-nhiên, nhưng là khiến cho người ta được có quyền tự-do về chính-trị, là cái của qui nhất ở đời. Nếu đặt được một cái chính-thể ôn-hòa điều-độ, chỉ người nào có tài-sản, có thi-giờ nhàn-hạ mà suy-nghĩ, mới có quyền chính-trị mà thôi, thì sự tự-do đó sẽ phục - hồi được. Quyền chính-trị không nên can - thiệp về đường kinh-tế quá, cũng không nên qui-tập cả về một nơi. Về đường hành-chính, quyền địa-phương cũng phải rộng như quyền quan án sơ-cấp về đường tư-pháp vậy. BENJAMIN CONSTANT sợ Quốc-gia, sợ quyền chính-phủ rộng quá, đến không muốn cho chính-phủ can-thiệp đến việc lợi-ích riêng cho cá-nhân nữa, thành ra chủ-nghĩa cá-nhân của ông có tính-cách tiên-cực.

Các lý-tưởng chủ-quyền ở bình-dân, bị phái lý - thuyết bài-bác, phái tự-do

không nhận, có một phái thứ ba là phái dân-chủ bèn công-nhiên đề-xướng lên. Phái này có chỗ giống với phái xã-hội, nhưng có cái đặc-tính là chăm cái-cách về chính-trị hơn là về xã-hội. Hai tay đại-biêu trú-danh của phái này là TOCQUEVILLE và LAMARTINE, hai người đều có nhiều đồ-đệ theo. TOCQUEVILLE sang Mỹ nghiên-cứu cái chính-thể dân-chủ, cho là một hiện-tượng tất-nhiên và xét các phương-pháp lợi-dụng cho đích-đáng. Ông nghiệm rằng sự bình-đẳng trong xã-hội là một điều hay, nghiệm rằng chính-thể dân-chủ muốn mở rộng quyền xã-hội mà giảm bớt quyền cá-nhân, ông bèn tìm cách điều-hòa cái quyền tự-do về chính-trị với sự hành-động tất-nhiên của quốc-gia. Ông cho rằng muốn cho chính-phủ khỏi chuyên-chế thì phải đặt ra những đoàn-thể ở ngoài quyền trung-ương, đặt ra những chức-dịch bầu-cử, đặt ra những hội-đảng công-dân có đủ quyền-lực để mà hạn-chế được quyền chính-phủ. Ông nói rằng cách tổ-chức chính-trị phải thế nào cho ai nấy cùng hiểu rằng cái bổn-phận của mình là phải làm ích-lợi cho kẻ đồng-loại mình, như thế là nghĩa-lợi đều được thỏa cả. Phái lấy nghĩa liên-lạc mà bảo-thủ lấy quyền tự-do cùng ngăn-ngừa cho chính-thể dân-chủ không thành ra chuyên-chế được.

LAMARTINE thì lại đem cái cảm-tình của đạo Co-đốc mà hòa lẫn vào chủ-nghĩa dân-chủ. Những lý-tưởng cốt-yếu của chủ-nghĩa dân-chủ, như bình-đẳng, bác-ái, tự-do, ở trong kinh Phúc-âm đã xướng ra từ trước rồi. Quyền phổ-thông-đầu-tiền cũng là một điều công-nhận trong giáo-lý. Cả toàn-dân đều có chủ-quyền trong nước. Ai ai cũng phải in sâu trong tâm-trí rằng: « Một xã-hội dân-chủ là một xã-hội ai ai cũng là chủ cả, nghĩa là ai ai cũng có cái lợi phải giáo-hóa cho dân,

phái tăng-gia cho cái giá-trị cũng cái địa-vị của dân. » Quốc-gia phải là vị thần hộ-mệnh cho dân, và dân có quyền được làm việc để mưu kế sinh-nhai. Chính-phủ phải là cái đồ dưng của quốc-gia để làm ơn cho quốc-dân, phải là cái đồ dưng của Thượng-đế để giáng-phúc cho loài người, phải là cái động-cơ của lẽ phải trong loài người.

LAMARTINE cho cái quan-niệm về quốc-gia của phái kinh-tế cũng như cái quan-niệm về quốc-gia của phái xã-hội, đều là đáng chê cả. Phái « chủ-nông » (*physicrates*) cùng ADAM SMITH đã hạn-chế cái quyền của chính-phủ đi nhiều lắm. Những người kế-tiếp sau lại làm quá hơn nữa, và phần nhiều là muốn phản lại chủ-nghĩa quốc-gia, bèn đem quốc-gia với cá-nhân đối lại với nhau. Phái này phát-khởi ra ở nước Anh, gọi là phái *Manchester*, thịnh-hành lắm và ảnh-hưởng rất lâu dài. Cả chính-trị nước Anh về giữa thế-kỷ thứ 19 đều có xuất-nhập ở phái này cả.

Ở Pháp thì cái thuyết hạn-chế quyền quốc-gia không có tuyệt-đối như thế. J.-B. SAY và ROSSI còn đề cho quốc-gia vẫn có quyền. Như ROSSI cũng công-nhận rằng quốc-gia vẫn có tính-cách riêng, có quyền-lợi và trách-nhiệm riêng. Quốc-gia có quyền bắt người ta phải theo một lối giáo-dục và có quyền được chủ-trương sự giáo-hóa trong nước. Đến những người kế-tiếp sau các nhà ấy thì đối với quốc-gia có ý nghiêm-khắc hơn: như DUNOYER thì cho rằng chính-phủ chỉ có việc bảo-thủ sự hòa-bình trong xã-hội, trừng-trị sự bất-công bất-nghĩa và truyền dạy ra những thói-hếp hay trong dân-gian. Chính-phủ tuyệt-đối thì kẻ cầm quyền chính-trị tức coi như các viên-chức của các nghiệp-chủ xuất-tiền ra nuôi để trong khi họ

doanh-nghiệp thì phải giữ cho sinh-mệnh tài-sản của họ được vững-vàng yên-ổn. BASTIAT thì dung-hợp cả các ý-kiến tuyệt-đối của phái ông. Ông cho sự hành-động tự-do về kinh-tế là gốc cả mọi sự hoạt - động trong xã-hội. Ông công - kích cả cái quan - niệm về quốc - gia. Một người đồ - đệ ông là GARNIER lại muốn tước cả của quốc-gia cái quyền phát-hành tiền-tệ nữa. Lại một người nữa là MOLINARI lại muốn đem các chính-phủ ra cho thi lẫn với nhau, lối nào không phải dùng đến cách cưỡng-bách lắm thì được thưởng.

Một bên thì phái chủ - trị cái chủ-nghĩa cá - nhân cực-đoan như thế, một bên là phái dân-chủ, ở giữa có phái tự-do thuần túy, vẫn không chịu nhận cho bình-dân có chủ - quyền, nhưng cốt nhất là yêu-cầu cho cá nhân được quyền - lợi và phản - đối cái cách của quốc-gia lạm-dụng chức-quyền, tức là phản-đối cái chế-độ trung-ương tập-quyền. JULES SIMON và LABOULAYE thì tán-dương cái công-đức của sự hợp-quần, như lập-hội, kết-xã, và muốn hạn-chế cái chức - vụ của quốc - gia về các phương-diện tinh-thần, chính-trị, hành-chính. Người công-dân phải nên bỏ cái thói quen nhất-nhất ngưỡng-vọng cả ở chính - phủ. Công - việc của chính - phủ là chỉ phải bảo-hộ sự tự - do cùng các quyền-lợi tự-nhiên và quyền-lợi sở-đặc của người ta mà thôi.

Trong các nhà lý - thuyết tư-tưởng khác nhau đó, có nhà vừa cho thuộc về chủ-nghĩa xã-hội, vừa cho thuộc về chủ-nghĩa cá-nhân cũng được cả. Tỉ như PROUDHON và FOURIER, tuy học-thuyết có ảnh-hưởng ra nhiều phương-diện khác nhau mà đều là sâu-xa cả.

FOURIER cực-lực bài-bác các tư-tưởng của phái tự-do, lại bình-phẩm về văn-minh đời nay một cách nghiêm-khắc, cho rằng thời-đại này chẳng qua là một buổi giao-thời hỗn-độn, tất phải

gây ra một cái trật-tự xã - hội mới sẽ điều hòa được chủ-nghĩa cá-nhân với chủ-nghĩa xã-hội. Nhưng các mối thị-dục của người ta vốn vẫn có một cái luật quán-bình, một cái về điều-hòa tự-nhiên, nếu biết khéo sai khiến thì có thể giúp cho sự ích-lợi chung được. Cách chính-trị khôn-kiéo không phải là nên đè-nén những mối thị-dục đó, nhưng phải nên khéo lợi-dụng cho hợp với lẽ điều-hòa chung, mà gây ra một cái đoàn-thề, ở trong sẽ chia ra từng khu từng cấp, tùy cái thị-dục của mỗi người, khiến cho người nào cũng có chức-việc tương-đương với cái lòng ham muốn của mình. Có được cái đoàn-thề như thế thì tự - khắc được hạnh - phúc, được tự - do, được công-bằng, không cần phải có quyền trên đàn-áp, vì trật-tự là trật-tự thiên-nhiên, ai làm việc gì là tùy cái sở-thích của mình, không phải bắt-buộc gì cả. Một cái quan-niệm về xã-hội như thế thật cũng là lạc quan quá vậy.

Còn như PROUDHON thì có thiên về lối nguy-biến, vừa phản-đối phái kinh-tế cũ, vừa phản-đối phái xã-hội mới, cho hai phái là sai-lầm cả và tự mình xướng lên cái thuyết vô - chính - phủ (*anarchie*). Cái chế-độ về quyền sở-hữu hiện như bây giờ là bất-công và bất-tiện; chế-độ cộng-sản trái lại với chế-độ hiện-hành cũng là bất-công và bất-tiện. Thế là hai cách trái nhau mà cũng chẳng cách nào là đúng được; ông bèn dung-hợp cả hai mà xướng lên một cái thuyết chiết-trung, lấy sự tự-do làm tôn-chỉ, tự-do về kinh-tế là theo cái chủ-nghĩa hỗ-ợ (*mutualité*) tự-do về chính-trị là theo cái thuyết vô-chính-phủ. Thuyết vô-chính-phủ là trong xã - hội không cần phải có người làm chủ. Vậy thì cũng không ai là kẻ thần-dân (*sujet*) của ai, hết thấy đều là kẻ hiệp-tác (*associé*) với nhau cả. Các vấn-đề sẽ giải-quyết bằng

phép « thống-kế » (*statistique* hết cả. Không có gì gọi là chính-phủ cả, không có gì gọi là quốc-gia đè nén cá-nhân, chỉ có một tòa bác-học, ngồi mà chiêm-nghiệm các việc xảy ra trong xã-hội, rồi kết-luận mà suy ra các kế-hoạch nên thi hành. Được như thế thì cái công-cuộc giải-phóng cho loài người, do cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp đã khởi ra, sẽ có ngày thi-hành được hoàn-toàn. Xã-hội sẽ lấy khế-trước mà thay vào chủ-quyền. Cách tổ-chức sẽ theo lối công-nghệ mà không theo lối chính-trị. Bấy giờ thời chủ-trương cuộc sinh-hoạt trong xã-hội chính là tự lương-tâm cùng ý-chí của cá-nhân. Thế là hai cái lý-tưởng cốt-yếu, là công-ly và tự-do, đều được thỏa-mãn cả.

Học-thuyết PROUDHON có vẻ đạo-đức cao thượng, trong đồ-đệ có nhiều tay học-giả trú-danh, như RENOUVIER và HENRY MICHEL. Lại chủ-nghĩa xã-hội, nhất là chủ-nghĩa xã-hội ở nước Đức, cũng chăm chú theo những lời phê-bình của ông. Nhưng cái đặc-sắc của ông là ông khởi-xướng ra chủ-nghĩa vô-chính-phủ (*anarchisme*). Sau này có kẻ cấp-bạo, bỏ cả cái phần đạo-đức cao-thượng của ông đi, lại có kẻ mơ-tưởng tin ở cái thuyết cũ « tính bản thiện » của thế-kỷ thứ 18, chỉ tổ thụt cái phần tiêu-cực trong học-thuyết của ông mà thôi, bèn mượn tên ông mà xướng lên những cái thuyết phá hoại chính-phủ, dù phải dùng đến cách bạo động mặc lòng. Như BAKOUNINE nước Nga cũng là thuộc về phái PROUDHON. Chủ-nghĩa vô-chính-phủ tức là chủ-nghĩa cá-nhân đem đến cực-đoan, cho đến bậc bĩ hổ cả các chế-độ chính-trị vậy.

Phái chính-trị-học theo phép khoa-học. — Phần nhiều các nhà tư-tưởng sẽ nói sau này, vừa trọng bề đạo-đức công-nghĩa, vừa có cái quan-niệm về khoa-học. Thứ nhất là SAINT-SIMON có

cái ý muốn đem các hiện-tượng chính-trị mà khảo-sát như một khoa thực-nghiệm vậy. Cái khuynh-hướng đó càng ngày càng mạnh và cả khoa triết-học chính-trị về hậu-bán thế-kỷ thứ 19 là xô theo về một đường ấy cả.

AUGUSTE COMTE là người sáng-lập ra khoa-học thực-nghiệm. Ông cho khoa chính-trị là một bộ-phận trong khoa-học triết-ly dùng để hướng-đạo cho xã-hội, và tự ông phác-họa ra khoa chính-trị đó. Trong xã-hội, phần công-chúng có lẽ cũng phảng-phất biết cái mục-dịch nên đạt tới; nhưng duy có nhà khoa-học mới có tư-cách bàn xét về các phương-pháp nên theo để đạt tới mục-dịch đó. Khoa chính-trị-học cũng là một khoa-học thực-nghiệm. Đã qua thời-kỳ thần-bí (là cái thuyết thiên-mệnh quân-chủ), qua thời-kỳ thuần-ly (là cái thuyết dân-ước, dân-chủ), nay mới đến thời-kỳ thực-nghiệm. Khoa chính-trị khoa-học (*politique scientifique*) là bắt đầu từ sự kinh-nghiệm rằng trật-tự trong xã-hội, dù thuộc về trình-độ nào trong đường biến-hóa của loài người, cũng là cái kết-quả tất-nhiên của cách tổ-chức trong nhân-loại. Công việc của nhà chính-trị là phải xét-nghiệm kỹ các hiện-tượng mà giúp cho cách chính-trị, lại có thể làm cho xã-hội tiến tới mau theo con đường tiến-hóa đã đi từ trước. Gốc chính-trị phải ở sự kinh-nghiệm về lịch-sử, rồi phép giáo-dục thực-nghiệm sẽ tập cho người ta thành thói quen, cứ thuận theo về một đường đó. Rồi lại « bày tỏ cả cái công-cuộc chung của các dân-tộc văn-minh, cứ trình-độ tri-thức hiện nay, đã thi-hành được những gì để hoán-cải tạo-vật cho có lợi ích cho mình, chung đức cả tài-lực về mục-dịch đó và chỉ dùng cách sắp đặt xã-hội làm cái phương-tiện cho đạt tới mà thôi. » Kinh-nghiệm lịch-sử thì biết rằng con đường văn-minh vẫn phải theo một

cái luật tiến-bộ tất-nhiên, sức người ta không ngăn-ngừa được, chỉ có thể làm cho hoặc mau hoặc chậm mà thôi. Vậy thì khoa-học chính-trị là đã có định-kiến rồi, chỉ có thể làm cho hoặc gấp lên, hoặc hoãn lại mà thôi. Khoa xã-hội vật-lý (*physique sociale*) là một khoa vật-lý đặc-biệt, là một bộ-phần của khoa sinh-lý-học, gốc ở sự quan-sát các hiện-tượng trong cuộc tiến-hóa loài người, và lấy sự nghiên cứu một hay nhiều thời-kỳ nhất-định thay vào sự thí-nghiệm thường.

Chính-trị tức là đem ứng-dụng những phép-tắc của khoa xã-hội vật-lý-học. Xã-hội đã là cái chân-tượng hoàn-toàn, thì những chế-độ chỉ lấy cá-nhân làm mục-dịch phải bãi-bỏ đi hết. Quyền tự-do giám-sát phải bỏ đi. Thuyết chủ-quyền ở dân là thuyết vô-nghĩa-lý. Công-lý là một cái quan-niệm « phi đạo-đức và phi trật-tự »; cá-nhân là một cái « trừu-tượng », người ta là cái « cơ-quan của đấng Đại-thê. » Thuyết tự-do làm cho người ta cách-biệt nhau, phải lấy cái thuyết hợp-quần mà thay vào. Phải bắt-chước đạo Gia-tô về đời Trung-cổ, tổ-chức ra một quyền tinh-thần và một quyền thể-tục, tức là một quyền đạo-đức và một quyền chính-trị. Nhà bác-học có tri-thức cao, tự-nhiên có quyền được cai-quản, sẽ đặt ra một cái đạo khiến cho mọi người phải theo và dùng phép giáo-dục để truyền bá. Còn quyền thể-tục thì là quyền chuyên-chế, gồm tất cả các biểu-tượng của thần-trị người ta. Quốc-giả phải can-thiệp về đường kinh-tế nữa; quyền sở-hữu tuy không bỏ, nhưng người nghiệp-chủ sẽ thành như một viên « tài-phú cho xã-hội » *un fonctionnaire comptable de la société*).

Cái thuyết của AUGUSTE COMTE đó, chắc là có chịu ảnh-hưởng của triết-học HEGEL, nên có cái đặc-tính hóa quốc-gia thành một nhân-cách (*per-*

sonnalisation de l'Etat), và thiên về cái chủ-nghĩa lạc-quan định-mệnh (*fatalisme optimiste*). Ông chính là tị-tồ của khoa xã-hội-học, đem xã-hội nghiên-cứu như một cái cơ-thể có sinh-hoạt. Ảnh-hưởng của ông còn mạnh lắm, và đồ-độ ông cũng vẫn nhiều. Cái thuyết ông cho quốc-gia là một cơ-thể sinh-hoạt, coi cũng có cái vẻ khoa-học thú-vị. Phần nhiều các đồ-độ ông phản-đối thuyết nhân-loại tự-do. Nhưng chính trong phái thiên về chủ-nghĩa cá-nhân, cũng có những tay như HERBERT SPENCER đã từng chịu ảnh-hưởng của ông nhiều lắm. Cái triết-học về xã-hội và chính-trị của SPENCER là thiên hẳn về chủ-nghĩa cá-nhân và phản-đối sự can-thiệp của quốc-gia; tuy-nhiên vẫn muốn đem xã-hội học liên-lạc với sinh-vật-học, lại liên-lạc cả với các tư-tưởng riêng về đạo-đức chính-trị nữa. Thành ra có lúc thì nói rằng cái thuyết cho xã-hội là một cơ-thể sinh-hoạt chẳng qua là câu tỉ-dụ mà thôi, có lúc thì lại nói rằng chính sự-thực như thế. Nhân đây cũng nên chú-ý nhận rằng trong các đồ-độ của COMTE gần đây nhiều người ngộ-hoặc về các danh-từ lắm và hay đem xã-hội-học so-sánh với sinh-vật-học không được chánh-đáng.

Ở Đức có nhiều tay học-giả trừ-danh, như các nhà kinh-tế-học, xã-hội-học, pháp-luật-học, luân-lý-học, cũng muốn bắt-chước AUGUSTE COMTE, lập ra một khoa-học thực-nghiệm về luân-lý, bỏ cả các cái ức-thuyết về siêu-hình-học mà chỉ chuyên-chủ quan-sát những sự-thực về luân-lý, để tìm ra manh mối cùng pháp-luật. Các nhà ấy phát-khởi từ cái quan-niệm cho xã-hội là một giống có sinh-hoạt, cũng có chức-vụ, có mục-dịch riêng. Như SCHÖFFLE thời tổ cái ý muốn nghiên-cứu về « loài xã-hội » (*le règne social*) cũng như các loài động-vật, thực-

vật bay khoáng vật vấy. Một khoa-học như thế, muốn cho thành-lập được, thì phải chia ra từng phần mà chuyên-khảo cho kỹ. Song cái khuyết-điểm của các nhà sáng-lập ra phái này cùng các đồ-đệ về sau, và nói rộng là cả phái AUGUSTE COMTE nữa, là không chịu thí-nghiệm cho kỹ, khảo-cứu cho tường, mà đã vội khái-luận sớm quá. Thành ra khoa xã-hội-học của họ có cái tính-cách quá-quyết-độc-đoán, quên rằng khoa chính-trị, khoa luân-lý thực-nghiệm đã thành-lập được hoàn-toàn đâu, và phạm phán-đoán chẳng qua là ức-thuyết hết cả.

Đến cái chủ-nghĩa xã-hội mới xướng ra ở nước Đức mà đã truyền-bá khắp mọi nơi, thời cũng có cái ý tự-phụ theo khoa-học như thế. Trái lại với cái chủ-nghĩa xã-hội nước Pháp về hồi đầu, có ý thiên về thuần-lý, luân-lý và tôn giáo, cái chủ-nghĩa xã-hội mới này thời thiên ra tính-cách duy-vật (*matérialiste*, lấy sự lợi hại về vật-chất làm trọng hơn cả, cho cái hiện-trạng xã-hội bây giờ là không ra gì, và muốn gây ra một cái quốc-gia mới để thay vào quốc-gia hiện nay mà khiến cho người ta cũng được một phần tự-do trong xã-hội. Chủ-nghĩa này rất hoạt-dộng về đường chính-trị, kết-quả đã to-tát lắm, lại dựng ra một cái học-thuyết về chính-trị và xã-hội cũng quan-trọng lắm. Chủ-trương phái này là KARL MARX người Đức, phát-khởi tự triết học của HEGEL, lấy cái thuyết vạn-vật tiến-hóa làm căn-cứ. Theo ý ông, thời cái trật-tự của các nhà kinh-tế phát-minh ra không có giá-trị tuyệt-đối. Ông nói rằng: « Những trù-phạm kinh-tế không phải là trù-phạm lý-luận, mà là trù-phạm lịch-sử » (*Les catégories économiques ne sont point des catégories logiques, mais des catégories historiques*). Hết thấy là tương-đối cả, và hết thấy là biến-hóa luôn. Cái chế-độ tư-bản

(*régime capitaliste*) là một hình-trạng tạm-thời của văn-minh, và nay đã đến ngày phải thay-đổi. Đã đến ngày phải tạo-thành ra một cái trật-tự mới, khiến cho sự sinh sản và sự phân-phái các tài-hóa được điều-hòa hơn, theo những phép-tắc hiện nay đã có thể dự-biết được. Trong xã-hội, phần kinh-tế là phần quan-trọng nhất, nên chức-vụ cốt-yếu của quốc-gia sau này là phải làm thế nào cho các mối quyền-lợi về kinh-tế được ổn-thỏa. Người ta ai ai cũng phải làm việc. Trong xã-hội phải chỉ có người làm-lụng để sinh-sản ra tài-hóa mà thôi. Sẽ đặt ra một cái tổng-cục trung-ương để đốc-suất kẻ làm-lụng trong nước, chức-vụ cũng giống như Quốc-gia chúa-tể (*Etat-providence*) ngày xưa. Chủ-nghĩa xã-hội đó gọi là chủ-nghĩa xã-hội Quốc-gia (*socialisme d'Etat*), nghĩa là chính-phủ chiếm-lĩnh và quản-lý cả các công-cuộc trong nước, tất phải qua con đường đó thời mới cải-cách xã-hội được. Nhưng đó là cái trình-độ nhất-thời mà thôi. Trong xã-hội sau này, thì các cơ-quan chính-trị sẽ bỏ đi hầu hết, mà đặt ra một cái quyền chủ-trương về kinh-tế, hình-thức thế nào sẽ tùy-nghi châm-chước với các chế-độ hiện-hành từ trước. Cái chương-trình về chủ-nghĩa xã-hội đó, lại tiếp thêm một cái chương-trình về chủ-nghĩa dân-chủ nữa. Khi nào thực-hành được, thì khoa chính-trị sẽ thành một khoa phụ-thuộc vào khoa kinh-tế vậy. Quốc-gia bây giờ sẽ không có tính cách áp-chế nữa, vì chỉ có chức-vụ về kinh-tế mà thôi, và nhân đó quốc-gia cũng không còn xung-đột gì với cá nhân nữa.

Nói tóm lại các nhà lý-thuyết về chủ-nghĩa cá-nhân thì có ý thiên về đường đạo-đức và trọng về nghĩa-tự-do, còn phái AUGUSTE COMTE và KARL MARX thì có cái quan-niệm về lịch-sử tiến-hóa, về lạc-quan định-mệnh và về toàn-quyền Quốc-gia vậy.

Nói về chính-trị-học đời nay.— Ở giữa bấy nhiêu cái khuynh-hướng vira thuật trên đó, khoa chính-trị-học đời nay, xem ra thật là phân-vân lắm. Nay kể qua lý-thuyết của các học-giả cận-thời, cũng đủ biết là phân-vân hỗn-độn, có khi trong học-thuyết một nhà mà cũng thấy khuynh-hướng về nhiều chủ-nghĩa khác nhau.

LE PLAY là lãnh-tụ một phái kinh-tế-học trừ-danh, nói rằng sự xung-đột cá-nhân với nhau là một cái nguồn khổ-não đệ-nhất cho thế-giới ngày nay. Phải điều-tra cho kỹ những mối xung-đột đó để tìm kế ngăn-ngừa. Hình-thể Quốc-gia không quan-hệ gì, nhưng chức-vụ của Quốc-gia là chỉ nên có một việc giữ trị-an trong xã-hội mà thôi; không việc gì phải can-thiệp đến sự hạnh-phúc riêng của cá-nhân. Nhà lập-pháp phải chăm-chước với phong-tục, phải bãi-bỏ những chế-độ không thiết-thực, phải khôi-phục cái lòng tôn-giáo trong dân-gian, phải hạn-chế cái tính bạo-động của bọn niên-thiếu.

TAINE thời cực-lực bài-bác cái thuyết xã-róc (*contrat social*) cùng những thuyết do thuần-lý mà kết-cấu ra, và chủ-trương nên tôn-trọng các cổ-diễn vẫn có giá-trị hơn là những hiến-pháp bằng-không mà thiết-lập ra. Ông không tin cái chủ-nghĩa dân-chủ, ông chứng-giải rằng cái chế-độ cho phần đa-số được quyền hơn thường sinh ra áp-chế người ta, và cứ như ý ông thì quân-chủ chuyên-chế còn hơn là dân-chủ chuyên-chế. Ông ví quốc-gia cũng như con gia-khuyển để giữ nhà (*L'Etat est un chien de garde*), còn không nên can-thiệp vào việc khác.

RENAN cũng cùng một tư-tưởng như TAINE: ông khen cái chế-độ chính-trị biết tôn-trọng cá-nhân, ông cho rằng các dân-tộc Nhật-nhĩ-nam (*peuples germaniques*) đã phảng-phất có cái chế-độ như thế. Trong chế-độ đó thì Quốc-

gia chỉ có cái chức-vụ cảnh-sát mà thôi, chứ không được can-thiệp đến tôn-giáo, giáo-dục, văn-học, mỹ-thuật, luân-lý, công-nghệ gì cả. Không nên tổ-thuat cái lý-tưởng cũ về Quốc-gia của La-mã đời xưa, và nên để cho tư-nhân được tùy tài tùy sức mà đảm-đương các công-việc. Nhưng ông cũng phản-đối cái thuyết quyền thiên-nhiên (*droit naturel*) và nói rằng phải đem cái quyền của lẽ phải (*droit de la raison*) mà cai-trị loài người, và phạm quyền-lợi của người ta là kết-quả của lịch-sử cả. Ông cho rằng dữ-kỳ cho bình-dân có chủ-quyền trong nước thà rằng để Quốc-gia ở trong tay một phái qui-tộc có quyền thế-tập lại còn hơn.

LITTRÉ là học trò AUGUSTE COMTE, thời dần dần thiên về chủ-nghĩa cá-nhân. Ông vẫn nhớ lời thầy dạy mà không tin những cái thuyết bằng-không kết-cấu ra, cho rằng sự cải-cách về đạo-đức còn trọng hơn sự cải-cách về xã-hội. Nhưng có khi ông cũng tán-đương cái chế-độ đại-ngự, và cho sự phổ-thông-đầu-phiếu là một cái quyền thần-thánh của người ta. Theo ý ông thì Quốc-gia phải bảo-hộ cho các quyền-lợi vật-chất tinh-thần của người ta và chức-vụ của Quốc-gia phải theo trình-độ văn-minh mà tất-nhiên càng ngày càng tăng-tiến lên.

LETOURNEAU thì chủ-trương một cái phương-pháp mới gọi là « dân-tộc xã-hội học » (*sociologie ethnographique*); theo phương-pháp này thì đem xã-hội giống vật cùng xã-hội loài người đời cổ-sơ mà nghiên-cứu, rồi nhân đó kinh-nghiệm, so-sánh, mà kết-luận về nhân-sự. Nhưng cách kinh-nghiệm của ông nhiều khi không được đích-đáng, và cách so-sánh cũng thường hay mơ-hồ. Như ý-kiến của ông về xã-hội tương-lai, đã nói rằng quyền chính-phủ sau này phải hạn-chế lại cho rất hẹp, lại nói rằng chính-phủ có cái trách-nhiệm phải ban-bố sự học cho khắp

mọi người, phải tùy tài mà dùng người cho người nào làm được việc gì phải đương lấy việc nấy, lại phải tổ-chức sự phổ - thông-đầu - phiếu cho được chính-đốn, như thế thì ý-kiến thật là không có nhất-định chút nào.

Đến như học-thuyết của KARL MARX thời dần-dần cũng giảm-bớt cái tính-cách duy-vật nghiêm-khắc lúc đầu đi. Phái xã-hội ở nước Pháp, như bọn BENOÎT MALON thì lại khôi-phục lại cái chủ-nghĩa duy-tâm, duy-tình, của các nhà tư - tưởng hồi trước năm 1848. Phái này cho rằng chủ-nghĩa xã - hội không ahững là một điều cần, lại là một sự công-bằng nữa, vì chính nhờ chủ-nghĩa này mà cá-nhân sẽ có ngày được tận-hưởng các quyền - lợi. Chủ-nghĩa xã-hội tức là cái kết-quả hoàn-toàn của công - nghiệp cách-mệnh nước Pháp đã bị gián-đoạn mất một hồi, tức là cái hình - trạng xã - hội tuyệt-đối, khiến cho người ta đều được tự-do và đều được phong-phú cả.

Một bên là chủ-nghĩa cá-nhân, một bên là chủ-nghĩa xã-hội, ở giữa có phái xã-hội Quốc-gia muốn chiết-trung mà điều-hòa cả hai đảng. Những tư-tưởng thuần-túy về cá-nhân, về các chế-độ tự-do, về chính-thể đại-nghị, về Quốc-gia bất-can-thiệp, những tư-tưởng đó không có chủ-trương một cách tuyệt-đối nữa. Duy có các nhà kinh-tế-học là còn trung-thành với thuyết cũ của phái *Manchester*. Nhưng số các nhà này cũng mỗi ngày một sút-kém đi. Chính LEROY-BEAULIEU cũng công-nhận rằng chức-vụ của Quốc-gia phải mỗi ngày một tăng rộng lên. Còn như chủ-nghĩa tập-sản (*collectivisme*) thì chính những người cho là tương-lai có ngày thi-hành được, cũng không dám tin rằng có thể nhất-dán xuất-hiện ra sự-thực được. Vậy thời chủ-nghĩa « Quốc-gia kiêm-quản » (*Etatisme*), tức là chủ-

nghĩa xã-hội Quốc - gia (*Socialisme d'Etat*), mỗi ngày càng được thêm người theo, nhất là ở các nước dân-chủ, người thì cho đó là cái chính-thể hoàn-toàn tuyệt-đối, người thì cho là một cái trình-độ tạm-thời dễ tiến lên một cuộc cải-cách sâu-xa hơn nữa. Chủ-nghĩa này, tuy cái tôn-chỉ là mới, nhưn cách thực-hành thì kể ra cũng không khác gì các phương-pháp của chính-thể quân-chủ cũ, và người sáng-khởi ra chủ-nghĩa ấy ở nước Đức là LASSALLE, thường thảo-luận với thủ-tướng Đức BISMARCK, thấy nhiều điều trong chương-trình của mình cũng là đồng-ý với thủ-tướng cả. Ở nước Pháp thời người đại-biểu trú-danh nhất cho chủ-nghĩa này là DUPONT-WHITE. Ông này cho rằng cá-nhân số-dĩ nên cá-nhân đều là nhờ ở xã-hội mình sinh-trưởng cả, và chức-vụ của xã-hội là phải chủ-trương cho sự tiến-bộ của người ta, vì người ta hèn-yếu, lại chỉ biết duy-kỷ, không bao giờ tự-lực mà làm thành được. Quốc-gia có một cái giá-trị tinh-thần, một cái thế-lực vật-chất rất cao. Quốc-gia có thể vừa củng-cố, vừa tăng-tiến được quyền-lợi của cá-nhân. DUPONT WHITE thâm-tin rằng pháp-luật có thể hoán-cải được tâm-tính, phong-tục, tập-quán, cùng hết thảy mọi sự giao-tế của người ta với nhau, và muốn cho pháp-luật phải gia-công giúp-đỡ cho những kẻ nghèo-khổ ở đời. Không phải đem cá-nhân mà hi-sinh cho Quốc-gia, nhưng phải dùng Quốc-gia làm cái phương-tiện để cải-lương và phát-siêng cho cá-nhân. Chủ-nghĩa xã-hội Quốc-gia có ảnh-hưởng nhất về đường kinh-tế, và hằng năm thấy bành-trướng ra nhiều. Có người đã vi chủ-nghĩa này với chủ-nghĩa « trí-thức chuyên-chế » (*despotisme éclairé*) của học-thuyết cổ, duy phải biết rằng quyền chuyên-chế không phải chỉ riêng cho quân-chủ mà dân-chủ cũng thi-hành vậy.

Về sau thì có hai nhà học-giả là FOULLÉE và RENOUVIER là đã khám-phá được đến nơi đến chốn và điều-hòa được tất cả những tư-tưởng cùng ý-kiến hỗn-dộn đời nay. Hai nhà ấy đều là đại-biểu cho cái chủ-nghĩa cá-nhân trong khoảng 50 năm gần đây.

FOULLÉE thì cho rằng cái quan-niệm về quyền-lợi là một cái lý - tưởng có thể thành ra sự thực được, theo cái luật về tâm-ly là phạm tư-tưởng bao giờ cũng có cái khuyh - hướng diễn thành sự-thực. Ông muốn điều-hòa cái thuyết « xã-hội khế - ước » (*contat social*) với cái thuyết « xã-hội cơ-thể » (*organisme social*) mà xướng ra thuyết « lập-trước cơ-thể » (*organisme contractuel*). Xã-hội là một cái cơ-thể có quan-niệm và có ý-chí, nên có cái sức thực-hiện ra được. Sự hợp-quần phải mở-mang cho rộng-rãi ra, và Quốc-gia phải là một cái đoàn-thể những đoàn-thể (*une association d'associations*), một cuộc tập-hợp tự-do do chính sự tập-hợp mà ra (*une centralisation libre résultant de la centralisation même*). Chức - vụ của Quốc-gia mỗi ngày một mở rộng ra, đó là sự tất-nhiên mà cũng là điều nện thể, nhưng phải biết tôn-trọng quyền tự-do của cá-nhân. Lễ công-bằng của Quốc-gia không những là phải cho ai được hưởng quyền-lợi của người nấy, lại phải bổ-cứu cho những sự bất-công của lịch-sử để lại, hoặc bởi cái tinh-chất hay sự sai-lầm của quyền tự-do mà ra. Quốc-gia không thể bãi-bỏ được những sự bất-công đó, thì phải tìm cách hạn-chế nó lại. Nghĩa-vụ của Quốc-gia, tự Quốc-gia phải phán-đoán lấy. Đầu các nghĩa-vụ ấy là sự giáo-dục cưỡng-bách không mất tiền và sự ban-bố ra những luật-pháp công-bằng. Quyền tự-sản và quyền công-sản, hai đảng đều phải có cả. Có thể tăng thêm cái gốc tài-sản của Quốc-gia mà không cần phải đảo-diễn cả trật-tự hiện-hành. Đặt ra pháp-luật

tốt về sự kế-thừa tài-sản, ban-cấp ruộng đất cho dân, đặt nhà binh-dân, ngân-hàng, chọn các công cuộc nên giao cho Quốc - gia quản-ly, đó là những kế-hoạch có thể thi-hành ngay được.

RENOUVIER thì bài-bác các cái thuyết phản-đối với chủ-nghĩa cá-nhân, nhất là những thuyết coi xã-hội như một giống sinh-hoạt thật, coi Quốc-gia như một cái đoàn-thể thành-lập ở ngoài ý-chí người ta. Ông lại công-kích cả cái quan-niệm về sự tiến-bộ tự-nhiên của AUGUSTE COMTE cùng cái giá-trị những lời kết-luận của khoa - học thực-nghiệm. Lại chứng-giải rằng lòng bác-ái không thể thay cho lễ công-bằng làm nền gốc cho xã-hội được.

Đã phê-bình cả triết-học chính-trị đời nay, bèn khôi-phục lại mấy cái tư-tưởng cũ của thế-kỷ thứ mười-tám. Quan-niệm ra một thứ người tuyệt-đối, một cái xã-ước không có căn-cứ ở lịch-sử. Bênh-vực cho tư-tưởng tự-do và giải-rõ cái quan-niệm liên-đái (*solidarité*). Ông nói rằng: « Lý-tưởng xã-hội là tiêu-biểu cho cái nghĩa liên-lạc trong loài người, muốn cho mỗi người tự làm cứu - cánh cho mình, và có thể nhờ kẻ khác được phương - tiện cho đạt tới nơi cứu - cánh đó. » (*La solidarité veut que chaque homme soit une fin pour lui-même et possède les moyens de cette fin par l'aide d'autrui*). Sự can-thiệp của Quốc-gia về đường kinh-tế cũng là vì cái nghĩa liên-đái đó; còn sự can - thiệp về chính-trị là bởi cái chức-vụ đạo - đức của Quốc-gia. Chủ-nghĩa cộng-sản là một cái mâu-thuyết nguy-hiêm và quyền tự-sản của người ta phải nên giữ-gìn. Đặt ra thứ thuế tiệm-tiến (*impôt progressiste*) để ngăn-ngừa cho tài-sản khỏi tích - trữ nhiều quá; pháp-luật phải công-nhận cho mọi người có quyền được làm-lụng để sinh-nhai, và phải đặt ra các luật - lệ bảo-hiêm cho châu-đảo. Về

Phương-diện chính-trị, thì chính - phủ phải bài-trừ những cái tệ bởi sự tự-do mà ra, và phải không quản cuống-bách người ta mà làm sự ích-lợi chung. Chính-thể dân-chủ là chính - thể hay hơn nhất, vì có thể hạn-chế được cái lòng tự-kỷ của người ta. Phàm cái gì không phải là cần để bảo - thủ cho quyền-lợi của mọi người đối với cái ý riêng của mỗi người, thì chính - phủ không nên truyền cho phải làm hay là cấm không được làm. Vậy thời chính-phủ phải tự hạn-chế sự can-thiệp của mình và bao giờ cũng phải nhớ rằng cái mục-dịch cao - thượng nhất của Quốc-gia là giúp cho cá-nhân được hoàn-toàn phát-đạt, chính-phủ không nên làm việc gì là việc bất-công bất-bằng, việc lạm-quyền độc-đoán. Như vậy thì sẽ thực-hành được hoàn-toàn cái tôn-chỉ cốt-yếu của chính-phủ, là thiết-lập ra một nền công-trước để hạn-chế sự xung-đột trong xã-hội

* *

Lược qua các thuyết chính-trị như trên thì đủ biết rằng cái tư-tưởng chính-trị ở Âu-châu và nhất là ở nước Pháp ngày nay, còn phân-vân hỗn-độn lắm. Phái thì muốn diệt hẳn cái lý - tưởng Quốc-gia, phái thì lại muốn suy-tôn Quốc-gia lên cao quá, làm thành như một đấng tuyệt-đối, cách-biệt hẳn cá-nhân. Ở nước Anh thời tự phái *Manchester*, cái chủ-nghĩa Quốc-gia kiêm-quản (*Étatisme*) có ý bành - trướng. *STUART MILL* là một người nhiệt - thành truyền cái chủ - nghĩa xã - hội về nông - nghiệp (*socialisme agraire*). Ở Đức thời chủ-nghĩa xã-hội Quốc-gia (*socialisme d'État*) cùng chủ-nghĩa tập-sản (*collectivisme*) cũng mỗi ngày một truyền rộng ra. Nhưng chính ngay ở Đức lại có một người hăng-hái quả-quyết xướng lên cái thuyết nền tôn-trọng cá-nhân: người ấy là *NIETZSCHE* và thuyết ấy là thuyết «siêu-nhân» (*sự homme*), nghĩa

là người siêu-quần bạt-tụy, tiêu-biểu được cái nhân-cách rất cao-thượng, rất hoàn-toàn, thuyết này thật là phản-đối với cái thuyết bình-dẳng của chủ-nghĩa xã-hội. Gần giống với thuyết này thời có thuyết của *IBSEN* là văn-hào nước Na-uy (*Norvège*) cũng tán-dương cho cá-nhân tự-do mạnh-mẽ đối với công-chúng nhu-nhuợc tầm-thường. Nhưng trái lại với cái thuyết ấy thì lại có thuyết của *TOLSTOÏ* nước Nga, cho công-chúng là trọng hơn cá-nhân, cho văn - minh đời nay là tai-hại, muốn cứu cho loài người thì phải phá-hoại cái văn-minh ấy đi mà đặt ra một xã-hội công-cộng bình-dẳng như trong kinh Phúc-âm đã phác-họa ra. Trong khi bấy nhiêu thuyết phản-đối nhau thì phái «*nu-vô*» (*anarchiste*), phái vô-chính-phủ, không lý thuyết nữa mà xoay ra thực-hành, dùng bạo-đạo, dùng ám-sát, để phá-hoại Quốc-gia áp-chế người ta.

Xem như thế thì chính-trị-học ngày nay đương vào giữa một thời-kỳ bối-rối, các chủ-nghĩa, các học-thuyết, các tư-tưởng, các ý-kiến tranh dành nhau hỗn-độn cả, cũng khó lòng mà biện-biệt được cho rõ thuyết nào là hay, thuyết nào là dở, cùng sau này sẽ kết-quả ra thế nào.

Nay khái-luận cả từ đời cổ-sơ đến giờ thì thấy hồi đầu người ta sinh-trưởng ở trong xã-hội cổ, thường bị quyền chính-trị, quyền tôn-giáo đè-nén một cách nặng-nề lắm. Kịp đến triết-học Hi-lạp mới tìm cách giải-phóng cho người ta thoát khỏi cái quyền áp-chế đó, và truyền - bá ra trong thiên hạ cái quan - niệm về quyền thiên-nhiên của loài người. Đạo *Co-đốc* thời giải-thoát được hẳn người ta ra ngoài quyền lung-lạc của Quốc-gia. Nhưng đạo *Co-đốc* không thiết đến cõi đời này mà chỉ hi-vọng về lai-sinh, thành ra lại giúp cho quyền chuyên-chế của bọn vua chúa, thậm-chí đến

về sau cho quyền chính-phủ là uyên-nguyên tự Thượng-đế vậy. Về đời trung-cổ thời quyền vua cũng mạnh như quyền xã-hội cổ-thời, và có nhiều tay giáo-sĩ đời ấy tuy cũng yêu-cầu quyền-tự-do cho người ta cùng các quyền-lợi khác của dân-chúng, nhưng lại chỉ để củng-cố thêm cho cái quyền chuyên-chế của giáo-hội mà thôi. Mãi cho đến thế-kỷ thứ 16, thời mới có tư-tướng tự-do, và mới thực khôi-phục lại cái triết-học cổ của Hi-lạp, xướng lên cái thuyết quyền thiên-nhiên của nhân-loại, bác cái thuyết thần - quyền và cường-quyền, và tuy về thế-kỷ thứ 17 cái chính-thể chuyên-chế có thịnh-hành, nhưng đến thế-kỷ thứ 18 thì gây ra một cái phong-trào triết-học lớn, kết-qua đến cuộc Đại-Cách - mệnh nước Pháp. Bấy giờ thời ai cũng công-nhận cái thuyết dân-quyền, và quyền Quốc-gia tuy có khi rộng khi hẹp nhưng bao giờ cũng là căn-cứ ở toàn - thể quốc-dân có quyền được tự đặt-cách cai-trị thế nào là hợp với lẽ công-bằng và quyền-lợi chung. Đến thế-kỷ thứ 19 thời có một phái vẫn trung-thành với cái lý-tướng quyền thiên-nhiên và điều-hòa cái lý-tướng ấy với lý-tướng quốc-gia, nhưng lại có phái đông hơn phản đối lại một cách kịch-liệt, hoặc là cho rằng phàm xét việc chính-trị phải xét theo lịch-sử chứ không thể lấy lý - tướng làm bằng được, hoặc cho rằng Quốc-gia tự có một cái nhân-cách đặc-biệt, và chức-vụ của Quốc-gia là phải gồm cả các việc cốt-yếu trong đời người vậy.

Ấy hiện-trạng chính-trị - học như thế, chưa biết tương - lai khuynh-hướng hẳn về đường nào. Song cứ nghiệm từ trước đến giờ thì cũng có thể ước đoán được mấy điều như sau này:

10/ Cái đặc-sắc của thế-kỷ ta về đường chính-trị là hết thầy các nước

ngày này đều xoay về chính-thể dân-chủ cả. Cái khuynh-hướng ấy đã rõ-rệt lắm, không cần phải dẫn chứng-có nữa. Phàm các học-thuyết về chính-trị bao giờ cũng theo đều với sự thay đổi trong chính-thể. Nay gốc của chính-thể dân - chủ là cái tư - tưởng rằng cá-nhân đều có quyền-lợi bình-dẳng như nhau. Phong-trào dân-chủ càng lan rộng ra, thì lại càng có cái tinh-cách thiên về xã-hội. Vậy thời các học - thuyết chính - trị sau này không thể không có một cái quan-niệm rộng-rãi về lẽ công-bằng trong xã-hội mà gốc ở cái lý-tướng quyền thiên-nhiên vậy.

20/ Chính khoa chính-trị-học, nghĩa là học về cách tổ - chức chính-phủ, rồi sẽ giảm bớt giá-trị đi, mà chỉ thành một bộ-phận trong khoa xã-hội học, vì các vấn-đề kinh-tế, rồi đến các vấn-đề đạo-đức, xét ra còn quan-trọng hơn là những vấn-đề thuần chính-trị vậy.

30/ Đến cái chính-thể trong các nước rồi cũng không có quan-hệ gì. Một xã-hội dân-chủ mà vẫn giữ ông vua đứng đầu, cũng không phải là không được. Thường thường thời chính-thể dân-chủ là do công-dân bầu-cử những người thay mặt dân ra làm việc nước.

40/ Về chính - trị, về xã - hội, phái lịch-sử đã dạy cho người ta biết rằng những cuộc sậu-biến, như lối cách-mệnh, lối bạo-dộng, thường không có hiệu-qua gì, Tuy cũng có đảng chính-trị cho sự cách-mệnh là một cái phương-pháp làm - thời có thể dùng được, nhưng phần nhiều các học-giả thời đồng-ý cho rằng phàm sự cải - cách về chính-trị nên chầm-chước theo cái trình - độ tiến-hóa trong nước, chứ không nên cứ lý - tưởng mà thi-hành.

5./ Cái lý-tướng về quốc-gia tuyệt-đối của phái HEGEL ngày nay nhiều

người phản-đối. Phái ấy cho Quốc-gia cũng phát-đạt theo lịch-sử, thì điều đó phần nhiều người công-nhận, nhưng đến như cho Quốc-gia cũng có nhân-cách đặc - biệt, thì điều đó ít người chấp. Phái xã-hội trông cậy ở quyền Quốc-gia nhiều, nhưng Quốc-gia đây là đại-biểu cho cả toàn-thể quốc-dân, vậy mà cũng cần phải bênh - vực cho quyền-lợi cá-nhân khỏi Quốc-gia xâm-lấn mất. Cái tư-tưởng sự hạnh - phúc Quốc-gia là đặc-biệt với sự hạnh-phúc cá-nhân, thì không còn ai theo nữa rồi.

6/ Ngày nay cái lòng tôn-giáo đã suy-nhưc, nên cái thuyết thần-quyền hầu như tiêu-diệt hẳn.

Kể thượng-lưu tri-thức, tuy là số ít trong xã - hội, nhưng có thể gây ra những cái phong - trào chính - trị rất lớn, biến-cải được cả cục - diện thế-giới, điều đó thì không thể dự - đoán mà biết trước được. Nhưng cứ hiện-tình thế-giới thì xem ra các nước càng ngày càng khuynh-hướng về cái chính-thể xã-hội dân-chủ (*social - démocratique*), nhất - diện thời căn - cứ ở cái thuyết quyền-lợi bình-đẳng của người ta, nhất-diện thời căn-cứ ở cái thuyết lịch-sử tiến-hóa trong thế-giới, khiến cho chức-vụ của Quốc - gia về đường xã-hội và kinh-tế sẽ được rộng rãi và

phải chuyên-chủ thứ nhất là thi-hành được cái nghĩa công - bằng trong xã-hội.

Chính-trị-học, trong các khoa-học là một khoa không thể tự-phụ chỉ học để cho biết mà thôi, nhưng cốt là học để cho làm được; vậy thời tình-trạng thiên-hạ đã như trên đó, khoa chính-trị tất phải đặt ra một cái lý-thuyết cho ổn - thỏa. Hiện nay khoa chính-trị chưa có phương-pháp nhất-định. Nhưng xem ra thì muốn căn-cứ ở cái thuyết quyền thiên-nhiên và muốn đem cái thuyết ấy ứng - dụng ra cuộc thiên - diên lịch - sử, lại muốn tìm ra phép - tắc trong cuộc thiên - diên ấy, nhưng cũng chưa có thể khám-phá được đến nơi đến chốn. Khoa chính-trị vẫn lấy lẽ công-bằng làm tôn-chỉ, nhưng ngày nay không tin ở cái lý-tưởng xưa nữa, và muốn nhất-thiết châm-chước với sự thực lịch-sử. Thế nghĩa là chính-trị-học sẽ cố điều-hòa cái lòng khao-khát tự - do của người ta với cái lẽ tất-nhiên trong sự - vật. Vậy thời khoa chính-trị cũng như các khoa-học tinh - thần khác, tất phải châu-tuần ở trong cõi ức-thuyết, chứ không thể mong đạt được cái chân-lý tuyệt-đối vậy.

T.-C. dịch



CẢNH-VẬT HÀ-TIÊN

Ở Hà-tiên có một trường tư-thục tên là « Tri-đức-học-xá », do mấy nhà giáo-dục nhiệt-thành về quốc-văn khởi-xướng lên, mục-dịch là dùng quốc-văn để dạy học trò, muốn bày tỏ cho thiên-hạ biết rằng tiếng nước nhà có thể dạy được con em nước nhà, bắt-tắt phải mượn đến tiếng ngoại-quốc vậy.

Trường này đã có kết-quả tốt : cứ xem những bài quốc-văn nhỏ của các nam-nữ học-sinh soạn mà bản-chí đã đăng độ trước, nhan đề là Bông-hoa đầu mùa, thì đủ biết.

Các nhà chủ-trương trường Tri-đức đã lấy quốc-văn làm khí-cụ, lại lấy quốc-gia làm tinh-thần. Dùng quốc-văn để dạy cho con trẻ biết yêu-mến nước nhà, còn cách giáo-dục nào đích-dáng bằng !

Muốn cho con trẻ yêu-mến nước nhà thì phải cho con trẻ thông-thuộc nước nhà, hiểu biết cả lịch-sử, địa-lý, lễ-giáo, phong-tục, nhỏ từ cách sinh-hoạt trong dân-gian, lớn đến các kỹ-cương về đạo-lý, nghệ-hữu mới có lòng thiết-tha đến nơi quê-hương tổ-quốc của mình. Lại trước khi biết đến cái tổ-quốc lớn là cả toàn-thể quốc-gia, phải biết cái tổ-quốc nhỏ là nơi địa-phương mình sinh-trưởng đã. Bởi thế nên các nhà giáo-dục trường Tri-đức bấy lâu vẫn ân-cần dạy cho học-trò biết cái tổ-quốc nhỏ của mình là đất Hà-tiên. Mấy năm nay, thầy trò cùng biên-lập, được mấy trăm trương giấy dày, khảo về phong-cảnh nhân-vật đất Phương-thành, đề là « Cảnh-vật Hà-tiên. »

Vì hâm-mộ cái chủ-nghĩa chấn-chỉnh quốc-văn, phụng-sự quốc-gia của báo Nam-Phong này, nên gửi cả tập ra đăng báo. Bản-chí sẽ lựa- lọc mà đăng dần, trước là để đáp lại cái thịnh-linh của các bạn đồng-chí ở Hà-tiên, sau là để biểu-dương cái gương tốt của Tri-đức-học-xá cho quốc-dân được biết và mong sẽ có người noi theo vậy.

P. Q.

I

Một bước càng thêm một thú yêu,
Lần cây vết đá vẽ hay thêu ;
Mây tòng khói liễu chông rồi chập,
Đòn suối ca chim thấp lại cao. . .

Mạc Thiên-Tích.

1. — Cảnh đẹp

Tỉnh Hà-tiên có nhiều cảnh đẹp, có bãi dài biển rộng, hồ trong núi biếc, mỗi cảnh đều có vẻ đẹp thiên-nhiên của tạo-hóa.

Cảnh bãi biển thì kiêu cả màu trời sắc nước, bãi cát mênh-mông, gió nam mát-mẽ. Cảnh núi như Thạch-động thì có các kỳ-quan quái-thạch, núi Bình-san, núi Tô-châu thì có cỏ đẹp hoa

thơm. Đơn-cử một cảnh núi Bình-san : núi ấy không cao lắm, đứng trên đỉnh núi trông xuống về phía thành-phố thì chỉ thấy lò-nhỏ mấy nóc nhà đo-đỏ ; trông về phía tây là giếng Trượng, mênh-mông ruộng lúa sắp từng khoảng như bàn cờ chỗ xanh chỗ vàng, thỉnh-thoảng có mấy túp nhà tranh nhà lá thấp-thoảng sau vườn chuối hàng tre. Trên núi thường có các thứ kỳ-hoa dị-thảo.

Cảnh bãi biển như bãi Kim-dữ, đứng trên đồi trông ra đàng xa những làn sóng nhấp-nhò dào-dạt trên bãi cát như trăm nghìn con rắn. Về bên kia chân trời, có mấy ngọn núi và cù-lao chiu-chít, trông nửa mờ nửa tỏ, thấp-thoảng chỗ trắng chỗ đen, nhấp-nhò trên mặt sóng.

Ngoài ra, còn lắm cảnh đẹp nữa như cảnh bãi Mũi-nai, núi Tô-châu, đảo Phú-quốc, núi Thạch-dộng, Đông-hồ, mỗi cảnh đẹp riêng một thế.

Vì ở đây có nhiều cảnh đẹp, có đủ các kỳ-hoa dị-thảo, nên thuở trước có người tặng cho một tên nữa là Phương-thành.

Cảnh đã đẹp như thế, còn dân-tinh thì sao, phong-tục thì sao ?

Dân - tinh thật đáng khen, phần nhiều đều là người hiền-hậu, trung-chính.

« Đất Hà dầu chưa dám cho là có vẻ chi hùng - tráng cao - thượng hơn các nơi, nhưng đã có lắm vẻ kỳ-tú tốt đẹp hơn các nơi. Ngày ngày cạnh-tranh về việc sinh-nhai rất là kịch-liệt, nhưng là chốn ít đàn ít hát, ít phấn ít son, ít ô-tô song-mã ; khí-không bao giờ cũng vẫn là êm - dềm phong-thú, không-khí ấy tựa - hồ không - khí cồ-thời.» (N.-P. số 123).

Sách *Gia-định thống-chí* nói rằng ngày trước người Hà-tiên bị án là về những tội nào, chớ không hề có án ăn trộm ăn cướp

Ngày nay, án trộm cướp cũng không phải là thường có, mà kẻ cướp cũng không phải thường là dân Việt-Nam. Tại thành-phố Hà-tiên, nhà nghèo, nhà có ăn, cửa ngõ sơ-sài, không cần phải cho chắc - chắn ; còn tại Cửa-dương, Cửa-cạn ngoài đảo Phú-quốc, phần nhiều chỉ có khuôn cửa, nhưng không có cánh để đóng khóa lại.

Khách phương xa nên biết phong-cảnh ở Phương-thành này, nên đến « Bình-san hái hoa, qua Kim-dữ hứng

gió, xuống Đông-hồ chơi trăng », sẽ thấy vui-thú vô cùng.

2. — Nghề sinh-nhai

Tỉnh Hà-tiên ở về mặt biển, có sông rạch, có núi non nhiều, nên cuộc sinh-nhai vừa được dễ-dàng, vừa được thịnh-vượng.

Người ở theo mé sông rạch chuyên nghề hạ bạc : kẻ đi lưới, đi chài, đi câu, đóng dây, cắt rổ, vân-vân.

Lưới, chài, câu là nghề hay hơn hết, hằng ngày đều đi làm được, bốn mùa đều đi được cả. Thường ngày, cá tươi đủ xây-dùng trong xứ, nhiều khi cũng có chỗ đi mấy tỉnh gần đây.

Bãi Mũi-nai trông ra vịnh Xiêm-la là nơi khách Hoa-kiều chuyên nghề làm nò ngoài biển khơi,ặng bắt cá to. Mùa bắc mới khởi việc làm nò.

Người An-Nam cũng có nghề bắt ròng cá to, đã giã-dị lại thêm tiện-lợi. Thường dùng lưới quang, lớn mặt như mặt võng. Ghe chạy trước, lưới chạy trềm theo sau, cá nào lớn mới mắc. Một vài canh, giở lên thăm chừng một lần.

Một thứ câu lớn gọi là câu kiều là thứ câu rất màu-nhiệm. Lưới câu dài chừng một tấc và không có ngạnh. Giàn câu là một sợi dây dài vài chục sải, gắn trên đó năm sáu trăm lưới. Lưới câu có thể chạy tới chạy lui thông-thả. Cá mắc một lưới thì vung-vẫy, kẻ một lưới thứ nhì chạy lại bắt thêm. Cá nằm yên thì chỉ phải mắc có hai lưới đó. Nếu cá nào lớn, vung - vẫy nhiều thì cả 4, 5 chục lưới chạy lại bắt thêm khắp cả mình, tưởng như cá lớn thế nào cũng nát da xẻ thịt mà không đi ra khỏi được. Cá có vẫy không bao giờ mắc câu kiều. Một hai khi cá có vẫy mắc vào câu, thì thợ câu cho rằng điềm không tốt và về cùng vãi.

Sự-tích câu Kiều như thế này.

Một người khách Hải-nam ra ở Hòn, có con quỷ hiện hình người và ăn ở

với người khách làm vợ chồng. Ít lâu sinh được một người con trai, người vợ khi biền khi biển nên chồng lấy làm ngờ lắm. Có chiếc tàu Hải-nam ghé bến, chồng và con trốn về, vợ lợi theo và chết đuối, rã xương dưới đáy biển. Con lớn lên, nghĩ làm ra câu Kiều, đề tìm xương mẹ. Lưỡi câu đi dưới đáy biển, gặp món gì cứng như đá, gốc cây cũng đều bấu đem lên cả. Sự-tích dấu không đáng tin, nhưng không phải là không vui chuyện.

Cá không vậy thường mắc câu Kiều như là : cá đuối, cá đao, cá nhám, cá mập, cá mú, cá bống, vân-vân, đều là giống cá dữ-tợn ăn thịt người được. Con thịt dày, con thịt mỏng, bốn chân nó không có vảy, nhưng bày da ra ngoài, đi quơ-quơ đụng câu, nên cũng thường mắc câu. Vì cá nhám, cá mập gọi là hàng. Khi được cá thì lấy vi phơi riêng, thịt phơi riêng. Vì cá, da cá bán chạy lắm. Nhất là người Tàu hay mua chở về Chợ-lớn.

Nhiều kẻ đi nằm bãi ở mấy hòn như: hòn Nền, hòn Ông, hòn Bà, hòn Tre, Cồ-công, Cồ-cúc để bắt con thịt mỏng. Thịt là loại qui rùa, có hai thứ : thứ thịt lấy vảy kêu là đồi-mồi, hay là thịt mỏng, vì vảy nó mỏng. Đồi-mồi hay ăn con đên, nên thịt nó độc lắm. Thứ kia gọi là con vịch, vảy không dùng được mà thịt ăn rất ngon, một tạ 5, 6 đồng.

Hòn Phú-quốc chuyên làm mắm ruốc và nước mắm danh-tiếng thuở nay. Người ở các cửa Phú-quốc, phần nhiều là thợ câu thợ lặn. Ở Bãi-bồn, lạng điệp, lạng đột là hai món có giá nhất trong tỉnh. Hiện nay, nhiều người lặn nước sâu phải cả đoán mất, nên hai món ấy cũng ít có.

Người ở núi Phú-quốc thì đồn cây làm củi, đồn danh-mộc làm cột nhà, âm ván hòm, đóng ghe bầu, đóng lthùng mắm.

Người ở chân núi khăn đất làm ruộng, cũng là phá vườn trồng hồ-tiêu. Hồ-tiêu là sủ-lợi lớn hơn hết trong tỉnh Hà-tiên. Cần-thơ, Bắc-liêu giàu về lúa, Cần-giọt, Hà-tiên giàu về tiêu vậy. Gần đây, đầu đầu cũng phải mua tiêu tỉnh này. Tổng Bình-an, quận Hòn-chông là nơi trồng hồ-tiêu nhiều hơn cả. Mỗi năm hái được hơn mấy nghìn tạ tiêu chở đi ngoại-quốc.

Có nhiều trái núi nho-nhỏ gần Ba-hòn, Bạch-dộng, Đá-dựng đã khai-phá trồng-trái lập lò voi, lấy đá đốt voi, đập đá lót đường. Hiện nay, ngoại-quốc dụng voi nhiều lắm, nên các thứ ghe, ghe chài, ghe cui, ghe lồng chở voi tới lui nườp-nườp.

Dân vườn, dân cấy Mũi-nai Hòa-phẫu tối ngày chân lấm tay bùn, cày sàu cuốc bầm. Mùa lúa cấy lúa, hết mùa lúa trồng-trặc cây trái như : mía, bắp, đậu, khoai, dưa gang, dưa hấu. Đồ hàng bông vừa đủ xây-dùng, cau dừa có dư chở đi nơi khác. Lúa gạo trong tỉnh không nhiều, gần cuối mùa, thường phải ăn gạo Long - xuyên. Nhưng tỉnh Hà-tiên kẻ cũng là nơi để làm ăn, nên dân-sự tới đây lập-nghiệp một ngày một thêm đông-đảo.

3. — Hà-tiên. — Thành-phố Hà-tiên hiện nay

Từ Sài - gòn đến tỉnh-ly Hà-tiên không quá 350 cây số. Xe hơi chạy 10 giờ, tàu thủy chạy hai ngày. Tỉnh Hà-tiên thuộc Nam-triều tự năm 1714, kể tới năm 1930, là 216 năm ; thuộc nước Pháp tự năm 1867, kể tới năm 1930 là 63 năm.

Thành-phố Hà-tiên nhỏ-hẹp, dân-sự thưa thớt, không được đô-hội sặc-xảo như Châu-độc, Cần-thơ. Nhưng không phải cần có phố-xá lâu-đài mới đẹp. Non sông trong xứ-sở cũng giúp cho xứ-sở tốt đẹp muôn phần.

Hà-tiên chỉ có một con sông nhỏ là sông Giang - thành, đi từ mỗi kinh

Vĩnh-tế ra vịnh Xiêm-la. Đường thành-phố có ba đường rộng lớn tốt đẹp : đường Đông-hồ, đường Hàng-dương và đường Hàng dừa.

Đường đi vòng quanh một mé Đông-hồ là đường mát-mẻ khoáng-khoát hơn hết. Nhà lầu, nhà ngói, công-quan, công-sở đều ở tại ba đường này, thỉnh-thoảng có mấy xóm nhà lá xen vào. Ngoài ra hơn hai phần nhà lá ở khít nhau khắp cả châu-thành. Ban đêm, xóm chợ đèn đuốc sáng choang, ngựa xe qua lại ; mấy nơi kia, ngọn đèn mờ tỏ, ít khách vắng-lai, nhưng kẻ giết người lấy của thì chín mười năm mới nghe nói một lần.

Đường Đông-hồ đá lát bằng phẳng, đổ cát trắng phau. Hai bên lề cỏ gà xanh tốt, lại có cây da hay là dừa gáo lải-rải theo đường, che mát dễ đi. Chợ có ngọn gió thổi mạnh, tàn cây dừa về một phía, mặt nước lao-xao trông càng thêm đẹp.

Có vài con đường dài để thông-đồng với các làng Cao-miên.

Đường Mũi-nai ra làng Lộc-trĩ. Đường Kỳ-lộ ra núi Thạch-động, núi Đá-dựng và làng Kỳ-lộ. Núi Đá-dựng tên chữ là Châu-nham, có động, có đá ngói-ngói chiếu sáng như hột châu.

Đi xa 7, 8 cây số nữa thì giáp - ranh hạt Cần-giọt, địa-phận xứ Cao-miên. Đây tuy gần chợ Hà-tiên mà không có đồn lính và là chỗ biên-thùy nên kẻ hoang-đàng thường cướp người cướp của. Đường này có ngã đi Tịnh-biên và Châu-đốc, Sài-gòn, có ngã rẽ lên An-trà-som, Tà-keo, Kim-biên.

Xe hơi hành-khách đi Châu-đốc, xe hơi chở hàng-hóa các thuyền Vọng-các Hạ-châu, xe hơi chở voi chở tiêu, xe bò chở cá, chở voi, chở củi chở đá, chở heo, chở gà, chở gạo, qua lại thường thường.

Gần Thạch-động có mỗi lộ rẽ về hướng tây, đi qua làng Lộc-trĩ, qua bãi Lộc-trĩ, trại nò Lộc-trĩ, bãi Nhà tắm,

núi Nhà đèn, và đi vòng về chợ. Đường này gọi vòng bờ đồn lớn, có chỗ liên-lạc, có chỗ cát nhiều, có chỗ nặng chỗ mát, cùng là qua khe lên dốc, cả thảy hơn 14 cây số. Đi tản-bộ rất thú-vị, nhưng phải có tài làm văn như ông J. J. ROUSSEAU mới nói được tường.

Đường Sứ ở về hữu - ngạn sông Giang-thành, ngày nay hãy còn thấy dạng, trăm năm lại có bảy giờ. Ở Giang-thành, đuổi trâu bò xuống Hà-tiên, thường đi ngả này.

Trong thành - phố có đường Linh Mạc Cửu đi thẳng lên Trung-nghĩa-từ, đền thờ ngài, thường gọi tắt là Miếu Linh. Trước đền có hồ sen rộng lớn, nước trong-trẻo, hoa tốt-tươi, lá xanh bông thắm, giữa chen nhị vàng. Cả dân thành-phố đều uống nước Ao-Sen, cho nên xe bò chở nước xuống lên thường bừa.

Núi Pháo - đài bề cao không hơn trăm thước, chót núi có mấy tòa nhà dành riêng cho khách du-lịch phương xa.

Đường Hàng-dương là con đường thật ngay đi đến tòa bố. Hai bên lề cỏ trồng dương tự đời cựu-trào, có một hai cây mới trồng sau này. Cây nhỏ chừng 2, 3 tay, cây lớn cả một hai ôm mới giáp. Nhiều cây đa bay, gió đưa lên mình cây dương, bám rễ vào đó, lâu ngày lại làm cho cây dương cong-queo gãy còm hơn mình ; có cây dương phải hư, không sao sống nổi, còn rễ da thì một ngày một giệp xuống và lớn bằng ra, như bàn tay cay-nghiệt nắm lấy cái sinh-mạng cây dương kia vậy. Bóng dương mát-mẻ, ong quạ làm ổ một vài nơi ; gõ kiềng đánh mõ cốc cốc ban trưa, con đều con thừng mắc ngọn cây kêu tung-tung buổi chiều. Giờ nào có gió thì nhánh cây kêu ro ro như gọi hồn cồ-nhân vậy. Đi vòng bờ đồn lớn, có khi chợ trông thấy các ngọn dương xanh - xanh mù - mù. Đi gần thành-phố, chỉ thấy mấy chót núi và mấy ngọn dừa xanh sẫm mà thôi.

Theo đường Hàng-dương, mé tay trái, thuở nọ có hành-cung và dinh quan trấn, bây giờ chẳng thấy đâu nào. Nghe đâu hành-cung ở về đất hội Hà-tiên Thề-thao mà dinh quan trấn là ở tại nhà trường Pháp-Việt hiện-thời vậy. Tang-thương biến-đổi, mà lòng người sao khỏi xót chua.

Ở mé sông tại cầu tàu sở Thương-chính đi lên, là kho rượu, vài cái nhà tư, sân hội đánh banh vợt, tòa tập-tụng, trường học, dinh quan chủ quận và bầu sen. Gần trường có dãy nhà của các ông giáo-học, và vài nhà lá, trong sân để xe lò chở nước, trên rào trồng dây nho rừng bông hoa hồng-hồng.

Bên tay phải, là phía bầu các dãy phố chợ, sở nhà thương, trại lính khố xanh, sở tòa bố. Cuối đường Hàng-dương có núi Ngũ-hồ. Dinh quan cai-trị cất trên núi này. Ở trên trồng xuống hướng đông, có sân cỏ thật lớn có trồng dương, để cho lính luyện-tập, và cho học trò tập thể-thao. Ngoài ra là mé Đông-hồ. Dinh quan cai-trị được ở nơi ấy tốt-đẹp không sao tả ra cho hết. Giá ở Paris, nhà giàu bạc triệu cũng khó được nơi lầu-các gồm đủ các màu sơn-thủy như thế này.

Ở núi Ngũ-hồ, rẽ vào tay trái, đi một đôi là đầu mối đường Hàng-dừa, rồi đến con đường kho bạc, và đường Đông-hồ. Đầu đường Đông-hồ là cầu tàu nhà nước.

Núi Ngũ-hồ, rẽ vào tay mặt, đi vài trăm thước, lại có ngã quẹo về tay mặt, là đường Cần-giọt, Châu-đốc; trước mặt là con đường mòn đi Lò-gạch, núi Lãng (núi Bình-san) và miếu Linh.

Đường Hàng-dừa, trồng dừa từ trên nà xuống gần tới cầu tàu Hà-tiên đi Châu-đốc. Mé tay trái là phía bầu trại lính, và nhà thương; khoáng gần cầu tàu, hai bên có vài chục cái nhà tư và mấy dãy phố lầu buôn bán tập-nạp. Tiệm bán nước, quán rượu tí, tiệm

thuốc phiện, lò bánh mì, tiệm may áo-tiệm hớt tóc, phần nhiều đều ở đây.

Đường kho bạc mé dưới trồng xoài, mé trên gần tòa bố, trồng một thứ cây lấy giống bên Pháp, trái như trái su, da cây mốc mốc, trái khô nứt, bết có cánh quay-quay như chong-chóng. Mé tay trái là sở tuần-cảnh, sở lục-lộ và nhà quan lương-y. Mé tay mặt là sở kho bạc, sở kiểm-lâm, sở điện-tín; dưới nữa là mấy xóm nhà người trong bồn-xử. Tận mé sông là bến đò đưa xe hơi đi Hòn-chông, Rạch-đung.

Bờ Đông-hồ, ngay sở kiểm-lâm, cả mấy chục chiếc ghe củi đậu thay phiên nhau, chờ ghi sổ-sách. Đường Đông-hồ đi vòng theo doi đất. Dừa trồng nhiều, nước nhấp-nhô theo bậc đá rất đẹp. Có xóm Cây-da Cốc-mù, chùa ông Tổ gần hư sập, nhà công-sở làng Mỹ-đức, rồi đến bến đò và chợ.

Trong chợ, ngó xuống sông là khoảng đất trống; ba phía kia toàn là phố lầu một tầng. Sân chợ có bến xe hơi, xe đi các chỗ. Mé tay mặt là bia kỷ-niệm tướng-sĩ tử-trận bên Pháp, mé trái là bến ghe, bến tàu. Ghe đậu rất nhiều và thường có bốn hạng: ghe chài, ghe lồng đi Sa-đéc, Sài-gòn, ghe bầu đi Phú-quốc, ghe Xiêm và tàu-ò đi Vọng-các, Hưong-cảng, Hạ-châu, hàng-hóa có xe tay chuyên-chở cả ngày.

Trông qua bên sông, có núi Tiêu-Tô-châu và xóm Tô-châu, là dãy nhà là chuyên nghề chài lưới, chạy dai vô Đông-hồ. Xóm Tô-châu ngay trước đông hơn, từ ngoài cũ (cũ đóng giữa Đông-hồ) sắp vô cả 4, 5 chục cái rờ đóng khít nhau. Vào năm 1918, xúc kinh xăng băng ngang Đông-hồ, vì lòng lạch cạn, đóng cừ hai bên, rờ không chạy được nhiều và đẹp bết đi. Năm 1928, chỉ còn một vài cái, và 2, 3 chỗ cắm chà vây lưới bắt cá. Rờ đã đẹp, và lập 4, 5 cái đây. Đáy gợn hơn và hứng được hai bề nước lớn nước ròng.

Còn rớ hững như nõ, và có hai thứ : thứ hững theo nước lớn, thứ chỉ hững theo nước ròng mà thôi.

Người muốn qua sông thì đi dò chèo. Xe thì dò lớn. Ở chợ quanh về tay mặt vài mươi thước là mối đường Hàng-dương, rồi lần đến cầu tàu sở Thương-chánh và mối lộ Cần-giọt, Châu-đốc. Lộ này có ngã rẽ tay trái đi ra Pháo-đài. Khỏi mối lộ này là phần đất xóm Cầu-câu, rồi tới Phá, mặt nước mênh-mông lai-láng. Chín, mười rượng lưới chạy dài trên cồn cỏ mấy trăm thước, ban ngày tay lưới phất-phơ, con quạ rĩa lông, con đều xốt cá, đêm có trăng, bóng trăng chiếu rõ, nước ròng chảy mạnh cây rung-rung. Rượng lưới cây khoan cây nhắt không đều, cây lại cong-queo, uốn khúc, những kẻ họa-sư tấ-tắc khen-lao. Ngoài xa, có vài cái rớ hay trụ đá, cột cây mỏng-mảnh dịu-dàng.

Đứng cuối con đường, trông trước mắt có cái Phá là cái vịnh cón-con, nước không sâu lắm. Nhà ở theo vịnh là xóm Cầu-dá, sau này sẽ nói. Mé bên kia Phá là mũi Pháo-đài, cỏ cây xanh sậm, trời chiều chen lạng, có lắm khi trông núi này nho-nhỏ mà có mấy tàn cây xoài tròn-tròn rất đẹp. Trước mắt, như một làn cây xanh, kể vừa núi, vừa rừ: g sát. Khoảng giữa có hòn núi xanh dương, trời vừa chạng-dạng thấy ngọn đèn hoa-tiêu xây tròn, một lát sáng tỏ, một lát tối om. Núi này là núi Nhà-đèn vậy.

Lộ Cầu-câu tới đây đã dứt. Muốn đi Pháo-đài, trước phải quẹo về tay mặt, tức là đi về đất liền, rồi mới có đường đi.

Xóm Cầu-câu hay là xóm Cầu, hết 9 phần nhà lá, ở ken với nhau. Lợp lá cần-đóp, mua tận Cà-mau đem về đây chằm, miếng lá bề ngang 4, 5 tấc, bề dài 2 thước, có hai nẹp cây sặt (sậy). Cầu-câu nhờ lợc thuyền, vợ xé gai chằm lưới, chõng đánh cá đổi tiền. Phần nhiều còn nơi phong-tục nước

nhà, còn để tóc, bịt khăn đen, mặc áo dài. Tánh-tình thuần-hậu, biết thương yêu nhau, ai cũng phải khen. Ăn trộm tới rình một nhà, thì cả xóm áp lại vi không ngõ chạy. Lửa mới phát cháy một khóm, thì cả xóm đều áp tới tiếp cứu, trong nháy mắt là xong việc. Cả mấy trăm năm nay, xóm Cầu-câu có bị dòng gió sập nhà, mà không khi nào bị trộm đạo hay hỏa-hoạn.

Cách 50 năm nay, đất chưa thũng (bồi) được hết, đây là mé sạt nước cạn lại lại, nhà nào cũng có cái cầu dài đi xuống bậc sông. Hai cầu ở gần thì cầu một tấm ván từ cầu này qua cầu kia để đi cho tiện. Cầu này nối liền với các cầu trong xóm, vì thế nên gọi là Cầu-câu chằng. Các cầu ấy hiện nay cũn; còn vài chục cái. Có kẻ lại nói thuở trước ông Mạc Thiên-Tích có làm cái cầu để chiều ra ngồi câu cá, nên gọi là Cầu-câu. Hai đảng phân-ván, khó rõ được.

Khúc sông ở đây phơi cầu phơi lưới nhiều lắm, mà xuống lưới không thiếu chi. Dọc theo mé hay là giữa dòng nước có cắm rượng phơi lưới, chim cò đậu trên, bóng nắng dội vào, gió thổi phất-phơ, nước rung-rung chảy.

Mé sông bên kia là bãi Kim-dữ mấy lùm cây dương, cây bần, cây mấm rất nhiều, lá xanh tha-thướt, có trận mưa nhỏ-nhỏ, lá cây đẹp thêm. Ở ngoài là mũi Kim-dữ ngang Pháo-đài, ngoài nữa là mấy cồn cát. Đi về tay trái, có mấy sở ruộng mới vỡ, sạt mé nước có một dạng cây, ở trong có mấy gốc cây đã đốt, dừa nước dừa gáo không hiếm chi. Hàng dừa gáo mọc liền-tiếp nhau cả vài trăm thước, là lẽ đường lộ đi Hòn-chông, Rạch-đông. Đi lần thêm về mé tay trái, là bến đò xe hơi và xóm Tô-châu. Sau xóm, có núi Tiều-Tò-châu. Eo núi, có ngọn dương ngọn dừa một ngày một cao thêm. Chỗ đó là sân chùa. Canh khuỷu

êm gió nghe nhà sư gõ mõ vang râm để thức-tỉnh lòng người đắm chìm bề khổ.

Dài theo con đường Châu đốc, Cẩn-giọt, mé gần sông là xóm Cầu-câu, mé trên gần trường học là xóm Ngã-ba, thấy nhiều cái quán nhỏ-nhỏ, nhà lá ở ken với nhau rất nhiều. Người ở đây làm thuê, làm thợ. Có nhà chuyên làm dôi-mồi, nhà làm huyền, nhà đi buôn, nhà làm bánh trái để bán ngoài chợ. Xóm Ngã-ba đi lại xóm Cầu-đá không bao xa. Chỗ này có cái cầu lấm rờng bằng đá và gạch, có cốt sắt, không dùng cây, vì thế nên gọi Cầu-đá. Người ở đây chuyên nghề đốn củi, đánh cá.

Đi thẳng ra là Pháo-đài, độ 5,7 trăm thước, hai bên là sát, con nha con công bò nghênh - ngang. Người Lục-tĩnh đã khảm các miếng đất này để cất nhà mát. Dưới chân núi có cồn chạy dài ra gần Mũi - nai, kể có 3,4 ngàn thước. Thợ câu thường đến đây đánh cá, đặt rập, vãi chài. Nước có bùn nhiều, đi tắm không tiện.

Ban đêm, nước rờng, có kẻ thấp đèn chai chài tôm, soi ghe.

Trên núi Pháo-đài, thuở cựu - trào đóng đồn lính. Tân-trào cũng làm thế; đồn ấy thì còn mà quân lính Pháp đã đem hết về các trại Sài-gòn hay Châu-đốc.

Đồn cất kiên-cố, mà đã phá đi một phần, ngày nay chỉ còn một phần. Mấy khẩu súng cạ-lâm vẫn còn chôn quanh theo núi.

Sở nhà trong đồn, đã phá các vách dày làm vách mỏng - mảnh hơn. Nhà này để làm nhà thương cả vài mươi năm và làm nhà khách cả 3,4 năm nay, bóng cây rậm-rạp, gió biển bốn mùa. Trên chót núi, trang đất bằng-thẳng, trừ một chót nhỏ cao lên 5,7 thước. Lên đó được trông bãi nhà nò I-ộc-trĩ, mấy khóm chà cây như cá ngoài biển. Sông không trông được rõ. Dầu cho lượng sông dữ - dội, ở trên cao

cũng không biết được. Thấy sóng tuồng như bò bò chầm rãi vô bờ, mà ghe thuyền tuồng như đi chậm chậm chứ không phải chạy buồm.

Xe hơi, xe đạp đi vòng theo đường Khu-ốc; đường người đi là hai thang đá nhỏ, một thang xuống đường Cầu-đá, một thang xuống mé biển.

Theo chiều núi và gần mé sát, từ đây cho tới núi Lãng hay là Cầu-đá có các bò cừu, dê ngựa thả ăn lang. Bò có đeo lục-lạc bằng cây tiếng kêu cọc-cạch. Bò có núp sau các lùm bụi cũng dễ đi tìm, và lục-lạc cây thô-kịch mà tiện-lợi ấy, là tự nơi người trong hương-thôn chế-tạo ra.

Xóm dẫy ở gần núi Lãng và gần con đường Thạch-động. Vườn-tược kể với nhau. Vườn nào đều có ngăn có rào hết cả được khỏi bề tranh lán, trồng-trắc cây trái rau cải, nuôi bò dê hay gà vịt. Có mùa trồng mía bắp, bầu mướp, khoai đậu.

Đường Thạch-động thông qua Vũng-trách, Cẩn-giọt. Đường này mới làm chừng 30, 40 năm nay. Trước khi chỉ có đường xe bò.

Quan Cao-miên có việc phải đến Hà-tiên thì đi tượng. Tượng cho ăn tại núi Bình-san, nghe mùi dê khét-khét, tưởng là cạp, mới bứt dây chạy vào rừng.

Quanh theo Hà-tiên, núi nhỏ - nhỏ thì nhiều. Núi nào cũng có vườn tiêu, hoa cỏ, hay là danh-mộc, lấm cây tốt đẹp. Trên chót núi, có nơi có chùa, có nơi lập vườn chuối, vườn thom, có trồng xoài mít, có cây sơn chà, có bóng huỳnh-mai.

Trong châu-thành, có vài sắc dân, mà dân An-Nam lại là phần nhiều, ngoài ra là các nhà buôn khách-trú chiếm cả thương-trường. Dân Cao-miên ở làng láng-diềng, khi có nhóm chợ mới ra buôn bán.

Cái quang cảnh thành-phố Hà-tiên trông cũng tầm-thường, mà đẹp là nhờ ở thiên-lạo.

4. — Chợ Hà-tiên

Chợ châu-thành Hà-tiên, về mùa Nam không giống mùa Bắc, ngày trời động không giống ngày trời êm, mà quanh năm lại có ba ngày đặc-sắc hơn cả : ngày mồng một, ngày rằm và ngày gần tết Nguyên-đán.

Chợ cất gần con sông Giang-thành, mái ngói, cột gạch, nền tráng si-măng. Chung quanh chợ có phố-xá, có quán, có tiệm. Sân chợ rộng lớn, ở gần đường mé sông, để làm chợ cá.

Mỗi buổi sớm mai có vẻ hoạt-động ; trưa và tối, buôn bán bo-thò.

Vừa hằng đông, gà gáy rằm cả quanh nhà, thì đã thấy ngoài đường người gánh, người vác, người bưng rổ, người khiêng cà-ròn, trông cho mau tới chợ, bán cho người trong thành-phố hay là bán cho các hành-khách gắp đi xe, đi tàu.

Bước chân đến nhà lồng, trước hết thấy hai cây đèn dầu sáng quắc trong một góc kia. Thỉnh-thoảng lần tới mới biết đó là quán thịt. Quán rộng-rãi, giữa có để tấm thớt dài, các khối thịt heo bày nghênh-ngang, không có thứ-tự, nào xấu thịt nạc, nào thịt ba rọ, nào phôi, nào lòng, nào thủ-vĩ treo trên cây sắt. Vài bữa lại trông thấy con heo quay vàng chói treo tòn-ten ; một cái cân, một bó dây lác để dựa thớt. Mỗi tuần-lễ thịt bò bán hai kỳ.

Đi tới một chút, thấy có các gánh cháo lòng, cháo đậu, chè đậu, bánh lọt, bún, bánh hổi, trê nhỏ xúm-xít ngồi thổi cháo sấp-sửa vào trường. Lại có các hàng bánh : bánh mì, bánh tẻ, bánh công, bánh đúc, bánh kẹp, bánh bèo, xôi, bắp, bánh bao-chỉ, bánh hò-sàng, bánh dứa, bánh ếch trần, nem bì, gỏi cuốn. Mùa nào cũng có bán xu - xoa (rau câu) thứ ngọt và thứ không bỏ đường.

Hai bên chợ có sán bán các món hàng nằm, bán đồ mua sỉ ở các tiệm, bán từ sớm mai tới xế chiều : gạo, củ hành, củ tỏi, cá khô, cá mặn, thuốc ăn, thuốc điều, trầu cau, hộp quẹt. Trong các tiệm có đường mỡ gà, hay là mắm lóc, mắm sặc, mắm tôm, mắm ruốc, mắm ruột (có trứng và ruột cá, mỡ nhiều), mắm thái, và dưa gang bỏ mắm, ba khía nhân muối, đường om, đường thốt - lốt (hay thốt-nốt). Đường thốt-lốt làm từng tảng, bề dày lối 2,3 phân, có ba cỡ, lớn hơn hết là bằng cái đĩa đựng đồ ăn. Một lối 20 tảng, gói lá thốt - lốt, có ràng dây. Đường om là thứ đường thốt lốt lỏng-lỏng và không được vàng lắm, hơi đen, nhưng ngon ngọt hơn đường tảng. Đường đựng tỉnh đất sét, mỗi tỉnh nặng gần một yến, giá một đồng (đồng bạc), trên miệng bịt lá, quanh có ràng mây và độn rom. Nước thốt-lốt ở Vũng-trách, Cần-giọt, Nhà-bàng có bán ; đây không có. Ống tre lớn đựng gần ba chai, mỗi đầu gánh chín mười ống. Cái chén bằng ống tre nhỏ, dùi lỗ xỏ dây phía dưới đít. Kẽ mua uống xong, máng ra đầu gánh. Nước mới lấy mùi ngọt tựa nước mía, hơi hơi khói, đang nắng lâu phải chua.

Dựa bên sạp có để thùng dầu lửa, hai ba khèn (thùng) dứa khô, than đước và vài chục tỉnh nước mắm. Gần đây, có quán cơm, quán nước đá, chung quanh bàn có để ghế sắt, có người đến ăn đến uống, tiếng nói vọng tai.

Cuối chợ có hai quán nhỏ của người khách-trú, chung quanh bao-toàn là vàng, trong có bày tơ lụa, vải đen, vải trắng, viết mực, viết chì, giấy trắng, sỗ-sách. Kẽ bên lại có một quán nước đá và quán nước sâm có bán các thứ kẹo ống, kẹo dứa, hộp nho, hộp nhãn, cảm-chi, cà-na.

Bên tay mặt có vài ba người đàn-bà chiên chuối, chiên bánh chôm-chôm,

đồ bánh khọt khời lên nghi-ngút; các trẻ đứng coi bao quanh. Người đổ bánh khọt đổ bột được ít lâu thì lấy cọng chuối xoa mỡ vào khuôn.

Mấy thím, mấy cô bán xôi ngồi ngoài sân, ngồi hai hàng, chừa đường đi chính giữa. Ai mua xôi thì người hỏi: muốn đồ xôi trứng gà hay xôi dừa, xôi tôm khô, hoặc xôi không, và thò tay vào việng dừa bóc một nắm mà để lên xôi, kể đó thì chế một muỗng nước dừa cho béo.

Vịt gà kêu cheo-cheo trong rổ tre, tuồng như muốn chạy đi. Sau hàng xôi là các người đàn-bà Cao-miền bán mướp, bầu, bí rợ, bí đao, khoai môn, khoai lang, hành, hẹ, rau ngạnh-ngạnh, rau muống, trứng gà và các thứ ớt, hay là đậu đũa. Các thứ rau đều cặp gắp sẵn cả, không lựa chọn thêm bớt gì được. Rau cải để từ khóm xanh-xanh như khóm lá cây tươi vậy, kể bên là các rổ khoai lang, khoai từ, dưa chuột, cải dưa, giá sống; và các thùng gạo thóc, gạo trắng, gạo lứt, nếp than, cám giã.

Chỗ bán cá ở ngoài sân chợ, thiên-hạ lao-xao, tiếng nói vang-vậy. Cá thường đồ trên đệm. Cá lớn như cá đoi, bạc má, cá nâu, cá thu thì sắp ra. Cá nhỏ như cá com, cá ve thì đồ đồng trên đệm. Vòm, cua, ghe đựng trong khên. Tôm thì sắp từ mớ, giá lừ ba cắc đến năm su một mớ, khi mua ít khi thêm bớt được. Một hai khi, có bán hào, đập ra sẵn và đựng trong tô. Có người bán lươn, cá lóc, cá trê, cá rô, đập đầu cá nghe lộp-bộp, thỉnh-thoảng lại có lươn trong khên bò ra. Mỗi tháng, đều có tôm càng lột, cua lột, ghe lột. Sáng trắng thì ghe ốm đi, gọi là ghe bán thịt.

Buổi tối, người ta bán bánh trái rất nhiều như mía, bánh dầy, các món đồ ngọt. Mấy đêm có hát, thì bánh trái nhiều hơn nữa.

Tháng 3, tháng 4, có sầu-riêng, có thom Cần-giọt. Tháng 9, tháng 10 có mía Cần-giọt và mía Châu-đốc.

Mía Cần-giọt, ốm cây, vỏ đỏ, ngọt lắm. Mía Châu-đốc là giống mía vỏ vàng xanh-xanh. Mía Hà-tiên lớn cây mà ít nước: Mía lớn kêu là mía tượng, bán mắc, một lóng chừng một gang tay bán một su.

Tháng 6 đến tháng 10 là mùa cau tươi, ở chợ bán 4, 5 đồng một thiên tùy theo lớn nhỏ (1 thiên = 1000 trái). Tháng 5, có măng-khụt. Tháng 6, tháng 7, có xoài, có nhãn.

Lâu lâu, có người đến bán sách, bán bàn ghế, sơn-thủy, đèn, vải độc-bình, hình-ảnh, và các đồ phụ-tùng về việc may-vá.

Bắp bán có mùa, đến mùa bắp thì ghe các xứ chở đến bán. Bắp ấy, khô già rồi, chỉ để nấu hay gói bánh tét. Bắp tươi thì tàu Châu-đốc chở, vì ghe đi lâu ắt phải khô đi, bán không được giá. Bắp chở cách sông không ngon-ngọt bằng bắp đây, nghĩa là bắp ở tại Hà-tiên, bởi thế nên bán rẻ hơn nhiều.

Tháng 7, có khoai lang. Khoai đây nhỏ củ, đỏ và ngọt. Khoai các tỉnh chở lại lớn củ, có bột nhiều, mà không ngọt bằng. Người ta bán theo tạ, mỗi tạ hai đồng hay ba đồng tùy theo khi ghe khoai lại nhiều hay ít. Bưởi, cam, quít, nhãn, cũng đều về mùa này.

Tháng 8, tháng 11, có củ sắn, củ lớn nặng gần 2 cân, trừ hơi nặng rất hay; nhưng có khi nghe nói ăn phải chết. Sắn cây không có củ, vỏ trắng, cây tựa như cây ổi, vỏ để sắn chài lưới.

Dưa hầu bán trong tháng chạp; ở làng Lạc-trữ chở ra. Khỏi kỳ-lộ, xóm Lạc-sơn có nhiều đám dưa lớn. Dưa sắp đồng lớn, dưa cắt mặt khoe màu, trông một lượt thì các màu xanh đỏ hay xanh vàng pha lẫn nhau.

Mỗi năm có ba rằm lớn, rằm tháng giêng (thượng-nguyên), rằm tháng bảy (trung-nguyên), rằm tháng mười hạ-

nguyên). Trước ngày rằm cũng bán hoa quả, đồ chay như ngày rằm mồng một và bán các món bánh chay có nước dừa như bánh bò, bánh ếch, bánh nếp, bánh da lợn. Hết mùa dưa hấu, là mùa dưa leo, dưa chuột. Dưa ở vườn mùa nắng gắt, ăn thường phải bệnh.

Một tháng có 2 ngày ăn chay, chợ bán không giống ngày thường; có bán nhiều rau cải, bầu, bí, mít.

Các ngày mồng một và các ngày rằm nhỏ đều giống nhau. Mấy ngày rằm lớn có khác nhau nhiều, mà bông hoa trắng đỏ hàng này qua hàng kia, thì hôm nào cũng mừng - tượng như nhau.

Rằm tháng tám, có bánh in, bánh trung-thu, bánh in đậu, bánh in mít, khoai môn để cúng trăng. Bánh in phần nhiều là bánh Cẩn-giọt. Bánh in nhiều thứ, thứ bột gạo, thứ bột nếp, thứ màu trắng, thứ màu vàng. Hình-tượng tròn-trịa mà lại nhiều hạng. Có mấy thứ ấy, các thứ bánh kia (bánh bò, da lợn) thường hay ế, nên họ biết chừng mà không làm nhiều.

Mồng 5 tháng 5, có bánh trạng gói bằng lá mật-cật, bốn góc như bánh ú, nên có người kêu bánh ú nước tro vì nếp trước phải ngâm nước tro mới được. Đến ngày mồng 5 tháng 5 là ngày chánh, có nhiều người bán lá thom để rắc trước cửa ngõ, ấy là cô-tục của người Nam.

Mười một tháng một (năm nay) là ngày Đông-chí; chợ không bán thứ bánh nào hết, vì nhà nào cũng vò-ỹ hay làm bánh trôi nước đặng cúng.

Ỗ làm bằng bột nếp vò lại từng viên tròn nhỏ như đầu ngón tay rồi bỏ vào nước đường. Bột thường bỏ màu xanh đỏ, có khi để trắng.

Ngày rằm mồng một, mỗi người bán một gánh bánh vụn - trùng, nào bánh da lợn, bánh bò mít, bánh bò

trong, bánh ếch, bánh cấp, bánh qui, bánh nếp, bánh men, tánh củ-cải, bánh bột bán. Các món bán ngày thường như: bắp, xôi, bánh sùng, bánh trùng sam hay cứt chuột, thì mấy ngày ấy không bán.

Có người bán mít hầm, tương rau, đậu hũ, đậu phộng, cà, bầu bí, ván-ván. Có bán chuối sống để trưng bán thờ và bông huê đủ màu. Bông bó sẵn, một bó một cắc; còn chuối tùy theo lớn nhỏ mà bán.

Đàn bà ở đây bán hoa quả. Như bán bông cúng rằm, chẳng phải đợi sáng ngày rằm hay sáng mồng một, mà phải bán bữa trước. Chuối, bầu bí cũng bán ngày ấy. Chánh ngày rằm thì bán đồ chay nấu sẵn, và bán đậu hũ, môn, cùng là các món đem về nấu đồ chay.

Chín mười bữa, có ghe gạo, ghe nếp, ghe củ sắn, chở tới cần cho tiệm hay bán hàng. Cũng có các ghe chài chở hàng Chợ-lớn cho các tiệm buôn khách-trú. Lâu lâu, có ghe chở đồ lò gốm, lu hủ, nồi, chách, ống lò, cà rang, chén bát.

Qua mùa Nam, có ghe Hòn chở nước mắm Phú-quốc, đồn-đột, khó mực vô bán. Mùa nò thiếu chi là cá. Dầu người đi chợ trưa, ra mua cá cũng còn. Khi nước ngọt trên nguồn đồ xuống, vào tháng 8, tháng 9, trời sa mưa dông, chỉ có chút đỉnh cá dầy, cá rờ, lười và cá giò chà như cá nâu. Cá nước ngọt ở Châu - đốc chở vô như cá lóc, cá rô, lại có chở bông sùng, gương sen, mua, mắm, cá mặn.

Mùa đông chợ không có cá cho nhiều, cho nên khi ấy thịt heo bán mắc. Ở Phú-quốc, khó cá ngán, cá ngừ, hay là mua khô, và cá mặn ở Hàm-ninh đem vô Hà-tiên bán.

Mùa nò, cá bán thật nhiều mà lại rẻ nữa. Thịt heo bán càng ngày càng sụt giá xuống. Xóm Cầu-cầu ít đi đánh cá, chiều chiều chèo ghe dọc theo mé

biển Mũi-nai chờ ghe nò mua cá về bán : cá thu, cá chếc, cá nhám, cá thiều, cá bạc má v. v..

Gần tiết Nguyên-đán, chợ càng ngày càng đông thêm, lại còn bán ngày bán đêm, không khi nào dứt. Hai mươi chín tháng chạp là ngày bắt đầu đông chợ đêm, chong đèn chai đỏ chợ, người qua kẻ lại rầm-rầm rợ-rợ không ngày nào bằng; mà năm nào cũng như năm nấy. Chợ bán rông là đồ dùng trong mấy ngày tết Người bán đồ, người giữ đồ, người lại lo về gánh ra thêm. Đồ quả có dưa hấu, cam ta, cam tàu, quít, hồng tươi, hồng khô, nhãn, trái vải, chà-là, trái táo, nho khô. Lúc ban đêm thì bán rau hành, cải bẹ, cải rổ, cải mận, cải củ.

Bông hoa gánh ra cả gánh, bông vạn-thọ, bông mồng-gà, bông qui, bông móng tay. Hoa vạn-thọ là nhiều hơn cả. Người nào gánh gánh đi đường cũng có cầm một cây đèn chai cháy đỏ đối với cảnh trời tối mờ-mờ.

Mấy người Cao-miền thì gánh dưa hấu. Dưa hấu lúc gần tết cũng nhiều như dưa chuột và rau hành vậy. Người nào đi chợ cũng mua cả rổ để dùng lúc đầu năm vì lúc ấy chợ không nhóm.

Thịt heo thịt bò làm liền liền, mấy thợ cũng hết, làm con này qua con nọ như làm gà, một ngày mỗi chủ lối một chục con.

Ban ngày lại bán bánh bán cháo từ sớm đến chiều. Bánh ấy là các thứ bánh để được lâu dài, không giống như các thứ bánh ngày rằm hay mồng một. Bán gừng, bánh men, bánh cà-na, bánh bông lan, bánh thuần mà nhất là bánh tổ, để lâu chừng nào lại ngon chừng nấy.

Lại có bánh khoai (khoai lang), bánh ếch, bánh tét. Có nhiều món có bỏ màu trông thêm đẹp, bánh cà-na, bánh men, bánh trứng đều có pha màu đỏ. Mỗi người bán bánh được vài chục đồng.

Trên đầu chợ có ông lão người Trung-hoa viết liền murôn, ai đem lại thì cầm viết viết liền, tuồng như sách đã đem vào lòng hết rồi.

Trong tiệm ở chung quanh chợ, người ra kẻ vô tấp - nập, cũng lộn-xộn như ngoài chợ, nhất là mua pháo, mua nhang, vàng bạc giấy tiền, giấy liêng, giấy áo, đèn nến đèn dọi. Lại có nón dù giày, vớ, lịch Tây lịch Tàu.

Có vài người đàn ông đàn bà Hà-nội quẩy đồ đi bán đồ hay bán tại chợ. Bán những võng, quạt, chân dài gỗ, quế, lược, và pháo tre nhiều hạng.

Cảnh chợ Hà-tiên không lúc nào đông, không lúc nào vui và lộn-xộn, không lúc nào làm rộn lòng cho người trong tỉnh bằng lúc này. Suốt đời, để chỉ có mấy ngày này là cảm-khái vô hạn vậy.

Vừa đêm vừa ngày, đều

Dập-diu tài-tử giai-nhân,

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.

5 — Đông-hồ ấn-nguyệt

Lờ-thờ kia núi nọ non,

Đời bao mấy lũ cảnh còn nhưng nhưng.

Mắt lão-lương mãnh nhìn hoa cỏ,

Một Đông-hồ là thú Vồng-xuyên ;

Vũng bằng nước trải trời liền,

Khi ban rượu cúc giòng thuyền giúp vui.

Nguyệt sao soi một vầng vàng-vạc,

Tượng giữa dòng in sẵn cung-ngà ;

Khách tiền vầy lũ đời ba,

Trên kheo mắt ngọc dưới loè dài gương.

Một tấm buồm muôn trùng xa cách ;

Nhìn nhau thì trong sạch nước thu.

Nồi chim đã hẳn trước sau,

*Lòng không chốn hiểm quân đầu lạnh
lùng.*

Hiu-hiu ai phất gió đông,

Trên hồ tinh-tú một dòng lung-luy.

Kẻ gió mưa người thì non nước,

Hai phía đều chiếm được thu-thanh;

Cảnh lạnh như đợi người lành,

Mua nhân một khắc giá đành nghìn cân,

Thấy tinh-thần tấm lòng phôi-phôi,

Biền vẽ-vời xui lại nguồn tham ;
 Khuyên ai chưa trả áo cơm,
 Đã say thể nước lại ôm thể trời.
 Mấy khách chơi xa gần tưng-tu,
 Rượu thơ bày chẳng ngủ năm canh;
 Say sưa xem cảnh hòa-thanh,
 Ca soang dưới nguyệt tiếng doanh
 trên ngàn.
 Mấy khách thuyền mỗi tài mỗi đủ,
 Thưởng giai-kỳ kẻ phụ lương-liều;
 Hòa nghe hòa tỏ hòa xiêu,
 Gió mưa phủ động nước bèo khiến tan.
 Chút lời hoang giải vẫn tả cảnh,
 Miễn đừng cười dễ sánh tiên-chương.

Thơ rằng :

Một hồ rờ-rờ tiết thu-quang,
 Giữa có vầng trăng nổi rõ ràng ;
 Đáy nước chân mây in một sắc,
 Ả Hăng nàng Tố lộ đôi phương ;
 Rạng thanh đã hững thuyền Tô-tử,
 Lạnh-lẽo càng đau dạ Lạc-xương ;
 Cảnh một mà tình người dễ một,
 Kẻ thì ngả-ngón kẻ sâu thương.

6 — Châu-nham lạc-lộ

Luôn đàng trở gót ra đi,
 Chân còn Thạch-động mắt thì Châu-nham.

Thế đã cam thợ nào mặc dặng,
 Hình thể này mấy bạn họa-danh ;
 Đỉnh kia tháp nọ đã đành,
 Sói hùm lợn-lạo yển oanh dần-đà.
 Non chẳng giá ai xưa khéo đặt,
 Nở chồi thu hây khác kiêu-nhiều ;
 Dọc dờ đã mọc treo-teo,
 Đã quen quyền nhạn lại nhiều rử lang.
 Có đầu kẻ số muôn ngàn,
 Tuôn mây vền ngút mang mang bay về.
 Đầy bốn bề kêu la tỏ-mở,
 Lộn lộn-rông rông như vỡ chòm ong ;
 Roi ngàn rơi phấn giữa không,
 Sương kêu đòi cụm tuyết phong khắp
 hàng.
 Vì Hoàn-hương nhạn phân chủ-
 khách,
 Trắng hòa ngàn chẳng khác trời
 động ;

Chen nhau giáp cánh đứng lòng,
 Vật tranh thế ấy non lòng biết bao.
 Sắc phau-phau đã nên trong sạch,
 Đối thái-hư hắc bạch càng phân ;
 Bỏ ngày khác chốn giang-lân,
 Cá tôm dớn mắt xa gần ỏi tai.
 Xót cõi ngoài đời le bãi hạc,
 Nhớ đầm xưa lại nhắc ngạt-ngáo ;
 Chi bằng cây cỏ tán cao,
 Co tay một giật ba sào chưa hay.
 Dầu chẳng tầy sẽ toan thế khác,
 Ai chẳng cho ưu-lạc làm chi ;
 Đã hay có chỗ về đi,
 Người lành chưa dễ mất khi đồ đình.
 Một chữ tình lại thêm chữ cảnh,
 Chạnh lòng này mấy tiếng trường-
 ngôn.

Thơ rằng :

Biết chỗ mà nương ấy mới khôn,
 Bay về đầm cũ mấy mươi muôn ;
 Đã giàng chữ nhất dài trăm trượng,
 Lại sắp bàn vây trắng mấy non ;
 Ngày giữa ba xuân ngàn phần về,
 Bêm trường chín hạ tuyết sương còn ;
 Quen cây chim thể người quen chúa,
 Dễ đổi ngàn cân một lăm son.

MẠC THIÊN-TỊCH

(Hà-tiên, thập cảnh vịnh)

7. — Phương-thành

(Do theo sách Hà-tiên Mạc-thị-sử của ông Đông-hồ)

Đất Mang-khảm là một quận ở về tây-nam nước Cao-miên Đất Mang-khảm từ khi phụ-thuộc với Nam-triều thì vua Hiếu-minh đổi tên là Hà-tiên-trấn và phong tước cho ông Mạc Cửu ở giữ trấn ấy.

Khi ông qua đời rồi thì ông Mạc-Thiên-Tịch lên kế nghiệp cho cha. Bề ngoài ông là quan trấn của Nam-triều, lãnh chức Tổng-binh đại-dò-đốc, mà bề trong xem chẳng khác nào ông vua chư-hầu.

Ông có thể-lực mạnh, oai-danh to, mới lo việc trị-an trong xứ. Trấn Hà-tiên nổi tiếng là thơ văn hay, nên nhiều người vì châu-thành thuở nọ như chỗ sản-xuất nhiều bông hoa tốt đẹp và gọi là Thành-trúc, Phương-thành.

« Những thơ sau này vịnh xứ Hà-tiên có những câu :

« — Hà-tiên tự cổ xưng thi-bá...

« — Từ phú tặng hoa văn-hiến quốc..

« — Văn - chương cao ngật Trúc-băng-thành...

« — Tài hoa lâm-lập trừ Phương-thành,

« — Nam bắc hàm vân thập bát anh,

« — Hồ chức long thoa thành nhĩ-tụng.

« — Chiêu - anh các - thượng hữu tinh công,

« thì thật cực-lả cái cảnh-tượng nhân-vật lúc bấy giờ vậy. »

Ông Mạc Thiên-Tích lo giáo-hóa cho nhân-dân, chiêu-mộ những người tài giỏi, vừa người Nam vừa người Tàu để đem cái lễ-nghĩ văn-hóa mà ban-bố cho dân-gian. Ông lập ra một thi-đàn gọi là Chiêu-anh-các để thờ đức thánh Khổng-phu-tử và rước những thi-bá văn-hào anh-hùng chí-sĩ cả thầy được mười tám người, ông đặt là thập-bát-anh. Người giỏi nghề văn, người giỏi nghề võ, người thi văn-võ toàn-tài mà cả thầy đều là anh-hùng lỗ vận.

Chiêu-anh-các cất ở lối trước chùa Tiêu-tự. Đền-đài và cung-điện của quan Tổng-binh đại-đô-đốc ở về phía tả chùa ông Quan-đế, nhưng không được chắc là chỗ nào. Sau chùa còn dấu-vết bờ tường ngày xưa, chỗ cao một thước, chỗ sát mặt đất, chỗ cao bảy, tám thước, bề dày gần một thước và đục toàn đá trứng rất kiên - cố. Tường rong đóng đen mà các cạnh hãy còn bén lẫm.

Đường Mũi-nai, cách châu-thành bây giờ 3 ngàn thước, có cầu bờ-đồn-

tả, và đường Thạch-động có cây Gia cửa lũy. Từ bên này qua bên kia, có con đường gọi là Bờ-đồn-nhỏ, có bờ đất sét thật cao, trồng tre khắp hết. Tre ngày nay có chỗ nhỏ như cườm tay đứng ken với nhau, có chỗ rụi đi một vài phần.

Đường Bờ-đồn nhỏ, hết hai phần có xi-măng nện cứng láng như sân đánh banh vợt. Có lẽ đó là chân tường ngày xưa.

Từ có Chiêu-anh-các và Văn-miếu mà giống văn-chương tốt đẹp đã sinh-sản gieo lả ra.

Trong Chiêu - anh - các ngày nào cũng bàn - bạc việc binh lo mưu tính kế, cho nên việc cai - trị rất nên chính - đốn vậy. Thuở ông Mạc Cửu thi mới lo khôi-phục, bờ cõi vừa yên yên, kể ông qua đời. Bụi lùm, ác-thú còn nhiều. Đến nay dân-sự càng ngày càng thêm đông đảo. Vườn tiêu, vườn mía, ruộng lúa, rừng ong một ngày một mở-mang thêm ra.

Đất này về sau, đặt làm bốn huyện : Kiên-giang (Rạch - giá); Trấn-giang (Cần-thơ); Trấn-di (Bãi-xàu) Long-xuyên (Cà-mau).

Hải-cảng cũng thêm náo-nhiệt : tàu đậu chật sông, lại có một lớp nhà cất dựa theo mé sông đi trên bờ từ Đông-hồ ra Pháo-đài không dòm thấy mặt nước. Ngày nay thuế-khóa nặng, tàu ít chỗ hàng, chỗ lại đầy bánh thùng, dầu lửa, và chỉ lo ăn hàng mà thôi. Tàu Xiêm - la, thuyền ngũ - quảng : Quảng-nam, Quảng-nghĩa, Quảng - bình, Quảng-trị, Quảng-đức cùng là ghe Đại-minh đến bán buôn tấp-nập, ồn-ào rộn-rịp cả ngày nên hải-cảng có tên riêng là « Tiểu Quảng - đông »

*Lớp ngoài một giải tràng-giang,
Tàu chen mũi đò, thuyền đương bước về,
Chài lan xan-xát lá tre,
Chiếc đò mái dầy, chiếc kè bến neo,*

Đất Hà-tiên đã có vẻ thịnh - vượng, nhưng cái đức tốt vẫn còn. Sách Gia-định thống-chỉ nói lúc ấy dân-gian an-cư lạc-nghiệp, phần nhiều là người Tàu, đều lo giữ tình đoàn-thể, ai nấy kính nể nhau, coi nhau như anh em một nhà, không hề có cái án ăn trộm ăn cướp nào cả. Cảnh - tượng trời Nghiêu đất Thuấn vua thánh tôi hiền, không kém đời thượng-cổ bao xa.

Đàn ông thì hay về văn-chương võ-nghệ, đàn bà lại khéo về nữ-hạnh nữ-công.

Mỗi năm đều có lệ tế Nam-giao và nhà Thái - miếu. Dân-sự nấu cỗ bàn bánh trái đem dâng. Quan trên quảng-đại, ai khéo, của một thi được ban thưởng đến mười, nên ai nấy đều đua nhau khoe khéo.

Việc canh-phòng vẫn là nghiêm-nhặt. Bài vịnh Giang-thành dạ-cổ có câu :

Yên nước nhà phải gài then chốt,

Dự phòng khi nhậy nhót binh đao.

Thế mới biết, tuy nước nhà yên-trị, mà ông vẫn lo phòng-bị, hay là ý ông muốn độc-lập cũng không chừng. Ông là người Tàu, dần có ý muốn độc-lập cũng là lẽ chánh-đáng vậy,

Ông lập đồn lập lũy, luyện-tập binh-mã thường thường. Ban đêm đánh trống truyền lao, thay phiên canh-gác, nhân-dân lạc-nghiệp an-cư.

Trong đền thờ ông có câu :

*Nhất điệp phang hàng quốc lũng
vịnh.*

Là ý nói nhờ ông cai-trị như thế, cho nên dân-sự bình-an mà nước nhà cũng nhờ đó mà thêm vinh-dự nữa. Nghe đâu ông cũng có lập cái cầu ở phía mé sông để những khi nhân-rời đến cầu. Nơi đây gọi là Nam-lầu thủng-tọa, và trong dân-gian vì đó mà gọi là Cầu-câu chằng ; đến nay xóm ấy hãy còn.

Lúc rảnh-rang việc nước ông Mạc Thiên-Tịch cùng Thập-bát-anh hay

du-sơn du-thủy, ra Nam-phố thả câu, lên Thạch-đồng ngắm cảnh, qua Bình-san hái hoa, và tết Trung-thu ông thường đến Đông-hồ bơi ghe chơi phẩm. Trăng trong nước biếc, ấy là thú vui của kẻ ngâm thơ.

Truyền rằng ông với các quan ngồi thuyền đi trước, còn học - sinh bơi thuyền theo sau. Mỗi khi các quan ra câu đối mà học-sinh đối được thì thưởng một chén rượu, gọi là cái ân-huệ của ông. Bởi vậy học-sinh ai nấy cũng đua nhau đối-đáp để được lời khen và rõ-ràng thầy bạn.

Ông có câu đối chữ Hán nói về cái trướng vạt, câu ấy chưa ai đối lại. Sau này mới có tiên-ông đối lại.

Hai câu như sau : 1° *Phá hoãn tở
thuyền, mắng tải huỳnh-kim bạch-ngọc.*

2° *Quả đặng như nguyệt, chiếu
lâm xích-địa thanh-thiên. — Xẻ trướng
như ghe, dầy chở vàng vàng ngọc
trắng ; treo đèn như trắng, soi thấu
đất đỏ trời xanh.*

Ông Mạc Thiên-Tịch cai-trị từ năm át-mão (1735). Đời ông có hai trận giặc, năm 1739 và năm 1771 ; giặc Cao-miên và giặc Xiêm - la, mà giặc Xiêm-la này là khốc-hại hơn cả.

« Năm 1739, Nặc Bồn đến đánh Hà-
« tiên. Thiên-Tịch khai-chiến, binh Cao-
« miên đông, phải kiệt-lực đánh mới
« thắng được, nên đốc binh đánh cả
« ngày đêm, quân lính không lúc nào
« được rảnh tay. Mạc phu - nhân là
« Nguyễn Thị-Thủ phải coi việc hỏa-
« đầu, lo cơm nước cung-cấp cho quân-
« lính, theo trong loạn - quân, trước
« đầu gây mũi đao, luôn mấy ngày
« đêm, sau giặc Cao-miên thua chạy,
« qua đất Sài-mạc mà về nước. Từ đây
« không dám sinh-sự đến đất Hà-tiên
« nữa. . .

« Năm tân - mão 1771, Trịnh Tân
« binh-thế đã lớn, mới cử binh sang
« đánh Hà-tiên. Ông Thiên-Tịch báo
« cho quan Khôi-đức-hầu hay và xin

« binh cứu-viện, vì trước có việc oán, « nên quan Khôi-đức-hầu không chịu « phát-binh. Quân trấn Hà - tiên vừa « mới bị bệnh ở Chinh-bung năm trước, binh-thể đã suy nhiều, nên không thể sao đánh thắng được binh Xiêm. Ông Thiên-Tích sai con thứ tư là Tử-Thiên đề-độc lục - binh ngăn đường bộ, còn con thứ ba là Tử-Dung quản-sát chiến - thuyền giữ đường thủy, và chư-tướng ngăn các yếu-lộ, đánh nhau với Xiêm hơn nửa tháng. Trong thành đã nguy, ngoài không binh cứu, thể giặc càng ngày càng lớn, nên trấn Hà-tiên bị binh Xiêm vây-phủ. Nhân đêm tối, binh Xiêm lên được bờ vào đốt kho tàng, thừa lúc lửa cháy mà leo thành, nổi dồ trong đánh ra, ngoài đánh vào ; ông Thiên-Tích liều chết, thể quyết chẳng chịu bỏ thành, đánh vùi với binh Xiêm suốt đêm. Đánh trận này tỏ cho thiên-hạ biết ông Thiên - Tích là một người dũng - cảm lạ thường. Tinh - thể đã nguy-ngập, nhưng ông đánh vẫn hăng-hái lắm, càng khuya càng hay, càng lâu càng mạnh, trong đêm đó một thanh đao ông tung-hoành trong vòng quân giết chết binh Xiêm vô-số, nhưng binh Xiêm đây vì có dùng súng « tiểu-thương » nên binh Hà-tiên lao nhiều « lắm. Chư - tướng thấy thể không « chống cự mãi được, nếu đánh lâu « tất có nguy, mới nghĩ chước dối ông « Thiên - Tích xuống thuyền để đánh « trận thủy. Khi ông Thiên-Tích xuống « được thuyền rồi, chư-tướng mới đốc- « binh chạy qua An-giang (Châu-độc).

Binh Xiêm lấy luôn An-giang, sau phải thua đạo binh Đông-khâu-đạo (Sa-đéc), nhưng khi lấy trấn Hà-tiên, thu-vét của-cải, cướp bóc nhân - dân, đốt hết kho tàng.

« Những thi-ca ngâm - vịnh lúc bấy « giờ, trải qua cuộc lửa binh (vừa kể ở « trên) mấy vần chẳng khuyết, mấy « thơ chẳng tàn, nên nay không còn

« được bao nhiêu. Sách chép rằng ông « Mạc Thiên - Tích có làm hai tập Hà- « tiên thập cảnh vịnh. Một tập bằng « Hán-văn, một tập bằng quốc - văn và « ba mươi bài phú Lu-khê nhân-điều. Nay mười bài Hà-tiên thập vịnh bằng quốc-văn còn truyền đủ, chứ những thơ chữ Hán chỉ còn mấy bài thôi. Lại cái di-chỉ Chiêu-anh-các bây giờ cũng không được biết đích thực là chỗ nào cả.

Sau những khách hoài-cổ qua chơi Hà-tiên, mền cảnh nhớ người, tỏ ra biết bao nhiêu câu ngâm-ngùi thán-tích, giọng ai-oán não-nùng như bài :

*Thi hữu tinh-anh tứ hữu thần,
Sơn-hà y cựu vật hoa tân,
Bách-niên thế-sự hồn như mộng,
Thùy thị Chiêu-anh các thương nhân
và câu :*

*Thùy năng thức đắc Chiêu-anh-các,
Minh nguyệt thanh-phong nhận đắc
chân,*

« thì kẻ chép sử cũng nhân-tâm ấy há thiên-lý nào ? »

8. — Đồng-diền

Đồng - diền Hà - tiên không nhiều quá ; đất rộng, nhưng vì đất cao, rừng bụi choán một phần và núi non choán thêm một phần. Lúa gạo có nhiều lắm chỉ đủ ăn cho dân trong tỉnh ; nhưng mà thật nhiều giống lúa : nếp trắng, nếp than, lúa nân dài, nân ước, lúa sọc đày, lúa trắng, lúa lem, lúa nhum. Nhiều giống thì không săn-sóc riêng được một giống nào, và lúa không được tốt. Nghe đâu nước mình cả 5, 6 trăm giống lúa, còn ở Nhật-bản chỉ dùng trên 20 giống lúa mà thôi. Người làm ruộng phần nhiều là người Cao-miền hay người Khách-trú, không có mấy người An-Nam.

Đường đi Lộc-trĩ và Thạch-đồng, Hòn-chông, hai bên đồng lúa xanh mon-mỏn. Một cánh đồng lúa mùa trở bông ngâm sữa. Gần đây cũng có

mấy đám lúa chín về rạo lúa sớm. Thỉnh-thoảng một luồng gió thổi qua làm cho gié lúa lướt theo chiều gió như làn sóng lướt trên mặt biển. Cánh đồng lúa mênh-mông bát-ngát, kia chan-chứa biết bao là cái hi-vọng nồng-nàn của kẻ nông-phu, là kẻ quanh năm đầu tắt mặt tối, cày sâu cuốc bẫm.

Xa xa dựa chân núi, trên sườn núi có đài xóm nhà nhỏ nhỏ lúp-xúp sau bụi chuối dặng tre, lại có vườn dẫy xanh um dưới chân núi. Mấy nhà ấy là nhà kẻ nông-phu vậy. Hôm đầu mùa, sớm mai trời thanh gió mát, cùng là đông gió mưa dầm, kẻ nông-phu cũng vẫn đi cày đi cấy rất đông. Chỗ này đang cấy, chỗ kia đang bừa, xa xa thấy dặng đen đen ngược lên khòm xuống coi như chim cò đi kiếm ăn vậy. Chim gié, chim khoang-cổ đang rình mồi dựa bên bờ ruộng, kẻ thợ săn đang ẩn núp sau lùm bụi, hay là các gò mối.

Nhà cửa người thôn quê phần nhiều là mái tranh vách đất, xoài mít um-tùm cho nên lúc nào cũng được bóng mát cả. Chung quanh nhà có vườn rau cải, có vồng khoai đậu, lại có vườn tiêu ở quanh núi nữa.

Gần Hòn-chông ruộng nương tốt lắm, đất đã mềm mà lại có phân nhiều, nhưng mới vừa khai-phá một hai năm nay.

Gần Thạch-động lúc trước là cây cối rừng sát, cây tràm, cỏ năng mọc nhiều. Lăn lăn thiên-hạ đến ở, khai-khẩn đất ấy làm ruộng nên năm nào lúa gạo cũng có dư chút-đỉnh đem ra bán chợ. Mà năm nào cũng phải mua thêm lúa gạo xứ khác, mua gạo Long-xuyên, mua lúa Ba-rinh, là hải-đảo thuộc quyền Xiêm-la cai-trị.

Khi rảnh việc, kẻ nông-phu lên hạt Cao-miên mua trâu mua bò, hay sửa-sang cây bừa cho chắc-chắn. Lối tháng tư, tháng năm, nước mưa đã nhiều, bấy giờ đến lúc dọn đất. Khi mạ lớn,

lại nhỏ mạ và cấy. Nếu nước ít thì phải tát vò. Việc làm nặng nhọc mà chuyện-văn rất ồn-ào, cũng có khi họ hát đối-đáp nhau, hát lắm câu một-mạc thật-thà mà hay.

Câu hát của người Cao-miên lại thật-thà lắm.

— Con trâu ăn lúa, anh không dám
đuổi,
Con trâu đi rồi, anh đuổi em coi.

(Cà bây xi xậu, mình xâu hiền
đanh; cà bây đo chanh, bôn danh
xậu mo.)

— Con sấu dưới sông, anh không
dám bắt,
Con sấu chết rồi, anh bắt em coi.

Có kẻ lại nói, các câu ấy là các câu biếm đời, nhạo kẻ non gan và suy cho rộng ra thì hay lắm. Ta có ghét ai bằng ghét giặc, thế mà ít ai dám ra phẩn-đấu, chỉ hại lẫn nhau mà thôi.

Giặc ở cõi bờ, anh không dám đuổi,
Khi giặc đi rồi, anh đuổi em coi.

Trong khoảng đêm khuya canh vắng mà nghe được tiếng nước reo lẫn với tiếng hát nghe vui thú lạ-thường, nghìn vàng khôn đem đổi được.

Gà vừa gáy, đường đi mờ-mờ, chưa thật mặt sáng, đã thấy nào anh vác cuốc, anh vác cày, anh đuổi trâu lật-đật đi mau tới ruộng mình. Đầu bị khăn xéo, đội nón lá, mình mặc áo đen cục, quần xắn tới đầu gối, nước da đen, bộ tướng coi dữ-dặng và mạnh-mẽ lắm. Từ hồi khuya cày tới gần đứng bóng thì nghỉ, chiều lại đem trâu bò cho ăn cỏ. Người nào có con, thì sai con đem cho ăn. Còn mình ở nhà lo làm công việc khác, hoặc đan rổ, đan thúng, mót tàu cau làm chổi quét nhà, bực may thắt dóng thắt rế.

Kể đi cày cũng không phải chỉ lo việc cày mà thôi. Tay mặt cầm dây nối với vàm bò, và cầm cán cày; tay trái cầm roi đánh tới, thỉnh-thoảng lại

thấy khòm xuống đất lượm đá liệng ra khỏi ruộng mình vì sợ mẻ lưỡi cày.

Ruộng Hà-tiên nước phèn nước cở còn nhiều. Nước ruộng hơi ngà-ngà, bầm-bầm, không được trong. Dầm nước ấy, nước ăn chân có lẫn đen đen và hơi ngứa.

Người khách-trú đi cày thì đội nón tre, còn người Cao-miền lấm khi đầu trần, mình trần ; dang nắng, dầu mưa có tiếng. Con nit được ba bốn tháng, hồng đi ngoài nắng cũng không hề vang mình sốt mảy.

Người Cao-miền ở tận trong sóc xa quá, nên khỏi sự cày thì đã trưa, mà về rất sớm lối 9, 10 giờ, chứ không ở trễ nữa. Có ả cây nạng hái, tra vô cày, thì cày nằm ngang lại, lưỡi cày một bên, cán cày một bên đều hồng mặt đất cả 3, 4 tấc, rồi thì bò kéo về nhà, lên dốc xuống dốc, đi ngang qua bờ ruộng cũng không ngại gì. Cày thường ăn cạn lắm, có cày nèm bấp cày ngược lên thì lưỡi cày sẽ ăn sâu thêm một chút.

Lúa đã cấy, xong công việc, được nghỉ-ngoi trong vài tháng. Ở làng Trà-tiên, Phú-mỹ, Trà-phô, mùa này lại phải lo đốn củi, vì trời mưa đồng tràn ngập hết, ruộng ghe dễ tới lui và chở củi rất tiện.

Lâu lâu, trời vắng mưa, trời hạn, ao bàu nước dợt xuống cả. Ai ai cũng lo tát đìa. Khi nước đã hết, mới đem vọt lại xúc về làm mắm, như mắm cá rô, cá trê, cá sặc, cá lóc, nhận vào lu, ăn vừa đủ theo mùa ướp.

Qua mùa khô, ai ai cũng hơn-hở vui-mừng. Tháng tám, tháng chín, gặt lúa sớm, lúa ba tháng, gọi giống lúa sa-mo. Tháng chạp tháng giêng gặt lúa muộn. Lúa không sớm không muộn thì gọi lúa mùa. Đồng lúa gặt hết thì đốt đồng, và đốt luôn rom rạ, sợ ăn cướp tới đốt nhà. Chỉ một hai người để dành cho bò ăn mà thôi. Lưỡi hái của người Cao-miền cong

ngược cả hai bên giống hình chữ S. Gặt bó lúa nhỏ vừa hơn một tay mà thôi, gọi là lúa cần đóp. Lúa này đem đập bờ, giở lên đập xuống nhẹ-nhàng rất tiện.

Trai tài gái sắc hay tìm vợ tìm chồng về mùa gặt chớ không phải là về mùa cấy, như ở Tân-an vậy. Những kẻ lão-thành thì mặc y-phục ngắn-ngắn đen đen tầm-thường, còn mấy cô mấy cậu Cao-miền vừa đứng tuổi thì ăn-vận lịch-sự lắm. Kẻ mặc áo trắng quần lĩnh, kẻ mặc áo tím, đội khăn rằn đỏ, lời trêu-gheo không ngọt, thỉnh-thoảng nghe rộ tiếng cười.

Gặt xong, chiều về cắt vài ôm nếp, tối đâm cốm dẹp, đem bán chợ. Khuya lại, nghe tiếng giã gạo trong xóm. Người An-Nam giã chày đôi, chày ba, ít khi giã chày tư. Giã rồi nhiep hai tiếng ở miệng cối, mới cất chày lên. Người Cao-miền giã chày này, rồi chày khác; họ giã lúa (vọt lúa) cho tới thành gạo trắng, và không nhíp. Xem như thế thì cũng đủ biết nghề làm ruộng thật vất-vả. Khi làm ruộng gặt hái đã xong, bấy giờ mới lo giã gạo xay lúa.

Làm ruộng chỉ phải :

*Ngày ngày vác cuốc thăm đồng,
Hết nước lại lấy gầu sòng tát lên.*

*Hết mạ ta lại quấy thêm,
Hết lúa ta lại mang tiền đi đong.*

*Nửa mai lúa tốt đầy đồng,
Gặt về đập sây, bỏ công cấy cày.*

Nhưng biết đâu làm việc cực-nhọc thế, lại trong bụng vẫn lo sợ luôn. Lo trời làm hạn-hán nước cạn lúa khô. Gia-dĩ còn phải bị các loài sâu bọ phá nhiều. Trong bụng không một lúc nào là không nghĩ đến cánh đồng lúa nọ. Hi-vọng nên hay hư là chỉ ở cây lúa tốt hay xấu. Phải như những người đi cấy lấy công thì còn nói gì, nhưng đây đi « cấy còn trông nhiều bề. »

*Trông trời trông đất trông mây,
Trông mưa trông gió trông ngày trông
đêm.*

*Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm biển lặng, mới yên tâm lòng.*

Lối tháng một, tháng chạp đêm trăng về phía đông ruộng thường nghe những tiếng giã gạo chày đôi, chày ba đưa nhau mà giã hay sàng gạo. Ấy là phần việc của đàn bà. Còn về phần đàn ông khi gặt lúa xong đất bỏ trống bấy giờ lại dọn-đẹp đất nữa mà trồng, dưa, bắp, đậu rồng, đậu móng chim để bán tết. Đến tháng giêng thì nghỉ làm việc.

*Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng
cà.*

*Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ta hái về nhà phơi khô.*

Đến tháng tư thì lại sửa-soạn làm mùa như trước nữa. Người đồng-điền phải làm việc vất-vả, thế mà quanh năm không mấy khi được nghỉ; tuy không nghỉ nhưng trong lòng vẫn được bình-yên không phải lo nghĩ chi cả. Ban ngày làm việc cực-nhọc, chiều đến vác cuốc về nhà, cơm nước xong-xuôi cả nhà xúm-xít lại bàn các việc làm ăn, đến sáng lại ra đồng làm việc. Như thế cũng đủ là êm-đềm vui-thú lắm.

(Còn nữa)

LỊCH-SỬ VÀ SỰ-NGHIỆP TÔ ĐÔNG-PHA (1)

II

Năm Nguyên-phong thứ ba, tháng hai, Văn-trung phải đầy ra đến Hoàng-châu, dâng tờ tạ-biểu, lời nói rất hòa-bình, đó là đã trải qua tru-họa nhiều lắm vậy. Lời tạ-biểu lược rằng :

« Trộm nghĩ, thần, sớm men đường khoa-đệ, thẹn dự bậc tấn-thân. Lại may được gặp-gỡ thánh-triết vừa lên ngôi, mới có ý theo đuổi công-danh cho kịp hội. Cũng từng được triệu vào đối trong tiện-diện, để xét xem sở-học thế nào; lại đã được bỏ ra giữ ngoài ba châu, để thử xem sở-hành cho thực. Mà thần dụng - ý quá-đáng, ngày lại càng mê; phú mệnh suy hèn, trời cướp mất vía. Trái ngược nghĩa-lý, cô-phụ ân riêng. Mờ như trong giấc say mê, còn biết làm sao bày tỏ. Tuy rằng

lượng chí-nhân vẫn thứ, nhưng mà lời chúng-nghị không dung. Xét tội trách tình, đáng phải cam chịu búa rìu của tòa Lưỡng-quán; suy ơn khuất phép, nên cho ra ngũ ma quỷ ở núi Tam-nguy. Ngờ đâu, còn dự chức tân-viên, lại ở nơi thiên-địa. Vứt ra ở quãng đồng chuột bọ, cho toàn lấy kiếp sống cỏ cây. Thần dẫu là chi-ngu, vẫn biết là hạnh-ngộ.

« Vì chúng may gặp Hoàng-đế bệ-hạ : Đức bình đều dụng, thiện ác kiêm dung. Muốn khiến pháp-hành cho biết ơn, nên mới tiêu-trùng mà đại-giới. Lượng trời đất vẫn hay che chở, nhưng không thể dung mà gác bỏ qua; lòng cha mẹ dẫu muốn sống nuôi, nhưng không thể gỡ mà cho khỏi chết. Nộp nghĩ ơn sâu, lấy chỉ báo đáp. Chỉ nên

(1 Xem Nam-Phong số 148.

ăn rau củ kiếp, đóng cửa trách mình. Hồi-ngộ những điều trái năm xưa, để làm sự khuyên răn kẻ khác. Tham-luyện đời thánh, không dám giết mình ; may ra sống thừa, khỏi làm khi-vật. »

Khi Đông-pha mới ra đến Hoàng-châu, còn ngụ-cư ở Định-tuệ-viện, khăn vải dếp gai, cùng đi chơi với bọn điền-phu dã-lão trong khoảng khe núi hang sâu, cái phong-thú tiêu-dao tự-thích, trừng phần chất-dục, phát-lộ ra tờ thư đáp Tần Thái-hư rằng :

« Lũ ta đã dần suy yếu, không thể lại làm cái điệu-bộ lúc tuổi trẻ được, phải nên tự luyện - dưỡng cho đều. Nháa lúc trích-cư vô-sự được xét biết một hai điều, đã mượn được trọ ở bản-châu Thiên khánh-quán đạo-sĩ-đường ba gian, sau khi tiết dòng-chí vào ở trong nhà ấy bốn mươi chín ngày mới ra, nếu không phải lúc bị phông - phế thì sao được đến đây. Sau này Thái-hư bị phải đường sĩ-hoạn giàng buộc, muốn mong được bốn mươi chín ngày nhàn rảnh, sao khá lại được đâu. Nên ngay bây giờ làm đi, ngoài sự ăn ngủ ra đừng có nghĩ đến việc khác nữa, hễ mãn được kỳ ấy thì căn-bản đã lập được rồi. Sau này nếu lại ra thù - ứng việc đời, xong việc rồi thì cái tâm lại trở về, tự nó không mất đi được »

Lại rằng : « Khi mới đến Hoàng-châu, tiền lương-cấp hồ hết, mà miệng ăn thì nhiều, riêng lấy làm lo. Song cố tự mình tiết-kiệm, tiền nhật - dụng không được quá một trăm năm-mười đồng, cứ mồng một đầu tháng đem cái số tiền bốn nghìn năm trăm đồng chia ra làm ba mươi phần treo lên trên thượng-lương, cứ mỗi buổi sớm lấy cái gậy khêu lấy xuống một phần tiền, rồi lại cắt ngay cái gậy ấy đi. Lại lấy một cái ống tre chứa riêng những tiền chưa dùng hết để làm tiền đãi-tân-khách ; tình trong túi chừng còn tiền khá chi được đủ hơn một năm, đến lúc ấy lại sẽ liệu kinh-hoạch, tự-nhiên

nước đầy thành ao, không phải lo gì cả, vì thế trong bụng không có bận-bịu một việc gì. »

Lại thư rằng : « Chỗ ở đối-ngạn đất Võ - xương non - nước tuyệt đẹp, có người đất Thục là Vương-sinh ở trong xóm ấy, ta thường qua đó gặp phải khi sóng gió ngăn-trở không thể về ngay được, thì Vương-sinh lại hay vì ta giết gà làm cơm, lưu đến vài ngày không chán. Lại có Phan-sinh mở ngôi hàng rượu ở Phàn - khẩu, bơi chiếc thuyền nhỏ thì đến ngay trước cửa hàng, sẵn có rượu nhà quê họ nấu cũng ngon, cam quýt hồng táo cực nhiều, khoai to có củ dài đến hơn thước, không kém gì trong đất Thục. Ngoài huyện mỗi đấu gạo độ hai-mươi đồng tiền, lại tiện đường thủy cũng có thịt dê như phương bắc, thịt lợn thịt bò thịt hươu nai rẻ như đất bùn, cua cá thì không phải mất tiền mua. Lại có quan Tể-giám Kỳ-dinh là Hồ Định-chi đem sách đến hàng vạn quyển thường cho mượn xem ; bọn tào-quan ở Hoàng-châu có mấy nhà lại khéo nấu nướng hay làm cỗ-bàn mở tiệc chén. »

Lại xem tờ thư của ông đáp Tắt Trọng-Cử thì khá biết được cái chí cao-thượng, thư rằng : « Hoàng-châu gần sông quanh núi, đã thích ra tai mắt, mà trăm thức cần - nhu cho sự sinh-hoạt cũng chẳng khó gì. Hằng ngày cứ ngủ sớm dậy trưa, quên hẳn đi không biết họa-phúc là thế nào cả. Chợt khi đọc bài *Chiến-quốc-sách* thấy lời nói của kẻ xử-sĩ Nhan Súc bảo rằng : « Đê quá bữa đói hãy ăn thì không cần phải ăn thịt nữa. » Ta hân-nhiên cười, nghĩ như ông Súc thực là khéo ở trong khi nghèo vậy. Canh rau cơm đậu, để lúc hơi đói sẽ ăn thì ngon hơn vị bát-trần ; khi đã no rồi, thì dầu cao-lương đầy trước mặt, chỉ sợ rằng nó không cất ngay đi, ngon với không ngon là tại mình chứ tại gì các thức phẩm-vật. »

Mã Chính-Khanh vì ông xin với quan quận-thủ, nên mới được và mười mẫu đất, tự ra cày cấy ở trong khu đất, hiệu là Đông-pha cư-sĩ 東坡居士. Ông có dựng cái nhà ở ngoài cửa đông Hoàng-châu, đương khi mưa tuyết lớn dựng nhà, vì thế mới vẽ bóng tuyết ra xung-quang bốn vách, đặt tên là Tuyết-dường, trong bài phú Xích-bích có câu rằng : « Bộ tự Tuyết-dường 雪堂 » chính là nơi ấy.

PHÊ BÌNH. — Đông-pha mới đến Hoàng-châu mượn trọ ở Thiên-khánh-quán đạo-sĩ-dường, ngồi yên bốn-mươi chín ngày, thế là đã biết cái cách học vậy. Cái lẽ ngồi tĩnh với cái công-hiệu thế nào, nay đã nhiều người xướng lên làm theo, không cần phải bàn đến nữa. Duy bọn nhà Nho ta mà tập-tĩnh, không như phái Thích-thị tịch-diệt, Đạo-gia tu-dưỡng, bỏ cả nghĩa-vụ việc đời, chỉ đam cái sự-nghiệp xuất-thế. Nhà Nho ngồi tĩnh chỉ cốt thu lấy cái tâm phóng-túng, kiên lấy cái thể suy-yếu, để ứng-sự tiếp-vật mà làm cái công-dụng nhập-thế. Đông-pha tuy chữa đến cõi ấy nhưng đã thấu được cái lẽ ấy, xem như câu nói rằng : « Nếu ra thủ ứng việc đời, xong việc rồi thì cái tâm lại trở về. » Người ta chỉ vì vật-dục nó mê-hoặc, tình - cảm nó kích-thích, thường thường mê-man đi quá làm mất cả bản-tâm, đó đều vì không có công tĩnh-dưỡng, không biết trở lại xét cái tâm. Nếu hay luyện được cái tâm trong như thái-hư, không có trở-ngại chút gì, thì lẽ gì mà chẳng thông, thân nào mà chẳng dưỡng được.

Đông-pha nói cái phép tiết-dụng cũng hay, người ta ai chẳng thích xa-xỉ, vậy phải có cái phép cưỡng-chế để tự thúc-phục cho bớt đi ; có kiệm-ước thì mới dưỡng được liêm, quan-hệ cho đời người ta không phải là nhỏ, lũ ta chẳng nên hết sức giữ cho tiết-dụng ư. Nhưng kiêng-ky nhất là cứ chữa lại để

dành, nếu có thừa thì phải nên giúp đỡ cho người, hoặc để hội-hợp tân-khách, thì mới là phải.

Văn-trung bị đày ra Hoàng-chân đã được ba năm, (nguyên-phong ngũ-niên) vua Thần-tôn có ý lại muốn dụng, mà nhiều người nói ngăn-trở. Năm Nguyên-phong thứ bảy, vua Thần-tôn viết tờ thủ-trát cho dời Văn-trung đến Nhữ-châu, trong trát đại-lược rằng : « Tô Thức từ khi bị chích ra ở ngoài đó để cho hồi-quá trải đã lâu năm, tiếc rằng kẻ nhân-tài thực khó nên không nỡ bỏ hẳn. » Tờ trát ấy chưa đạt đến, thì Văn-trung đã dâng thư tự nói về nỗi cơ-hàn, sẵn có ruộng ở Thường-châu, xin ra ở đó, vua mới lượng cho dời làm đoàn-luyện phó-sứ châu Thường. Khi ông đi qua Kim-lăng có vào yết-kiến Vương An-Thạch, vì bấy giờ An-Thạch đã bãi tướng ở trợ đất Kim-lăng, ông mới bảo đấy rằng : « Trong nước thường khởi việc đại-bình đại-ngục là cái triệu khi xưa đời Hán đời Đường diệt-vong đó. Nay phương tây dụng binh đã luôn mấy năm không giải-quyết ; phương đông-nam thì lại thường khởi việc đại-ngục, ông lại không một lời nào nói cho vua biết » Khi ấy kẻ sĩ-phu biết vua muốn dùng Văn-trung, đương lấy làm mừng, chữa được bao lâu thì vua Thần-tôn mất, Ngu-uyên khuất bóng mặt trời, thanh gươm hồ Đĩnh biết đời nơi nao ! Vì thế ông lại không được đặc-dụng.

Vua Triết-tôn lên ngôi, khởi-dụng Tư-Mã Quang làm tướng, bãi bỏ tân-pháp, thiên-hạ đương ngong-ngóng mong trị-bình, vua xuống chiếu khai-phục cho Văn-trung chức Triều-phụng-lang, ra tri Đãng-châu. Kịp khi đến, vời cho làm Lê-bộ Lang-trung, lại nhắc lên chức Trung-thư-xá-nhân, bời triều-jinh theo ý vua Thần-tôn muốn dùng Văn-trung, nhưng Văn-trung lấy

làm lập-đảng tiến lên sâu quá xin từ, quan Tê-tướng không cho từ, lại thiên chức Hàn-lâm học-sĩ. Từ khi Đăng-châu triệu về trong khoảng mười tháng, ba lần thiên chức thanh - yếu, rồi lại kiêm cả chức Thị-độc. Mỗi khi tiến triều, bàn đến những việc trị-loạn hung-suy, tà chính đắc thất, thường hay bàn nói phẩn - phúc khai-đạo cho rõ để mong vua tỉnh-ngộ.

Văn - trung thường được vào túc-trực trong cung-cấm, lại vờ vào tấu-đổi trong tiện-diện. Bà Tuyên - nhân thái-hậu hỏi rằng : « Khanh trước làm chức quan gì ? » Thưa rằng : « Thần có làm chức Đoàn - luyện phó-sứ ở Thượng-châu ». Lại hỏi : « Nay làm chức gì ? » Thưa rằng : « Nay thần đãi-tội ở chức Hàn-lâm học-sĩ. » Lại hỏi : « Sao lại được thiên nhơn như thế ? » Thưa rằng : « May gặp được Thái-hoàng thái-hậu bệ - hạ. » Nói rằng : « Không phải ». Thưa rằng : « Hay là đại-thần tiến-cử cho chăng ? » Nói rằng : « Cũng không phải. » Văn-trung thất-kinh tâu rằng : « Thần dẫu vô-trạng, nhưng không dám theo đường khác để tiến thân. » Thái-hậu bảo rằng : « Đó là tự-ý đấng tiên-đế, tiên-đế thường đọc văn-chương của Khanh, tất khen rằng kỳ-tài kỳ-tài, nhưng chưa kịp tiến-dụng Khanh đó mà thôi. » Văn-trung bắt - giặc khóc thất-thanh. Bà Tuyên-nhân thái-hậu và vua Triết-tôn cũng khóc, kể tả hữu cũng cảm-dộng giở nước mắt. Đã mà truyền cho ngồi, sai pha trà cho uống, rồi sai chiết lấy ngon nền kim-liên trước ngự-liễn đưa ông về viện Hàn-lâm.

Khi ấy Tư-Mã Quang đã mất. Văn-trung thường lấy ngôn-ngữ văn-chương qui-châm các việc thời-chính, thường vì thế mà bị ghen-ghét. Quan Vệ-úy-thừa là Tất Trọng-Du lo rằng phải mắc đến tai-vạ, đưa thư răn bảo rằng : « Ông không phải là Gián-quan, không phải là

chức Ngự-sứ, mà lại hay khen chê người ta, xúc-phạm đến điều húy-ky thì nguy đến thân, cứ thế mãi thì không khác gì ôm đá vào mình mà muốn gỡ cho khỏi chết đuối sao được. » Văn-trung không hay nghe theo.

Bấy giờ quần-hiễn đều làm quan tại triều, mà không hay lấy đồng-loại theo nhau, nên bấy giờ mới có cái tiếng phân ra Lạc-đảng 洛黨, Thực - đảng 蜀黨, Sóc - đảng 朔黨, Lạc - đảng thì lấy ông Trình - Di 程頤 làm đầu, mà Chu Quang-Đình 朱光庭, Giả Dịch 賈易 làm phụ. Sóc - đảng thì lấy Lưu Trí 劉摯 Lương - Đảo 梁燾, Vương Nham-Tâu 王巖叟, Lưu An-Thế 劉安世 làm đầu, mà người phụ thì rất nhiều. Văn-trung lấy là người đất Thực-đảng, mà lữ Lã-Đào 呂陶 thì làm phụ. Khi ấy cái bọn đư-đảng của An-Thạch nó phải lui về hưu ở nơi tản-địa, nó oán sâu vào đến cốt-tủy, vẫn ngầm dòm những điều hấn-kích của chư-hiễn, mà chư-hiễn vẫn không biết, lại chia ra bè đảng để chê nhau. Duy có Lữ Đại-Phòng 呂大防 là người Tần vốn tính chường-trực không có đảng nào cả. Phạm Tồ-Vũ 范祖禹, Tư - Mã Quang 司馬光 cũng không lập đảng. Đã mà vua Triết-tôn nghe biết mọi người đều chia ra bè đảng, mới hỏi Hồ Tôn - Dũ 胡宗愈, Tôn-Dũ thưa rằng : « Đó là vì người quân-tử trở bọn tiều-nhân là gian, thì bọn tiều-nhân lại trở phái quân-lữ là đảng, Bệ-hạ hay chọn lấy kẻ sĩ trung-lập mà dùng, thì đảng-họa tự-nhiên tắt đi vậy. » Tôn-Dũ nhân làm bài luận « quân-tử vô-đảng 君子無黨 » đề tiến lên ngự-lâm. Khi ấy Trình Di làm quan thuyết-thư ở Sùng-chính-diện, Văn - trung chê là người « bất-cận nhân-tình » rất lấy làm ghét ; bởi thế kẻ môn-nhân của Di là quan Hữu - tư - gián Giả Dịch, Tả - chính-Ngôn Chu Quang-Đình, đều tâu hặc Văn-trung.

Văn-trung thường vào hầu tuyên đọc những lời bảo - huấn của đấng tổ-tông, nhân bàn đến thời-sự thì ông nói nay thường-phạt bất-minh, kẻ thiện người ác không lấy gì khuyến-trừng được. Lại bàn đến cái thế nước sông Hoàng-hà đương chảy về phương tây mà nay lại bắt cưỡng cho nó chảy về phương đông sao được. Lại nói đến việc người nước Hạ vào ăn cướp ngoài biên-trấn, giết chết đến mấy vạn người, thế mà kẻ tướng-súy che đậy đi không tâu lên, trong triều-đình cũng không hỏi đến, sợ việc nào cũng như thế mãi, lâu dần thành ra suy-yếu. Vì ông hay nói như thế nên những kẻ đương-triều đều lấy làm giận, mới sai Triệu Đĩnh-Chi, Vương Địch nói công-kích ông. Văn-trung biết mình không ai dung, mới xin bỏ ra ngoại-nhiệm. Năm thứ tư, Văn-trung lấy là chức Long-đồ-các học-sĩ lại bỏ ra tri Hàng-châu, khi mới ra khỏi cõi chữa lên đường, vua sai nội-thị đem ban cho long-trà ngân-hạp, đó là theo cái ân-lệ các quan chấp-chính trước để mà ủy-lạo cho rất hậu.

PHÊ-BÌNH. — Vua Thần-tôn thường đọc đến văn của Tô Đông-pha vẫn khen ngợi là bậc kỳ-tài, thực là được tri-ngộ không mấy đời đã gặp. Ý vua đương muốn trọng-dụng, thì vua lại mất ngay, ấy kẻ văn-nhân bất-hạnh thường-thường như thế. Lại những khi triệu vào đối đáp trong cung-cấm, bà Tuyên-nhân nói rõ cho biết là vua thâm-tri, bấy giờ ông lại càng cảm-kích hết lòng trung để giúp đỡ. Song những kẻ bàng-quang thì nghĩ là mình đa-sự, mà người đương-cục thì không biết dùng, tin mà lại bị nghi-ngờ, trung mà lại phải sám-báng, xưa nay có phải một mình Tô Đông-pha đâu.

Xưa nay cái thói viện đảng lập ra môn-hộ, là bởi kẻ tiểu-nhân, người

quân-tử cùng công-kích lẫn nhau, ví như là cỏ huân với cỏ do, băng với than, khi vị sai khác nhau nên mới chia ra bề đảng; chữa khi nào cùng là bọn chính-nhân đều ở với nhau, mà lại chia ra kia khác, dựng ra cớ si như là Thục-dảng, Lạc-dảng, Sóc-dảng kia, thì thực là lạ vậy. Kỳ-thủy bất-quá chỉ tranh-chấp ý kiến vật, rồi thành ra bất-bình mà chia rẽ nhau ra, so với cái thuyết của thánh-nhân bảo rằng người quân-tử hòa mà chẳng đồng, hợp-quần mà chẳng đảng, thì chư-hiền phân đảng ra như thế không phải là chính-dảng. Song như các đảng đời sau này, thì chỉ to gan trợn mắt đều tranh lấy quyền-lợi, chứ không còn biết cố-ky gì cả. Những đảng như thế thì không những là chư-hiền đời Tống không làm, mà đến như họ Ngưu, họ Lý là đảng đời Đường cũng không thêm làm vậy.

Khi Đông-pha ra tri Hàng-châu, thì Văn Lộ-công đương làm Bình-chương quân-quốc-sự, Lã Thân-công thì làm Bình-chương quân-quốc-trọng-sự, Lã Cấp, Phạm Nghiêu-Phu làm Tả-hữu bộc-xạ. Lộ-công trước-cần khuyên ông Đông-pha khi ra Hàng-châu chớ có làm thơ nữa, sợ những kẻ ghen-ghét, nó đem thịch-nghĩa bậy, tâu lên thì lại sinh chuyện. Đông-pha khi ra đi rồi, thì Lộ-công cũng mất, mà Nghiêu-Phu cũng đi về rồi, trong bốn người trên ấy không có ai giận gì Đông-pha cả. Duy có quan Trung-thư-thị-lang là Lưu Tri 劉摯 có cùng quen với Hình Thử 邢恕; mà Đông-pha thì lại cùng với Thử cùng làm chức Khởi-cư-xá-nhân, con Thử là Khoan-phu có theo học Đông-pha, Đông-pha với Thử vốn không có hiềm-kích gì. Nhưng Thử là con người nguy-hiểm, hễ ai cùng hắn tương-thức, thì đều gây nên cái vạ lớn cả. Đông-pha cũng bị hắn làm hại. Về sau này giúp cho Chương Đôn 章惇 chức muốn giết Lưu Tri, lại cũng tự Hình

Thứ bày mưu, những cái người như thế thì không nên quen biết làm gì.

Văn-trung khi lại ra tri Hàng-châu, làm quan hai năm có nhiều chính-tích hay, người Hàng-châu đều lấy làm chúc-lụng. Ông nghĩ rằng: « Đất Hàng là nơi đường thủy đường bộ giao-thông nhiều người, hay sinh ra bệnh dịch-tễ nhiều hơn các xứ khác. » Mới làm ra nơi bệnh-viện gọi là An-lạc phường ở về gần cầu Chúng-an, giao cho một nhà sư trông coi, trong khoảng ba năm quản-trị trong nhà bệnh-viện, hiện nhà sư chữa khỏi đến hàng nghìn người, được ban cho áo tía và một đạo điệp về từ-bộ để làm khuyến-khích, hết đời nhà Tống cái nhà bệnh-viện ấy vẫn hầy còn.

Đất Hàng-châu vốn giáp sông bể phần nhiều nước mặn, từ quan Thứ-sử đời Đường là Lý Bất mới dẫn lấy nước Tây-hồ làm ra sáu cái giếng, dân mới đủ nước ăn, làng xóm mới càng ngày càng giàu. Đến khi Bạch Cư-Dị lại khơi Tây-hồ cho nước chảy phóng vào Vận-hà (sông đào), lại từ Vận-hà chảy ra các ruộng, tắm tưới cho đến hàng nghìn khoảnh ruộng. Nhưng nước hồ nhiều thứ cỏ rong, từ đời Đường cho đến đời vua Ngô-việt họ Tiền, năm nào cũng sửa sang khai-thác, vậy nên nước hồ vẫn đủ dùng. Từ đời Tống dấy lên, bỏ ủy-tích không sửa-sang đến, những ruộng cỏ rong trong hồ tích đến hơn hai mươi nhăm trượng, mà không có mấy tí nước. Vận-hà thiệt mất cái lợi nước hồ, phải lấy nước trào ở sông lên, nhưng nước trào đục vẫn hay ứ đọng, dòng nước chảy qua trong các phố sá, ba năm lại phải một lần đào, thực là một cái tai vạ lớn cho chốn thị-tỉnh, mà sáu cái giếng cũ cũng hầu lấp bỏ đi mất cả.

Văn-trung đến Hàng-châu, mới đào hai con sông Mao-sơn, Diêm-kiều, đắp bờ địa xây cửa cống, để làm chỗ chứa và thông tiết nước hồ, từ đấy nước trào mới không tràn vào phố chợ, và có thừa sức để sửa-sang lại sáu cái giếng cũ, lại khơi Tây-hồ lấy những cái cỏ rong bùn nát đắp lên một cái đê dài ở giữa hồ, khi đắp xong đê lại sai giếng sen phù-cừ và dương-liều ở trên đê, trông y như bức tranh vẽ, tức là cái Tô-công-đê bây giờ đó.

Lưu Tri lại thu-dụng cả bọn Lạc-đẳng, khiến cho ở các chức ngùn-luận, để đợi Văn-trung vào, Văn-trung biết là tất mắc mưu, bèn dâng tờ trạng lên xin bỏ ra quận ngoài để đợi mệnh sau, lại ra ở Hàng-châu xem xét việc thủy-tai để đợi thiên-diên cho được lâu ngày.

Năm Nguyên-hựu thứ năm, lại được triệu làm Hàn-lâm thừa-chỉ, vào hầu điện Nhĩ-anh, cùng với em là Triệt đồng triều. Khi ấy những bọn cựu-dảng đời Hi-ninh Nguyên-phong, đua nhau khởi ra những lời tà-thuyết để làm dao-động cả mọi người ở ngôi quan. Anh em Văn-trung đều có văn-danh. Những kẻ ghen ghét lại bảo rằng: « Hai anh em họ Tô chỉ có văn-học mà không có khí-thức, lại tính hay cương-ngân hiểu-thẳng, không khác gì Vương An-Thạch. » Đương cuối đời vua Thần-tôn, Văn-trung tự châu Nhữ dời sang châu Thường, khi mới thụ-mệnh thì gặp vua Thần-tôn mất, Văn-trung khóc mà ra đi đến Dương-châu. Khi ấy người châu Thường vì ông mua ruộng có gửi thư cho ông biết, ông được thư có làm ra câu thơ rằng: « Chợ nghe lời nói tốt. » Giả Dịch, Triệu Quân-Tích bèn hặc ông là nghe tin vua mất mà lại mừng, và kê ra cái bài chế của ông thảo ra khi an-chi Lã Huệ-Khanh đều là lời phi-báng tiên-

để (1), vô nhân-thần-lẽ. Bà Thái-hậu giận, bãi Giả Dịch và Quận - Tích. Lã Đại - Phòng xin bãi cả Văn-trung, nên ông lấy là chức Long-đồ-các học-sĩ phải ra tri Dĩnh-châu, rồi lại cải-bỏ ra Dương-châu, chữa được đầy năm, triệu về cho làm Binh-bộ thượng-thư, kiêm chức Thị-độc.

Năm Nguyên-hựu thứ tám, bà Tuyên-nhân thái-hậu mất, vua Triết-tôn ra thân-chính, ông xin bỏ ra ngoài, lấy là chức Học-sĩ gác Long-đồ và điện Đoan-minh ra tri Định - châu. Khi ấy quốc-thị sắp biến-đổi, ông không được vào bệ-từ, khi đã ra đi, mới dâng tờ thư rằng :

« Thiên-hạ trị hay loạn, là bởi tại hạ-tình thông hay tắc, lúc đời rất là chí-trị thì kẻ tiểu-dân đều hay tự thông-đạt cái tình-ý của mình lên người trên ; đến buổi đại-loạn thì dẫu kẻ cận-thần cũng không hay tự đạt được ý mình. Bệ-hạ ngự ngôi vua đã chín năm, trừ ngoài quan chấp-chính và quan đài-gián ra, chữa từng tiếp-kiến kẻ quần-thần nào cả. Nay đương buổi mới ra thính-chính, nên phải lấy sự thông-hạ-tình trừ ủng-tế làm cần-cấp. Thần là kẻ được ngày hầu chốn duy-ác, đương lúc ra thú ngoài biên, mà cũng không được vào yết - kiến đề cáo từ ra đi, hưởng chi là kẻ tiểu - thần cách xa, muốn cầu cho được tự thông - đạt lên

thì rất là khó lắm. Nhưng thần không dám lấy cái cố là không được vào hầu-đổi mà không cố gắng hết lòng trung. Đấng thánh-nhân đời xưa khi sắp đại-hữu-vi, thì tất trước xử chỗ tối mà xem ra sáng, xử cõi tĩnh mà xét việc động, thì tình muôn vật, tự-khắc là phò-bày hết ra trước mắt. Bệ-hạ thánh-tri hơn người, xuân - thu còn đương thịnh - vượng, thần mong nhà vua hư - tâm theo lẽ, trước khi chữa làm một việc gì, hãy cứ lặng yên xem xét mọi việc lợi-hại và kẻ quân-thần tà-chính, kỳ cho đến ba năm, đợi cho xét được thực, rồi sau ứng - phó muôn việc mà làm, khiến cho sau khi đã làm, thiên - hạ không ai ân-hận, mà Bệ-hạ cũng không hối. Bởi đó xem ra, Bệ-hạ mà có hành-vi, chỉ sợ sớm quá, chứ không lo gì hơi chậm, đã rõ ràng ra đó. Thần chỉ sợ những kẻ bày tội cấp-tiến hiệu-lợi, hay khuyên Bệ-hạ khinh tự biến-cải, nên mới tiến cái thuyết như trên đó vậy. »

Năm Thiệu-thánh nguyên-niên, mới khởi ra cái nghị « thiệu-thuật 紹述 » nghĩa là lại nối theo cái chính-sách cũ đời vua trước (2). Tháng sáu, nghe theo lời nói Lai Chi-Thiệu (Ngự-sử), ông phải lấy chức Thừa-nghị-lang ra tri Anh-châu, chữa đi đến nơi, lại trách phạt cho làm Tuyên-viên quân Tiết-dộ phó-sứ, an-tri ở Huệ-châu.

(1) Nguyên-hựu nguyên-niên. Lã Huệ-Khanh bị tội, phải an-tri ra Kiến-châu. Văn-trung đương làm chức Trung-thư xá-nhân phụng mệnh thảo bài chế. Lời chế rằng : « Huệ-Khanh lấy cái tài nhỏ-nhen, cái trí gian-giảo. Nịnh quan tề-phụ, lên chốn miếu-đường. Vui và tham công, hiểu-bình hí-sát. Lấy tự-liêm làm nhân-nghĩa, lấy pháp-luật làm Thị Thư. Trước đặt phép thanh-miêu, lại làm phép trợ-dịch. Bày ra phép quân-thấu, không khác gì phương buôn bán ; đặt ra phép thủ-thực, và lấy đến cả lợn gà. Nếu làm được một nước hại dân, thì lại càng vung tay đặc-chí. Đấng tiên-đế, cầu người hiền như chẳng kịp, theo điều thiện như chuyển vòng. Trước lấy cái lòng nhân như vua Nghiêu, tạm thử Bá-ôn ; sau lấy cái trí thánh như ông Khổng, không tin Tề-Dur. Còn khoan cho không giết ở tòa Lưỡng quán, mới phạt sẽ bắt đầy ra núi Tam-nguy. » Thiện-hạ đều truyền-tụng cái bài chế-văn ấy, ai cũng lấy làm sừng-khoái. Nấy những kẻ ghen ghét lại trích lấy những câu nói về đấng tiên-đế, cho làm phi-báng.

(2) Khi ấy thi tiến-sĩ, Lý Thanh-Thần ra bài văn sách hỏi về việc bàn giết các bày tội đời Nguyên-hựu. Doãn Hòa-Tĩnh nghe thấy đầu bài ấy, bỏ ra không làm bài đối sách nữa.

PHÊ-BÌNH — Lâm Hi 林希 (người công-kích đảng Nguyên-hựu) có làm bài khải tạ các quan chấp-chính có hai câu tán về Tô Tử-do rằng : « Cha con lấy văn-chương quán-thế, hơn cả cái tài của Tư-Mã Uyên, Văn ; anh em lấy phượng-chính quyết khoa, hơn cả bài sách của Công-Tôn, Triều, Đồng. » Đến khoảng năm Thiệu-hưng, Tử-do bị trích, Lâm Hi lại thảo lời từ rằng : « Cha con anh em hiệp quyền biển trá, làm kinh-hoặc kẻ ngu-chúng. » Tử-do cầm lấy khố mà rằng : « Anh em ta thì không kể làm chi, chứ tiên-nhân ta thì có tội gì ! » Khi Tô Tử-chiêm bị trích thì lại lôm bài từ rằng : « Người Thửc, văn đủ để hoặc kẻ chúng, biện đủ hay sức điều trái, song lại tự-tuyệt với đấng quân-thân, còn oán trách ai nữa. » Ấy cái người giọng văn phản-phúc như thế.

Khoảng năm Nguyên-hựu, Lã Đại-Phòng, Lưu Tri cầm quyền nước, lại muốn dân-dụng người đảng cũ năm Hi Phong, để cho người bớt lòng oán giận, gọi là điều-dinh. Tô tử-do ngăn bảo không nên mới thôi. Sau Giả Dịch, Triệu Quân-Tích công-kích Văn-trung, bà Thái-hậu tức giận hai người ấy, liền bãi chức đi ; Lã Đại-Phòng xin bãi cả Văn-trung, đó tức là chủ-trì về cái kế điều-dinh vậy.

Dương Khang - Quốc dân - hặc Tô Triệt bảo rằng : « Cứ xem như anh em Triệt, bảo là không có văn-học thì không phải, mà bảo là đã học đến bậc đạo-đức thì chưa. Chẳng qua chỉ học làm như Trương Nghi, Tô Tần, văn-chương thì chỉ chuộng tri-sinh, lại hay làm những mưu mẹo bĩ hạ tung-hoành không được an-tĩnh. Bệ-hạ nếu ưa thích cái văn-học của Tô Triệt, mà dùng nó không ngờ, thì lại là dùng một An Thạch nữa. Tô Triệt lấy văn-học tự-phụ mà tính thì cương-ngặt hiệu-thắng không khác gì An-Thạch. » Những người về Lạc-đảng cứ vin lấy

để công-kích anh em họ Tô, chẳng qua chỉ cái thuyết ấy mà thôi, không đủ phục bưng người thiên-hạ được.

Ấy cái lời tâu của Dương & hanh-Quốc như trên, thực là một cái đại-án trong năm Nguyên-hựu, đương lúc Lạc-đảng Thục-đáng công-kích nhau. Những nhà luận-giả vẫn cho lời tâu ấy là tự Trịnh Y-xuyên làm ra, nhưng kỹ-thực lúc ấy Y-xuyên đã phải bãi về bốn năm rồi, vả lại đương ở vào lúc ưu-hoạn, lẽ nào lại hay xui giục quan Ngự-sử để công kích họ Tô.

Tô Triệt có làm bài mộ-chi ông Văn-trung kể về năm Nguyên hựu thứ sáu, lúc Văn-trung được triệu vào làm Hàn-lâm, có nói rằng : Khi ấy bị phải nhà cầm quyền không ưa cứ xui giục quan Ngự-sử công-kích. Lại xét truyện Đinh-tân đi-lão rằng : « Lưu Tri khi làm chức trung-ty, những kẻ cựu-liêu khi xưa làm giám-quan, nhiên người về về Lưu Tri, thường hay có ý công-kích Văn-trung. » Khi Văn-trung ở Hàng-châu được triệu về, lại dâng sớ xin bỏ ra ngoài-quận có nói rằng : « Thân được đời ơn triệu về, và em thân là Triệt được cử làm chức Thượng-thư hữu-thừa, đều không phải là bản-ý quan đại-thần (Lưu Tri). Nay hôm ấy đã dâng sớ lên trời từ, khi về đến nửa đường quả-nhiên nghe tin em là Triệt bị các quan đài-gián công-kích, phải ra ở ngoài giải-vũ để đợi tội. » Lại nói rằng : « Giả Dịch được thăng chức tá-nhi giám-quan, mà lại có quyền to, tất là dân-hặc đến thân và em thân là Triệt. » Đó là dẫn những lời bia trong mộ-chi để chứng rõ ra rằng khi ấy các quan đương-triều cứ xui các quan Ngự-sử công-kích ông Văn-trung. Nếu các quan đài-gián mà dâng sớ lên hặc mãi, thì hai anh em họ Tô tất phải bãi một người, để cho bớt mọi người công-kích đi. Tô Tử do hiện bấy giờ đã được vào trong chính-phủ, có quan-hệ đến quốc-thê, chữa để đã bãi được ngay, thế thì

Văn-trung biết chắc là mình phải bãi ; đã biết chắc rằng thế nào cũng bị công-kích mà phải bãi, thì còn tội gì lại còn tự bước vào hố bẫy, bắt-nhược là đáng sợ xin bỏ ra ngoài quận, đã có thể tránh xa tai vạ, mà lại hay hết sức vì việc nước. Bà Tuyên-nhân thái-hậu không biết cái ý ấy, Văn-trung tự xin ra thủ ngoài biên cũng không cho, bắt đặc-di phải vào triều mới mắc vào lưới tội vạ. Lưu Tri dùng bọn Lạc-dăng để trừ bỏ hai họ Tô, để mình khỏi mang tiếng, khi họ Tô đã bị bãi rồi lại còn biện-bạch họ, thực là hoạn-hải phong-ba còn biết đâu mà lường được.

..

Văn-trung ở Huệ - châu ba năm, người châu Huệ lấy làm kính yêu lắm. Quan trong triều họ cho rằng bắt đi đây như thế cũng chữa đủ, năm thứ tư, lại dời ra làm chức biệt-giá ở Quỳnh-châu, an-trị ở đất Xương-hóa. Xương-hóa là nơi ít người ta ở, mà cũng không có thuốc thang gì cả, đó là đất Đam-nhĩ đời xưa vậy.

Đời Tống, kẻ sĩ-phu cho đất Lĩnh-nam là một nơi khấp-sợ, người nào bị đày ra ở đất ấy thường hay uất-ức bất-đắc-chí ; Văn-trung lấy là chức thi-tụng mà phải đày ra đất Lĩnh-nam kẻ bằng hàng với kẻ biên - hộ, ngày hôm nghe chiếu mệnh, lập-tức cho những người cốt nhục về đất Dương-tiện, chỉ cùng với người con nhỏ là Quá và kẻ thị-thiếp là Triều-Vân với hai đứa nhà bếp thị-tỳ đi ra Lĩnh-nam, nào là khí trường-lệ súc phạm, kẻ mán mọi khinh nhờn, mà ông đều tự-nhiên không có giới-đế gì cả, không kỳ kể hiền người ngu ai cũng được lòng vui-vẻ ; ông lại thích xem những tập văn thơ của Đào Uyên-minh, Liễu Tử-hậu, cho là hai người bạn trong khi phải đày ra phía nam. Lại họa hết cả tập thơ của ông Đào Uyên-minh để ký-thác hứng-thú.

Khi ở Huệ châu thì ở núi Bạch-bạc, đến Xương-hóa, còn ở tạm nhà quan-

cur, quan hữu-ty còn bảo rằng không nên ở đây, ông mới mua đất để làm nhà ở, người Đam-nhĩ đều đến khoản gach gánh đất giúp đỡ, khi làm xong gọi là Quang-lang-am 桃榔菴, ở về bên cạnh những chỗ vũng ao phía Nam-thành, láng diềng với xóm màn chòm mường, mà ông vẫn xử một cách thái-nhiên, ngày thường cùng với bọn phu-lão đi chơi, quên đi hình như chung-thân ở đó cũng xong, lúc thì ngửa nghiêng ở trong rừng mây móc, hái lá để viết chữ chơi.

Khi ở Đam-nhĩ, ông thường nói rằng : « Ta mới đến đất Nam-hải, trông chung-quanh một trời một nước mênh mông, ngùi vầy cảm-thương mà rằng : « Bao giờ được ra khỏi cái cù-lao này đây ? » Rồi lại nghĩ rằng trời đất ở trong vòng tích-thủy, mà chia châu ở giữa dòng đại-lưu, Trung-quốc thì ở trong một cái bể nhỏ, người ta sinh ra ai lại chẳng ở trên một cái cù-lao, cũng như đồ một châu nước lên trên mặt đất, có cái hạt cải nổi trên mặt nước, con kiến bầu lên trên hạt cải mênh-mông không biết đi đường nào, vọt chốc nước cạn đi, con kiến bỏ đi gặp con đồng-loại giỗ nước mắt mà rằng : Tôi xuyt nữa không được trông thấy anh ! Nào biết đâu trong khoảng cúi lên ngửa xuống, đều có đường đi từ-thông bát-đại cả. Nghĩ đến truyện ấy càng nên buồn cười ! Xem đó thì biết bụng ông thực là sai-lạc tự-nhiên đại-loại như thế.

Năm Nguyên-phù thứ ba, vua Triết-tôn mất, vua Huy tôn lên ngôi, bấy giờ mới thiên Văn-trung về ở trong nội-quận, lúc mới về ở Liêm-châu, rồi lại dời đến Toàn-chân, sau lại được thăng chức Triều-phụng-lang, coi giữ quán Ngọc-cục ở đô-thành, cho được tùy-tiện. Tháng giêng sang năm mới qua Lĩnh-nam đi về, lúc bấy giờ suốt dọc đại-giang phía nam-bắc đều trông ngóng ông làm như sự - nghiệp Tư-

Mã Quang, đi đến đâu thời xóm lại xe mà đông như kiến, huyền-truyền rằng ông sắp vào làm tướng, khi đi đến Chân-châu thì bệnh bạo-phát, khi đến Thường-châu thì thân-thể lại bình-phục, ông cứ ngồi trong khoang thuyền đội cái mũ nhỏ, trần một bên cánh tay áo, giông thuyền đi trên sông Vạn-hà, mà đôi bên bờ đến hàng nghìn vạn con người cứ vây bọc đi theo để xem. Ông nói rằng ; « Xin chớ theo xem, muốn giết Thúc này chẳng. » Trước kia ông ưa thích cái danh-thắng đất Dương-tiện, Thiệu Dân-Chiêm mua hộ cho ông cái nhà đáng giá năm trăm quan, ông phải bỏ hết tiền túi ra trả, sắp sửa chọn ngày đến ở, lại nghe chủ cũ kêu là nơi ở cũ đã trăm năm không nở bỏ dơi, ông bèn trả lại nhà mà không đòi tiền lại nữa, rồi trở về ở châu Thường,

Tháng sáu, Văn-trung xin cáo-lão, lấy bản - quan - hàm về trí - sĩ. Tháng bảy ngày 28, ông mất ở châu Thường nhà ngụ - quán họ Tôn, hưởng thọ 66 tuổi, khi bấy giờ là năm Kiến-trung-tĩnh-quốc đời vua Huy-tôn Vợ cả là họ Vương, vợ kế cũng là em gái bà vợ cả, đều mất trước ông. Tháng sáu nhuận, năm Sùng-ninh nguyên - niên, táng ông ở làng Diếu-đài huyện Giáp-thành.

Nhân-dân ở Chiết - tây. Hoài - nam. Kinh-nam, Hà-bắc, nghe tin ông mất, đều khóc viếng ở chợ, những người sĩ-quân-tử thì đều chạy đến thăm viếng ở nhà : ở về vùng Tân, Lũng, Sở, Việt chỗ nào có vết xe chân ngựa, không kỷ là người hiền người ngu đều thương khóc ông giở nước mắt cả. Học-trò nhà Thái-học đến và trăm người cùng bảo nhau đến thí-phạn cho thầy tăng là Tuệ-Lâm ở nhà tăng-xá đề cầu cho ông, ấy người ta thương cảm ông như thế. Vua Cao-tôn lên ngôi, truy tặng cho hàm Tư-chính-điện-học-sĩ. Vua Hiếu-tôn lại càng yêu

thích cái văn ông, ngự-chế bài tán ban cho tăng-tôn ông là Kiệu, truy-tặng cho ông hàm Thái-sư. Lời-sắc rằng :

« Trẫm, vàng mỗi tuyệt-học ở sau trăm thánh; xét lời vi-ngôn ở trong sáu kinh. Sắp muốn chấn-khởi mỗi tư-vấn; nên mới nhớ hoài người cố-lão. Dẫu rằng nghi-hình không được trông thấy; nhưng xem giảng-sách còn khá xét tìm. Lấy bạc nho giả mà suy-tôn, ban hiệu để-sư cho trọng-thê.

« Cổ Lễ-bộ Thượng-thư Đoan-minh-điện học-sĩ tặng Tư-chính-điện học-sĩ thụ Văn-trung Lô Thúc : Nuôi khí mình rất là cương-đại, rộng điều nghe cho đến cao minh. Khấp xem sách-vở mông-mệnh, khác gì bề sâu và đất rộng; xa nổi chính-truyền dằng-dặc, vang như chuông giông và khánh hồi. Tri-ngôn tự ví với Mạnh-Kha; luận-sự có kém gì Lục Trí. Đương năm Gia-hựu toàn-thịnh, khởi-dụng từng được vời vào; đến đời Hi-ninh biến-canh, trường-trị mới bày kế-sách. Người lạ tiếc cho mấy đời đã có. miệng gièm sợ cho những kẻ chúng-thương. Đầy đọa ngoài lĩnh-hải, mà vẫn như ở tại chốn triều - đình; châm chước lễ cò-kim, mà vẫn hay cẩu - toàn cơ tạo hóa. Cái tiết hiệu-nhiên thực là không thể đoạt được, cái danh tự-nhiên chẳng hay đem đến bởi ai. Kinh-luân chẳng hết dụng ở thừa sinh-tiền; nghị-luận vẫn công-truyền ở khi thân - hậu. Người đời vẫn theo cái học-thuyết năm Nguyên-hựu; nhà nào cũng có chứa sách vở dòng Mi-son. Trẫm, xét tập di-biên, kính người cao-khiết. Tài vương - tá đáng nên đại-dụng, tiếc chẳng đồng-thời. Đạo quân-tử âm mà càng chương, đời còn truyền đời. Nếu dưới chín suối mà còn phục-khởi, thì dưới nghìn năm cũng được văn-phong. Mong cho hồn linh-sảng còn thiếp-liêng, để phục-mệnh cồn - y cho vang-vẻ. Đặc-cách tặng cho Thái-sư, còn đều y-cựu cả. »

PHÊ-BÌNH. — *Mộ Tam - Tô chôn ở phía tây huyện Giáp, ngoài ba-mươi dặm, vì ông Tô Khiếu-công mất năm Chính-hòa thứ ba, cũng chôn ở đây. Khoảng năm Chi-chính đời Nguyên, ông Dương Doãn có đem chôn mũ áo của cụ Tô Lão-toàn ở phía hữu mộ hai ông ấy, nên gọi là mộ Tam Tô.*

Tô Đông-pha thường nói rằng : « Trên có thể vào châu dăng Ngọc-hoàng thượng-đế, mà dưới có thể bồi-tiếp những kẻ ăn mày ở chốn thôn quê được. » Vì ông Tô có cái bụng khoáng-đạt như thế, nên đi đến đâu vẫn tự-đắc vui-vẻ. Khi phải dầy ra phương nam, nếu người khác mà gặp phải cảnh ấy, thì có khi phải uất ức mà đến chết. Thế mà Tô Đông-pha gặp phải cảnh ấy, tâm-khí càng nhân, văn-chương lại càng đậm, khối mừng mưa chướng tự ông xem ra vẫn là hòa-khí xuân-phong cả, sử những lúc ấy thì hồ dễ ai đã kịp bằng.

Khi Văn-trung mất rồi chưa kịp táng, thì lũ Chương Đôn, An-Đôn và Sái Kinh, Sái-Biên liền đem nghiêm cấm cái học-thuyết năm Nguyên-hựu. Tô Văn-trung và lũ Tư-Mã Quang đều phải truy-đoạt cả quan-tước, không cho con cháu được làm quan kinh. Khoảng năm Sùng-ninh, Đại-quang (niên-hiệu Huy-tôn), phạm nhưng văn-từ mặc-tích của ông Tô đều bị hủy đi cả, trong nước có truyền tụng học-thuyết của ông đều gọi là Côn-lăng tiên-sinh mà không dám gọi rõ tên. Khắc áng năm Chính-hòa lại được thi-cấm, cho đi tìm những mặc-tích của ông rất cần. Đến khi nhà Tống phải thiên sang phương nam, Triệu Nhữ-Ngu cầm quyền nước, lại thi-cấm hết cả. Đến Tần-Cối làm tướng nghị-hòa với nước Kim, lại nghiêm-cấm học-thuyết của ông. Cuối năm Thiệu-hung (Cao-tôn) lại được thi-cấm. Đến sau Trịnh-Bính vì ghen-ghét Chu-tử, lại

tâu đề cấm, đó là bởi cái án các người đảng năm Nguyên-hựu rồi lại biến ra cái đảng án năm Khánh-nguyên đều là có quan-hệ về cuộc trị-loạn tồn-vong của hai đời Tống.

Cái đảng-tịch năm Nguyên-hựu, hoặc gọi là « Nguyên-hựu đảng-nhân », hoặc gọi là « Nguyên-hựu gian-dăng ». Tháng chiu năm Sùng-ninh nguyên-niên, tự Sái Kinh định ra cái đảng-án ấy, quan hàng Thị-chế thì đầu là Tô Văn-trung, quan hàng tể-trưởng thì đầu là Văn Ngạn-Bác đều ghi tên vào trong đảng-tịch cả, vua Huy-tôn lại tự ngự-thư đem khắc bia dựng ở ngoài cửa Đoan-lễ. Sái Kinh lại tự viết ra một tờ thư kể tội đảng-nhân ban khắp các châu huyện, sai đem khắc bia. Tháng sáu năm thứ ba, Sái Kinh lại dâng thư kể những người mình không ưa đều cho làm người phụ-thuộc mà thêm tên vào trong đảng-tịch, nhưng vẫn lấy Tô Văn-thung đứng đầu hàng Thị-chế; mà hàng quan tể-trưởng thì Tư-Mã Quang đứng đầu; em Văn-trung là Văn-định thì liệt vào hàng quan chấp-chính; còn những người học trò hiền trong cửa họ Tô như là Tần Quán, Trương Lỗi, Hoàng Đình-Kiên, Vương Cung, Lý Cách-Phi, Triều Thuyết-Chi, Gia Nguyên đều phải biên tên trong đảng-tịch mà bị cấm cả. Lần dựng bia thứ nhất là 120 người, hoặc kể bảo có 98 người. Lần dựng bia thứ hai 309 người, đó là bởi trong sách sử chép ghi nhân số nhiều ít bất-nhất, tên họ lại mỗi lúc một khác, đến sau khi hủy bỏ cái bia đi, tuy có khác lại cũng không khỏi truyền-vấn thất thực, nên mới sai khác như vậy.

Các bậc hiền-nhân trong đảng phần nhiều có ông chết đã lâu, ý người Sái Kinh thì muốn làm cho ô-danh cả chư-hiền, khiến cho con cháu đời sau cũng phải bị nhục. Nào biết đâu lẽ công luận vẫn ở lòng người không thể mất đi được, khiến cho người sau còn muốn

xoa mài mặt bia để xem cho rõ họ tên chu-hiền rực rỡ như các ngôi sao trên trời ; dấu đến con cháu cũng lấy là ông cha mình mà được cùng liên danh với các cụ Túc-thủy Mi-sơn làm vẻ vang chứ không phải là nhục. Than ôi! cái lòng yêu ghét phần riêng có đủ làm che lấp cái lẽ phải trái phần công dẫu. Trong bia liệt danh lẫm ông cũng không có đức-nghiệp danh tiếng gì mấy, song nhờ về cái bia ấy còn lại, nên thiên-hạ đời sau mới biết các cụ ấy là đảng quân-tử, cho đến cả anh thợ khắc là An Dân cũng được nhờ đó mà truyền danh, cũng là may lắm vậy.

Cái bia đảng-nhân năm Nguyễn-hựu vẫn là tự Chương Đôn, Sái Biện gây ra, nhưng mà cái việc Lạc-dăng Thục-đảng ganh nhau thì vẫn có đã lâu, sự ấy đặc thất thế ào, thì Trương Phở là đảng-khôi Phục-xã người cuối đời Minh đã bàn kỹ lắm, lời bàn rằng : «Đầu năm Nguyễn-hựu các bậc chính - nhân được tiến-dụng, Trinh-Di lấy là Sùng-chính-diện thuyết-thư được vào, Tô-thức lấy là Hàn-lâm học - sĩ được triệu - dụng, đều được bắt thứ siêu-thăng ở hầu bên tả bên hữu nhà vua cả. Chử được bao lâu vì nghị - luận không hợp nhau, lũ Giả - Dịch, Chu Quang-Đình tâu hặc ông Thức ; Hồ Tôn-Dũ, Khổng Văn-Trọng, Cổ Lâm thì tâu hặc ông Di, từ đó mới phân ra Lạc-dăng với Thục - đảng công - kích nhau, trong sáu bảy năm trời lẫm người hiền bị bãi bị bỏ, suốt đời Tuyên-nhân là triều minh-thịnh, mà không ai thi-thố được điều gì, thiên-hạ đều lấy làm tiếc. Đời Đường năm Trảng - khánh (Mục-tôn) Thái-hòa (Văn-tôn) mà gây nên đảng là bởi tự Lý Tôn-Mẫn, Lý Phùng-Cát, Ngưu Tăng-Nhự ghen ghét bọn Lý Đức-Dụ, Lý Thân mà bài-bác cho làm bè-đảng, báo - thù khuyh - loát nhau đến bốn mươi năm. Đời Tống trong năm Khánh - lịch mà gây nên đảng là bởi tự Giả Xương - Triều,

Trần Chấp-Trung, Vương Cung-Thần, Tiền Minh-Dật ghen - ghét bọn Phạm Trọng-Yêm, Phư-Bột mà bài - bác cho làm bè-đảng, nào là tâu sớ lên để phi-báng lẫn nhau, rút lại đều là bị bãi hết cả, đó đều bởi kẻ tiều-nhân cố-kết, kíp vì thân mưu, đã lấy công-danh lụy tẩm lòng, thì nó sinh ra án - oán, dẫu biết rõ rằng người quân tử có ích cho nước, nhưng lại sợ là không lợi cho mình, bởi thế mới trái lời công-luận kết bọn tử-đảng, phẩn-phát tung - hoành mà chẳng kiêng-ky gì cả. Ông Thức với ông Di là người hợp-chí đồng-phương, xuất-xử cũng không khác gì nhau, trong khoảng năm Hi-ninh Nguyên-phong, hoặc kể về năm chốn sơn-lâm, hoặc người bị đuổi ra hồ-hải, nhứt-dân gặp chửa dất tay cùng di, nên mong cùng nhau nhứt-tâm, theo đường công-lý, đề cùng thay đổi cho thành thiện-chính, mà cùng tác-thành cái sự-nghiệp của ông Tư-Mã Quang chưa làm xong thì mới phải, Thế mà chỉ vì nghị-luận sâu thương lại khờ ra công kích, không còn biết gì đến việc đại - chính của quốc-gia chỉ tranh biện về tân-pháp mà sinh oán trách nhau mãi, bình ông Di thì chê ông Thức là phi-báng, bình ông Thức lại chê ông Di là Kiêu-kích, xét ra thì hai ông hiền ấy vốn không có tội gì, mà những người bài - bác, cũng không phải có oán giận thù hằn gì, chẳng qua chỉ vì cái cơ thầy trò bè bạn, trong lúc bàn nói từ-sắc không chịu kém nhau, rồi thành ra hiềm - khích bài-bác nhau mãi không thôi, tờ sớ hặc nhau đầy trong triều, không khác gì người trong một nhà cùng cãi nhau vậy. Đến khi Chương-Đôn, Sái Kinh chuyên giữ chính-quyền, thì lũ ông Di ông Thức đều phải đẩy dọ ra ngoài, họ tên đều liệt ra tấm bia ở cửa Đoan-môn, đó đều là những người vung tay cãi cọ nhau, chia ra từng phe, nên bọn tiều-nhân mới bài-sích cho làm một đảng, thế thì lúc đời

trị không được cùng hưởng phúc, lúc đời loạn lại phải cùng tai-va, chư-hiền phải gặp bước như thế, tất cũng tự-hối rằng mình rúc giậu không được bền, mà đôi bên nước lửa tất cũng đến hại nhau vậy. Cái nghị-án về Thục-dăng, Lạc - đảng, lũ ông Lã Công - Trứ thực lấy làm đau lòng, mà người Chương - Đôn thì lấy làm khoái chí vậy. Ấy cái lỗi của đảng quân-tử năm Nguyên-hựu chẳng gì lớn hơn thế vậy.

PHÊ-BÌNH — Cái bia đảng-tịch năm Nguyên-hựu nay còn truyền có cái bản của người Nam-Tống, kể ra là 309 người, một tấm bia ở phủ Tĩnh-giang thì là tằng-tôn ông Lương-Đạo tên là Luật khắc lại, có bài bạt của Nhiều Tô-Nghiều, người Cát - châu đề năm Khánh-nguyên mậu ngọ. Một cái bia ở Dung-châu thì là tằng-tôn ông Thâm-Thiên tên là Vĩ khắc lại, có bài bạt đề năm Gia-định tân-mùi. Bản bia của họ Lương thì chữ viết hơi lớn, dưới tên các ông nào đã mất rồi thì đều chua chữ « 故 » khác với bản bia của họ Thâm. Bản bia của họ Thâm cuối cùng có một hàng chữ đề: Vi thần bất chung 爲臣不忠, những người từng làm chức lễ-thần lại có Vương-Khue 王珪 Chương Đôn 章惇 hai người; bản của Lương thì có tên Đôn mà không có tên Khue, bản của họ Lương thì kể nội-thần lại có tên Vương-Hóa 王化臣, bản của họ Thâm thì không có. Tên Cồn Công-Thích 袁公適, bản họ Lương làm chữ Cồn 袁 1a chữ Duyệt 兑. Tên Phùng Bách-dược 馮百藥 thì bản họ Thâm làm chữ Phùng 馮 ra chữ Hồng 洪. Bên Cung Quả thì bản họ Lương làm chữ Quả 夫 ra chữ Sử 史. Xét tờ chiếu-thư năm Sùng - ninh bảo rằng 309 người, nhưng cứ những tên liệt ở trong bia ấy thì thiếu mất một người, nên lấy ở trong bản họ Lương thêm một tên Vương Khue vào, hay là lấy ở bản họ Thâm thêm một tên Vương Hóa-thần vào, thì mới là đủ.

Nhà học luyện Thuần-an cũng có cái bia đảng-tịch năm Nguyên-hựu, là tự quan huyện úy Tư-Mã Lại dựng ra có chép ở trong sách Tấn-định tục-chí, nhưng chưa có bản in. Xem thế thì biết con cháu chư-hiền đều đem tấm bia ấy khắc đi khắc lại mãi, chỉ sợ rằng mai-một đi mất, muốn lưu tấm bia ấy mãi mãi ở trong khoảng trời đất mới là khoái-chí. Vả lại như Chương Đôn thì không biết bởi có sao mà lại có tên ở cái bia ấy. Đương lúc hủy cái bia ấy Sái Kinh thét lên mà rằng: Bia đá có thể hủy đi được, chứ còn cái tên thì không thể hủy đi được! Than ôi! Cái tên vẫn không thể hủy đi được, người Kinh kia nói thế rất là ngu!

Trong năm Thiệu-hưng có sai ông Trương-Cương xét kỹ lại những tên trong bia đảng-tịch đề phúc tâu lên, thì cái bản mới khắc có 98 người, trừ một tên Vương Khue ra thì chỉ có 97 người, mà phần nhiều là những người bày tội danh-vọng cả. Bài Ngữ-lục của ông Nguyễn Thành nói rằng: Người đảng năm Nguyên-hựu chỉ có 78 người, mà đây nói là 97 người, thì lại thêm ra 19 người.

Từ đời Tống trở lại người ta vẫn truyền cái học - thuyết năm Nguyên-hựu, nhà nào cũng chứa sách dòng Mi-sơn, thực là thịnh lắm vậy. Học-phái trong một nhà trên thì có cụ Lão - tổ, dưới lại có Tô Thiếu-công, các học-trò thanh-ứng khi câu đua nhau theo học, không thiếu gì người, nay liệt ra sau này để xem cho biết nguyên-nguyên.

Học-nghiệp của Tô Văn - trung là sở đắc về cha là Thần, ông Quán khi 27 tuổi mới phát-phần đi học, khoảng năm Gia-hựu mới dắt hai con là Trương-công, Thiếu công cùng đến kinh - sư. Ông Âu-Dương Tu mới được xem hai mươi thiên sách của ông Tô làm ra, lấy làm yêu thích lời văn ấy lắm, những

kẻ học-giả lúc ấy, đều đua nhau bắt chước lối văn-chương họ Tô. Hiện có văn-tập 20 quyển thuy-pháp 3 quyển.

Ông Tô Triệt 蘇轍 tên tự là Tử-do 子由 là em ông Tô Thức, 19 tuổi cùng - đồ tiến - sĩ đồng - khoa với anh, lại cùng ứng khoa chế - cử. Khi vua Thần-tôn lên ngôi dâng thư lên tâu việc, được vời vào đối-đáp ở trong điện Diên-hòa. Đến khi Vương An Thạch cầm quyền-chính, Lã Huệ-Khanh phụ-họa theo, ông Thức cùng nghị-luận với bọn ấy thường trái khác, phải cùng bị - biếm với anh là Tô Đông-pha, văn-niên về trí sĩ, làm nhà ở đất Hứa, tự hiệu là Dĩnh tân di-lão 穎濱遺老, khi mất tên thụy là Văn-định. Tính ông trầm-tĩnh giản-khiết, văn - chương thì đậm-bạc mà mệnh-mông giống như tư-cách người. Danh-tiết cũng gần ngang với Tô Đông-pha, có làm ra *Thi-truyện* và *Xuân-thu truyện*, *Cổ-sử Lão-tử-giải*, *Long-xuyên biệt-chí*, *Loan-thành văn-tập*, đều lưu-hành ở đời.

Tô Văn-trung có ba người con tên là : Mai 邁, Đãi 迨, Quá 過. Mai tên chữ là Bá-đạt, làm tri-huyện Nhân-hóa, văn - chương chính - sự có cái phong-thời như cha, vì giỏi việc chính-trị được thiên làm chức Phòng-ngữ thời-quan ở Hùng-châu, rồi lại thiên làm chức Viên-ngoại-lang, làm quan đến chức Thừa-vụ-lang; cùng em là Quá đều giỏi về nghề văn-chương. Quá tên tự là Thức-đăng, khi mười chín tuổi có làm thơ giải nghĩa về đường đất Lưỡng-Chiết, sau được nhiệm chức Hữu-thừa-vụ-lang. Khi Văn-trung thường phải biếm-trích, chỉ có một mình Quá đi theo hầu, phàm việc ăn uống đồ phục-dụng, những việc cần về sinh-lý ngày đêm nắng rét phải cần đến, thì đều một mình Quá làm lấy cả, mà không biết là khó-nhọc. Quá tự hiệu là Tà-xuyên cư-sĩ, có tập văn 74 - *xuyên*. Ông Văn-định vẫn

khen là người con hiếu, đề làm gương cho họ hàng.

Nguyên Lão 元老 tên tự là Tai-đinh, là tụng-tôn ông Văn-trung, khi nhỏ cố học, lại giỏi nghề làm văn, Hoàng Sơn-Cốc lấy làm lạ, sau đồ Tiến - sĩ làm quan đến chức Thái-thường thiếu-khanh. Khi ấy nghiêm-cấm học-thuật năm Nguyên-hựu, Tô Văn-trung cũng đương ở vào trong vòng đảng - cấm, Nguyên - Lão cũng bị bãi, than thở mà rằng: « Xưa kia Nhan tử được theo đuổi ngựa mà hiển-danh, Nguyên-Lão này vì lấy là dòng gia-thế mà mắc tội, há chẳng vinh lắm thay ! »

Văn-định có ba người con tên là : Tri 遲, Quát 适, Tốn 遜. Tri tên tự là Bá-khắc, năm Kiến-viêm thứ hai, lấy chức Hữu-triều-sảng đại-phu vào túc-trực trong bí-các, lại ra tri Vụ-châu, có tâu xin đổi ngạch thuế. Kẻ phụ lão ở đấy có vị lập nhà sinh-tử, ông nhân ở luôn đó.

Hoàng Đình-Kiên 黃庭堅 tên tự là Lỗ trực, người đất Nghĩa-ninh, tự hiệu là Sơn-cốc đạo-nhân. Khi nhỏ dĩnh-ngộ lạ thường, đọc sách trông thấu suốt năm hàng chữ. Tô Văn-trung thấy thơ ông ấy ở nhà Tôn-Sân lão-gia, khen mà bảo rằng trên đời này đã lâu không có câu thơ như thế, mới lấy thơ đi lại chơi-bời, mà thơ của Đình-Kiên thì lại càng tân-kỳ lắm, người nào bắt chước thể thơ ấy thì gọi là Giang - tây phái. Năm Thiệu-Thánh, Đình-Kiên phải bị an-trị ở Nhung-châu. Khi vua Huy-tôn lên ngôi, được triệu về. Sau vì trào-ngược khinh nhờn Triệu-Chính-Phu, đến khi Chính-Phu vào làm tướng, vu cho tội phải bị trừ-danh, phải đui ra quân - thú ở Nghi - châu, rồi mất.

Trương Lôi 張耒 tên tự là Văn-tiềm, người đất Hoài-âm, khi nhỏ dĩnh-dị, mười ba tuổi đã làm được văn. Ông Văn-trung khen văn ông ấy uông-dương

điềm-đạm có cái dư-âm nhất-xương tam-thán. Bởi đỗ tiến-sĩ làm quan đến thái-học. Đầu năm Thiệu-thánh ông lấy chức Trục-long-đồ-các ra tri Nhuận-châu, rồi mắc tội về đảng-tịch phải bị biếm. Ông luận về văn-chương chỉ lấy lý làm chủ, thường làm bài luận rằng: «Từ Lục-kinh trở xuống cho đến các sách chư-tử bách-thị, kẻ tao-nhân người biện-sĩ bàn bạc đều là có ngụ-chí - lý cả; vậy nên cái mới học văn phải trước nhất cho sáng lý, nếu biết văn mà chẳng chuộng lý, mà muốn cầu cho văn hay thì chữa có thể bao giờ: » Có làm ra *Kha-son văn-tập*.

Tiêu Bồ - Chi 晁補之 tên tự là Vô-cửu, người đất Cự-lộc, là hàng tụng-huynh ông Thuyết-chi. Khi nhỏ thông-minh cường-ký, đã giỏi về nghề văn-chương. Thường đi ra chơi đất Tiền-đường có làm ra bảy bài văn đề thuật những phong - cảnh non sông tốt - đẹp, đưa vào trình Tô Văn-trung xem, Văn - trung cũng phải chịu, lại khen là văn-chương bác-nhĩ tuần-vĩ hơn người nhiều lắm, bởi thế nổi tiếng, sau đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức biên-tu thực-lục kiểm-thảo. Văn-chương của Bồ-Chi ôn-nhuận và diễm-nhã, còn như tân-kỳ diễm-lệ là bởi tự thiên-đắc, lại càng tinh lối văn Sô-lừ, có làm ra *Kê-lặc văn-tập*.

Tần Quán 秦觀 tên tự là Thiếu-du, lại một tên tự là Thái - hư, người đất Cao - buru, khi nhỏ hào - kiệt khảng - khái phát-lộ ra văn-từ. Đến yết-kiến ông Văn-trung ở đất Từ, có làm bài phú Hoàng-hạc, Văn-trung khen là có tài giỏi như họ Tống, họ Khuất, sau khi đỗ rồi Văn-Trung lại lấy là bậc hiền-lương phương-chính tiến vào trong triều, được cử làm chức Quốc-sử-viện biên-tu, sau bị tội mắc vào đảng - tịch, phải đui ra ngoài. Văn-chương ông Quán lại sở-trường về nghị-luận, văn đẹp, mà tứ-thâm, có làm ra *Hoài-hải văn-tập*.

Lý Tiên 李薦 tên tự là Phương-thúc, tổ-tiên trước tự đất Vạn thiên đến ở đất Hoa, sáu tuổi đã bỏ-côi mà hay tự-lập, đến yết-kiến ông Văn-trung ở đất Hoàng, đem văn ra trình, Văn-trung khen là ngọn bút ba-lan có cái thể phi-sa tầu-thạch, cũng bằng hàng với Trương Lôi, Tần Quán. Khi Văn-trung mất, Tiên làm văn-tế có câu rằng: «*Hoàng - thiên hậu-thổ, giám nhứt sinh trung - nghĩa chi tâm* 皇天后土, 監一生忠義之心. *Danh sơn đại xuyên, hoàn vạn cổ anh linh chi khí* 名山大川, 還萬古英靈之氣. Lời văn rất là kỳ-tráng, ai đọc đến cũng phải rùng mình !

Vương-Củng 王鞏 tên tự là Định-quốc người huyện Sần, cháu ông Văn-Chính, con quan Công-bộ Thượng-thư tên là Tố. Củng sở-trường về nghề thơ, theo học Văn-trung, khi Văn-trung ở Từ-châu, Củng đến thăm, cùng khách chơi trên sông Từ-thủy treo lên núi Khôi-son, thổi sáo, uống rượu, rồi nhân khi sáng trăng mà đi về, ông Văn-trung đợi trên lầu Hoàng-hạc, nói rằng: «*Từ khi Lý Thái-Bạch mất đi rồi, ba trăm năm nay trên đời chưa có cái vui này!*»

Lý Cách-Phi 李格非 tên tự là Văn-thúc, người đất Tế-nam, đỗ tiến-sĩ, vì trái ý các quan chấp-chính nên không được hiển-đạt làm quan, Cách-Phi lại giỏi về từ-chương, thường nói rằng: «*Nghề văn-chương không thể làm đối đã được, hễ không có bụng thành-thực thì văn không hay.*»

Trần Sư-Đạo 陳師道 tên tự là Lý-thường, người đất Bành - thành, khi nhỏ chăm học, mười sáu tuổi lấy văn chương đến yết kiến ông Tăng Củng, ông lấy làm kỳ, chắc là nổi tiếng về nghề văn. Đầu năm Nguyên - hựu, Tô Thức tiến là người văn hạnh, được bổ làm chức giáo-thụ Từ - châu, sau lại được Lương Đảo tiến-cử được bổ làm i hái-học bác-sĩ. Có kẻ hặc tâu là ông

khí ở quan chức thường viết cõi đến Nam-kinh yết - kiến Tô Thức, phải đòi ra giáo-thụ Đĩnh - châu, lại có kẻ hặc là không do khoa - mục, phải bãi về, sau được cử làm quan lĩnh Bành-thành, ông không chịu đi. Khi làm quan giáo ở Đĩnh-châu thì Tô Thức làm tri-châu, đái vào bậc cao-đẳng, muốn cho sánh vào hàng đệ-tử, thì Sư-Đạo có làm câu thơ rằng : Xưa nay một nén hương, riêng kính Tăng Nam - Phong. Xem như câu thơ ấy thì biết ông là người có tháo-thủ. Ông làm văn - chương tinh-thâm điền-nhã, lại hay làm thơ, tự nói là học Hoàng Đình-Kiên, nhưng lại có ý-tứ cao hơn.

PHÊ-BÌNH. — Bốn người quân - tử trong cửa họ Tô thì Sơn-cốc tuổi lớn hơn cả. Trước kia Tần Thiệu-du, Triệu Vô-cữu, Trương Văn-tiêm đều lấy văn-học đến nhập-môn cửa họ Tô, Sơn-cốc khi ấy cũng đều vào học, đời nhân gọi là bốn người học-sĩ. Hoàng Lê-châu có làm ra sách Tổng Nguyên học-án ; Toàn Tả-sơn có tu-đồ sách của Tô-thị Thục-học-lược, ngoài bốn người quân-tử ra lại còn có ba người nữa là : Lý Phương Thúc 季方叔, Vương Định-Quốc 王定國, Lý Văn-Thúc 李文叔.

Cuối đời Minh người đất Tân-an là Hồ-Tiêm có khắc ra tập văn-túy của sáu người quân-tử cửa họ Tô, bảo đó

là Trần-Lượng đời Tống biên-tập lại, thì có những tên ông Hoàng Lô-trực, Trương Văn-tiêm, Triệu Vô-cữu, Tần Thiệu - du, Lý Phương - Thúc, ngoài những tên ấy lại bổ thêm tên Trần Hậu-sơn (Sư-Đạo) vào cho đủ là sáu, Triệu Vô - cữu có bài thơ rằng : « Hoàng - tử (Đình - Kiên) giống như ông Uyên - minh, chân-phương vẫn ở chốn thị - thành ; Đạo đức như Trần-quân (Sư-Đạo) cũng ít, hương - thôn giáo-hóa cũng thi-hành ; Trương-hầu (Lôi) cũng vào hàng Công-cận, luân-tử phát-chiến cũng tinh-nhanh ; cao-tài ai kịp bằng Tân Quán, Hoài-hải văn - tập còn lưu danh. » Xem như những câu thơ trên ấy thì có tên Trần Sư-Đạo, duy không có tên Phương-Thúc.

Trong tập văn Kha-sơn có bài thơ tặng cho Lý Đức-Tái rằng : Trường-công ba đào muôn khoảnh bể, Thiệu-công chót vót nghìn tầm cao ; Hoàng-lang chim hạc lượn bóng nhật, Trần-tử cảnh trúc phát sóng reo ; Tân văn đẹp dễ phỏ đào lữ, Triệu luận phun châu nhả ngọc nhiều. » Xem như câu thơ ấy thì biết nhân-tài đều có sở trường, dấu trong cửa họ Tô cũng không thể kiểm-toàn cả được.

ĐÔNG-CHÂU dịch



NGHI-LỄ PHỔ-THÔNG (1)

V

V. — CÁC TẾ LỄ

(Tiếp theo)

Lễ đức thánh Văn-Xương

Ngài người nhà Tấn, sau đi tu tiên coi về việc văn-chương khoa-cử, cho nên ngày trước học-trò đi thi thường hay đến lễ đền Ngọc-sơn, đền ấy ở giữa hồ Hoàn-kiếm Hà-nội, kêu cầu linh-ứng, ngày mồng ba tháng hai là ngày thành-đán, ngày 26 tháng bảy là ngày thánh-hủy.

Văn khấn

*Cung duy: Văn-xương tử-chàng để-
quán ngọc-bệ-hạ,
Cửa thiên khai hóa; lục diệu liên huy.
Nhất thập thất hóa thân, cứu vịnh
kiếp ư dịch dị;
Cửu thập bát hiền-ứng, thụ đại-động
ư thiên-vương.
Vị chùng Văn-xương; quyền thao quế-
tích.*

*Tư nhân-gian chi thiện ác; định sĩ
loại chi khoa-danh.*

*Âm - chất - văn nhất thiên, quát tận
nhân-gian yếu-chỉ; cứu-kiếp - chương
sở ngữ, thuyết thấu vũ trụ bệnh-căn,
Ưu thế ưu dân; minh đạo minh giáo.*

*Duy nguyện: Phủ thủy minh chúc;
khúc chần phàm-tinh.*

*Giáng giám hương diên, chùng-minh
công-đức. Cẩn lấu.*

九天開化。六曜聯輝。一十七化身救
永劫於奕禩，九十八顯應受大洞於
天王。位證文昌。權操桂籍。司人間之
善惡。定士類之科名。陰隲文一篇括
盡人間要旨。救劫章數語。說透宇宙
病根。憂世憂民。明道明教。惟願俯垂
明燭。曲軫凡情。降鑒香筵。證明功德。
謹奏。

Lễ đức Thánh tổ

Ngài là Dương Không-Lộ, hiền-tích ở chùa Thần-quang xã Dũng-nghĩa, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-định, nay thuộc huyện Vũ-tiên Thái-bình. Ngài cùng ông Giác-Hải, ông Từ Đạo-Hạnh sang học bên Tây-trúc, tu-hành đặc-đạo, nhà Lý suy tôn là Thiên-sư.

Văn-khấn

*Cung duy: Nam-thiên Thánh - tổ
Không-Lộ thiên-sư bảo-toạ,*

*Nam-thiên Thánh-lữ; Tây-trúc chân
truyền.*

*Minh thông chính-giác; công-đức
vô biên.*

*Cứu khổ cứu nạn; thành phát
thành tiên.*

*Từ-vân biến-phủ; pháp-vũ liên-phiên.
Hữu cầu tất ứng; phủ giám vi kiến,*

南天聖祖。西竺真傳。

明通正覺。功德無邊。

救苦救難。成佛成仙。

慈雲遍覆。法雨連翻。

有求必應。俯鑒微虔。

Lễ chùa Thầy

Ngài người xã Yên-lãng Hà-nội, tu hành ở chùa Thiên-phúc tỉnh Sơn-tây, tục gọi là chùa Thầy, chỗ ấy là chỗ ngài thoát xác. Đệ-niên ngày mồng 7 tháng ba là ngày lễ kỵ, thập phương đến chiêm-bái cúng dâng.

Văn khấn

*Từ-Đạo-Hạnh Phật tổ thuyết - sư,
Thần thông biến hóa, phép phát lạ*

thay,

*Tu hành đặc đạo, hiền tích chùa-Thầy.
Nay nhân ngày hội, kính hiến lễ chay.*

Ơn ngài phù-hộ, mọi sự mọi hay,

Lễ đức thánh Gióng

Đức Đồng-thiên-vương ngài mới lên 3 tuổi, cưỡi con ngựa sắt tay cầm siêu - đao đi đánh giặc nhà Ân, khi bình được giặc, cưỡi ngựa bay lên trời, hiển-tích ở làng Vệ-linh, dân hạt chỗ ấy đến nay vẫn còn sùng-bái.

Văn tế

Kinh duy : Đồng - thiên - vương
Thượng-đẳng tôn-thần.

Nhiệt-tâm ái-quốc, phá trừ Ân-tặc.
Thiệt-mã dăng không, uy linh mạc trắc.

Thiên - vương nhất khứ, thù vi
Thiên-vương.

Phủ kim tư cô, vĩnh hoai bất vương.
Quá Vệ-linh-son, trùng tầm vãng tich.

Chính-khi lâm-nhiên, bội thâm cảm-
khích.

恭惟 董天王上等尊神。

熱心愛國。破除殷賊。

鐵馬騰空。威靈莫測。

天王一去。誰爲天王。

撫今思古。永懷不忘。

過衛靈山。重尋往蹟。

正氣凜然。倍深感激。

Khấn nôm

Đồng Thiên - vương thượng - đẳng
tôn-thần.

Một gươm một ngựa, giặc Ân đã bình.

Khi thiêng biến-hóa, nghìn thuở uy
linh.

Nén hương xa thấu, gọi tổ tặc thành.

Lễ đền vua Hùng-vương

Vua Hùng-vương là vua thủy-tổ nước ta, hiện nay miếu thờ ở núi Hùng-vương, thuộc xã Hi-cương, tỉnh Phú-thọ, bên núi có mộ ngài, dưới núi có miếu thờ hai bà công-chúa, trong miếu có giếng, quanh năm thường có nước, ngày hai mươi tháng ba là ngày hội, hàng tỉnh làm lễ tam-sinh đem đến tế, dân-gian đến xem hội, lễ-bái cũng đông, tỉnh Sơn-tây, tỉnh Phú-thọ nhiều nơi có đền thờ ngài.

Văn tế

Kinh duy : Hùng vương, ngã Nam
thủy-tổ.

Hệ xuất tiên long, hưởng thử Nam-
thổ.

Cảnh ngưỡng liền công, phủ kim
tư cô.

Thời duy qui xuân, bất thắng
cảm-mộ.

Đình chúc hương hoa, bài chiêm
di mộ.

Linh sáng tại thiên, ngưỡng kỳ quyền
cổ.

敬惟雄王。我南始祖。

系出仙龍。享此南土。

景仰前功。撫今思古。

時惟季春。不勝感慕。

頂祝香花。拜瞻遺墓。

靈爽在天。仰其眷顧。

Văn nôm

Kinh duy : Vua Hùng khai - sáng
thủy-lở nước ta.

Tiên rồng giống báu, một bậc sinh ra.

Cha truyền con nối, bốn nghìn năm xa.

Lòng thường kính mến, như con một
nhà.

Nay nhân ngày hội, vừa liết tháng ba.

Tức thành dải tổ, dâng lễ hương hoa.

Xin tổ phù hộ, phúc-lộc đề-đa.

Lễ đức thánh Trần-Hung-đạo

Ngài người Tôn - thất nhà Trần, phong là Hưng-đạo đại-vương, ngài đánh giặc nhà Nguyên, có tên Nguyễn Nhan tự là Bá-Linh có phép tàng-hình, ngài sai người Yết-Kiều đi đánh, đem chỉ ngũ sắc vẫy bắt được người Nhan đem về, khi đem đi chém, chém đầu ấy nó mọc đầu khác, ngài bèn đem thần kiếm đến trước mặt, Nhan trông thấy kinh sợ, liền kêu sau tôi chết cho ăn vật gì? Ngài giận nói rằng : « Cho mày uống máu đàn-bà.» Nói xong, ngài chém một nhát nó chết, ném đầu xuống sông, chết xong nó liền linh

ngay, người ta phải lập miếu thờ, tục truyền nó thường hóa ra yêu-tinh hút máu đàn - bà; cho nên đàn - bà khó nuôi con, thường hay đến đền Kiếp - bạc Hải - dương và đền Bảo-lộc Nam-định để cầu tự, và nhờ uy-linh ngài để trị bệnh trừ tà, mà dân-gian nhà riêng cũng thường thờ ngài.

Văn khấn

Mồ niên nguyệt nhật mồ quán tên
mồ nhân vì cầu đảo sự, kính duy :

Trần-triều hiền thánh Hưng - đạo
đại-vương thượng-đẳng-thần vị tiền.

Đông-a lệnh trụ, Nam-hải thần-minh.

Dục phù vương-thất, táo phá Nguyên-bình.

Lục-đầu hiền thánh, Vạn-kiếp an-
linh.

Thần công mạc trắc, thánh đức
hiếu sinh,

Ngưỡng kỳ giáng giám, bảo hựu
khang ninh.

| | | | | | | | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|
| 東 翼 六 神 仰 | 阿 扶 頭 功 祈 | 令 王 顯 莫 降 | 胃。 室。聖。測。鑿。 | 南 掃 萬 聖 保 | 海 破 超 德 佑 | 神 元 英 好 康 | 明。 兵。靈。生。寧。 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|

Văn chữ nôm

Vì dân vì nước, một niệm trung-trinh.
Sóng Đẳng phá giặc, hách-hách uy-
thanh.

Nhờ gươm bảo-kiếm, trừ bỏ yêu-tinh.
Cầu tự được tự, cầu danh được danh.
Ơn ngài bảo-hộ, muôn sự tốt lành.

Kính dâng lễ vật, soi xét lòng thành.
Lễ đức chúa Liễu

Tục xưng đức Thánh - mẫu, ngài thác-sinh ở làng Thiên - bản thuộc huyện Vụ-bản Nam-định, đền thờ chỗ ấy gọi là Văn-cát, lúc tế ngài, đàn bà mặc mũ áo vào tế, đệ-niên ngày hội quan huyện và quan tỉnh về làm lễ rất tôn-nghiêm, đền ở Sùng - sơn (Thanh-hóa), thờ ngài rất là linh-ứng, cho nên Bản-triều sắc cho quốc-tế.

Văn khấn

Cung duy : Liễu-Hạnh công-chúa sắc
phong chế-thắng hòa-diệu đại-vương
ngọc động hạ.

Mẫu-nghi thiên-hạ, mặc tướng sinh
linh.

Sùng - sơn hiền-thánh, Thiên - bản
giáng-sinh.

Ti dân hộ-quốc, giáng vũ kâu tinh.

Cầu chi tất ứng, lễ bản hồ thành.
Thần tứ chi phúc, cộng hưởng an-
ninh.

| | | | | | | | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 母 崇 庇 求 神 | 儀 山 民 之 賜 | 天 顯 護 必 之 | 下。 聖。國。應。福。 | 默 天 降 禮 共 | 相 本 雨 本 享 | 生 降 驅 乎 安 | 靈 生。晴。誠。寧。 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|

Lễ đức Phật Quan-âm

Ngài con vua Trang-vương, chị ngài là Diệu - âm, và Diệu - thanh, ngài trước tu ở chùa Bạch-trước, vua Trang-vương không cho ở chùa, nhưng ngài quyết chí tu-hành, lại đến tu ở chùa Hương-tịch, sau vua Trang đốt-chùa, bị bệnh phong, lúc bấy giờ ngài đã được phép biến-hóa thần-thông hóa ra nghìn tay nghìn mắt, bèn khoét mắt chặt tay để chữa bệnh cho vua Trang, vua liền khỏi bệnh, tự đấy mới tin đạo Phật, bèn cùng bà Hoàng - hậu cùng hai con gái theo ngài đến tu ở chùa Hương-tịch, đều được thành Phật. Nay chùa Hương tịch ở làng Yến - vĩ thuộc phủ Mi-đức, Hà-đông, chùa ấy là một tòa chùa hang, trong có động rộng dung được năm trăm người, trong động có hai chòm đá tục gọi là các cô, các cậu, trong động những thạch-nhũ đủ xuống, coi ra nhiều vẻ thiên - nhiên, đệ - niên cứ tự rằm tháng giêng cho đến rằm tháng ba, các nơi đến lễ bái, kể ra người vào, nối liền không dứt.

Văn khấn

Năm tháng ngày mỗ, mỗ quán thành
tâm kỳ đảo.

Nam-vô a-di-đà phật.

*Na-mô thập phương tam-bảo chư phật
Na-mô đại-lưu đại-bi cứu-khổ cứu nạn
Quan-thế-âm bồ-tát bảo tọa hạ.*

*Thần thông biến-hóa, đầu phật hiển-
linh*

*Từ-bi tế-dộ, chứng giám lòng thành
Cầu tự được tự, cầu danh được danh
Nương nhờ bóng phật, muôn sự tốt
lành.*

Na-mô a-di đà-phật

Lễ tam-phủ

(Các xã duyên-giang đều thờ đức
Tam-phủ).

Văn khấn

*Mô niên nguyệt nhật, mô quán mô
danh, cần di lễ-vật thứ-phẩm cung tiến vu
Thiên-phủ tôn-thần, bảo tọa.*

Địa-phủ tôn-thần bảo tọa.

Thủy-phủ tôn-thần bảo tọa.

*Kính duy: Quyển tham chủ-lễ; hóa
diệu tài thành.*

*Tế nhân hoàn phú-tái chi công; nhuận
vật hợp thi-sinh chi đức.*

*Ngưỡng kỳ giáng giám; bảo-hựu
khang-ninh.*

*Từ thời vô hạn tạo chi tai, phong hòa
vũ thuận; hợp cảnh hưởng thuận-hi
chi phúc, vật phụ nhân khang.*

*Thần đẳng bất thặng nguyện vọng
chi chi.*

Cần tấu ..

*敬惟權參主宰。化妙裁成。濟人
完覆載之功。潤物合施生之德。仰
祈降鑒。保護康寧。四辰無早潦之
災。風和雨順。闔境享純熙之福。
物阜民康。臣等不勝願望之至。
謹奏。*

Lễ đức dương-cảnh Thành-hoàng

Văn khấn

*Mô niên nguyệt nhật, mô quán tên
mô cần dĩ phẩm-vật cung hiến vu.*

*Đương-cảnh thành - hoàng chi - đức
phúc-thần vị tiền, cung duy*

*Thần-thần: khâm thừa đế-mệnh; chức
chưởng dân-cư.*

*Chấn thiên-cổ chi anh-linh; long nhất
phương chi chủ-lễ.*

*Trừ tai hân-hoạn, tảo lạc-diệp u thu-
phong; tiếp phúc nghinh tường, khai
hồng-hoa u xuân-vũ.*

*Nhất dân mong lợi lạc chi hồng-hu; ;
hợp-cảnh hưởng hòa - bình chi hạnh-
phủ. Vạn vọng.*

*恭惟尊神。欽承帝命。職掌民
居。振千古之英靈。隆一方
之主宰。除災捍患。掃落葉於
秋風。接福迎祥。啓紅花於春
雨。一民蒙利樂之馮庠。闔境
享和平之幸福。萬望。*

Lễ đức Dương-niên

Văn khấn

*Mô cần dĩ mô vật, cảm chi cáo vu bản-
niên thái-tử chi đức tôn-thần bệ hạ.
Bản-niên thiên-quan (mô) vương hành-
khẩn mô thần vị tiền, cung duy:*

*Quyển tư thái-tử; chức chưởng
đương-niên.*

*Tương để kiến vô - thiên chi hoàng-
cực, dương thư âm thâm phân công;
trạch dân ưu hữu cưc chi xuân-
phong, kiến thủy khôn sinh hợp đức.*

*Thập nhị nguyệt đại thiên hành hóa,
phong vân lợi vũ từ dĩ ân uy; từ
phương dân suất thờ giai thần, dịch lệ
ôn hoàng, kỳ chi khang-thái. Vạn vọng.*

*本年太歲至德尊神陛下。
本年天官某王行謹某神位前。
恭惟權司太歲。職掌當年。相帝
建無偏之皇極。陽舒陰慘。分功。
澤民灑有脚之春風。乾始坤生
合德。十二月代天行化。風雲
雷雨。賜以恩威。四方民率土皆
臣。疫癘瘡疔祈之康泰。萬望。*

*本年太歲至德尊神陛下。
本年天官某王行謹某神位前。
恭惟權司太歲。職掌當年。相帝
建無偏之皇極。陽舒陰慘。分功。
澤民灑有脚之春風。乾始坤生
合德。十二月代天行化。風雲
雷雨。賜以恩威。四方民率土皆
臣。疫癘瘡疔祈之康泰。萬望。*

*本年太歲至德尊神陛下。
本年天官某王行謹某神位前。
恭惟權司太歲。職掌當年。相帝
建無偏之皇極。陽舒陰慘。分功。
澤民灑有脚之春風。乾始坤生
合德。十二月代天行化。風雲
雷雨。賜以恩威。四方民率土皆
臣。疫癘瘡疔祈之康泰。萬望。*

*本年太歲至德尊神陛下。
本年天官某王行謹某神位前。
恭惟權司太歲。職掌當年。相帝
建無偏之皇極。陽舒陰慘。分功。
澤民灑有脚之春風。乾始坤生
合德。十二月代天行化。風雲
雷雨。賜以恩威。四方民率土皆
臣。疫癘瘡疔祈之康泰。萬望。*

*本年太歲至德尊神陛下。
本年天官某王行謹某神位前。
恭惟權司太歲。職掌當年。相帝
建無偏之皇極。陽舒陰慘。分功。
澤民灑有脚之春風。乾始坤生
合德。十二月代天行化。風雲
雷雨。賜以恩威。四方民率土皆
臣。疫癘瘡疔祈之康泰。萬望。*

*本年太歲至德尊神陛下。
本年天官某王行謹某神位前。
恭惟權司太歲。職掌當年。相帝
建無偏之皇極。陽舒陰慘。分功。
澤民灑有脚之春風。乾始坤生
合德。十二月代天行化。風雲
雷雨。賜以恩威。四方民率土皆
臣。疫癘瘡疔祈之康泰。萬望。*

*本年太歲至德尊神陛下。
本年天官某王行謹某神位前。
恭惟權司太歲。職掌當年。相帝
建無偏之皇極。陽舒陰慘。分功。
澤民灑有脚之春風。乾始坤生
合德。十二月代天行化。風雲
雷雨。賜以恩威。四方民率土皆
臣。疫癘瘡疔祈之康泰。萬望。*

Lễ kỳ-yên

*Đầu tháng hạ lễ kỳ-yên, tục ta gọi
là lễ đầu hè, nhiều nơi làm những mũ
mã voi ngựa tồn đến ba bốn chục bạc
rời đem đốt đi, thật phi mà không có
ích gì.*

Văn khấn

Tuế thứ mỗ niên nguyệt-nhật, mỗ quân, tin-chủ mỗ, kỳ vị binh-an sự, kính duy:

Đương niên thái-tuế chi đức tôn-thần bệ-hạ.

Hành-binh hành - khiên tôn-thần án-hạ.

Bản-xã thành-hoàng tôn thần tọa hạ.

Bản-thổ thổ-thần vị liên.

Kính thứ: ngũ phương sử-giả ôn - hoàng, dịch-lê chi thần.

Hành bệnh hành binh bộ-tướng liệt vị-thần quan tọa hạ,

Đồng lai giáng giám, bảo-hộ kháng-ninh.

THIÊN-QUAN TÔN-BIỂU

Năm nào vị nào coi việc kê rõ sau này:

Ti niên Chu-vương hành khiên hành binh chi thần Lý-tào phán-quan.

子年周王行謹行兵之神李曹判官。

Sửu niên Triệu-vương hành-khiên lục thương chi thần Khúc-tào-phán-quan.

丑年趙王行謹六傷之神曲曹判官。

Dần niên Ngụy-vương hành-khiên hành binh chi thần Tiêu-tào phán quan.

寅年魏王行謹行兵之神蕭曹判官。

Mão niên Trịnh-vương hành-khiên hành binh chi thần Liễu-tào phán quan.

卯年鄭王行謹行兵之神柳曹判官。

Thìn niên Sở - vương hành - khiên hành binh chi thần Biều-tào phán-quan.

辰年楚王行謹行兵之神表曹判官。

Tị niên Ngô-vương hành-khiên hành binh chi thần Hứa-tào phán-quan.

巳年吳王行謹行兵之神許曹判官。

Ngo niên Tần-vương hành-khiên hành binh chi thần Vương-tào phán-quan.

午年秦王行謹行兵之神王曹判官。

Mùi niên Tống-vương hành-khiên hành binh chi thần Lâm-tào phán-quan.

未年宋王行謹行兵之神林曹判官。

Thân niên Tề-vương hành-khiên hành binh chi thần Tống-tào phán-quan.

申年齊王行謹行兵之神宋曹判官。

Dậu niên Lỗ-vương hành - khiên hành-binh chi thần Cự-tào phán-quan.

酉年魯王行謹行兵之神巨曹判官。

Tuất niên Việt-vương hành-khiên hành-binh chi thần Thành-tào phán-quan.

戌年越王行謹行兵之神城曹判官。

Hợi niên Lưu-vương hành-khiên hành binh chi thần Nguyễn-tào phán quan.

亥年劉王行謹行兵之神阮曹判官。

Lễ đức Táo-thần (Tục gọi là lễ vua bếp)

VĂN KHẤN LỄ TRƯ-TRỊCH

Mỗ niên nguyệt nhật, mỗ quân tin-chủ mỗ, căn dĩ phủ-lưu lễ-vật cung vu Đông-trù tư-mệnh tào-phủ thần-quân vị tiền.

Thời duy trừ-tịch, tuế tự kỳ chu. Nhất gia hỏa thực, quân lại thần-hưu. Ngưỡng kỳ bảo-hưu, bách lộc thị trừ. Cẩn cáo.

東厨司命灶府神君位前。辰惟除夕。歲序既週。一家火食。均賴神庥。仰祈保佑。百祿是遒。謹告。

Khấn nôm

Nhật dụng hằng ngày, ngài thường soi-xét.

Nay nhân lễ tết, dâng chút lễ thành.

Xin ngài chứng - minh, định tài thịnh-vượng.

VĂN KHẤN LỄ NGUYÊN-ĐÁN

Theo như lễ trừ-tịch, duy hai câu trên đời làm câu tuế công vân thủy, xuân nhật du du 歲功云始春日悠悠, còn bốn câu dưới theo như lễ trừ-tịch vậy.

Khấn nôm

Ăn uống hằng ngày, ơn nhờ đức Táo. Lễ tết đầu năm, tác thành kính cáo. Muôn đời uy-linh, cửa nhà an-hảo.

Ngài họ Trương tên húy là Đan, ngày mồng ba tháng tám là ngày giáng-sinh, nước Tàu đến ngày đầu nhà nào cũng lễ, tục ta đến ngày 23 tháng chạp lễ ngài, để ngài lên tàu Thiên-đình giáng phúc xá tội, đó là hủ-tục, tưởng cũng nên thôi.

Lễ đức Thổ-thần

(Lễ hôm ba-mươi tháng chạp gọi là trừ-tịch).

VĂN KHẤN LỄ TRỪ TỊCH

Mỗ niên nguyệt nhật, tín-chủ mỗ, nhân hôm nay là ngày trừ-tịch, cần đi lễ-vật kính dâng đức Thổ - địa thần-linh chứng-giám.

Năm cùng tháng hết, đến mai ngày tết. Muốn tạ thần-linh, lễ thành kính yết.

Khấn chữ nho

Nhật cư nguyệt cư, tuế tịch kỳ trừ.

日居月諸。歲夕既除。

Phục duy giáng cách, vĩnh điện quyết cư.

伏惟降格。永奠厥居。

KHẤN LỄ NGUYÊN-ĐÁN

Mỗ niên nguyệt nhật, mỗ quán, tín-chủ mỗ hợp đồng - gia đẳng, nhân nay tết nguyên-đán sửa sang lễ-vật

kính dâng đức Bản-thổ thần-linh vị tiên. Muôn đời uy-linh, lòng thành tín ngưỡng. Lễ bạc kính dâng, xin ngài hàm-hưởng. Hết sức bang-phù, cửa nhà thịnh vượng.

Khấn chữ nho

Nhật cư nguyệt cư, xuân tiết vân sơ.

日居月諸。春節云初。

Duy thần giáng giám, điện quyết du cư.

惟神降鑒。奠厥攸居。

Văn tế đức Thần-linh và đức Táo-quân

Cung duy Thần quân, dật dật hậu chất; hách hách viêm uy. Chức cư trung-thổ; mệnh thủ đông - trừ, ngũ hành thổ cư trung, cảnh nội giáng sơn qui thống-thực; thất tự Táo chỉ nhất, gia trùng bão noãn lại hồng-hưu. I vọng để bố sủng tuy chi hóc; đại thiên tư họa-phúc chi quyền. Duy nguyên vân xa thiềm điện, hỏa mã phi đằng, giáng giám hương duyên chứng-minh công-đức.

文祭

恭惟神君。溢溢厚質。赫赫炎威。職居中土。命守東廚。五行土居中。境內江山歸統屬。七祀灶之一。家中飽煖賴鴻庥。相帝布寵綬之化。代天司禍福之權。惟願雲車閃電。火馬飛騰。降鑒香筵。證明功德。

Lễ đức Thổ-địa Trần-huệ đại-vương

Cung duy Thổ - địa Trần - Huệ đại-vương, tọa hạ, kính duy

Đại vương: quyền tư bản-thổ; chức chủ chương âm-bình. Thống thiên vạn chi hùng-quân; quản bộ dinh chi lực-sĩ. Trừ tà quý r phát văn phát kiến; thổ tư dân r tình dục tịnh sinh. Vạn vọng.

恭惟土地陳惠大王座下

敬惟大王。權司本土。職掌陰兵。統千萬之雄軍。管部營之力士。除邪鬼於弗聞弗見。措斯民於並育並生。萬望。

Lễ Hậu-thần ở phần mộ

Mỗ niên nguyệt nhật, mỗ quán mỗ tinh-danh, cảm chi cáo vũ Hậu-thổ tôn-thần vị tiên. Duyên vì cung tu tuế sự r

Tự tính chúng sinh thế nguyên độ.
 Tự tính phiền não thế nguyên đoạn.
 Tự tính pháp môn thế nguyên học.
 Tự tính phát đạo thế nguyên thành.
 Phật tử chúng đẳng, ngã kim năng
 linh chúng đẳng vĩnh ly tam đồ bát
 nạn chi khổ thường vi như lai chân
 tính phát-tử.
 Nhữ đẳng phát tử chúng ngã kim thi
 nhữ cùng thử thực biến thập phương,
 nhất thiết phát tử cộng nguyện dĩ thử
 công-đức, phổ cập ư nhất thiết,
 Ngã đẳng dĩ chúng - sinh, giai cộng
 hành phát-đạo.

Tóm bàn

Dân-gian trong một năm, tuần nọ tiết kia biết bao nhiêu là lễ phí, từ những lễ quan hôn táng tế là việc có quan-thiết không thể thôi được, nên phải theo lễ, những nhà không có sản-nghiệp cũng nên chăm-chước mà làm, còn tết nguyên-đán, và tế xuân, tế chạp, tế táo-mộ, đều là lễ thường, có thì làm nhiều, không thì làm ít. Đến như tiết Đoan-ngũ ngày mồng năm, nước Tàu kỷ niệm ông Khuất Nguyên chết ở sông Mịch-la, ngày hôm ấy làm bánh gói bằng lá hồ, buộc chỉ ngũ-sắc ném xuống sông để cúng ông ấy. Tết Trung-nguyên là tự ông Đại-tôn nhà Đường sai đạo táng dựng ra vũ-lâm-bồn, (làm bằng tre có ba chân như hình giá đèn gọi là vũ-lâm-bồn) treo áo giấy liền giấy rồi đốt đi, và xét trong đạo tạng-kinh tết trung-nguyên ngày mười rằm tháng bảy linh quan ở dưới Âm-phủ xét định tội phúc, cho nên

tục ta gọi là ngày Trung-nguyên xá-tội. Tết Trung-thu đời vua Minh-hoàng nhà Đường năm thứ hai ngày mười rằm tháng tám sai người thôn quê con trai con gái hội ở núi tiên, rồi bày giởng ngọc đẹt gấm, cùng bày các đồ hoa quả, vua ra đây để chơi trăng. Đời nhà Tống trung-thu có yêu-tinh hóa làm cá chép cứ đến ngày trung-thu nó lại biến hình ra hình người làm hại nhi đồng phụ-nữ, bấy giờ ông Bao-chửng 包拯 tâu xin bắt dân-gian chế ra cái đèn con cá đốt nhen bên trong treo ở trước cửa khiến cho yêu-tinh ấy biết sợ, Lê Trừ-tịch là tục của nước Ngô cứ đến ngày ba-mươi tháng chạp dựng cột nều đốt đèn để soi ra ngoài ruộng cầu sang năm được tốt lúa. Ngày tết đốt pháo tục nước Kinh Sở bị phải ma quỷ ở trong rừng-rú thường làm người ta ốm đau, nên phải đốt pháo khiến cho ma quỷ kinh sợ.

Phàm những tục ấy là tục riêng của nước Tàu ngày trước, chứ không quan-thiết gì đến phong-tục lễ-độ, thế mà mình cũng cứ tuân-tập cái hủ-tục của người ta, trong một năm chi-phí vào cái đồ vô-ích biết bao nhiêu tiền, thực cũng đáng tiếc. Vậy ta nên biết việc gì có quan-hệ đến phong-tục lễ-độ thì ta theo, còn như hủ-tục thì ta bỏ, nếu trong nhà có dư tiền dư thóc cũng nên tỉnh giảm việc tế lễ và những việc phí vô - ích, mà làm những việc ích-lợi chung, thì có lẽ hay hơn.

Hết

THIỆN-ĐÌNH

CHUYỆN CŨ NƯỚC NAM

I — Na Sơn-Ký

那山記

Non xanh nước biếc chẳng phải là kho vô-tận của tạo-hóa để cho khách hào-hoa phong-nhã, làm cuộc khiên-hùng đấy ư? Non chỗ nào không xanh, nước chỗ nào không biếc, tự mắt người tầm-thường có lịch-lãm đến cũng chẳng qua cho là cái vật vô-tinh đó thôi; còn những khách hào-hoa phong - nhã gót chân đã qua đến, con mắt đã nhìn đến, ai là chẳng xúc-cảnh sinh-tinh, đã xúc-cảnh sinh - tinh tất phải có một hai câu đề-vịnh, một đôi phen tô-diêm chi chi đó, để kỷ-niệm cùng giang-sơn.

Thơ Thái - thạch có câu: « *Tự cổ giang-sơn nhân bất đắc, bán qui danh-sĩ bán anh-hùng* 自古江山閒不得。半歸名士半英雄 » . Nghĩ cho kỹ mới biết giang - sơn muốn nhân cũng không được, khi thời ứng-tiếp những người danh-sĩ dề vào đá khắc vào bia đề kỷ - thắng, khi thời đối-đãi các bậc anh-hùng, chiếm lấy núi giữ lấy khe để thủ-hiêm, dẫu sơn-thần có uy - linh đến thế nào cũng không có ngăn-trở mà tự chiếm lấy cái giang-sơn ấy làm cái cảnh riêng của mình được. Thử xem núi Lam-sơn có vua Lê Thái-tổ thời cái cảnh Lam - sơn lại càng thêm đẹp, núi Bàn - kha có ông Ngô Thời-Sĩ thời cái cảnh sắc ở Bàn - kha lại càng thêm xinh, thế thời giang-sơn không phải chỉ là giang-sơn của tạo-hóa, giang-sơn chính là cái vật ngoạn-dộng của danh-sĩ và anh-hùng vậy.

Ihanh-hóa là một tỉnh nhiều danh-thắng hơn các nơi khác, không những Lam-sơn và Bàn-kha, nào hang Từ Thức, nào động Trúc - lâm, nào núi

Hỏa-phong, nào non Đòng-cổ, những chỗ danh-nham thắng - tích có danh tiếng đã lâu không kể, ngoài ra còn nhiều nơi u-tĩnh, trước xưa chưa mấy người thường - thức đến, cũng còn nhiều, như núi Na-sơn ở xứ Tinh-mê thuộc phía tây huyện Nông-cống chẳng phải là một chỗ danh-thắng đấy ư?

Núi ấy từ núi Chùa - sơn ở huyện Lôi-sơn liền-lạc đến đây ước hai mươi dặm, đột lên một ngọn núi rất cao, trên có một tòa chùa, tục gọi là Tiên-am, không biết rằng đời nào tạo ra mà vị nào chủ - trì ở chùa đó, cũng không có bi-ký gì cả, nhưng xem ra chùa làm đã lâu ngày, trên có động, dưới có khe, cây-cối rậm-rạp cũng có vẻ tự-nhiên, đứng trên đỉnh núi trông về phía đông thời nước bề mênh-mông gió chiều nổi sóng, bao nhiêu không-khi ở ngoài bề thời quanh bên mình rất là khinh - khoái, trông về phía tây thời đỉnh non cao thấp hoa đá chen mây, bao nhiêu cái cảnh-tượng ở bên non thu về trước mắt rất là li-ký, nào chim oanh hót, không phải tiếng tơ tiếng trúc mà vẫn có âm-hương tuyệt-diệu, nào giọng tiêu-phu hát, không phải tiếng sênh tiếng phách mà vẫn có khúc-diệu thanh-tao. Lại xem chung quanh núi bốn mặt đều có khe nước, đi về phía tây - nam ước ba giờ đồng-hồ có cái giếng tục gọi là Thiết - tỳ, giếng nông mà nước vẫn trong, uống có hương-vị, ở chỗ sườn núi có một chỗ có lối đào ba trượng, hỏi người Thổ ở thôn Quần-ngọc xứ Tinh-mê nói rằng: « Chỗ ấy nguyên trước có ngọc, đêm mưa to gió lớn thường

thấy tinh ngọc hiện ra sắc đỏ sáng choang góc núi. Tự triều vua Tự-đức thứ ba có một áng mây đen hình như cái tàn rồi tự-nhiên tuôn mưa một trận như đổ ống, ngập lụt mất cả lúa mạ, tự đấy mới thấy cái lối đạo ấy, sau mới biết là thần giao - long ở các khe làm mưa dẫn nước để lấy ngọc, tự khi ấy đến nay không thấy ngọc-tinh xuất-hiện nữa.»

Dưới núi ấy lại có một con đường nhỏ, hai bên đường cây cỏ rậm - rạp, giữa là đường người tiều-phu đi. Lại tục truyền cái núi ấy nguyên có động dài mà hiểm, sâu mà xa, dấu chân người chưa thường đến, cuối đời nhà Trần đương triều Nhuận-Hồ, có một người tiều-phu gánh củi ở trong động ra bán củi đổi rượu uống, uống say không có cần hỏi chi đến tiền, thường gặp thôn-ông dã-lão ngồi vuốt râu nói chuyện nông-tang, còn việc đời không có bận chi đến, hỏi đến tinh-danh què quán thời cười không đáp, kịp khi mặt trời xế về tây, lại về trong động. Nhân một hôm Hồ Hán - Xương đi săn qua núi Na-sơn gặp người tiều-phu ấy vừa đi vừa hát.

Hát rằng :

*Non chông đá lá che cành,
Mây che trước nước chảy quanh.
Sớm ta đi vậy, trời vừa rạng canh;
Tối ta về vậy, bóng đã xế mình.
Áo lá sen phát-phối vẻ càng xinh,
Đeo hoa lan thoang - thoảng hương
càng thanh.
Mặc ai xe ngựa, mặc ai thị-thành.
Bụi trần chẳng nhiễm tấm lòng trinh,
Tiều Tào đao-bút, Vương Tạ trâm-anh.
Ngồi tĩnh lại xưa nay những bậc công
khanh.
Rêu che khói tỏa người đà vắng tanh.
Không bằng ta một giấc hoàng-lương
đã tỉnh,
Ngồi xem bóng ác rạng non xanh.*

Hán-Xương nghe câu hát biết là người ấy có chí cao-thượng, liền sai

thị-thần là Trương công chạy theo xem tung - tích như thế nào, thời người ấy đã đi vào trong động rồi, hỏi không nói gọi không thưa, chỉ thấy rêu mây vách khói đi trên ngọn cây, đuôi theo không kịp, tìm đường đi tắt ước hơn hai dặm, lối đi rất là hiểm-trở, trông theo đàng xa không thấy bóng người ấy ở đâu nữa, ngửa mặt xem trời bóng tà-dương đã gần lặn, muốn trở ra, mà cũng không biết đường lối đi đàng nào. Bỗng nghe có tiếng gà kêu ở bên núi, bụng mừng thầm gần đây tất có nhà ở, tìm đến nơi thấy có cái am lợp cỏ, chung quanh trồng những cây bích-đào hồng-hạnh, hoa lá tốt-tươi, mà trong am tịch-mịch không thấy người ở đâu cả, đánh bạo lên vào trong am xem, mới bước đến hè ngoài thì thấy gian giữa có cái giường bằng mây, trên giải chiếu đan bằng tre, vách bên đông đề bài « ái-miền 愛眠 » rằng :

*Ta không muốn gì, muốn ngủ yên,
Ngủ được tinh-thần lại thần-nhiên.*

Trừ phiền-não thoát trần duyên.

*Chán mùi chung-đỉnh vui thú làm-tuỳên.
Bành - trạch đêm thâu, nửa rèm gió
thoảng,
Liêm-kê viên tĩnh chiếc gối trắng in.
Nam-kha một giấc mộng thần-tiền.*

Vách bên tây đề bài « ái-kỳ 愛棋 » rằng :

*Ta không sướng gì, cờ là sướng,
Cờ chơi tiêu-khiển qua ngày tháng.*

Mai là anh, cúc là bạn.

*Thơ Thái-Bạch ngâm-nga, rượu Lưu-
Linh chuyển-choảng.
Giở bàn cờ cũng sĩ, cũng tướng, cũng
ngựa, cũng xe, cũng pháo, cũng tượng.
Trong phút chốc trải cuộc đời doanh-
thâu đắc-táng.*

Vừa xem hai bài đề xong, thấy một người tiều-dồng ở trong cửa am ra hỏi : « Ông ở đâu tới đây, lạ-lùng vậy ? » Trương-quân nói : « Chủ-nhân ở đây là ai, hiện bây giờ ở đâu ? nhờ anh

dẫn tôi vào tận nơi, để tôi được tiếp chuyện, thì hân-hạnh lắm.»

Tiêu-dông dẫn vào bên trong, thấy một người ngồi ở trên sập đá, nhận ra mới biết người ấy là tiêu-phu ta mới gặp đây.

Người ấy hỏi: « Chỗ này u-tịch xa cách hồng-trần, ông tới đây có việc chi mà đường đột như vậy? »

— Tôi là chức thị-thần đương-triều, nghe tiếng tiên-sinh có chí cao-thượng, vâng mệnh vua lại đây để đón tiên-sinh về triều. Tiêu-phu cười nói rằng: « Ta là một người dật-sĩ lánh đời, lấy phong-nguyệt làm sinh - nhai, lấy lâm-tuyền làm chân - thú, ngoài thời không biết ai là quân, ai là tướng và thuộc về triều-đại nào. »

Trương-quân nói: « Đã đành như vậy, nhưng tôi trộm nghe quân-tử đời xưa ai là không có bụng giúp đời cứu dân, đương khi vị-ngộ cũng như ngọc lành còn phải đợi giá, cho nên ông Phó Duyệt đời vua Thương, vẽ tượng đi tìm mà sau cái ơn Thương-lâm 商霖 mới rộng; ông Thái-công đợi vua Vũ đem xe đến rước, mà sau công Mục-dã 牧野 mới thành. Nay minh-chúa lên ngôi, thần-dân thiếp-vọng, người nước Xiêm dâng đất mà sùng - thần, quân nhà Minh lui binh mà hàng-phục, anh-tài bốn bề ai cũng tới cửa khuyết mà giúp sức giúp mưu, nhưng chỉ thiếu những bậc hiền-sĩ ở sơn-lâm để phù-tá mà thôi. Nay tiên-sinh có chí hảo-phụ, có tài kinh-luân, không ra lúc này thì còn đợi lúc nào? »

Tiêu-phu nói: « Sĩ ai cũng có chí riêng: Nghiêm Tử-Lăng 嚴子陵 không lấy cái chức đông - đô giám-nghị mà đổi cái thú điếu - ngư ở sông Đồng; ông Khương Bá - Duy 姜伯維 không lấy cái họa-đồ của thiên-tử mà quên cái thú sơn - thủy ở Bành - thành. Ta tài không bằng cồ - nhân mà chỉ muốn học cồ - nhân, nay lại chực ra đời để moi - cầu lấy cái phẩm - giá,

không những thẹn với cồ - nhân để tiếng cười với đời sau, mà lại sợ cồ-phụ cái khóm tùng-cúc ở chỗ cồ-sơn vậy. »

Trương-quân lại hai ba lần yêu-thỉnh, tiêu-phu cau mặt lại nói rằng: « Ông nói Minh-chủ lên ngôi có phải là họ Hồ không? »

Trương-quân đáp: « Phải. »

Tiêu-phu nói: « Thế thời họ Hồ có phải cướp ngôi nhà Trần không? » Ngõ Minh-chủ là ai, chứ Hồ Hán-Xương thời ta đây đã biết tinh người tàn-nhân; mở cung Bảo-thanh phi bao nhiêu là huyết-hãn của dân, dựng phủ Hoa-nhai, hại bao nhiêu là tài - mầu của nước, động việc can-qua, đến nỗi hao binh ở sông Háy, mở hãn biên-cương đến nỗi mất đất Cồ - lâu cho nước Tàu, sao được gọi là Minh-chủ. Còn ông nói hiền-tài trong bốn bề, tôi chưa biết là ai, tôi nghe triều - thần như Nguyễn Bỉnh - Phong 阮鵬峯, Hoàng Hối-Khanh 黃晦卿, Lê Cảnh-Kỳ 黎景琦, Lưu Thúc - Từ 劉叔徐 cũng là người học-vấn, nhưng không phải là tay kinh - tế, ngoài ra thời những người tham tài mê rượu, còn có người nào biết lo đến nước đến dân, nên ta phải lánh mình ở góc sơn-lâm mà không muốn nghe đến việc đời nữa. Thôi mời ông về, ông còn nói làm thì tôi lại phải rửa tai nhiều. »

Trương - quân biết ý không thể cưỡng được, nghỉ một đêm sáng mai ra về, thuật cho Hán-Xương nghe, Hán-Xương có ý bất-bình, liền sai Trương-quân đem binh-mã đến tìm cho được. Khi đến cửa động thời đã thấy cửa động cây cối um-tùm, không có lối vào nữa, chỉ thấy ngoài cửa động có đề hai câu rằng:

Kỳ-la hải-khẩu ngâm hồn đoạn,

奇羅海口吟魂斷

Cao-vọng sơn-đầu khách tứ thu.

高望山頭客思秋

ý nói buồn thay cho Hán-Xương.

Trương-quân trở về đem hai câu ấy đọc cho Hán-Xương nghe, Hán-Xương lấy làm giận lắm, sai quân đốt núi, núi cháy cả cây cối rồi, mà không thấy tiều-phu đầu cả, chỉ thấy con huyền-hạc hiện ở trên không, có ý du-duơng tự-đắc.

Xét bề Kỳ-la, núi Cao - vọng đều thuộc huyện Kỳ-hoa, sau Hồ Quý - Ly ngày mười-một tháng năm năm đình-hội bị quân nhà Minh bắt ở cửa bể Kỳ-la, con là Hán-Xương ngày mười-ba tháng năm, năm kỷ-hợi cũng bị bắt ở núi Cao-vọng mới biết câu ấy thành ra lời sấm.

Tiều-phu là ai, là Hoàng-Mi 黃眉 tiên - sinh vậy. Tiên - sinh học được phép thần-tiên, hóa ra huyền-hạc bay lên tầng không, dù đá hóa ra than, động hóa ra tro, nhưng chân-thân vẫn thường tự-tại. Hiện nay núi ấy nền cũ vẫn còn, dấu thiêng đầu vắng, huyền-hạc một đi không trở lại, am tiên khói tỏa, chùa cổ rêu mờ, gió mát trăng trong cùng làm chủ khách mà thôi.

Than ôi, Na-sơn có tội gì mà phải chịu cái hoi-kiếp như vậy? Nếu Na-sơn mà lại gặp được anh-hùng như Lê Thái-tổ, danh-sĩ như Ngô Thời-Sĩ, thời cái giá-trị của Na - sơn đối với Lam-sơn, Bàn-kha, chả hiển-hách hay sao? Đó cũng là bất-hạnh cho Na-sơn, gặp phải Hán-Xương nhẫn tay tàn-bạo làm vậy, thực cũng đáng tiếc lắm thay!

Tuy vậy bất-hạnh cho Na-sơn, chính là đại-hạnh cho Hoàng-Mi tiên-sinh vậy. Cổ có câu: « Núi không kỳ cao hề có tiên thời có danh », Na - sơn không gặp Hồ Hán-Xương thời ai biết Hoàng-Mi tiên-sinh tung - tích như thế nào, Hán-Xương không đốt núi thời ai biết Hoàng-Mi tiên-sinh có phép thần-tiên hiển-hiện như thế nào? Vậy ta qua núi Na-sơn, mà lòng ta vô - hạn cảm - tưởng:

*Vạch rêu coi dấu mịt mờ,
Am tiên ở đó, tiên giờ đi đâu.*

*Hồn mai mơ tưởng bấy lâu,
Bồng-lai chưa để ai cầu được tiên?*

II. — Lê Phụng-Hiêu

黎奉曉

Phụng-Hiêu người làng Xuân-sơn, huyện Hoảng-hóa, tỉnh Thanh. Bằng-sơn tức là cố-trạch của họ Lê vậy, Tiên-tổ là Lê Súc có công được phong tước, Phụng - Hiêu cũng là dòng - dõi nhà công-hầu vậy.

Phụng-Hiêu người khôi-ngô dĩnh-ngô, rậm râu, tuổi mới mười - lăm có sức khỏe địch nổi nghìn người, một hôm đi chơi sông Lương-nhân thấy thôn Trung - sáu, thôn Cồ - bài hai bên cùng tranh địa - giới, người thôn Trung-sáu có tên Tá - Lực giỏi nghề võ lại cậy thôn ấy nhiều người chực cướp địa-phận của thôn Cồ-bài, đánh nhau hơn hai tháng, thôn Cồ-bài thua, chịu mất địa-giới. Phụng-Hiêu nghe thấy lấy làm tức quá, tự nghĩ rằng làng lớn ăn cướp làng nhỏ, nhiều người ăn hiếp ít người, sức mạnh bắt nạt sức yếu, như thế không hợp lẽ công-bằng, mình tự nghĩ cái lương-tâm, thật là bất-nhẫn, bèn bảo kỳ-dịch thôn Cồ-bài rằng: « Lấy công lý thì bèn này lẽ phải, bèn kia lẽ trái, thế mà chịu họ áp-chế, chả hèn lắm ư? Dân làng đây có muốn lấy địa-giới lại thời dãi tôi bữa tiệc tôi lấy lại cho mà xem. » Dân làng nói rằng: « Bữa tiệc có là bao, nhưng chỉ hiềm anh còn ít tuổi, anh có tài-cán gì mà anh chống lại được với họ. Vả làng họ có tên Tá-Lực là người hung-hãn, dân làng chúng tôi bao nhiêu người cũng phải thúc-thủ, phương chi mình anh ».

Phụng-Hiêu nói: « Nghĩ ai tài giỏi thế nào chứ Tá-Lực thì tôi nuốt sống nó không sợ chi.

Dân làng nói: « Quả như lời anh nói chả là hạnh-phúc cho làng tôi lắm ư? »

Bèn làm bữa tiệc rất là thịnh-soạn, mời Phụng-Hiêu ở lại ăn tiệc. Phụng-Hiêu vừa uống say ăn no xong, bỗng có người đến báo : « Tá - Lực đem chúng-đảng đến đánh dân ta. » Bấy giờ dân làng ai cũng kinh sợ, Phụng-Hiêu thần-sắc nghiêm - nhiên như thường, đứng lên vượt bụng rồi trở ra đi, dân làng bảo : « Anh đi tay không, lấy khí-giói đầu mà chống cự lại với họ ? » Phụng-Hiêu lặng ngắt, ra bờ tre nhỏ hai khóm tre hóa, xông vào trận-tiền, hai tay cầm hai cụm quăng tứ-tung, Tá-Lực vội-vàng chạy mất, còn những đảng-tốt người thì vỡ đầu, người thì gãy chân, người thì toạc nách, người thì thủng hông, còn những dư-đảng ở đàng xa đều kinh mất vía, chạy tán-loạn cả, Phụng-Hiêu hô lên một tiếng : « Từ nay Tá-Lực còn đến chỗ địa-giới này thì bắt đánh cho đập óc. »

Tự đẩy thôn Cồ-bài mới giữ được địa-giới, nam-phụ lão-ấu ai cũng cảm ơn vỗ tay reo mừng : « Ta nay được hưởng cái lợi - quyền ở địa-giới này, thực nhờ Phụng-Hiêu ! »

Bấy giờ châu-quận nghe tiếng đều phục Phụng - Hiêu có can - đảm anh-hùng.

Một hôm vua Thái - tổ nhà Lý đi tuần-du nghe thấy Phụng - Hiêu có tài giỏi như vậy liền sai quan Trung - sứ vội về kinh bổ cho chức lực - sĩ túc-trực trong cấm - vệ. Phụng-Hiêu ngày đêm siêng - năng mọi việc, sai đâu được đấy, vua có lòng tin dùng, bèn trao cho chức Vũ-vệ tướng-quân.

Khi vua Thái-tổ băng-hà, các quan vàng tờ chiếu dựng vua Thái-tôn lên ngôi, bấy giờ hoàng - thúc là Dự-thánh-vương và Vũ-đức-vương cùng hoàng-thái-đệ là Đông-chinh-vương cùng mưu đem quân vào trong cấm-thành đánh cướp ngôi của vua Thái-tôn. Vua Thái - tôn lo sợ bảo đình-thần rằng : « Ta xử với anh em có tình thân-ái, không có phụ-bạc điều gì, thế

mà ba vua lại nhẫn-tâm làm sự bán-nghịch như vậy, ta không biết xử-trị thế nào.» Lý Nhân-Nghĩa tâu rằng : « Anh em là tình riêng, vua tôi là nghĩa chung, muốn giữ được nghĩa chung thì nên bỏ cái tình riêng thì mới yên được việc xã-tắc. Trước ông Chu Đán nhà Chu giết Quản Thúc, vua Thái-tôn nhà Đường giết Nguyên-Cát, cũng là thế bất-đắc-dĩ, nếu không như vậy thì không yên được tôn - xã nhà Chu, giữ được chính-thống nhà Đường. Xin bệ-hạ quyết kế ! » Vua nghe lời sai lũ Lý Phiên đem vệ-binh ra đánh ba vua, vì binh ba phủ mạnh, nên chưa quyết thắng-phụ. Phụng-Hiêu khảng-khái rút thanh gươm đến trước ngọc-bệ tâu rằng : « Việc thiên-hạ ngày nay duy có thanh gươm mà thôi, xin ngọc-bệ giao việc này cho thần-hạ, thời thần-hạ xin hết lòng trừ-loạn. » Vua Thái-tôn nói : « Nay tướng-quân đã vì ta mà giúp việc nước, thời quân-quốc đại - sự chuyên-ủy cho tướng - quân được phép tiện-nghi mà làm.» Phụng-Hiêu dạ dạ, liền mặc áo nhung-y, tay cầm thanh gươm nhảy lên cật ngựa hô chư-quân mà truyền rằng : « Thiên-hạ là thiên-hạ chung của thiên-hạ, không phải là thiên - hạ riêng của ba vua. Đức Tiên-đế di-chức truyền ngôi cho vua Thái-tôn, nay ba vua có ý khuy-du thần-khi, trên quên cái ơn của tiên đế, dưới trái nghĩa thần-tử, tội trời không thể dung được, nên ta vâng lệnh tân-quân ra đây dẹp loạn, chư-quân phải nghe lệnh ta, hết lòng hết sức, nếu ai không tuân đã có gươm ta đó ! » Vệ-quân đều vỗ tay chúc Tân-quân vạn-tuế ! Tướng-quân vạn-tuế ! Rồi đem quân đi tiên-phong, tới cửa Quảng-đức quyết lấy đầu ba vua đem về tạ trước linh-cửu tiên-đế. Vua Vũ-đức bình-nhật vẫn biết tướng - quân có dũng-lực, có can-đảm, quay đầu ngựa lại toan chực lùi quân, nhưng không kịp, Phụng-Hiêu giơ gươm chém

liền. Còn vua Đông-chinh, vua Dục-thành trông đàng xa phóng ngựa chạy mất. Quân ba phủ kinh-sợ, liền bỏ giáo ra hàng-phục, còn tên nào có ý kháng-cự liền chém không tha.

Đoạn rồi binh được loạn ba vua, tướng-quân đem nhung-phục dâng trước cửa vua Thái-tổ rồi tới điện Kiên-nguyên tâu rằng: « Nay đã giúp yên ba phủ, xin ngọc-bệ yên lòng trị nước. »

Vua úy-lạ rằng: « Nay ba phủ yên bình, trước là thỏa được cái linh-hồn của tiên đế ở dưới suối vàng, sau là trăm cũng được yên ngôi trị vì để giữ nghiệp tiên-đế, thực nhờ công tướng-quân, ta nghe người Uất-tri-Kinh-đức nhà Đường giúp được nạn nhà vua, đời sau vẫn còn khen-ngợi, ngày nay ta mới biết tài tướng-quân giỏi hơn Uất-tri-Kinh-đức là dường nào !

Phụng-Hiền hai lạy từ-tạ rằng: « Đó cũng là nhờ cái uy-linh truyền-vương a-hộ và cũng nhờ có uy-đức của thánh-thượng, chứ thần-hạ có công gì ! »

Vua bèn trao cho chức Đô-tướng-quân, tước hầu.

Khoảng năm Minh-đạo giặc Xiêm-thành quấy nhiễu trong nước, ông lại đem quân theo vua Thái-tôn đi đánh giặc. Khi lâm-trận ông đi tiên-phong, bắt được vua Xiêm đem về kinh, vua làm tiệc khao-thưởng, định gia cho ông phẩm-tước rất là long-trọng, tâu rằng: « Thần-hạ không muốn tước thưởng, chỉ muốn đứng trên đỉnh Bãng-son ném một con dao, hễ dao rơi xuống chỗ nào thời nội đất chỗ ấy xin nhận làm biệt-nghiệp, đó là cái lòng hi-vọng của thần-hạ. »

Vua ưng lời, ông bèn lên đỉnh núi cầm con dao vung xa một cái tới ngoài mười dặm, dao rơi xuống làng Đa-mi, vua bèn cho cái chỗ đất ấy

để làm lộc-điền, lại chiếu trích lấy mười mẫu ruộng công-điền cho ông làm tư-điền biệt-nghiệp và xá thuế cho, khiến con cháu đời đời nhận làm ruộng hương-hỏa để phụng thờ, cho nên châu Ái thường công có lệ « chước dao », khải-doan tự đây trước.

Ông thọ bảy-mươi ba tuổi, mất, dân ở đây tôn làm Phúc-thần, hiện nay đền thờ ở chỗ núi Bãng-son, núi ấy tục gọi là Mộc-son, lại gọi là Mã-yên-son, đất đồng bằng đột-khởi hai núi, một núi hai bên cao chót-vót giữa thềm bằng, xem cũng kỳ-tuyệt. Lại có đền thờ ở núi Chiêu-bạch, son-thủy thanh-u, cũng là một nơi danh-thắng, trải đời đế-vương và danh-nhân tri-sĩ đề vịnh cũng nhiều.

Vua Dục-tôn ngự-chế có bài ca-diễn như sau này :

Đao-điền được miễn thuế,

Vì ai mới khởi lệ.

Cùng truyền Lê tướng-quân,

Uy-danh nức bốn bề.

Vì nước đem quân đánh Xiêm-thành,

Bắt được giặc Xiêm đem về kinh.

Không muốn phong hầu cùng trọng-thưởng,

Chỉ muốn ném dao làm đất mình.

Trên đỉnh Bãng-son cao thăm-thẳm,

Tung dao một cái hơn mười dặm.

Đa-mi làng ấy lập tướng-dinh,

Thuế vua được miễn hậu ơn lâm.

Không những việc ấy đã cao-cường,

Kể từ tuổi trẻ đã khác thường.

Ấn xong ra nhờ tre làm gậy,

Đẹp định địa-giới yên hai làng.

Thanh gươm lại đẹp nạn ba vua,

Yên được nội-loạn khỏi gây thù.

Phù-tá tân-quân nền chính-vị,

Hay cho nhà Lý vững cơ-dồ.

Một gươm lại một dao,

Nghìn thu công-nghiệp cao.

Một dao lại một gươm,

Nghìn thu danh-tiếng thom.

Phụ-lục nguyên-văn chữ nho :

斫刀稅。何人先起例。共傳
奉曉黎將軍。當日威風真絕世。
爲王前驅征占夷。擒賊擒王奏凱歸。
不願封侯與重賞。但願擲刀作園池。
冰山山上絕頂立。一擲大刀里餘十。
多廢鄉裡起君家。公稅從茲免供給。
不惟此事獨高強。少年自昔已異常。
一飲數斗拔樹擊。力服兩村爭界疆。
又提一劍誅三王。反掌之間定閩牆。
翊扶龍德正天位。尉遲敬德休擅長。
一劍復一刀。千秋勳業高。一刀
復一劍。千秋勳烈艷。

Khên thay Lê tướng-quân ! Việc hai
làng tranh địa-giới với nhau, không
can-thiệp gì đến mình, thế mà Lê
tướng-quân lại có bụng nhiệt-thành
khảng-khải, vị công-lý mà bênh-vực

những dân hèn-yếu bị những kẻ cường-
quyền áp-chế, khiến cho thu-phục được
lợi - quyền, thế mới là bậc chân-
chinh anh-hùng. Khên thay cho Lý
Thái-tổ nghe tiếng Phụng-Hiệu chống
đánh người Trung-sâu, kẻ bị thương,
kẻ bị chết không bắt trị tội mà lại đặc-
cử cho quan-chức, thế mới là bậc tri-
nhân hiền-chúa. Nếu Lê tướng-quân
không gặp được Lý Thái-tổ thời dẫu tài
giỏi đến đâu cũng là người có tội, làm
gì mà lên được sự-nghiệp Đô-tướng-
quân. Nếu Lý Thái-tổ không biết dung
Lê tướng-quân thời khi Thái - tôn nổi
ngôi, ba phủ khiêu - binh, vị-tất đã
yên được xã - tắc nhà Lý. Xem đến
đoạn lịch-sử này ta sùng-bái Lê tướng-
quân, ta lại kính-phục Lý Thái-tổ.

PHỤC-BA

HOÀN-HẢI TÂN-VĂN

(Dịch báo tây)

1 — Lịch-sử độc-lập nước Hi-lạp

Bước sang năm nay biết bao nhiêu
lễ bách-chu-niên, nhưng việc đáng kỷ-
niệm nhất, cách đây một trăm năm, là
việc độc-lập của nước Hi-lạp (*Grèce*), do
hòa-ước của ba nước Anh, Pháp, Nga.
ký tại Luân-đôn ngày 3 Février 1830
đã công-nhận. Nước Hi-lạp đã ăn
mừng cuộc kỷ-niệm đó rồi; ngay ở Pháp
cũng làm lễ kỷ-niệm ở trường Đại-học
Sorbonne, có quan Giám-quốc *DOUMER-
GUE* chủ-tọa. Nhân dịp nên nhắc lại
việc tham-dự của nước Pháp trong
cuộc độc-lập nước Hi-lạp, vì dù kẻ thế-
lực của dư-luận, hay hành-sự của quân-
nhân, nước Pháp cũng có góp một
phần to.

Tháng 3 năm 1821 người Hi-lạp nổi
lên chống với Thổ-nhĩ-kỳ để lấy lại

quyền tự-chủ trong nước và quyền tự-
do theo đạo Cơ-đốc Chính-giáo (*religion
chrétienne orthodoxe*). Cuộc khởi-
nghĩa trước chỉ ở bán-đảo *Morée*, sau
lan rộng vào cho tới các tỉnh ở lục-
địa. Vua Thổ-nhĩ-kỳ thấy cơ nguy phải
cầu-cứu đến chư-hầu của mình là vua
Ai-cập. Trong các trận đánh trên bộ
và dưới nước, quân lính Thổ giết-tróc
tàn-bạo. Ở đảo *Chio*, 4 vạn người Hi-
lạp bị giết hoặc bị bán làm nô-lệ, tin
đó làm xúc-dộng cả Âu-châu mà gây
nên cái phong - trào ái - mộ Hi-lạp ở
nước Pháp. Các thi-hào như *VICTOR
HUGO*, *CASIMIR DELAVIGNE*, soạn những
tập thơ *Les Orientales* và *Les Messé-
niennes*, nhà danh-họa *DELACROIX* có vẽ
các bức họa, các nhà chính-trị dù các

phái như BENJAMIN CONSTANT, LAINÉ, ALEXIS DE NOAILLES, CHATEAUBRIAND, đều diễn tả cái thịnh-tinh của nước Pháp đối với Hi-lạp. Lập lên các hội để giúp tiền-của hoặc binh-khí cho Hi-lạp, còn quân-linh Pháp thì ra ứng-mộ để giúp sức thêm.

Hồi bấy giờ, ở miền Cận-Đông, nước Pháp không có quyền-lợi gì như người Nga và người Anh, chẳng qua vì chữ nhân đạo đối với một nước cùng-bĩ mà liên-kết với nước Nga và nước Anh để bênh-vực cho Hi-lạp. Theo như điều-ước liên-kết đó, Anh, Pháp và Nga bỏ hết tư-lợi mà yêu-cầu nước Thổ-nhĩ-kỳ bãi-chiến cả hai mặt thủy-hộ, mà nếu Thổ không nghe thì cả ba nước sẽ đem chiến-thuyền đến bách phải bãi-chiến. Vua Thổ không chịu, ba nước bèn bỏ vẫy các đường bể của Thổ-nhĩ-kỳ và Ai-cập và phá tan hải-quân của hai nước. Việc thắng đó làm cho mặt bể tự-nhiên phải bãi-chiến, chỉ còn mặt bộ nữa thôi. Việc này nước Pháp phải dùng hết tài ngoại-giao khôn-khéo mới xong được. Trong khi quân Nga đã qua sông *Pruth*, thì Anh giao-phó cho Pháp cái công-việc khó-khẩn là dẫn một toán quân sang đóng ở *Morée*. Đạo quân đó có 1 vạn 4 nghìn người do đại-tướng MAISON chỉ-huy và ngày 17 tháng 8 năm 1828 khởi-hành từ *Toulon*, nửa tháng sau đã tới vịnh *Coron*. Việc chinh phạt cốt triệt-hồi quân Ai-cập ở bán-đảo *Morée*, cũng không phải lưu-huyết mấy, chỉ tốn mất vài ba chục người thôi. Hoàng-tử IBRAHIM quản-lĩnh toán quân Ai-cập, viện lòng thân-thiện của nước mình đối với nước Pháp, chịu xin nhượng-bộ ngay và khuyên cả các tướng-tá Thổ giữ các thành-trị ra hàng. Chỉ có thành *Morée* là phải vây và ném trái phá mất bốn tiếng đồng-hồ, nhưng khi quân Pháp đã tràn lên được mặt thành thì quân Thổ ở trong kéo cờ trắng xin hàng nốt.

Khi đã khu-trục được người Thổ và người Ai-cập rồi, đạo quân chinh-phạt còn lưu lại một toán cho tới 1833 để diu-dắt bước đầu cho cái nước tân-lập đó, và đề chấn-hưng công-nghệ, sửa-sang thành-trị cầu-cống. Nước Pháp đã có công gây dựng cuộc độc-lập cho Hi-lạp rồi, tất-nhiên có quyền yêu-cầu cho Hi-lạp được thành một nước tự-chủ và bờ-cõi không phải chỉ khu-khu vào một bán-đảo *Morée* như ý Anh Nga đã định. Bản hiệp-ước Anh-Pháp-Nga ngày 22 tháng 3 năm 1829 ưng-thuận điều-yêu-cầu đó, và sau khi quân Nga thắng ướn mấy tỉnh ở *Danube*, lại ký hiệp-ước ngày 3 Février 1830 để ghi lời ưng-thuận của Thổ-nhĩ-kỳ. Thế là từ rày nước Hi-lạp được tự-chủ mà bờ-cõi không những gồm bán-đảo *Morée* và các đảo *Cyclades* mà thôi, lại kiêm cả các địa-hạt ăn vào giữa hai vịnh *Arta* và *Volo*, nghĩa là lui rộng hơn địa-giới đã định năm 1827. Mà lại không phải chịu tiền binh - phí cho nước Thổ.

Như vậy, dù về đường thế-lực của dư-luận hay sức mạnh của quân úng-mộ, dù về việc hành - động của sự ngoại-giao hay của thủy-lực-quân, thì nước Pháp vẫn có phần to, mà có thể nói được rằng đã đứng đầu trong cuộc giải-phóng nước Hi-lạp. Đối với các cường-quốc ngày nay chỉ có một việc liên-kết nhau lại để tiêu-trừ kẻ cường-bạo mà còn dặt-dè, thì cái việc nước Pháp giải - phóng cho nước Hi-lạp, cách đây 100 năm, thật là một cái gương sáng. Mà nước Pháp can-thiệp đến việc Hi-lạp không phải vì tư-lợi gì, chẳng qua là vì tấm lòng nhân-ái đối với một nước bị áp-chế mà thôi.

Từ năm 1830 cái lòng thân-thiện của Pháp đối với Hi-lạp không bao giờ nhạt và chính-phủ *Athènes* muốn mở-mang khai-hóa cho nước mình thì bao giờ Pháp vẫn sẵn lòng trợ-lực.

Đại-tá GÉRARD làm tổng-tham-mưu đạo quân đóng ở *Morée*, đứng quân-đốc các quân-đội Hi-lạp từ 1830 đến 1832 cho tới khi con vua LOUIS đất *Bavière*, là OTHON, sang lên ngôi quốc-vương Hi-lạp, mới thôi. Hồi đó, Pháp cùng với Anh và Nga là ba cường-quốc đứng lên đảm-bảo cho sự độc-lập và hiến-pháp nước Hi-lạp.

Năm 1864, khi nước Anh nhượng các đảo *Ioniennes* cho Hi-lạp, nước Pháp cũng ký vào tờ hiệp-ước. Lại sau khi Nga - Thổ chiến-tranh, ở tại hội-ngị *Berlin* họp năm 1878, nước Pháp đã yêu-cầu được rằng tới năm 1881 thì địa-giới nước Hi-lạp sẽ được mở rộng thêm vào đất *Thessalie* và phía nam hạt *Epire* vốn là của nước Thổ. Vì lẽ đó mà năm 1884, có một đạo binh Pháp do tướng VASSEUR quản-lĩnh đến đóng ở Hi-lạp, vì các tướng-tá Pháp làm cố-vấn cho quân Hi-lạp. Nước Pháp lại còn dự một phần to trong việc sáp-nhập đảo *Crète* vào Hi-lạp nữa.

Hồi năm 1912-1913, khi các nước thuộc miền *Balkans* chống nhau với nước Thổ, thì đạo quân Hi-lạp do ông VENIZELOS và đại-tướng EYDOUX tổ-chức đã lập được rất nhiều công-trang. Quân Hi-lạp chiếm được thành *Salonique*, bắt được hai vạn rưỡi tù-binh, bả vây và hạ được thành *Janina*. Sau quân Bảo (*Bulgares*) đem lòng phản-trắc đối với quân Tắc (*Serbes*) và quân Hi-lạp, quân Hi-lạp đánh lại và thắng quân Bảo ở *Kalkirch*. Vì thế nên khi ký tờ hòa-ước năm 1913 thì nước Hi-lạp được thêm cả phía nam đất *Epire*, một phần to đất *Macédoine*, đảo *Crète* và các cù-lao của người Thổ ở bể *Egée*, trừ có đảo *Dodécannèse* là của nước Ý. Cái chủ-nghĩa lớn của nước Hi-lạp là thu gồm cả các đất, các đảo có người Hi-lạp ở làm một, nay đã thành-toại rồi, thì Hoàng-thái-tử (*Diadoque*) đã từng thắng quân Thổ và quân Bảo, kế - vị

cho vua GEORGES bị ám-sát ở *Salonique*, và lấy tên hiệu là CONSTANTIN thập-nhi, có ý tỏ rằng muốn kế-nghiệp các vua *Byzantins* đời xưa. Cái chủ-nghĩa lớn đó, thủ-tướng Hi-lạp hiện nay là ông VENIZELOS tận-tâm thực-hành, nên hồi Ấu-chiến ông hiệp-lực với quân Đồng-minh, còn vua CONSTANTIN một lòng tin quân Đức thắng nên nhất-định giữ trung-lập. Vua và thủ-tướng kinh-dịch nhau mãi cho tới khi quân Đồng-minh đến đóng ở *Salonique* bách vua CONSTANTIN phải thoái-vị để cho thủ-tướng VENIZELOS thuyên chính-phủ từ *Salonique* về *Athènes*. Trong hồi từ 1916 đến 1918, nước Pháp về đàng ngoai-giao và về mặt võ-bị đã giúp cho Hi-lạp được nhiều, nào phái ông JONNART sang *Athènes* cổ-động ép vua phải thoái-vị, nào đứng đốc-suất đạo quân Đông-phương. Khi ký hòa-ước *Neully* và *Sèvres* thì cái chủ - nghĩa Hi - lạp được toàn-thắng, bờ cõi được mở rộng cho tới *Constantinople*, *Gallipoli*, cửa bể *Dardanelles* và cả đến *Anatolie*, lại được quản-trị thêm cả địa-hạt *Smyrne*.

Nhưng nước Hi-lạp không biết liệu sức của mình Vua CONSTANTIN khi đã phục-vị rồi, thủ-tướng VENIZELOS phải cáo-thoái. Nước Pháp và nhất là thống-chế Foch khuyên vua không nên động-binh ở Tiểu-Á-tế-Á (*Asie mineure*), vì thế nào cũng bị thất-bại, nhưng vua không nghe, dẫn quân-dân vào giữa đất *Anatolie*, toan bề ép đảng quốc-gia Thổ của MUSTAPHA KEMAL phải công-nhận tờ hòa-ước *Sèvres*. Quân của vua bị bại-trận, phải rút ra ngoài địa-hạt *Smyrne* và *Thrace* và vua phải ký tờ hòa-ước *Lausanne* năm 1923 với nước Thổ. Thủ-tướng VENIZELOS sau khi tuyên-bố không còn hi-vọng khôi-phục lại các xứ và các đảo thuộc Hi-lạp từ lúc ký tờ hòa-ước *Sèvres*, có nói thêm rằng cái chủ - nghĩa Đại-Hi-lạp thế là từ nay đã tiêu - diệt. Tuy vậy cái

quãng đường của Hi-lạp đã đi từ năm 1830 mà có nước Pháp diu-dắt, không phải là không tốt-đẹp. Cái nước nhỏ cách một trăm năm về trước nay đã thêm được đất *Thessalie*, phía nam đất *Epire*, địa-hạt *Bassè Macédoine* và phía đông xứ *Thrace* cho tới cửa bể *Andrinople*. Thành *Salonique* thành một thương-cảng lớn như thành *Pirée*, lại kiêm cả các đảo *Cyclades*, đảo *Ioniennes*, đảo *Crète* và các đảo khác nữa ở bể *Egée*, làm cho nước Hi-lạp được có quyền chủ - trương mặt bể ấy. Cuộc chiến-tranh mới rồi đã làm rõ sự quan-trọng của mấy nơi căn-cứ về hải-chiến như *Corjou*, *Moudros* mà nhất là *Salonique*, nếu sau này còn chiến-tranh nữa thì sẽ dùng làm hải-cảng giao-thông cho Pháp với các nước Đồng-minh ở Trung-Âu và Đông-Âu được. Lại nghề thương - nghiệp hàng-không càng ngày càng phát-đạt, làm rõ cái giá-trị của các trường bay Hi-lạp trong mấy đường hàng-không

từ Pháp đi *Syrie*, từ Anh đến Ấn-độ, và từ Ý sang *Constantinople*.

Nước Hi-lạp không biết có hiệu cai nhiệm-vụ quốc-tế của mình như thế không? Nước Hi-lạp hòa-bình ngày nay vẫn tuân-giữ lời hòa-ước thân-thiện và trọng-tài với nước *Yougoslavie* và nước Ý, và nay mai sắp sửa điều-đinh nốt mấy cái vấn-đề khó-khẩn của tờ hòa-ước *Lausanne*. Tuy chính-phủ *Soviet* nước Nga không can-thiệp về đường ngoại - giao cùng chính - phủ *Athènes* nữa, nhưng nước Hi-lạp của thủ-tướng *VENIZELOS* vẫn tỏ lòng nhớ ơn hai cường-quốc đã đứng bảo-đảm cho mình một trăm năm về trước mà từ năm 1924 đến giờ vẫn ủy-thác việc dạy-dỗ quân-lính cho một ban quân-quan Pháp, và việc rèn - luyện đội chiến - thuyền cho một hải-đội Anh. Thế là hai nước trong cuộc liên minh *Navarin*, ngày nay cũng vẫn giữ trọn được cái chức-vụ đối với nước Hi-lạp như xưa vậy.

II. — Nước Diến-điện ở dưới quyền thống-trị của người Anh (1)

Nước Diến-điện (*Birmanie*) ở vào giữa hai nước Ấn - độ và Trung - hoa, theo phương-diện chủng-tộc thì thuộc về cõi Đông-dương.

Diến-điện to hơn nước Anh và xứ *Galles* gấp ba lần, dân - số được 14 triệu người mà ước chừng 9 triệu là người Diến-điện, còn bao nhiêu là các di-dân Mông-cổ ở các núi bên châu Á tràn sang, hoặc người Ấn-độ sang trú-ngụ từ hồi nước đó thuộc quyền Anh-quốc.

Người Diến-điện theo đạo Phật, còn những dân-tộc chưa khai-hóa ở miền sơn-lâm thì thờ các tạp-thần (*paganisme*)

Muốn nói chuyện với các giống người ngụ tại Diến - điện bằng tiếng của họ thì ít ra cũng phải thuộc tới hơn trăm thứ tiếng thổ-âm.

Nước Diến-điện dân-số đông - đúc chỉ bằng một phần mười của nước Anh, mà thật trù-phú, có biết bao nhiêu sản - vật thiên - nhiên bây giờ mới bắt đầu khai-khẩn. Trong rừng có nhiều cây to lớn dùng làm vật-liệu xây dựng rất tốt, lại còn sản-xuất ra thiếc, ngọc-thạch (*jade*) và hồng-thạch (*rubis*), nhưng đó mới là một phần lợi nhỏ thôi. Diến-điện sản-xuất được năm phần trăm (5%) dầu hỏa trong thế-giới, mà

(1) Bài sau này nguyên-văn bằng tiếng Anh của ông E. - A. BLAIR viết cho báo *Le Progrès Civique*. Ông BLAIR vốn ở Diến-điện lâu năm, và rất am-hiếu dân-tình nước đó; ông đã từng ngiên-cứu về các vấn-đề thợ - thuyền ở nước Anh. Trong bài này ông nói rõ các phương-pháp của Anh-đế-quốc thường dùng để lợi-dụng các thuộc-địa ở Á-đông.

mỏ còn khai lâu cũng chưa cạn hết được. Nhưng cái nguồn lợi to nhất, khả-dĩ làm sống được tới tám, chín phần mười nhân-dân trong nước, là nông-sản. Trong khắp triền sông *Iraouaddi* chảy qua từ bắc tới nam nước đó, đều một màu cấy lúa. Ở vùng châu-thỏ mệnh-mông về phía nam, mỗi năm sông *Iraouaddi* bồi vào kể hàng bạc triệu tấn phù-sa, thì đất thật là phì-nhiều. Lúa gặt vừa tốt vừa nhiều, mỗi năm tải ra bán khắp Ấn-độ, Nhật-bản, Âu-châu và cả Mĩ-châu nữa. Lại được khí-hậu điều-hòa, nhất về phía nam mưa nhiều mà nắng không dữ, thật là thủy-hạn vô-tai, và có thể coi nước Diển-điện là một nước lành nhất trong các nước thuộc về nhiệt-đới vậy.

Phong-cảnh thật là đẹp-đẽ: sông rộng, núi cao, rừng-rú quanh năm xanh ngắt, hoa quả bốn mùa tốt-tươi, ai đã trông thấy cũng phải coi là một nơi cực-lạc ở cõi dương-thế. Một chốn mỹ-lệ phong-phú như thế, trách nào người Anh chả có chí muốn chiếm-đoạt.

Năm 1826 nước Anh chiếm một dải đất rộng, năm 1852 lại sáp-nhập thêm, cho tới năm 1882 thì ngọn cờ Anh-quốc đã phấp-phới gần khắp nước Diển-điện. Một vài châu-quận miền sơn-cước của bọn dã-nhân ở là chưa bị người Anh dòm dò, nhưng chóng chầy tất thế nào cũng đến chung một số-phận với toàn-quốc mà thôi, vì người Anh định dùng cái chính-sách « hòa-bình tiến-nhập » (*pénétration pacifique*), nói nôm ra tức là « hòa-bình chiếm cứ » (*annexion pacifique*).

Mục-dịch bài này không phải là khen hay chê cái chính-sách thực-dân của người Anh; chỉ nên nhận rằng Anh-đế-quốc dùng đến cái chính-sách đó là một việc dĩ-nhiên vậy. Ta nên nghiên-cứu xem việc thống-trị của

người Anh ở Diển-điện, về phương-diện kinh-tế và chính-trị, kết-quả tốt xấu thế nào.

Hãy nói về đường chính-trị trước.

Cách cai-trị các tỉnh ở Ấn-độ thuộc quyền Anh-quốc thế nào cũng là phải chuyên-chế rồi, vì phi dùng võ-lực tất không cai-quản nổi được cái dân-tộc hàng bao nhiêu triệu người ấy. Nhưng sự chuyên-chế đó ngầm-ngâm chứ không lộ hẳn, và cứ biểu-diện thì rõ ra là một cái nền chính-trị dân-chủ. Người Anh khi nào cai-trị một dân-tộc ở Đông phương thường hay dùng cái chính-sách khôn-khéo, là một người Đông-phương làm nổi được việc gì thì không phải mượn đến người Âu-châu nữa, nghĩa là cái thượng-quyền thì ở tay người Anh, còn các viên quan-lại nhỏ các sở cần phải trực-tiếp với nhân-dân, thì dùng toàn người bản-xứ.

Như ở Diển-điện, các hạ-quan ngạch tư-pháp, các viên cảnh-sát cho tới chức thanh-tra, các người tòng-sự các sở Bru-chính, cho chí nghị-viên các làng đều là người Diển-điện làm cả.

Mấy năm gần đây, muốn dẹp yên lòng dân và muốn ngăn-ngừa cái phong-trào quốc-gia sắp lan rộng, người Anh đã định ủy-thác cả công việc quan-trọng cho các người bản-xứ có đủ học-thức cùng tư-cách nữa.

Cái chính-sách dùng các người bản-xứ làm việc trong các công-sở lợi được ba điều:

Điều thứ nhất, các người bản-dân về đường lương-bồng không có yêu-sách như người Âu-châu;

Điều thứ hai, họ thuộc tâm tính những người cùng nước với họ, nên có sự gì khó-khăn thường khu-xử dễ;

Điều thứ ba, chính-phủ đã thu-dụng và hậu-dãi bọn họ thì họ tất phải tỏ lòng trung-thành.

Như thế chỉ để cho một bọn trí-thức được tham-dự vào việc chính-trị mà giữ được yên-ổn trong nước.

Nhưng người Anh bao giờ cũng vẫn giữ quyền chúa-tể. Nước Diển-điện, cũng như các tỉnh to khác ở Ấn-độ, có một Nghị-viện (*Parlement*), chẳng qua là một cách phô-trương cái chính-sách dân-chủ của người Anh, nhưng kỳ-thực chẳng có quyền-lực gì cả. Những việc quan-trọng không được tham-dự đến mà phần nhiều nghị-viên toàn là người của chính-phủ lợi-dụng để bài-bác các điều luật bất-lợi cho chính-phủ. Và lại mỗi tỉnh lại có một viên tổng-đốc của người Anh cử ra và đối với những điều gì Nghị-viện bàn mà không ưng-ý, có quyền kháng-ngự, quyền-thể chẳng kém gì quan Thống-lĩnh Hoa-kỳ vậy.

Tuy chính-phủ Anh có chuyên-chế thật mà không đến nỗi bị dân-tình bất-phục là vì người Anh xây đường, làm cống — dù vì lợi của mình, song người Diển-điện cũng được hưởng, — lập nhà thương, mở trường học và giữ-gìn trật-tự cho trong nước yên-ổn. Và lại phần nhiều người Diển-điện là dân thôn-quê, chỉ biết việc cấy-cấy, chứ học-thức chưa tới cái thời-kỳ gây nên những người có chủ-nghĩa quốc-gia được. Họ coi làng như gồm cả vũ-trụ và nếu cứ để họ làm ăn yên-ổn thì dù người cai-trị họ thuộc về giống da trắng hay da đen cũng không quản gì. Một điều đủ chứng rõ cái tinh lãnh-đạm của dân Diển-điện với việc chính-trị, là binh-lực của người Anh ở trong nước chỉ có hai đội lục-quân người Anh và mười đội vừa lục-quân vừa cảnh-binh người Diển-điện mà đủ đối-phó với tất cả mọi việc được. Một đạo binh có 12.000 người mà phần nhiều là người Diển-điện, đủ quản-trị được một dân-tộc 14 triệu người.

Trong bọn phản-đối chính-phủ đáng chú-ý nhất là bọn thanh-niên trí-thức.

Nếu bọn này đồng mà thật có học-thức thì có thể khởi cuộc cách-mệnh được, nhưng hiện nay chưa có gì đáng lo cả, vì người Diển-điện đa-số là nông-dân, và lại Anh-quốc có khai-hóa cho dân chẳng qua chỉ dạy đủ để mà sai-khiến và đỡ chân tay cho mình thôi. Còn các công-nghệ, kỹ-nghệ, tuyệt-nhiên không dạy cho tí nào, là vì nước Anh sợ Diển-điện cũng thành một nước kỹ-nghệ có thể cạnh-tranh với mình được.

Vậy cứ lấy lý mà xét thì có thể nói được rằng phạm người Diển-điện nào học-thức uyên bác là tất có du-học ở Anh-quốc và thuộc về những nhà cự-phủ rất hiếm ở Diển-điện.

Phái trí-thức đã không có thì cái du-luận có thể gây cuộc phản-đối với người Anh tất-nhiên cũng không có.

∴

Nay xét về vấn-đề kinh-tế. Về vấn-đề này, người Diển-điện cũng còn khờ-dại, chưa hiểu được cách người Anh đối-đãi với mình ra sao, nên không có bụng thù-oán, và lại trong trường kinh-tế người Diển-điện cũng chưa phải thiệt-thòi cho lắm.

Người Anh chiếm-đoạt các mỏ, các giếng dầu hỏa, kiểm-soát sự khai-khẩn rừng-rú. Một hạng người Anh làm nghề mại-bản (*courtier*), làm bột, làm nghề xuất-cảng, nhờ về thóc gạo mà trở nên đại-phủ, còn chính người nông-dân làm ra thóc gạo thì không được lợi tí gì. Những người Anh làm giàu trong nghề buôn gạo và dầu hỏa không chịu lưu-tâm làm cho thuộc-địa được thịnh-vượng hơn lên, mà chỉ vị-kỷ, sẵn đồng tiền đem về lô-quốc mà phá tán hết. Nói cho đúng thì nước Anh chỉ cốt lợi-dụng nước Diển-điện cho hết sức, không còn chút lương-tâm nào cả.

Vậy mà hiện bây giờ người Diển-điện cũng chưa hiểu rõ cái tình-trạng

ấy. Nước thì giàu, dân-cư lãn-mát, cách sinh-hoạt, cũng như chung cho cả các dân ở Đông-phương, không tốn hết bao, nên họ không có ngờ người Anh lợi - dụng họ như thế. Người nhà quê chỉ chăm cây - cấy thửa ruộng của mình, cách sinh - hoạt còn chất-phác như về đời MARCO POLO, đất cát muốn tậu thật là dễ-dàng. Tuy làm ăn cần-cù nhưng không phải lo-lắng gì, không bao giờ biết đến cái nạn đói, không bao giờ phải cái nạn đình-nghiệp. Ai nấy đủ cơm ăn việc làm, vậy mà còn cây-cục làm chi?

Nhưng có một điều đáng quan-tâm là khi nào cái nguồn lợi trong nước người ngoài vơ - vét sắp cạn thì người Diến-điện sẽ bắt đầu đến lúc biết khổ. Về một vài phương-diện, nước Diến-điện có vẻ thịnh-vượng hơn hồi Âu-chiến thật, song người nhà - quê bây giờ không còn được sung-túc như 20 năm về trước nữa, mà đã bắt đầu thấy thuế-má nặng-nề không trong - đưng với cái lợi-tức của mình nữa. Thóc cao gạo kém mà công - xá của bọn thợ-thuyền không hề thấy tăng; lỗi đó là tại chính-phủ Anh cho dân Ấn - độ bị cơ-nạn sang trú cả ở Diến - điện, bọn này chịu làm công rất hạ, thành-thử đánh bặt cả bọn thợ - thuyền người Diến-điện.

Nếu tính cả rằng dân-số nước Diến-điện tăng rất mau chóng — theo bản thống-kế mới rồi, dân-số tăng hơn 10 năm về trước tới 100 vạn người, — thì tất có thể đoán được rằng phi chóng tất chầy, người Diến - điện sẽ bị cái cảnh của những xứ đông dân quá, là đất cát không có, phải đem thân làm nô-lệ cho một bọn tư-bản, mà lại còn lo đến cái nỗi không có công ăn việc làm nữa.

Lúc bấy giờ mới tỉnh - ngộ ra rằng phạm các nguồn lợi trong nước như giếng dầu hỏa, các mỏ, nghề làm bột, việc xuất-cảng gạo, đều ở trong tay

người Anh chiếm cả. Lúc bấy giờ mới biết rằng trong cái thế - giới kỹ - nghệ duy chỉ có mình là tài hèn sức mọn.

Cách chính - trị của người Anh ở Diến-điện cũng giống như ở Ấn-độ. Về đường kỹ-nghệ người Diến-điện cũng không được dạy-dỗ trường-tập, chỉ chế-tạo được những khi-cụ cần - thiết, làm bằng tay mà thôi, chứ đến cái xe-hơi, cái súng, cái đồng - hồ, cái bóng đèn điện, v.v., thì không tài nào làm được. Huống-chi chiếc tàu biển, người Diến-điện cũng như người Ấn-độ, lại càng không biết làm và cũng không coi nổi. Lại hàng ngày cạnh-tiếp với các người Âu-châu, dân Diến-điện cũng như dân Ấn-độ cũng đã tiêm-nhiễm các thói quen dùng nhiều vật-dụng chế-tạo bằng máy, mà họ không sản-xuất được, thành-thử các thứ của các nhà máy người Anh chế ra, tải sang tiêu-thụ được nhiều lắm. Các đồ ngoại-hóa bị đánh thuế nặng quá không lọt vào được, các nhà kỹ-nghệ Anh không còn sợ gì cạnh-tranh nữa, nên dưng làm chúa - tể cả chốn thị-trường mà cướp lấy cái mỗi lợi to-tát ấy.

Ta đã nói người Diến-điện hiện bây giờ chưa lấy gì làm chịu thiệt-thòi cho lắm, vì phần nhiều là nông-dân. Nhưng dù nước nào ở Đông-phương cũng vậy, phạm đã trực-tiếp với người Âu tất là phải cần-dùng đến những sản-vật của kỹ-nghệ tân-thời chế-tạo, mà đời ông cha ngày xưa có biết đến đâu. Như vậy thì người Anh lợi - dụng người Diến-điện có hai cách: một là chiếm-đoạt tất cả các sản - vật thiên - nhiên, hai là giữ cái độc - quyền bán những đồ của mình chế-tạo mà người Diến-điện dùng quen rồi không thể nhìn được nữa.

Thế là càng ngày người Diến - điện càng vào trong vòng của các nhà kỹ-nghệ tư-bản, mà không bao giờ mong

rằng mình cũng có thể trở nên được nhà tư-bản kỹ-nghệ.

Vả lại người Diến-điện cũng như các dân-tộc khác ở Ấn-độ, còn thuộc quyền người Anh về phương-diện võ-bị nữa. Họ chưa đông được tàu, chưa đúc được súng, chưa chế được các binh-khí tân-thời; vậy mà nay người Anh bỏ nước Diến-điện hay nước Ấn-độ thì tất hai nước này lại đến thay chủ mà thôi, mà lại làm cái mồi cho một cường-quốc nào khác.

Việc người Anh cai-trị Ấn-độ và Diến-điện chẳng qua là việc người Anh đem binh-lực của mình bảo-vệ cho hai xứ ấy để mà đòi lấy cái độc-quyền thương-mại trong nước đó, nhưng trong cuộc đò-i-chác này, người Anh bao giờ cũng giữ phần lợi, vì có quyền kiểm-soát trong khắp mọi việc.

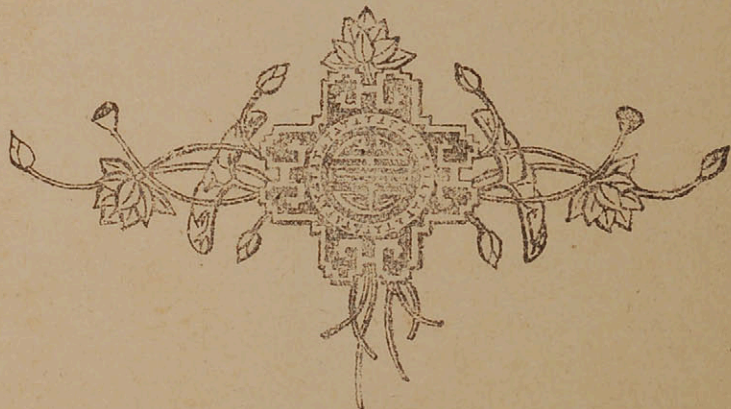
..

Nói tóm lại, người Anh có làm lợi cho người Diến-điện được mấy việc, nhưng cái lợi đó người Diến-điện phải mua đắt biết bao nhiêu! Hiện-thời người Anh cũng chưa ức-bách người Diến-điện cho lắm, vì chưa cần phải đến thế. Dân Diến-điện đương bắt đầu vào cái buổi giao-thời, các nông-dân ở nhà quê sẽ sắp bỏ nghề-nghiệp nhà

mà ra làm công cho các nhà kỹ-nghệ. Cái tình-trạng của họ cũng giống cái tình-trạng của các nước Âu-châu về thế-kỷ thứ 18, chỉ khác một điều là bao nhiêu vốn-liếng, tài-liệu khai-khẩn, cái trí-thức mãnh-lực cần-dùng trong việc thương-mại kỹ-nghệ của họ đều là của người cả. Như vậy thì người Anh lấy quyền chuyên-chế bảo-hộ dân Diến-điện để vụ-lợi cho mình mà thôi, và khi nào không lợi-dụng được người Diến-điện nữa, tất sẽ có cái dã-tâm bỏ ngay, chứ chẳng thương tiếc nào. Người Diến-điện đối với người Anh như thế, có khác gì đây tớ đối với chủ. Chủ-nhân hiền-hậu hay cay-nghiệt, điều đó chưa cần nói đến, chỉ biết rằng cái quyền của ông chủ là cái quyền chuyên-chế, và nói cho thật, là chỉ vụ-lợi.

Người Diến-điện bây giờ cũng chưa lấy gì làm đáng phàn-nàn, nhưng có ngày kia cái nguồn lợi trong nước ngày một cạn đi, không đủ chi-dụng cho dân-số ngày một đông-đúc, bấy giờ mới biết cái cách của phái tư-bản đối với những người họ lợi-dụng là thế nào.

Ngọc - Trúc dịch



CHỚT NẶNG LỜI THỀ (1)

(Hát chèo)

II

Cảnh thứ ba. — Bờ hồ và nhà

Lê Hồng-Thư ra bờ hồ ngo-ngàn đứng ngâm sâu :

(Hừ-hừ),

Nước trong leo-lẻo một hồ,
Cỏ cây mấy khóm than tro bốn tường.

Tấm thân như đá hải-đường,
Ngành hoa riêu nặng giọt sương la-đa.

Đoái trông nghĩ xót cảnh nhà,

Liều hồ râm má mẹ cha bạc đầu.

Hồ thu bóng dải lâu lâu,

Đạo chơi cho đỡ cơn sầu sớm mai.

Vú già mãi-mốt ra nói :

Dạ thưa tiêu-thư, tiêu-thư đã biết tin chưa ? tôi nghe con thị-tì bên quan huyện nó nói cậu Hoàng Minh cùng ông bà huyện đã sang thăm mắt cô Bích-Lan con gái quan phủ Trần cho cậu, mấy hôm nữa thì ăn hỏi, a tiêu-thư !

Hồng-Thư cười nhạt nói :

Thế à, sự chi chứ sự ấy cũng chẳng lạ gì, thói đời thay đen đổi trắng là sự thường, nhà mình gặp vận đen, lại may biết được lòng người xanh bạc, lại càng hay cho mình lắm, a.

Vú già ca hành-vân :

Tiêu-thư này, tiêu-thư này, ngàn sự sự bèo mây, thế non nước hẹn ước đổi thay, nghĩ mà cay đắng dạ, tình kia khác, song mà chỉ trách tại vì đâu, giàu tham giàu tham giàu phụ khó.

Hồng-Thư nói :

Không, u không biết, cái thói đời như vậy, mình có giận làm chi, mình chỉ trách mình phận bạc, nên người

đổi lòng đen, song cũng may cho mình lắm, a.

Ca tiếp hành-vân :

Tình kia nợ, giận mà chi, ruột đen sì, bởi vì bạc phận, trách người chi người chi.

Vú già nói :

Thưa tiêu - thư, tôi chỉ lạ sao ông bà huyện là bạc quan sang, cậu Hoàng Minh là người học-thức, mà lại nở thế được.

Ca tiếp hành-vân :

Người dẫu tá, lạ nhường sao, phụ hoa đào, tơ đào thay đổi, nghĩ buồn sao buồn sao !

Hồng-Thư nói :

Phận mình mình nghĩ cũng buồn thật, nhưng cũng buồn cười cho trò đời.

Ca tiếp hành-vân :

Trót lời thề bề rộng non cao, thế mà sai ước, thói đời xanh bạc đường bao.

Vú già lại ra nói ngoài :

(Hừ) lạ thay cho cô Hồng-Thư, trước cậu Hoàng Minh con quan huyện đã giạm hỏi, giờ thấy nhà bị cháy, bỏ đi giạm vợ khác, nếu người khác nghe thấy tin ấy, là tức giận bằng chết, thế mà cô vẫn tươi như hoa, lạ thật, mình chỉ tiếc thay cho cậu Hoàng Minh, người thế mà nở phụ.

Ngâm :

Tiếc thay một cánh hoa đào,
Bạc đen nở để lọt vào tay ai.

(Ha)

(1) Xem N. P. số 149.

Hồng-Thư đứng ngắm hoa ngắm sâu :

(Hừ-hừ),

Thần-thơ đứng gốc cây mai,
Bóng tôi tôi ngỡ bóng ai tôi lầm
Đã nguyên hai chữ đồng-tâm,
Nỡ nào than bụi tro lầm mà phai.

Nói ngoài :

(Hừ) bây giờ chắc cha mẹ mình cũng
đã biết tin này rồi, mình hãy về xem
cha mẹ mình bảo sao.

(Hạ)

Lê Điền-chủ ra ngồi nói ngoài :

(Hừ), trước mình với quan huyện
Hoàng Văn, vốn là ngài kim-bằng,
quan huyện có giạm hỏi con gái mình
là Hồng-Thư cho con trai là Hoàng
Minh, thế mà giờ nghe tin nhà mình
bị cháy, lại đi giạm vợ khác cho con,
gớm nhân-tình thế-thái gớm thật ! nào
bà nó đâu, ra tôi bảo.

Bà Lê Điền-chủ ra nói :

Sao sao ! ra bây giờ họ thấy mình
nhà cháy, họ toan bỏ con gái mình a
ông ?

Ngâm :

Dẫu rằng nhà cửa ra tro,
Gái má hồng chưa nọ mà lo ế chồng,

Nói :

Gớm thật, nhân-tâm gớm thật !
nhưng con gái mình cũng chẳng ế mà
sợ.

Lê Điền-chủ ngâm tiếp :

Buồn cho thiên-bạ xanh lòng,
Má hồng bao có ế chồng mà lo.

Gọi :

Nào vú già, gọi Hồng-Thư ra đây
ta hỏi.

Hồng-Thư ra nói :

Dạ thưa cha mẹ con đã ra hầu.

Lê Điền-chủ hỏi :

A này con, thế con đã nghe tin
Hoàng Minh đi giạm vợ khác chưa con?

Hồng-Thư nói :

Thưa, con vừa nghe thấy vú già nói.

Bà Lê Điền-chủ hỏi :

Thế giờ con tính sao ? Này người
ta bảo « chồn này phụ thì chồn khác
yêu », con đừng sợ ế chồng con ạ.

Ngâm :

Chớ lo chi sự ế mà lo,
Cưới chồng con mẹ giết bò chơi ngông.

Nói :

Đề sau rồi mẹ giết bò cưới chồng
cho con, con đừng sợ ế.

Lê Điền-chủ ngâm tiếp :

Gái đâu mà lại ế chồng,
Có chim sáo-sậu có lồng son son.

Hồng-Thư nói sử :

Dạ dám thưa cha mẹ xin ngỏ chút
tình con, nay chàng đã phụ ngài nước
non, xin đòi lại cho con hai bức ảnh.

Nói :

Dạ thưa cha mẹ, giờ nghe ngoài
người ta nói, chưa biết đâu, xin cho
vú già đòi hai bức ảnh của con đưa cho
cậu Hoàng Minh trước, hễ cậu ấy trả
ảnh lại, thì mới là sự thực đã đi giạm
nơi khác, thưa cha mẹ.

Ngâm :

Nếu chàng phai nhạt sắt son,
Thì hai bức ảnh của con trao về.

Ông bà bảo :

Ừ mà phải. (Giục vú già đi).

(Cả hạ)

Buông phông đường

Vú già ra hát đường-trường đi :

(Song) đã trót lời thề, ai ơi, nước
non (song) đã trót lời thề, kia ai (có
bên) khéo rẽ nẻo về đường đi ; tơ hồng
(song) ngàn nôi (mà) phân-ly. (Láy),
trắng già (có bên) trêu cợt gái nga-mi
thần-thờ ; (mấy) duyên kia sao khéo
hằng-hờ. (Láy), luống thương (có bên)
cái kiếp (mấy) con vờ mỏng-mạnh,
(sóng) nữ bạc chi tình.

(Hạ)

Đoàn Tử-Trần ra nói lối :

Tôi gọi Đoàn Tử-Trần, với Hoàng-Minh làm bạn; lối tân-học toan vượt vời bề hoạn, nhà thẽ - gia còn đua đua tràng-vấn.— *Tán*: Nào giờ mình thử sang chơi anh Hoàng Minh xem cái việc anh ta hẹn sang Pháp học thẽ nào chứ.

Hát cách đi :

Kết bạn học-hành, (tinh) anh em kết bạn học-hành, trải bao (kia còn) nước biếc (chứ) non xanh tuyệt vời; đoái trông (kia) bề học mù khơi. (Láy) Kia đàn (là đàn) chim nhận nó vượt trời xa bay; tà-tà (song) bóng ngả về tây. (Láy), đàng văn-minh (kia còn) bay ruổi bắt tay lên võ-dài; còn non (song) còn nước con dài.

(Hạ)

Thay cảnh nhà

Hoàng Minh ra ngồi nói lối ngoài :

(Hừ), như mình liếng con nhà tân-học, trót cùng ai kết-ngãi đề-hôn; nữ nào chưa nhạt phớt phai son, mà nay phụ chỉ non thẽ bề đặng sao?— *Tán*: (Hừ) mình với Lê Hồng - Thư, là bạn học từ thủa bé, và cha mẹ cũng đã giậm hỏi cho mình, giờ nhà nàng không may bị tai-nạn, cha mẹ lại ép mình thãm mắt Trần Bích Lan, mình phải viết thơ từ chối, mà sao mãi chưa thấy trả lời? bây giờ cha mẹ lại toan ép lễ hỏi, mình đã hẹn anh em bạn là Đoàn Tử-Trần sang Pháp học, âu mượn việc đó mà thoái-thác được vậy sao?

Ngâm thơ từ tuyệt :

Trót chỉ non xanh hẹn bạc đầu,
Bề tình còn đó ngãi còn sâu;
Hãy danh với bạn sang tây học,
Vượt bề về mai sẽ nổi cầu.

Nói :

Quái mình hẹn anh Đoàn Tử-Trần mà sao mãi chưa thấy đến?

Đoàn Tử-Trần đến, chào hỏi nhau, mời ngồi, v. v. . .

Hoàng Minh nói :

Tôi mong anh mãi, việc đi Pháp học đã đến ngày rồi, anh từ-liệu xong chưa?

Đoàn Tử-Trần nói :

Đã, việc đã quyết-định thì anh em sắp phải cử-hành, a anh.

Hoàng Minh nói :

Này anh, tôi có việc riêng bối-rối lắm, vì trước thầy mẹ tôi đã giậm hỏi Lê Hồng-Thư cho tôi, mà tôi với nàng cũng đã đề-đinh, nay không may mà nàng bị hỏa-tai, thầy mẹ tôi lại ép sang thãm mắt Trần Bích-Lan, tôi đã viết thơ riêng với nàng, mà thầy mẹ tôi lại cứ bịch phải làm lễ hỏi ngay, nên tôi nhân mượn việc đi Pháp học mà thoái-thác, thì anh cũng nói giúp hộ tôi một điều a anh.

Ngâm :

Mượn sang Pháp học chối lời,
Tình xưa dấu cách bề trời bao quên.

Đoàn Tử-Trần nói :

Bác nghĩ thẽ cũng phải, vì thẽ hẹn cũ, có lẽ nào nên phai a bác.

Ngâm :

Một lời thẽ hẹn là duyên,
Nước non cách mấy dặm nghìn mà phai,

Thằng Đồng cầm phong thư ra đưa, nói :

Bầm cậu, bà lớn có sai con đưa chậu cây sang bên gian phủ Trần, cô Bích-Lan có đưa riêng cho con một phong thư dặn đem về đưa cho cậu đây a.

Hoàng Minh cầm lấy thư nói :

Đây chừng thơ cô Bích Lan trả lời em đây a bác.

Đoàn Tử-Trần nói :

Vậy bác thử đọc xem cô ta trả lời ra sao?

Hoàng Minh mở phong thư đọc :

« Kính gửi Hoàng Minh công-tử :

« Thừa công-tử, bữa trước em có bắt được thư của công-tử gửi lại, đọc hết rồi, lòng em luống những ngậm-ngùi, nghĩ rằng cơ trời đã xui nên thế ấy, mà song-thân em nào có rõ chi. Công-tử đã cùng một nơi vương-vấn tơ đào, thì em nữ nào đặt mình ra mà cướp phận dành duyên, được thư này công-tử hãy an-tâm, em xin nguyện liệu chiều mà thoái-thác. Nếu song thân em không nghe theo, thì cứ làm lễ hỏi cho xong, rồi công-tử cứ đi du-học, sang đến quê người công-tử sẽ gửi thư về mà hồi-hôn, khi cha mẹ đôi bên, thấy lòng con quyết không bên nào thuận thì ắt cũng vui dạ mà nghe lời, a công-tử.

« Trần Bích-Lan kính thư. »

Hoàng Minh đọc xong, Đoàn Tử-Trần vỗ tay khen nói lời :

(U) lời lời châu ngọc mà hàng hàng gấm thêu; nhắc nghe giọng nói yêu-kiều, thế mọi văn-chương tuyệt-diệu. — *Tán* : A người này cũng đáng là một bậc thiên-kim khuê-nữ lắm a bác.

Ngâm :

Nhắc nghe lời lẽ êm-dềm,
Giọng nhà khuê-các liễu mềm đào tơ.

Hoàng Minh nói :

Em cũng tiếc thay cho Bích-Lan, người đẹp lại hay chữ, con quan và nhà giàu, song em đã trót đề-hôn với Hồng-Thư, có lẽ làm thế nào, nếu bạn ta chưa có đề-định đám nào, thì món ấy nên lắm.

Ngâm :

Về người liễu yếu đào thơ,
Hay duyên trời hãy để chờ quan anh.

Đoàn Tử-Trần cười nói :

Bác rõ, mình muốn ăn lại gấp cho người, nếu được thế còn nói chi, thôi hãy để đi học về sẽ hay.

Quan huyện, bà huyện ra. Đoàn Tử-Trần đứng dậy chào.

Quan huyện nói :

A bác Đoàn Tử-Trần, sang rủ em Hoàng Minh đi Pháp học đấy chẳng ? Bác ngồi chơi.

Bà huyện nói :

A này bác, tôi đã thăm mắt Bích-Lan là con gái quan phủ Trần cho em Hoàng Minh rồi đấy, mà bảo làm lễ hỏi, rồi sẽ đi học, nó cứ thoái-thác không nghe, thì bác bảo em hộ tôi với.

Ngâm :

Khuyên con con mãi học - hành,
Dạy cho sớm ước duyên lành không nghe.

Đoàn Tử-Trần nói :

Lắm ông lớn bà lớn, hãy để cho bác ấy đi học đã, chứ cái việc vợ chồng trăm năm đã vội gì, thưa ông bà.

Ngâm :

Vợ chồng trong chốn buồng khuê,
Đợi khi học giỏi mai về sẽ hay.

Quan huyện nói :

Phải, bác ấy nói cũng phải a bà, thôi bác hãy ở chơi đó với em, rồi sẽ sắp-sửa ra tàu a bác.

(*Ông bà huyện hạ*).

Con Nở ra nói :

Thưa cậu, có vú già người nhà cô Hồng-Thư sang đòi hai bức ảnh, bà lớn truyền cậu đưa trả cho người ta a cậu.

Vú già cùng lên.

Hoàng Minh cầm hai bức ảnh Hồng-Thư ngẩng người ra nói lời :

À Hồng-Thư biết chẳng em hỏi ! anh Hoàng Minh nào có phụ đâu ; vì sao chia rẽ tơ sần, đến nỗi sai đòi tranh ảnh. Anh rắp tìm đường xa lánh, em không biết mảnh tình chung ; từ đây non nước nghìn trùng, xa tưởng mặt mày đòi đoạn, em ơi !

Gạt nước mắt cầm hai bức ảnh đưa cho Đoàn Tử-Trần xem rồi nói :

Đây hai bức ảnh của Hồng-Thư đây bác xem.

Nói tiếp :

Một bức từ xưa kết bạn, tóc rả mái đào; một tờ bữa hồi đưa trao, mày xanh lá liễu. Khéo ông thợ cọt gheo, chỉ bà nguyệt trên người; nay xin nên xa mặt cách lời, biết bao lại trông vời thấy bóng, ới em ơi ?

Đoái lại bảo vú già :

Này vú già, thôi vú hãy về nói với Hồng-Thư rằng : Tôi với nàng tuy không có duyên nợ cùng nhau, chứ cũng có cái tình bầu-bạn từ thơ ấu, thì tôi hãy xin giữ hai bức ảnh này lại, cũng như cầm một món kỷ-niệm của bằng-hữu đó sao.

Bà huyện chạy ra nói :

Sao sao con đã lo đi hỏi vợ khác, mà dành ảnh của người đó làm chi ? nữa mai sau vợ con cưới rồi, về nó thấy như vậy, lại sinh việc không tốt a con !

Ngắm :

Vợ con nay đã tìm nơi,
Con còn giữ ảnh của người làm chi ?

Vú già nói :

Thưa cậu, thôi cậu hãy cứ trả hai bức ảnh lại cho, kéo có tôi nay mai cũng sắp đi lấy chồng rồi a cậu.

Hoàng Minh nói :

Hừ bởi mình phụ người, nên người cũng phụ mình, đây thì hai bức ảnh đây, tôi đưa trả.

Vú già cầm lấy hai bức ảnh chào, Hạ.

Bà huyện hạ.

Hoàng Minh bảo Đoàn Tử-Trần :

A này bác, bây giờ thầy mẹ tôi đã chắc rằng Lê Hồng-Thư đã có nơi khác, thì tôi chả còn đến nhà nàng sinh tình quyến-luyến nữa, nhân tiện đây tôi muốn rủ bác sang chơi để tôi tỏ lòng ; gỏ ý với nàng, và xem nàng lấy ai, a bác. kéo từ đây đi học xa, còn biết bao giờ lại gặp mặt.

Đoàn Tử-Trần nói :

Ừ thì đi, tôi cũng chiều bác, vì tôi thấy bác cứ khắc-khoải vì tình cũ, thì nào đi.

Ngắm :

Dặm nghìn cách nẻo buồng khuê,
Xót thay bạn cũ mẫn-mê vì tình.

Hoàng Minh trở vào nói :

Dạ đảm thưa, con xin phép cha mẹ, để con đi chơi với bác Đoàn Tử-Trần một lát ạ.

Bà huyện đứng trong cửa nói :

Ừ con cứ đi.

Hai người cùng ra hát sa-lịch đi :

Xa (ới) xa bao (tình-bằng) non nước
gập ghềnh, (chứ để tình) hai vai nặng
chịu (y ối y mà để có) gánh tình (mấy)
gánh tình ch'a hai ; (y y) khi (ới) khi về
(tình bằng) hỏi Liễu Chương-dài. Hỏi
Liễu Chương-dài, khi (ới) khi về (tình-
bằng) hỏi Liễu Chương-dài, (chứ để
tình) từ đây cách trở (y ối y mà để có)
bề trời, (mấy) bề trời xa-xăm ; (y y)
ai (ới) ai về (mà) nhắn bạn tri-âm.

Các hạ

Cảnh thứ tư. — Đàng và nhà.

Công-tử Hà Mạnh-Đằng ra nói lời :

Tôi Hà-Mạnh gọi Đàng công-tử,
cách ăn chơi lịch-sự ai bằng ; vẫn
tung trời tôi khuấy nước khua trăng,
từng dấy đất mình bẻ mang mượn gió.
Cánh quả-dấm kê là đầu sọ, tụi du-côn
thiệt nợ tay pho ; dù máu dè ai để bắt
bò, không lấu-cá họ cho là quich. Com
ô-ten mình xơi rõ phình, gái nhà xăm
hề « rich » là chơi ; đã lăm phen méo
đất bẹp trời, hồ-hải nhất tuyệt đời
công-tử bột.

Via hát nối niều :

Via :

Vỡ trời có một thiên-lôi, chơi
ngông từng ném đủ mùi trắng hoa.
Hát : Anh nghĩ cái mình anh (tình bằng)
môi thiệt bọm gia, (bọm già bọm già)

hợm già), kễ như chàng công-tử bột (y ý y, y, ý y) chưa để nước pha nên hồ; bởi nhà anh (tinh-bằng) bạc giấy từng hồ. Bạc giấy từng hồ (từng hồ từng hồ), uề nhưng tiền anh mua các cô con gái (y ý y ý y) cứ «vanh xu» một nàng; cũng lắm cô đeo nhẫn hạt vàng. Đeo nhẫn hạt vàng, hạt vàng hạt vàng, tóc đuôi gà (tinh chung) vắt-véo (y ý y) hãy vơ quăng anh bắt chim; cái quần lĩnh thâm (tinh-bằng) hoa nổi hoa chìm. Hoa chìm hoa chìm hoa chìm, rắc hoa chanh cho nó đẹp (y ý y, y ý y để thấy em anh mê hò; ò ý e ò e ý ò).

Nói ngoài:

Hừ trước mình trông thấy Lê Hồng-Thư đẹp thiệt, mà trót vì mình bạn học với Hoàng Minh, mà Hoàng Minh lại mau chân hơn mình, anh ta giặm ngay mắt, rõ cay quá! Giờ may sao thấy anh ta lại đi giặm người khác, rõ may cho mình quá, chỉ bằng mình nhân đây mà hót lấy hần được.

Gọi:

A nào thẳng Nganh thẳng Ngược, bay đi mời cụ Bá-Liên đi làm mối cô Lê Hồng-Thư cho cậu đi.

Nganh Ngược da ra.

Nói dịp một dặn:

Thẳng Nganh thẳng Ngược, mời được cụ Liên, về cậu cho tiền, giục liền làm mối, thẳng nào nói dối, kễ tội đánh đòn, chúng bay liệu hồn, kẻo mòn mắt xác, a bay.

Nganh Ngược da đi. Hát trống-quân:

Chúng ta cùng tụi còn-dồ, đi mời cụ mối trời gò buộc dây, bắt về làm mối cho thầy, nếu không mối được sẵn chầy ta va, ra tay giã cụ trắng già, cho mười dùi đục bắt bà tơ xe tơ.

Bảo nhau:

Chúng ta nói lão thể chứ, đi mời cụ mối, lại bảo đi bắt cụ mối, mang dùi đục đi giặm vợ, thì ai người ta còn mối cho cậu.

(Các hạ)

Mụ Bá Liên ra nói lời:

Tôi tên cụ Bá-Liên, hay chấp liền mối chỉ, nhất những đám chồng ma vợ quỷ, hay những người mẹ đi bỏ cụ. mỗi xe cho lắm sợi chỉ to sù, họ mất gỡ tha-hồ cần rút.

Via hát cảm giá:

Via: Chị em ơi! tay tôi cầm mối tơ giảng, mà lắm chàng công-tử cứ quăng bạc vào, a chị em ơi! *Hát:* (A mà) tay tôi (kia còn sao) cầm (a) mối tơ (ối a thôi mà) tơ giảng.

Via: Chị em ơi, tay tôi cầm mối tơ giảng, mà lắm chàng công-tử cứ quăng bạc vào, a chị em! *Hát:* (A mà) lắm chàng (kia còn sao công (a) tử (a a à, a ới a, ới ới a, a bà mà để có) cứ quăng bạc (ới a thôi mà) bạc vào; (a mà) có tiền (kia còn sao) tôi (a) vắn sợi tơ (ối a thôi mà) tơ đào.

Via: Chị em ơi, có tiền tôi vắn sợi tơ đào, không tiền hãy đứng bờ rào mà trông, a chị em! *Hát:* (A mà) không tiền (kia còn sao) hãy (a) đứng (a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà để có) bờ rào mà (ối a thôi mà) mà trông; (a mà) phận đen (kia còn sao) trách (a) lẫn tơ (ối a thôi mà) tơ hồng.

Nganh Ngược ra nói:

Ấy xin chào bà cụ mối, chúng tôi xin mời bà sang bên cậu Hà Mạnh-Đẳng tôi, để cậu tôi cậy bà sang làm mối cô Hồng-Thư đó, a bà. Bà có đi, không thì chúng tôi trối mối lại chúng tôi đem về.

Mối Liên nói:

A mối đã hay xe tơ buộc người, các anh lại toan cầm rợ buộc mối thế nào? đã thế không võng bà không đi.

Nganh ngược nói:

Thôi chúng tôi trót lỡ lời, xin van bà bà đi cho, hề mối được cho cậu tôi thì van tiền a cụ.

Bà Liên nói :

Ừ có lẽ đem tiền buộc mối thì mối đi.

(Cùng vào)

Hà Mạnh-Đẳng nói :

A này bà Bá Liên, nay con gái ông Lê Điền-chủ là Hồng-Thư, người đẹp lắm, trước tôi vẫn thích, song chỉ vì người bạn tôi là Hoàng Minh anh ta giam hỏi trước mắt, giờ không biết sao, anh ta đi giam vợ khác, cũng là duyên trời để cho mình, thì mục đi sang đánh mối hộ tôi món ấy,

Ngâm :

Cũng là duyên kiếp bởi trời,
Bỗng nhưng ngọc ở tay người về ta.

Bà Liên ngâm tiếp :

Nếu mà chàng muốn vin hoa,
Ít ra đưa mối cũng ba mươi đồng,

Hà Mạnh-Đẳng ngâm tiếp :

Đây là tiền phát hoa-hồng,
Rời ra tôi lại đền công mối nhiều.

Bà Liên ngâm tiếp :

Đền công thì biết bao nhiêu ?
Ước chừng trăm bạc mục tiêu mới vừa.

Nói :

Thế cậu ở nhà, để tôi đi nhé.

Hà Mạnh-Đẳng nói :

Mối đi cho chóng mà về kẻo tôi mong.
(Hạ)

Bà Liên ra hái lỉnh đi :

Ai khéo lọc lừa, cơ-duyên ai có
khéo lọc-lừa, gây loan (có bên) tôi chấp
mối tơ thừa mỗ, tơ thừa se sẵn; ra tay
tôi vẫn-vit tơ Tần. Vẫn vit tơ Tần, ra
tay tôi vẫn-vit tơ Tần, buộc ràng (có
bên) chỉ Tấn để ai lần dề ai lần cho
ra; vườn hồng (song) hẳn gửi tin hoa.

(Hạ)

Lê Điền-chủ ông bà cùng ra ngồi, Ông hỏi :

A này bà, thế bây giờ Hoàng Minh đã
phụ ước con mình là Hồng-Thư rồi,
thì bà tính sao ?

Ngâm :

Con mồi như thề đóa hoa,
Tơ duyên còn lúc đương trà phải loan.

Bà nói :

A ông bàn thì cũng phải, song con
gái như hoa, sa đầu ắm đấy, có lo gì a
ông.

Ngâm :

Khéo sao ông chỉ vôi bàn,
Gái như hoa nở trên giàn lo chi.

Bà Liên vào nói :

Dạ thưa với ông bà, này tôi nghe có
Hồng-Thư bên này, trước cậu Hoàng
Minh đã giam hỏi, giờ sao cậu ấy lại
bỏ ? Vậy có cậu Hà công-tử Mạnh-Đẳng
cậy tôi sang làm mối, xin ông bà gả
quách cho cậu ấy, nhà giàu và tay chơi
đủ nước, a ông bà.

Ca hành-vân :

Phận hoa đào, phận hoa đào, kén
bạn quỳnh-giao, lời non nước tự trước
thâm-giao, khéo sao mà nở phụ, chứ
phai ước, song thì thôi, ế đặng mà lo,
Hà cậu Hà cậu Hà toan giam.

Ông nói :

Cái đó thì tôi cũng ưng, song còn
tùy bà nó và cháu, a mục.

Ca tiếp hành-vân :

Vì duyên phận, giận thêm ngày, ép
sợi tơ vầy hỡi bà bay bà bay.

Bà nói :

Sự đó quyền tại ông, tôi vẫn bảo con
gái tôi là không ế; ư chỗ nên gả thì
gả chớ sao.

Ca tiếp hành-vân :

Người dao lá, lạ chi mà, trái ước con
nhà, phụ thề hoa thề hoa. Đặng chàng
Hà cậy mối sang qua, âu là gả quách,
song còn ước hỏi con ta.

Nói :

Vậy ông hãy gọi con ra hỏi xem.

Ông gọi :

Nào Hồng-Thư ra cho cha mẹ hỏi.

Hồng-Thư ra nói :

Dạ con đã ra hầu.

Ông nói :

A này con, nay Hoàng Minh đã phụ ước, có Hà Mạnh-Đăng cậy mối sang giã, con liệu có bằng lòng không ?

Hồng-Thư nói sử :

Dạ thưa trình cha mẹ, con chút phận long-dong; song chàng Hà tính - nết cường-hung, đành ở vậy con không dám thuận.

Nói :

Dạ thưa cha mẹ, ai chứ cậu Hà-Mạnh-Đăng cũng bạn học với cậu Hoàng-Minh, con cũng đã biết, bữa nọ hội chùa, con thấy cậu trên gheo mấy cô con gái, người phạm-hạnh như thế, con chịu không dám xác, đành ở vậy cho trọn đời còn hơn.

Ngâm :

Lấy chồng phải bợn trắng hoa,
Chẳng thà ở vậy cho qua một đời.

(Hạ)

Bá Liên nói :

Chả chê mất lẽ con gái, giờ cô ấy nói thế, xin ông bà hãy liệu đỡ cô ấy, tôi hãy xin về.

Ông bà cùng nói :

Vậy mỗi hãy về, để tôi đỡ cháu.

Chào nhau rồi hạ cả.

Hà Mạnh-Đăng ra đón hỏi.

A mụ sang bên ấy liệu có êm việc không a mụ ?

Ngâm :

Mối đi mình vẫn trông về,

Đứng dằng mong đã đỡ heo mắt tình.

Bá Liên nói :

Tôi sang nói ông bà ấy thì thuận, nhưng cô ấy hãy còn ngững-ngĩnh không nghe, vì đâu khi hội chùa trông thấy cậu gheo gái ấy a cậu.

Ngâm :

Cậu trao những việc tây đình,
Chưa vương tơ nhện bởi mình hay chim.

Nói :

Từ rầy mà đi cậu phải chín lại mới được, để ông bà ấy còn đỡ cô ta đấy. Thôi tôi hãy về.

(Hạ)

Hoàng Minh và Đoàn Tử-Trần ra, gặp Hà Mạnh-Đăng hỏi :

Ấy hai bác đi đâu đấy ? A bác Hoàng Minh, sao dám Hồng-Thư bác lại bỏ ? giờ em lại phồng tay trên rồi đó a bác.

Ngâm :

Anh em như bạn đánh bài,
Bốc yêu em quyết phồng hoài tay trên.

Hoàng Minh nói :

Sự đó thì em đã thôi rồi bác mới toan phồng, thế thì phồng tay dưới chứ tay trên gì ?

Ngâm :

Đánh bài thì gặp cơn đen,
Anh ngồi tay dưới ăn chèn mà chi.

Đoàn Tử-Trần nói :

Anh em bạn như bác Hà cũng lạ thiệt, thiếu chi môn, lại cứ chực phồng vợ anh em bạn là thế nào ?

Ngâm :

Tồ-tôm lằm nước ly-kỳ,
Vợ rìa vét nọc này chi cũng hèn.

Nói :

Thôi các bác đừng nói chuyện nhảm nữa, xin chào bác, đi thôi bác Hoàng Minh.

Hà Mạnh-Đăng hạ.

Hoàng Minh và Đoàn Tử-Trần cùng bảo nhau.
Đoàn Tử-Trần nói :

Tôi xem như anh Hà Mạnh-Đăng cái khi-thức anh ta hèn quá, anh cứ nói chuyện nhảm với anh ta làm gì, cái anh ấy cũng không có thể chơi được, a anh.

Ngâm :

Anh em nên kết bạn hiền,
Những người khi-thức sa hèn chớ chơi

Hoàng Minh nói :

Phải phải, bác nói phải, có tôi chỉ tiếc cho Hồng-Thư mà lấy hẳn thì rõ hoài phi một người khue - các, a bác.

Ngân :

Tiệc thay duyên cũ lia hai,
Nỡ hoài ngọc trắng để mai ngâu vầy.

Cùng đi sang đến nhà họ Lê. Hoàng Minh vào gọi con Nhài ra hỏi :

A em Nhài, chứ ông bà và cô Hồng-Thư có nhà không ? Em về nói có cậu Hoàng Minh sang đó nhé.

Con Nhài vàng, chạy vào nói :

Thưa cô có cậu Hoàng Minh sang đấy ạ.

Hồng Thư ra nói :

A Nhài, cậu Hoàng-Minh còn sang nhà này làm chi ? Mày ra nói ông bà và cô tôi đi vắng cả kia nhé.

Con Nhài chạy ra nói :

Thưa cậu, ông bà tôi và cô tôi đi vắng cả kia ạ.

Chạy vào.

Hoàng Minh đứng ngăn ra bảo Đoàn Tử-Trần:

À ra giờ mình sang, nàng không tiếp nữa cũng phải ; song cái đó là tự tôi phụ nàng trước ; vậy bác hãy đứng đây, để tôi đi quanh về đàng vườn hoa này, họa may có gặp, để tôi ngỏ tấm lòng của tôi, a bác.

Đoàn Tử-Trần gật gật :

Hoàng Minh đi quanh lại mé vườn để nghe.

Hồng Thư đứng trông vườn hoa than :

Rõ thương thay cho mình phận gái, những chắc rằng kim cải bén duyên ; khéo vì ai nữ phụ lời nguyện, xui nên nổi lửa phiền cháy ruột ! Bấm gan đá vẫn như kim châm buốt, ủ mỳ châu càng tủi giọt mưa sa !
— *Vả :* Luống trông hoa mà thẹn vì hoa, liễu xuân xanh quyết bỏ qua một thời. — *Hát vãn :* mà thẹn (ôi mà) vì hoa, (ôi ai ơi) trông hoa (y ý y tình bằng) mà thẹn (y ý y) mà thẹn vì hoa,

(y ý y tình bằng) liễu xuân xanh quyết (y ý y ấy mấy) bỏ qua (y y) bỏ qua một đời ; (song) giậm đất kêu trời. (ôi ai ơi)

Hoàng Minh đứng nghe ngoài nói rồi :

(Hừ) rõ tiếng Hồng-Thư tủi duyên than khóc ; bỗng như xui Hoàng Minh quặn khúc tơ sầu.

Tiếp than :

Ơi em ơi, phận đôi mình chéch-lệch bởi vì đâu, vẫn một dạ thương nhau chi nữ phụ.

Chạy sấn vào vợ lấy Hồng Thư cầm tay nói :

A này Hồng-Thư, đó là lệnh cha mẹ ép mình như vậy, chứ nào anh có phụ nàng đâu, nên anh đã có thư từ-hôn với Bích-Lan, mà Bích-Lan cũng đã có thư trả lời, vậy nay anh mới sang đây để từ-tạ với nàng mà sang Pháp học với bác Đoàn Tử-Trần. Lại vừa nửa đường gặp Hà Mạnh-Đăng khoe đã mới giậm nàng rồi có phải không ?

Hồng Thư nghe đoạn gạt nước mắt nói :

Ra thế à ! Cậu đã có thư từ-hôn với Bích-Lan, mà cô ta cũng đã có thư trả lời à ? Đâu bỏ tôi xem ? Còn như sự Hà Mạnh-Đăng anh ta có cậy mối giậm, nhưng ai lấy ; nếu cậu phụ tôi, thì tôi chỉ ở vậy một đời thôi, a cậu. Đâu bác Đoàn Tử-Trần đâu ? mời bác vào chơi xơi nước đã.

Cùng ra đón Đoàn Tử-Trần vào, chào hỏi mời ngồi.

Hồng Thư nói :

A này cậu, nay cha mẹ đã làm ra rồi lỡ duyên mình như vậy, thì khi cậu và bác Đoàn ra tàu sang Pháp, em cũng không thể đi tiễn được, vì thầy mẹ tôi bên này thấy cậu đi giậm vợ khác, thì cũng ép tôi lấy Hà Mạnh-Đăng, mà không gả tôi cho cậu nữa, có thể nào cho tôi đi tiễn cậu, vậy nay tiễn đây, tôi kiếm một chén tiễn-biệt để cậu với bác đi học, khi về sẽ hay, a cậu.

Ngâm :

Đôi ta duyên đã rối phè,
Tiền riêng gọi một chén thề chia tay.

Hoàng Minh nói :

Phải phải, nàng nói phải, có lẽ nào cha mẹ còn cho nàng đi tiễn tôi. Song khi tôi sang Pháp rồi, thì nên phải thư-từ đi lại luôn luôn, và hai bức ảnh của nàng mới đòi về đâu ? giờ lại đưa cho tôi, a nàng.

Ngâm :

Tiền dâng riêng một chén say,
Thư-từ tranh ảnh nướm tay bao lia.

Đoàn Tử-Trần nói :

Khi nào chị có đưa thư gửi thăm anh, thì cũng gửi cho em với, rồi khi về em xin điều-đinh cái việc đó hộ anh chị.

Ngâm :

Bức thư từ đó đi về,
Sẽ sau vì bạn vấn xe tơ-hồng.

Hoàng Minh nói :

Phải phải, khi về bác điều-đinh việc hộ tôi, rồi tôi cũng điều-đinh hộ bác với cô Bích-Lan nhé.

(Cùng cười ran cả lên.)

Hồng-Thư ngồi ca nam thương liền biệt :

Vì ai mắc bối lơ sầu tơ tơ sầu vô-vô !
Nhện rối giăng tơ, tấm vấn vương tơ,
sao có nữ thờ-ơ, cũng vì nguyệt lão xe
tơ, toan rối lẩn đàng tơ, đề mà chờ đợi
chờ, may thay duyên nợ tương-cờ,
bao giờ quên dặng, trót nặng ơn xưa,
cho vẹn ngãi xưa, xa bao xa bao đợi
chờ, bút đề thơ, nhận tin đưa, dậm mây
mờ, nẻo trời mưa, xiết bao mong chờ ;
mai mong chờ, gửi lời thăm bạn, chi
sá dặng thờ-ơ ; trời tây bóng đã xế
trưa, dâng chén rượu cùng đưa, khóa
then xuân chờ.

Tiệc xong cùng đứng dậy cáo biệt.

Hồng-Thư đứng dậy tiễn ngâm bài anh khóa :

Ơi anh ơi ! em tiễn chân anh không ra tận bến tàu, hai tay em nâng cái khay trà em lấy đưa anh. Tay em cầm trầu giọt lệ nó chạy quanh, anh xơi một miếng cho bỏ tấm lòng thành em nhớ thương. Cái bối tơ duyên nó ngoắt-ngéo đủ trăm đường, anh đi một bước tấm can-trường em nó xẻ làm đôi.

(Hạ màn)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM



phạt, chử-hầu thì vâng mệnh di phạt mà chẳng được tiếm mệnh thảo. Năm kẻ bá chẳng phụng mệnh-lệnh thiên-tử, dất chử-hầu nọ để đi phạt chử-hầu kia, cho nên bảo rằng năm kẻ bá là người có tội với ba đấng vương.

Chử-giải - *Tuần-thứ* = Tuần-hành xem xét những nơi dất của chử-hầu coi giữ. *Thuật-chức* = Noi theo chức-phận vào trầu là thuật theo chức-sự của mình. *Bảo-khắc* = Bảo nào cóp nhất lấy thuế của dân cho nặng. *Nhương* = Trách phạt. *Di* = Thay đổi, lập vua khác. *Thảo* = Đánh trị kẻ có tội, bởi thiên-tử ra mệnh lệnh sai chức phượng-bá đóng-dã các nước chử-hầu đi đánh. *Phạt* = Đánh, bởi chử-hầu phụng mệnh-lệnh thiên-tử mà đi đánh kẻ có tội.

Tiết này là kể rõ cái tội năm đời bá tự chuyên quyền chính - phạt.

五霸桓公爲盛。葵丘之會諸侯。束牲載書而不歃血。初命曰。誅不孝。無易樹子。無以妾爲妻。再命曰。尊賢育才。以彰有德。三命曰。敬老慈幼。無忘賓旅。四命曰。士無世官。官事無攝。取士必得。無專殺大夫。五命曰。無曲防。無遏籜。無有封而不告。曰。凡我同盟之人。既盟之後。言歸于好。今之諸侯皆犯此五禁。故曰。今之諸侯。五霸之罪人也。

Dịch-âm. — « Ngũ bá Hoàn-công vi thịnh, Qui-khâu chi hội chử-hầu, thục sinh tái thư nhi bất sấp huyết. Sơ mệnh viết: « Chu bất hiếu, vô dịch thụ-tử, vô dĩ thiếp vi thê. » Tái mệnh viết: « Tôn hiền dục tài, dĩ chương hữu đức. » Tam mệnh viết: « Kinh lão từ ấu, vô vong tân-lũ. » Tứ mệnh viết: « Sĩ vô thế quan, quan sự vô nhiếp, thủ sĩ tất dắc, vô chuyên sát đại-phu. » Ngũ mệnh viết: « Vô khúc phong, vô át thích, vô hữu phong nhi bất cáo. » Viết: « Phàm ngũ đồng minh chi nhân, ký minh chi hậu,

ngôn qui vu hiếu. » Kim chi chử-hầu giai phạm thủ ngũ cấm; cổ viết: kim chi chử-hầu, ngũ bá chi tội nhân dã.

Dịch-nghĩa. — « Trong năm kẻ bá vua Hoàn-công nước Tề là cường-thịnh hơn cả, việc hội chử-hầu ở dất Qui-khâu, chỉ trối con hi-sinh, chép lời minh-thệ, mà chẳng cầu phải uống máu, điều tin-nghĩa đủ phục lòng người. Trong lời minh-thệ, bắt đầu mệnh rằng: « Tất giết kẻ làm con bất-hiếu, chớ thay đổi người con đã lập làm thế-tử rồi, chớ lấy vợ lẽ lên làm vợ cả. » Thứ hai mệnh rằng: « Tôn người hiền nuôi người tài, để tỏ rệt kẻ có đức. » Thứ ba mệnh rằng: « Kính người già, yêu người trẻ, chớ quên những người tân-khách kẻ lữ-hành. » Thứ tư mệnh rằng: « Quan sĩ người nào có công, chỉ nên nối đời ăn lộc, chớ cho nối đời làm quan; việc quan chớ cho kiêm nhiếp nhiều chức thì trễ việc; chớ dùng kẻ sĩ tất được người khá, chớ chuyên giết quan đại-phu mà không thỉnh mệnh thiên-tử. » Thứ năm mệnh rằng: « Chớ đắp vòng dè ngăn nước để làm hại nước láng giềng, nước láng giềng mất mùa chớ cấm đong thóc, chớ có phong dất cho người mà chẳng cáo dấng thiên-tử. » Cuối cùng lại định-ninh bảo rằng: « Phàm những người đồng-minh với ta, sau khi đã minh-thệ, phải tuân năm lời cấm ấy mà đều theo về đường hòa-hiếu. » Vua nước chử-hầu đời nay đều phạm năm điều cấm ấy, cho nên bảo rằng vua chử-hầu đời nay là người có tội với năm kẻ bá vạy.

Chử-giải - *Qui-khâu* = Truyền Xuân-thu năm hi-công thứ chín, vua Hoàn-công nước Tề hội họp các vua chử-hầu ở dất Qui-khâu. bày con hi-sinh ra mà chẳng đem giết lấy máu, chỉ đặt tờ thư minh-thệ ở trên con hi-sinh, rồi tuyên minh lời răn cấm của dấng thiên-tử. *Thụ* = Lập. *Thụ-tử* = Con đã lập lên làm thế-tử. *Khúc* = Cong, vòng. *Phong* = Đê

phòng. Át = Ngăn cấm. Thích = Đông thóc.
Tiết này là kê rõ cái tội vua chư-hầu đời
bấy giờ phạm cả ngũ-cấm.

*
**

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|---|
| 人 | 之 | 今 | 君 | 之 | 惡 | 罪 | 長 |
| 也。 | 諸 | 之 | 之 | 大 | 其 | 小 | 君 |
| | 侯 | 大 | 惡 | 夫 | 罪 | 逢 | 之 |
| | 之 | 夫 | 故 | 皆 | 大 | 君 | 惡 |
| | 罪 | 今 | 曰 | 逢 | 今 | 之 | 其 |

Dịch-âm. — « Trưởng quân chi ác kỳ
tội liền, phùng quân chi ác kỳ tội đại ;
kim chi đại-phu giai phùng quân chi
ác, cố viết kim chi đại-phu, kim chi
chư-hầu chi tội-nhân dã. »

Dịch-NGHĨA. — « Dua thuận cái ác
của vua, tội ấy nhỏ ; hóng đón cái ác
của vua, tội ấy lớn. Quan đại-phu đời
nay đều đón cái ác của vua, cho nên
bảo rằng quan đại-phu đời nay là người
có tội với vua chư-hầu đời nay vậy. »

Chú-giải — Trưởng quân chi ác = Gây thêm
cái ác cho vua, vua có điều lỗi, đã chẳng biết
can mà lại dua nịnh thuận theo. Phùng quân
chi ác = Đón trước cái ác của vua, nghĩa là
điều lỗi của vua chưa lộ ra mà mình thừa ý
gợi đón ra trước.

Tiết này là nói rõ cái tội quan đại-phu đời
bấy giờ chỉ hay hóng đón thành cái ác
của vua.

VIII

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 陽 | 戰 | 於 | 民 | 而 | 孟 | 魯 |
| 然 | 勝 | 堯 | 殃 | 用 | 子 | 欲 |
| 且 | 齊 | 舜 | 民 | 之 | 曰 | 使 |
| 不 | 遂 | 之 | 者 | 謂 | 不 | 慎 |
| 可 | 有 | 世 | 不 | 殃 | 教 | 子 |
| | 南 | 一 | 容 | 民 | 民 | 爲 |

Dịch-âm. — Lô dục sử Thận-tử vi
tướng-quân. Mạnh-tử viết : « Bất giáo
dân nhi dụng chi, vị chi ương dân,
ương dân giả bất dụng ư Nghiêu Thuấn
chi thể. Nhất chiến thắng 1ề, toại hữ
Nam-dương, nhiên thả bất khả.

Dịch-NGHĨA — Nước Lô muốn khiến
Thận-tử làm chức tướng - quân, để
đánh nước Tề lấy đất Nam - dương.
Thầy Mạnh ngăn đi mà rằng : « Chẳng
dạy dân điều lễ-nghĩa mà dùng dân đi
việc chiến tranh, gọi là làm tai-vạ cho

dân ; kẻ làm vạ dân chẳng được dung
ở đời vua Nghiêu vua Thuấn. Vì
khiến một trận đánh thắng được nước
Tề, liền có đất Nam-dương, lấy lẽ mà
luyện ra còn vả chẳng nên. »

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|---|
| 也。 | 不 | 麓 | 則 | 曰 | 不 | 勃 | 慎 |
| | 識 | 所 | 滑 | 此 | 悅 | 然 | 子 |

Dịch-âm. — Thận-tử bột nhiên bất
duyet viết : « Thử tắc Hoạt-Ly sở bất
thức dã. »

Dịch-NGHĨA. — Thận-tử biến-động
sắc mặt chẳng bằng lòng mà rằng :
« Có ấy thì Hoạt - Ly này thực chẳng
biết vậy. »

Chú-giải. - Hoạt-Ly = Chín tên Thận-tử
quan nước Lô.

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 宗 | 里 | 方 | 侯 | 不 | 千 | 天 | 曰 |
| 廟 | 不 | 百 | 諸 | 足 | 里 | 子 | 善 |
| 之 | 足 | 里 | 侯 | 以 | 不 | 之 | 明 |
| 典 | 以 | 不 | 之 | 待 | 千 | 地 | 告 |
| 籍 | 守 | 百 | 地 | 諸 | 里 | 方 | 子 |

Dịch-âm. — Viết : « Ngô minh cáo tử
thiên-tử chi địa phương thiên-lý, bất
thiên lý bất túc dĩ đãi chư-hầu ; chư-
hầu chi địa phương bách lý, bất bách
lý bất túc dĩ thủ tôn miếu chi điển tịch.

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Ta rõ bảo cho nhà người biết cái lẽ
không nên : Đấng tiên-vương ngày xưa
phong đất dựng nước, đất thiên-tử
vuông nghìn dặm, vì chẳng được
nghìn dặm thì chẳng đủ để tiếp-dãi
những lễ triều-sinh của các nước chư-
hầu ; đất chư-hầu vuông trăm dặm, vì
chẳng được trăm dặm chẳng đủ để
giữ cái lệ thường tế-tự hội-đồng trong
nhà tôn-miếu.

Chú-giải. — Điển-tịch = Lễ nghi sổ sách ghi
chép những lễ tế-tự hội đồng.

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 於 | 不 | 百 | 齊 | 太 | 而 | 也 | 魯 | 周 |
| 百 | 足 | 里 | 也 | 公 | 儉 | 地 | 爲 | 公 |
| 里 | 也 | 也 | 亦 | 之 | 於 | 非 | 方 | 之 |
| | 儉 | 地 | 爲 | 封 | 百 | 足 | 里 | 封 |
| | 也 | 非 | 方 | 於 | 里 | | | 於 |

Dịch âm.— « Châu-công chi phong ư Lô, vi phương bách lý dã, địa phi bất túc, nhi kiệm ư bách lý ; Thái-công chi phong ư Tề dã, diệc vi phương bách lý dã, địa phi bất túc dã, nhi kiệm ư bách lý. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Châu - công được phong ở nước Lô vuông trăm dặm, đất chẳng phải là chẳng đủ để phong, mà chỉ đến trăm dặm chứ không hơn. Ông Thái-công được phong ở nước Tề, cũng là vuông trăm dặm, đất chẳng phải là chẳng đủ để phong, mà chỉ đến trăm dặm chứ không hơn. »

Chú-giải.— Kiệm = Vừa độ, chỉ như thế mà không hơn.

今魯方
百里者
五子以
爲有玉
者則
魯在
損乎
所

Dịch-âm.— « Kim Lô phương bách lý giả ngã, tử dĩ vi hữu vương-giả tác, tắc Lô tại sở tồn hồ ? tại sở ích hồ ? »

DỊCH-NGHĨA. — « Nay đất nước Lô cái phần vuông trăm dặm đã gấp năm ngày xưa, nhà người nghĩ xem nếu có đấng vương - giả đấy lên, thì đất nước Lô nên bớt đi ư ? hay là nên thêm lên đấy ư ? »

徒取諸
彼以與
此然且
爲仁者
不
况於
殺人
乎

Dịch-âm.— « Đồ thủ chư bỉ dĩ dĩ thủ, nhiên thả nhân giả bất vi, hướng ư sát nhân dĩ cầu chi hồ ? »

DỊCH-NGHĨA. — « Những lấy không đất Nam-dương ở nước Tề kia để cho nước Lô nọ, kẻ nhân-giả vả còn lấy làm trái phép mà chẳng làm ; hướng chi là đánh nhau giết người để cầu lấy đấy ư ? »

君子之
事也
君引
其務
當君
以志
於道
而已

Dịch-âm.— « Quân-tử chi sự quân dã, vụ dân kỳ quân dĩ đương đạo, chi ư nhân nhi dĩ »

DỊCH-NGHĨA. — « Người quân-tử thờ vua, cốt dẫn cho vua lấy điều hợp lẽ, khiến cho vua chỉ ở về điều nhân mà thôi. »

Chú-giải. - Vương-đạo = Đàng hợp lẽ phải.

IX

孟子曰
今之事
君者曰
我能爲
君辟土
地充府
庫今之
所謂良
臣古之
所謂民
賊也君
不鄉道
不志於
仁而求
富之是
富桀也

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Kim chi sự quân giả, viết ngã năng vi quân tịch thổ-địa, sung phủ-khố, kim chi sở vi lương-thần, cổ chi sở vi dân tắc dã. Quân bất hướng đạo, bất chi ư nhân, nhi cầu phú chi, thị phú Kiệt dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ngày nay kẻ thờ vua, thường khoe mà nói rằng ta có thể vì vua mở mang được thổ-địa, đầy chứa được kho-tàng. Ngày nay gọi kẻ ấy là kẻ lương - thần, nhưng đời xưa gọi kẻ ấy là kẻ dân-tặc vậy. Vì chẳng dẫn vua khuynh - hướng về đường đạo-nghĩa, chẳng chỉ về điều nhân, mà chỉ cầu làm giàu cho vua, ấy là làm giàu cho vua Kiệt vậy. »

我能夠
爲君約
與國戰
必克
今所謂
良臣古
之所謂
民賊也
君不
鄉道不
志於
仁而求
爲之
強戰是
輔桀也

Dịch-âm.— « Ngã năng vi quân ước dĩ quốc, chiến tất khắc. Kim chi sở vi lương-thần, cổ chi sở vi dân tắc dã. Quân bất hướng đạo, bất chi ư nhân, nhi cầu vi chi cường chiến, thị phú Kiệt dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Lại có kẻ khoe mà nói rằng ta có thể vì vua kết-ước với nước cùng mình hòa - hiếu, đi đánh

nước cừ-dịch thì tất được. Đời nay gọi kẻ ấy là kẻ lương-thần, nhưng đời xưa gọi kẻ ấy là kẻ dân - tặc vậy. Vì chẳng dân vua khuy nh - hướng về đường đạo-nghĩa, chẳng chỉ về điều nhân, mà chỉ cầu vì vua khỏe đánh, ấy là giúp vua Kiệt vậy.

Chú-giải. — *Dữ-quốc* = Cái nước cùng kết hợp hòa-hiệp.

居能天雖今道。由
也。一。下。與。之。無。今
朝不之俗。變。之

Dịch âm. — « *Do kim chi đạo, vô biến kim chi tục ; tuy dữ chi thiên-hạ, bất năng nhất chiêu cư dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — « Nếu cứ noi cái đạo tàn dân hại dân đời nay, mà không biến đổi cái tục chuộng giầu chuộng mạnh đời nay, thì dẫu đem thiên-hạ lại mà cho không, cũng tất đến tranh cướp nhau, chẳng có thể một ngày yên ở được vậy. »

Chú-giải. — Toàn chương này là bài-sách những kẻ làm tội không biết dân vua về đường đạo nghĩa, mà chỉ làm hại dân.

X

何取十欲曰。白
如。一。而二吾圭

Dịch âm. — *Bạch-khue viết* : « *Ngô dục nhị thập nhị thủ nhất hà như ?* »

DỊCH-NGHĨA. — *Bạch-khue nói rằng* : « *Ta muốn hai mươi phần mà lấy thuế một phần, phép ấy thế nào ?* »

Chú-giải. — *Bạch-khue* = tên là Đan người nhà Châu.

Đây là *Bạch-Khue* muốn đổi cái phép mười phần lấy thuế một phần (thập-nhất) của đấng tiên-vương, mà làm cái phép lấy thuế rất nhẹ. *Bạch-khue* vốn là người kiệm ăn uống, tiết thị-dục tích rên giầu có, nay muốn đem cái thuật ấy thi-hành ra cả quốc-gia.

也。貉之曰。孟
道道。子子

Dịch âm. — *Manh-tử viết* : « *Tử chi đạo, Mạch-đạo dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — *Thầy Mạnh nói rằng* : « *Cái đạo nhà ngươi, là cái đạo nước Mạch vậy* ».

Chú-giải. — *Mạch* = Tên một nước mọi-rợ ở bắc-phương.

用不可。曰。可陶。一之萬
也。足器不乎。則人國室

Dịch-âm. — « *Vạn thất chi quốc nhất nhân đảo, tắc khả hồ ?* » *Viết* : « *bất khả khi bất túc dụng dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — *Thầy Mạnh hỏi rằng* : « *Thị-dụ như cái nước muôn nhà mà một người làm nghề nặn đồ sành, thì có được chăng ?* » *Bạch-khue nói rằng* : « *Không được, vì đồ nặn không đủ dùng vậy* ».

Chú-giải. — *Đào* = Nặn đất sét làm đồ sành.

足二百幣之室之不生曰
也。十官帛禮。宗無城無生夫
取有饗。無廟廟郭惟貉
一司殮。諸祭郭郭黍五
而故無侯侯宮宮生穀

Dịch-âm. — *Viết* : « *Phù Mạch, ngũ cốc bất sinh, duy thủ sinh chi ; vô thành quách cung thất tôn miếu tế-tự chi lễ, vô chư-hầu tế bạch ung - sơn, vô bách quan hữu ty, cố nhị thập thủ nhất nhị túc dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — *Thầy Mạnh nói rằng* : « *Ôi, nước Mạch kia đất rét, năm giống thóc chẳng sinh ra được, chỉ giống lúa thủ sinh ra được ; không có cái lễ tôn-phí về việc thành - quách, việc cung - thất, việc tế-tự nhà tôn-miếu, không cần đồ tiền lụa giao-tiếp với chư-hầu và đồ nấu ăn yến-hưởng với tân-khách, không có bổng-lộc cấp cho trăm quan giữ các chức-sự, cho nên hai mươi phần lấy thuế một phần mà đủ chi dùng vậy* ».

Chú-giải.— Ung-sôn = Thôi nấu làm ra bữa ăn, trở về cái lễ thiết-dãi tân-khách. Hưu-ly = Các quan chia giữ chức-sự.

可 何 如 君 倫。去 中 今
也。其 之 子。無 人 國。居

Dịch-âm.— « Kim cư trung-quốc, khử nhân-luân, vô quân-tử, như chi hà kỳ khả dã. »

DỊCH-NGHĨA.— « Nay ở chốn trung-quốc, bỏ đạo người, không kẻ quân-tử, sao được vậy. »

Chú-giải.— Nhân luân = Trở về những lẽ vua tôi tế-tự giao-tiếp. Quân-tử = Trở về người chức sự trong hàng bách quan.

子 無 嗣。以 不 寡 陶
乎。君 况 爲 可 且 以

Dịch-âm.— « Đào dĩ quả, tả bất khả đi vì quốc, huống vô quân tử hồ? »

DỊCH-NGHĨA.— « Người nặn đồ dùng ít, vả còn không đủ dùng cho nước, nữa là không có người quân-tử làm mọi việc thì sao được? »

桀 之 之 貉 者。堯 欲
小 道 於 也。大 舜 輕
桀 者。堯 欲 貉 舜 之
也。大 舜 重 小 道 於

Dịch-âm.— « Dục khinh chi ư Nghiêu Thuấn chi đạo giả, đại Mịch tiều Mịch dã; dục trọng chi ư Nghiêu Thuấn chi đạo giả, đại Kiệt tiều Kiệt dã. »

DỊCH-NGHĨA.— « Phép thuế thập-nhất là cái đạo trung-chính của Nghiêu Thuấn, muốn lấy thuế nhẹ hơn cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn đó, là cái đạo nước Mịch lớn nước Mịch nhỏ vậy; muốn lấy thuế nặng hơn cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn đó, là cái đạo chúa Kiệt lớn chúa Kiệt nhỏ vậy. »

XI

禹。愈 水 之 曰。白
於 也 治 丹 圭

Dịch-âm.— Bạch-khue viết : « Ban chi trị thủy dã dữ ư Vũ. »

DỊCH-NGHĨA.— Bạch-khue nói rằng : « Ban này trị cái nạn nước lụt, dễ-dàng nhanh chóng hơn vua Vũ. »

Chú-giải.— Lúc ấy nước chư-hầu có cái nạn nước lụt nho-nhỏ, Bạch-khue đắp đê ngăn đường cho đôn nước chảy nghịch sang nước khác.

道 水 治 禹 過 白。孟
也。之 水。之 矣。子 子

Dịch-âm.— Mạnh tử viết : « Tử quá hĩ, Vũ chi trị thủy, thủy chi đạo dã. »

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Nhà người nói thế là lầm vậy. Vua Vũ trị cái nạn nước lụt, là thuận cái tính nước vậy. »

爲 鄰 子 今 爲 四 禹 是
壑。國 以 吾 壑。海 以 故

Dịch-âm.— « Thị cố Vũ dĩ tứ hải vi hác, kim ngô tử dĩ lân quốc vi hác. »

DỊCH-NGHĨA.— « Thế cho nên vua Vũ lấy bốn bể làm hang cho nước đôn về, nay nhà người lấy nước láng giềng làm hang cho nước chảy ngược vào. »

過 也。之 也。者 水。謂 水
矣。吾 所 仁 洪 企 之 逆
子 惡 人 水 水 澤 行

Dịch-âm.— « Thủy nghịch hành vị chi hồng-thủy, hồng-thủy giả hồng thủy dã, nhân nhân chi sở ở dã, ngô tử quá hĩ. »

DỊCH-NGHĨA.— « Nước chảy ngược thì là nước tràn ngập, nước tràn ngập tức là cái hại nước lớn như đời vua Nghiêu vậy; nước lớn làm tai-nạn, người nhân rất lấy làm ghét; nhà người làm tai nạn cho nước láng giềng, là kẻ bất-nhân, nhà người lầm vậy. »

Chú-giải.— Hồng-thủy 澤水 = Nước tràn ngập. Hồng-thủy 洪水 = Nước lớn.

XII

乎亮子曰。孟
執。惡不君子

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Quân-tử
bất lượng; ô hồ chấp. »

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng :
« Người quân-tử đối với mọi việc
chẳng hay chắc tin ở mình, sao hay
chủ-trị cho thành được việc »

Chú-giải — Lượng = Tin, là có định-kiến mà
chẳng hoài-nghi. Ô-hồ-chấp = Sao hay chủ-trị
cho vững, chỉ nhùng-nhằng cầu-thả, không
hay chấp-trị được định-kiến.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TÙNG-VÂN dịch.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

**Cuộc vận-động của Gandhi ở
Ấn-độ.** — Trong kỳ trước đã đăng tin
ông GANDHI bị chính-phủ Anh bắt giam
mà không rõ đầu đuôi thế nào. Nay
lược-thuật ra đây cái lịch-sử của ông
cùng các cách ông hành-động thế nào
mà làm cho việc chính-trị của người
Anh ở Ấn-độ phải mấy phen điên-đảo.

Khi tới độ đường thứ nhất trong
cuộc viễn-du mà theo ý-nguyện của
ông là phải giải-thoát được nước Ấn-
độ, thì ông GANDHI, theo sau có 80 đồ-
đệ, đi ra mé bể, lấy tay vục lấy mấy
giọt nước mặn, rồi lại bước lên bờ.
Trước mặt công-chúng mà ông GANDHI
làm như vậy là tỏ lòng phản-đối đạo
luật về muối, và ý muốn ra hiệu-lệnh
cho 320 triệu người Ấn-độ bất-tuân
luật pháp. Có bao nhiêu người hưởng-
ứng với ông? Chính điều đó hình như
ông cũng không lấy làm quan-tâm cho
lắm, và từ ngày ông dời thành *Ahme-
dabad* thì ông cứ đi luôn mãi, như là
cả nước Ấn-độ đi theo sau với ông vậy.
Cái lòng thần-nhiên tự-tín, cái mộng-
tưởng lớn-lao đó thật làm cho trí
người Âu tây khó lòng hiểu được, và
họ thấy ông làm một việc tin-ngưỡng

như vậy, chả kéo họ cho là một trò
khôi-hài khả-tiểu. Có lẽ ta phải trực-
tiếp với cái thế-giới lạ-lùng đó, phải
gặp trong các phố ở thành *Bénarès*
từng đám người đi trải hội, mặt người
nào cũng có vẻ sùng-bái, hay các bọn
thiện-nam tin-nữ vừa reo hò vừa bước
vào các đền chùa ở *Madoura*, thì mới
thấu rõ cái ý-nghĩa của các việc xảy
ra mà ngày nay nước Ấn-độ đương là
một chốn kịch-trường để diễn các tấn
kịch đó.

Đầu tiên ta phải nên biết cái người
chỉ dùng sức ý-chí của mình mà làm
cho hàng bao nhiêu triệu người phải
theo. Ông MOHANDAS KARAMCHAD GAN-
DHI năm nay ngoài 60 tuổi. Ông sinh ở
một tỉnh nhỏ miền tây-bắc nước Ấn-độ
trông ra bề *Oman*, và theo dòng-dõi
họ ông thì ông thuộc về phái người
Jains, tức là phái thanh-tĩnh khổ-hạnh
(*puritains*) của Ấn-độ.

Việc giáo-huấn đầu tiên của ông giao
cho một người Bà-la-môn, nên chỉ
thuần dạy về tôn-giáo. Lên 8 tuổi ông
đính hôn, 12 tuổi lấy vợ, đến năm 17
ông thôi học ở trường trung-học để
vào trường đại-học *Ahmedabad*. Hai

năm sau ông đi Luân-đôn học về luật và triết-học, năm 1891 ông về Ấn-độ, ở Bombay làm trạng-sư.

Năm 1893 vì chức-vụ phải sang ở Pretoria thuộc Anh ở Nam Phi - châu, ông thấy tới 15 vạn người Ấn-độ vì cái thói-tục và luật-pháp xứ đó mà phải sinh-hoạt một cách nhục-nhã đê-hèn. Thấy vậy ông bèn quên cả chức-vụ của ông mà lưu-tâm đến bọn người đồng-bào khổ-sở. Ông định sang ở Nam Phi-châu có một năm, mà thành-thủ ở luôn đó 20 năm, cố công cùng sức chống-chỏi với cái thói-tục dã-man và các luật-pháp bất-công của xứ đó. Ông vốn con nhà thế phiệt, có giáo-dục, mà từ năm 1893 đến 1914, ông sinh-hoạt theo các người di-dân, dẫn - dụ cho các người đồng-bang của ông đang bị lầm-than cái chính-sách « đề-kháng bị lâm-than cái chính-sách « đề-kháng bất bạo-động » (*résistance non-violente*), tức về sau này làm phương - châm cho cái đời chính - trị của ông vậy. Tướng Smurs tổng-đốc xứ ấy đã từng bắt giam ông ba lần, sau thấy cái chí của ông kiên-ngệ lạ thường, bèn xử nhũn mà ưng-thuận cải - cách như ý ông yêu-cầu. Đó là cuộc thắng đầu tiên của ông. Chính-phủ Anh thưởng bội-tinh cho nhà lãnh-tụ Ấn-độ vì những việc đã giúp mình, còn người đồng-bang ông thì tặng cho ông cái huy-hiệu là *Mahatma* nghĩa là bậc đại-trì.

Vì lắm kẻ cho ông GANDHI chỉ là một người hăm mình khổ-hạnh và ưa ham sự huyền-bí, nên thiết-tưởng thuật lại mấy việc như trên cũng không phải là vô-ích. Ông GANDHI quả là người có tính khổ-hạnh và huyền-bí thật. Ông thích khổ-hạnh vì ông rẻ-rúng sự giàu-có sang-trọng và sinh-hoạt một cách rất giản-dị. Ông làm trạng-sư ở Bombay, niên-bổng được 6000 livres; mà ở Nam Phi-châu mỗi tháng chỉ chi-dụng hết có 3 livres. Ông ưa các điều huyền-bí vì ông hay thích những cách thiên-định, lúc nào cũng sẵn lòng tuân -

mệnh cái tiếng gọi xa-xôi, hình như vãng-vãng trong mình ông để hướng-đạo và khuyến-khích ông; ông lại có cái tài làm cho các biểu-tượng về tôn-giáo có cái vẻ linh-hoạt thâm-trầm. Nhưng ông ưa huyền-bí, thích khổ-hạnh mà lại ra mở báo-quán, thiết-lập và quản-trị các đồn-diền và trong lúc chiến-tranh lại tổ-chức một đội quân Hồng-thập-tự để cứu các người bị nạn. Ông chỉ theo một phương-châm, trong 20 năm trời cố gắng theo đuổi không hề nản chí, mà ở Nam-Phi-châu ông đem cái chí-nguyện ái-nhân và tín - ngưỡng mà qui - phục được những kẻ quyền-lực hơn ông.

Cái lịch-sử của ông từ hồi đại-chiến ai cũng đều biết cả, không cần phải nhắc lại nữa.

Năm 1919, ông GANDHI công-nhiên đứng lên trách Chính-phủ Anh là bội lời đã hứa cùng Ấn-độ trong lúc khốn-quần, rồi ông gây nên một cái phong-trào gọi là « mãnh-lực của ái-tình và chân-lý » (*Satyagraha = force de vérité et d'amour*). Muốn cho cái chủ - nghĩa quốc-gia Ấn-độ được thắng, ông không phải dùng cách bất-đề-kháng (*non-résistance*) hay tiêu - cực đề - kháng (*résistance passive*), mà lại dùng cái phương-pháp đã thực-hành được ở Nam-Phi-châu, là cách ôn - hòa đề-kháng (*résistance non-violente*). Cái phương-pháp này tuy không bạo-động mà không phải là không lợi-hại, vì dùng cái sức mạnh của chân-lý và ái-tình, dùng cái lòng tín-ngưỡng và cái chí hi-sinh mà phát-khởi và xếp-đặt cách hành-động. Cuộc đề-kháng của ông GANDHI tổ-chức có nhiều trình-độ: khởi đầu là bất-hợp-tác, nghĩa là tất cả các người Ấn-độ làm việc công đều cáo-thoái hết; rồi đến đề-chế các hàng-hóa, và nếu cần đến nữa thì sẽ bất-tuân pháp-luật, như là bãi-khóa, không chịu đóng thuế, phản-đối luật-pháp và mệnh-lệnh của chính-phủ Anh.

Cải phong-trào năm 1919 có kết-quả ít nhiều, nhưng các lời hứa mới, chính-phủ Anh cũng chẳng kể vào đâu, nên ông GANDHI lại ra mặt phản-đối. Toàn-quyền Ấn-độ sai bắt ông và kết án ông bị cấm-cố 6 năm (10 Mars 1922), nhưng hai năm sau ông được tha. Ở ngục ra ông rất lấy làm buồn vì thấy các nhà lãnh-tự quốc-gia Ấn-độ bị người súc-siêm mà bất-hòa cùng nhau. Cải công-cuộc của ông gần bị phá-hoại hết, giờ lại phải chỉnh-đốn lại. Ông lại hành-động, nhưng lần này không đề tiếng-tầm gì, suốt trong 4 năm trời, từ 1924 tới 1928, không ai nghe thấy nói đến ông nữa. Năm 1929, khi ông lại bước chân vào trường chính-trị Ấn-độ, người ta mới hay là ông đã hòa-giải được hai phái Ấn-độ-giáo (*Hindous*) và Hồi-hồi-giáo (*Musulmans*), và đã dự-bị sẵn-sàng để lại ra phấn-đấu. Hồi tháng bảy, ở hội-nghị *Allahabad*, ông GANDHI cảnh-cáo cả quốc-dân để dự-bị cuộc đề-kháng, và tuyên-bố rằng nếu tới 31 tháng chạp nước Ấn-độ chưa được thi-hành chế-độ tự-trị (*dominion*) thì dân Ấn-độ sẽ phản-đối với người Anh mà đầu tiên thì sẽ bất-hợp-tác cùng chính-phủ. Ở hội-nghị *Lahore* thì các đại-biểu Ấn-độ yêu-cầu độc-lập hẳn cho nước mình. Rồi mấy tháng sau cuộc đề-kháng bắt đầu nhóm lên.

Cuộc đề-kháng đó phát-hiện như thế nào? Phát-hiện ra bằng một cuộc viễn-du: ông GANDHI cùng mấy đồ-đệ trung-thành đi bộ từ *Ahmedabad* cho tới bờ phía đông vịnh *Bombay*. Mục-đích của cuộc viễn-du đó là lấy một cái cử-chỉ tôn-nghiêm và có ý-nghĩa để phản-kháng luật-pháp ngoại-quốc, ông GANDHI múc nước ở dưới bề, gạn lấy muối, hàng nghìn con người vừa đàn ông vừa đàn bà cũng làm như ông, tức là ra mặt phản-đối thuế muối vậy. Trong các thứ thuế, không chọn những thuế bất-hợp-cách khác, mà lại cố-y

phản-đối thứ thuế bất-chính, mà ông cho là tiêu-biểu rõ cái chi chiếm-đoạt của người Anh.

Cuộc du-lich bình-tĩnh đó sau này có thể biến thành cuộc xung-đột, giết-tróc được; ông GANDHI chưa thể quên cái ngày lễ ở *Amritsar* mà 6 trăm người Ấn-độ chết một cách thê-thảm (13 tháng tư 1919). Các người biểu-tình ngày hôm đó, vì tuân-lệnh nhà lãnh-tự Ấn-độ nên không ai mang khi-giới cả. Hôm sau ngày *Amritsar* ai cũng mong-mỏi ông GANDHI ra cái lệnh phục-thù, nhưng ông chỉ dặn lại một câu rằng cứ phản-đối, chứ đừng thù-oán, cái lệnh đó tất cả các người Ấn-độ đều tuân theo hết.

Cải phương-pháp ôn-hòa đề-kháng của ông GANDHI đã chọn thật là thích-hợp với cái cuộc tranh-đấu lạ-lùng, làm cho mấy vạn người Anh phải đổi-điện cùng 300 triệu người Ấn-độ. Cải phương-pháp đó không phải do một cái ý-tưởng huyền-bi phát-siễn ra, mà quả là một cuộc mưu-tính rất diệu, vì lấy cái sức tinh-thần mà đối lại với võ-lực thì võ-lực cũng không có chỗ nào mà thi-thố được. Nhưng ông có mưu ông mà kẻ cường-quyền không phải là không có mưu của họ: họ sẽ tìm cách làm cho sự ôn-hòa thành bạo-động mà lấy võ-lực đối đái. Ông GANDHI xếp đặt cuộc đề-kháng thật tỏ ra là một người lão-luyện đã từng quen hành-động về chính-trị. Song có điều không may cho ông và cho cả nước Ấn-độ là cái chức-vụ ông đảm-nhiệm thật là quá tầm sức người đời. Dù cho có gây được nên trật-tự, rồi cũng kể đến một thời-kỳ hỗn-độn, mà trong cái thời-kỳ hỗn-độn đó thì ai là người lại cải-tạo được một trật-tự mới nữa?

Thời-cục nước Tàu. — Từ khi Diêm, Trương quyết-liệt, cuộc nội-chiến nước Tàu trong hơn một tháng trời

nay hai bên vẫn giữ miếng nhau, mà chú-trọng nhất là về đường Bình-Hán và Lũng-hải. Cứ như tin báo của hai bên thì thường thấy khác nhau, lúc thì nói Nam-quân thắng chiếm được một giải Qui-đức, lúc thì nói Bắc-quân thắng đã hạ được thành Tế-nam, sau lại có tin Hàn Phục - Cừ vẫn phụng-mệnh Tướng cố giữ thành Tế-nam, mà Tướng lại hạ-lệnh cho Trần Điều - Nguyên quyết đánh lấy Lan-phong. Lúc thì nói quân Bắc đại-thắng khắp mặt trận, chiếm được một trại mây bay; lúc thì nói quân Trung-ương lại chiếm được phần thắng-lợi ở dọc đường Lũng-hải. Thậm-chí lại có tin rằng trận đánh ở Đường-son, Tướng có bị thương nhẹ ở vai bên trái. Sau lại tiếp tin bộ ngoại-giao Nam-kinh tuyên-bố rằng Tướng Giới - Thạch vẫn khỏe - mạnh như thường, không có bị thương cánh tay bao giờ, hiện vẫn ở Qui-đức chỉ-huy. Theo như tin-tức hàng ngày mỗi lúc một khác như thế, thì cũng khó mà đoán-dịnh trước được cuộc thư-hùng. Song cứ theo như hiện-thể cuộc chiến-tranh thì mặt Bình Hán, quân Tướng và quân Phùng chống nhau ở Hứa-xương. Mặt Lũng - hải thì hai quân chống nhau ở Lan - phong, từ bấy đến nay vẫn chưa có trận nào xung-đột to, mãi đến trận đánh nhau ở Giã-kê-cương thuộc đường Lũng - hải vừa rồi, hai bên ra sức đánh nhau rất kịch-liệt, kết-cục quân Tướng về hai đạo quân của Lưu Trĩ và Cổ Chúc-Đông thiệt-hại rất to, bị bắt ước 15.000 người, chết và bị thương chừng hai vạn người trở lên; về bên liên-quân sáu sư-đoàn quân Diêm do Tôn Sở đốc-suất bị tử-thương gần hết, quân Phùng chết và bị thương cũng nhiều. Theo như lời báo-cáo của cuộc điều-tra ở chiến-địa, cả hai bên số quân lính chết và bị thương chừng hơn sáu bảy vạn người, thật là một trận nội-

chiến rất dữ-dội ở nước Tàu từ xưa tới nay mới có là một. Người ta nói từ trận đánh ở Giã-kê-cương ấy làm cho quân Nam giảm mất thanh-thế đi nhiều, mà quân Diêm Phùng lại càng thêm mạnh thế. Vì đương lúc Tướng còn phải lo ứng-phó ở miền bắc chưa rồi, thì ở miền đông-nam lại thêm mấy tay kinh-dịch nữa, là cánh liên-quân do Trương Phát-Khuê và bọn quân-nhân Quảng-tây là Lý Tôn-nhân, Bạch Sùng-Hy lại từ Quảng-tây đánh vào Hồ-nam.

Trước khi quân Trương Quế chưa kéo sang Hồ-nam, đã cùng nhau họp một cuộc hội-nghị ở Tân-dương và quyết-nghị rằng: « Chúng ta khởi quân, mục-dịch chỉ là đánh đổ họ Tướng, nếu cứ ở đây mà đánh nhau mãi với quân Quảng-đông, sao khỏi mang tiếng là chúng mình chỉ cốt cướp lấy địa-bàn. Nay muốn tránh khỏi cái tiếng đó, thì chúng ta kịp nên tạm bỏ Quảng-đông mà tiến ngay lên chỗ mục - đích. Vả hiện nay liên-quân của Diêm với Phùng đã sang đánh ở mặt Lũng-hải, chúng ta nên nhân dịp tốt đó mà tiến lên mặt Trường-giang để cùng Diêm, Phùng hội quân. Dù sau khi chúng ta đi khỏi, các cánh Tây Nam có cướp mất Quảng-tây chăng nữa, song khi ấy chúng ta đã đánh đổ được Tướng Giới-Thạch, mục-dịch của chúng ta đã đạt rồi, việc nước do quốc-dân giải-quyết, mà việc đảng do đảng-nhân chủ-trương, thì các phái Tây Nam cũng không khi nào dám trái ý dân mà làm bậy nữa. » Quyết-nghị xong, Lý Tôn-Nhân bèn lấy danh-nghĩa Phó-tổng-tu-lệnh mà ủy-nhiệm Trương Phát-Khuê làm Tổng-chỉ-huy đường đông, đem hai đạo quân thứ năm và thứ sáu đi đường Tân-châu sang đánh Giang-tây, Bạch Sùng-Hy đem bốn đạo quân tiến qua Trường-sa sang đánh Vũ Hán; Lý thì tự đem 8 đoàn quân gián-đạo tiến theo đề tiếp-ứng cả hai mặt.

Nay có tin cánh liên-quân ấy đã từ Quảng-tây kéo lên Hồ-nam chiếm lấy Trường-sa (tỉnh-lỵ Hồ-nam) và kéo vào Giang-tây chiếm lấy Nam-xương (tỉnh-lỵ Giang-tây), hai tỉnh ấy mà đã vào tay quân Trương. Quế rồi thì cái toàn-cục đông-nam sẽ bị lay động, mà chính-phủ Nam-kinh cũng khó giữ được vững-vàng. Vì liên-quân Trương Quế sẽ hợp với liên-quân của Diêm, Phùng, làm cho cái thế lực quân đảo Tướng lại càng thêm mạnh vậy. Nhưng dù sao mặc lòng, Tướng vẫn không chịu núng, chỉ cố giữ lấy mặt Từ-châu, Bang-phụ để đối với quân Bắc, còn mặt đông-nam thì có tin ở Từ-châu rằng: Tướng Giới - Thạch tuyên-ngôn sau khi đã phá được chủ-lực của quân Bắc rồi, mặt Hà-nam không lo nữa, thì lập-tức quay quân về Hồ-nam và Hồ-bắc.

Lại nghe nói Tướng Giới-Thạch đã phái ba đạo quân xuống đánh Quảng-tây.

Đạo thứ nhất giao cho Lã Hán-Viêm và Dương Đình-Chung chỉ-huy, đã đánh lấy được Nam-ninh.

Đương lúc hai bên Nam Bắc lấy võ-lực tranh-đấu nhau kịch-liệt, lại có tin đồn các bạn chính - giới khuyên Tướng từ chức, mà cử Tôn Khoa lên kế chân chủ-tịch. Phùng Ngọc - Trường thì cho tàu bay thả truyền - thư xuống thành Qui - đức, khuyên Tướng đình chiến rồi cùng xuất-dương.

Việc lập chính-phủ miền Bắc thì Trần Công-Bác là yếu - nhân phái tả có nói chuyện rằng Diêm Tích-Son lấy có chính-phủ Nam-kinh bị thất - bại, do Tướng Giới-Thạch là võ-nhân, miệt-thị đảng quốc-dân, cho nên chủ-trương ở Bắc-bình tổ-chức ra chính-phủ văn-nhân, cử Uông Tinh-Vệ làm chủ-tịch. Hiện ý-kiến các phái đã gần hợp, chỉ có hai yếu-nhân về phái Tây - sơn là

Trâu Lô và Tạ Tri còn chưa chịu nhận cách chủ-trương của Uông. Vì Uông Tinh-Vệ cứ nhất-quyết giữ đảng-thống, nên việc tổ-chức chính-phủ vẫn chưa thành. Vì việc ấy nên hai yếu-nhân trong phái Tây-sơn là Tạ Tri và Trâu Lô có gửi điện cho Uông nói rằng hội ủy-viên trung-ương lần thứ hai ở Quảng-dông đã mãn-kỳ không có hiệu-quả gì nữa, đảng-thống dứt đã lâu rồi. Nếu trong năm Dân-quốc 14 ông chịu theo phái Tây-sơn trừ đảng cộng-sản, thì khi nào lại gây nên cái họa cộng-sản ở đông-nam ngày nay; nếu mùa đông năm dân-quốc 16 ông chịu theo Tây-sơn phản Tướng, thì khi nào lại gây nên sự chiến-tranh ngày nay. Phạm những việc cũ ấy, không nên kể nữa, chỉ có cách là phá tan đảng-thống, theo sự thực mà chính-lý lại đảng, chủ-trì thời-cục. Nếu lại cứ nói đảng-thống, khiến cho chính-phủ không thành-lập được, để hại cho đại-cục thì ai nhận lỗi ấy.

Đoàn đại-biểu quân-sự ở Thạch-gia-trang cho rằng việc đảng chỉ vì chữ « giới » và chữ « pháp » làm làm-lỡ, đến nỗi lòi-thời không giải-quyết được. Việc chính-trị và ngoại-giao còn nhỏ, chữ tài-chính không có bộ tài-chính chịu cái chức-trách riêng, thì hại cho quân-chính rất to, không thể để lòi-thời được nữa, nên mau mau chiêu-tập cuộc hội-ngộ quân-chính-đang liên - hợp, mau mau lập nên chính-phủ, do thực-lực-giới ủng - hộ, tức là hợp-pháp.

Còn Trương Học-Lương thì bấy lâu vẫn giữ trung-lập. Nghe đâu gần đây Trương có nghe lời báo-cáo của Tôn Truyền-Phương điện cho cả Tướng, Diêm, Phùng xin lập-tức đình-chiến, ở trong một cái thời-kỳ rất gần triệu-tập cuộc quốc-dân-hội-ngộ, giải-quyết các việc rắc-rối, nếu một phương nào không nghe, thì sẽ dùng võ-lực đối-đãi.

Cứ xem như tình-thế hiện bây giờ thì cuộc phân-tranh vẫn chưa giải-quyết, chính-phủ miền Bắc vẫn chưa thành-lập, Ông Tinh-Vệ vẫn chưa chịu về để chỉnh-dốn việc đảng, mà Tướng Giới-Thạch cũng chưa hẳn đã bị thất-bại ngay. Vì thử Tướng Giới-Thạch có thất-bại hẳn, các toán quân phản Tướng có thắng-lợi hẳn chẳng nữa, thì cục-diện nước Tàu có thể thống-nhất được không? Điều đó thì chưa có thể mà đoán-định trước được. Nhưng cứ xem như Diêm, Phùng vì nóng muốn đảo Tướng mà hợp-tác với nhau về quân-sự, sau này dù có thắng Tướng chẳng nữa, thế-lực cũng chỉ kịp đến phía bắc Trường-giang (sông Dương-tử) mà thôi, khó thể vượt qua sông, mà xuống phía nam được. Thế thì làm trọn cái công đảo Tướng vẫn là quân-đội miền Nam. Đó là một cơ về phương-diện quân-sự, khiến các toán liên-quân phản Tướng trước hợp mà sau này không khỏi phân-ly vậy. Còn về phương-diện chính-trị lại càng dễ chia rẽ lắm, vì cứ theo như ý-kiến của các phái phản Tướng bây giờ đối với vấn-đề chính-trị thực chia ra nhiều đảng phái, phái thì chủ-trì thực-lực, phái thì muốn duy-trì lấy đảng-thống, kịp muốn cho danh-nghĩa đảo Tướng được có ảnh-hưởng to, phái nào cũng muốn rước Ông Tinh-Vệ ra làm bung-xung, nhưng đối với cái vấn-đề đảng-thống của Ông chủ-trương, trừ phái tả ra, còn phái hữu và phái thực-lực (tức là đoàn-thể quân-nhân) ở Sơn-tây vẫn không chịu dung-nạp, ấy vì thế mà Ông cứ do-dự mãi không chịu lên Bắc-bình. Vậy ngay bây giờ vì nóng muốn đảo Tướng mà hợp-tác về quân-sự, tuy có được chóng thu công, nhưng đến lúc tổ-chức chính-phủ mới, ý-kiến không dung-hòa được với nhau, thì tất lại sinh ra mâu-thuẫn, cuộc nội-chiến lại dằng-dai mãi ra, biết bao giờ cho thống-nhất được?

Nội-dung bản điều-ước Việt-Nam của hai nước Trung Pháp. — Bản điều-ước Việt-Nam của hai nước Trung - Pháp ngày 16 tháng 5 đã do Vương Chính-Đình cùng quan đại-sứ Pháp ký ở Nam-kinh, toàn-văn có 11 điều, và có 7 khoản phụ, hiện còn cần chính-phủ hai bên đồng-ý, định sau khi ký chữ trong ngoài 20 ngày sẽ công-bố ở Nam-kinh và Paris. Nội-dung bản điều-ước ấy nghe đầu đại-khái như sau này :

1) Trung-hoa được đặt lãnh-sự ở Hà-nội, hay Hải-phòng và Sài-gòn, các lãnh-sự của nước Pháp nguyên đặt ở Móng-tự, Hà-khẩu, Long-châu, đều lại đặt như cũ.

2) Những hóa-vật của Trung-hoa, bất-cứ từ cửa bể nào đi qua Việt-Nam, chở đến Vân-nam và Quảng-tây, phải chịu thuế quá-cảnh một phần trăm. Những hóa-vật các tỉnh Vân-nam, Quảng-tây, Quảng-dòng, đi qua Việt-Nam chở đến bất-cứ một cửa bể nào, trừ các thứ có khai đơn kê rõ từng cái được miễn trừ ra, còn đều phải chịu một phần trăm thuế quá-cảnh,

3) Hai bên đều theo cái nguyên-tắc quan-thuế tự-chủ, phạm có hóa-vật đặc-biệt do hai bên nghị-định cách giảm thuế.

4) Nhân-dân hai nước, khi người nước kia sang nước nọ, người nước nọ sang nước kia đều dùng giấy thông-hành, theo như nhân-dân tối-huệ-quốc mà đối-dãi nhau.

5) Cái quyền về lịch-sử của Hoa-kiều vẫn bảo-tồn như xưa.

6) Hoa-kiều hưởng-thụ những quyền-lợi đặc-biệt, vẫn phải nộp khoản thuế tương đương.

7) Bản điều-ước thời-hạn là 5 năm, sau 5 năm có một bên đề-nghị thì lập-tức sửa lại.

8) Bản điều-ước làm một bản bằng chữ Pháp và một bản bằng chữ Hán, văn-tự hai nước đều phải trọng cả.

Đó là nội-dung chính-văn bản điều-ước, còn những khoản phụ là :

1) Trung-hoa nói rõ Văn-nam-phủ (tức là Côn-minh - thị ngày nay) từng làm nơi thương-phụ tự mở ra, vẫn giữ theo nguyên-trang ; tòa lãnh-sự của nước Pháp nguyên đặt ở đó, lại lập như cũ.

2) Hai bên nói rõ việc sửa đổi chương-trình đường Điền-Việt và cái chương-trình đặt quân-cảnh giữ đường ấy, bảo hợp-dồng về việc điện-báo. Còn như cái vấn-đề sổ-sách bằng chữ Hán của người Hoa kiều, sẽ do hai nước đều phái một người đại-biểu, hội-ng nghị ở Văn-nam để sửa đổi.

Việc trong nước

Các việc xảy ra từ 15 Mai đến 15 Juin.— Dân xin giảm thuế.— Hôm 13 Mai viên Chánh Tham-biện Sadec (Nam - kỳ) xuống làng Tân-dương cách tỉnh 10 km khám thuế thì có ước 1500 người kéo đến yêu-cầu tha cho những người bị bắt trong dịp biểu-tình ở Chợ-Mới và Cao-lãnh và xin bãi những thứ thuế riêng và thuế bất-thường.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý.— Hôm 15 Mai quan Thống-sứ Bắc-kỳ cùng viên thư-ký riêng đã đi kinh-lý tỉnh Thái-nguyên.

Việc cứu-tế nạn-dân.— Chiều 16 các nhà từ-thiện họp nhau ở Hội Khai-tri-tiến-đức Hà-nội để bầu ban Cứu-tế làm sổ lạc-quyên lấy tiền giúp dân đói mấy tỉnh Nam-định, Thái-bình, Kiến-an.

Cấm xuất-cảng gạo.— Đạo nghị - định ngày 18 Février cấm xuất-cảng gạo, thóc, tấm, nay thêm một hạn nữa cho tới khi có lệnh mới.

Tòa Thượng-thẩm xử vụ cộng-sản Bắc-ninh.— Sáng 19 tòa Thượng-thẩm đã họp để xử lại vụ Cộng-sản ở Bắc-ninh. Tòa tuyên-án phạt các tội-nhân từ 4 năm cho tới 20 năm khổ-sai.

Hội cứu-tế ở Nam-kỳ.— Ngày 19, các nhà thân-hào Nam-kỳ đã họp tại nhà hội-quán Nam-kỳ để tổ-chức hội cứu-tế nạn-dân Bắc-kỳ.

Các người Bắc-kỳ ở Sài-gòn cùng họp ở nhà hội-quán Bắc-kỳ ái-hữu xin cùng cộng-tác với hội cứu-tế Nam-kỳ.

Vụ công-sản tại tòa án Nam-định.— Ngày 22 tòa án Nam-định đã họp để xử việc ba đảng-viên cộng-sản, trong số đó có 1 người đàn-bà, phải bắt hồi đầu tháng. Tòa kết-án 1 người bị khổ-sai chung-thân, 1 người 20 năm khổ-sai và người đàn-bà phải 10 năm khổ-sai.

Cờ-dộng cho nghề hàng-không ở Đông-dương.— Ba chiếc máy bay đã bay từ trường bay Bạch - mai sang Quảng-đông để cờ-dộng cho nghề hàng-không ở Đông-dương.

Diễn lại tấn kịch ở vườn Bách-thú.— Ngày 23, Ký-Con đã diễn lại tấn kịch giết Nguyễn-Văn-Kính tại vườn Bách-thú, trước mặt quan dự-thẩm COPPIN và các viên-chức sở Mật-thám.

Bắt được truyền - đơn.— Ngày 24 trong các trường học tỉnh Thanh-hóa

có thấy vút nhiều truyền-dơn dưới ký tên là Việt-Nam Quốc-dân-dảng,

Hội-đồng đề-hình tại Phú-thọ.— Sáng 26 Hội-đồng đề-hình do quan thanh-tra chính-trị Poullet-Osier chủ-toạ đã họp tại Phú-thọ đề xử 87 người bị cáo là âm-mưu làm rối cuộc trị-an, trong đó có một người dân-bà. Sáng 27 hội-đồng tuyên án xử-lử 10 người, khổ sai chung-thân 28 người, cấm-cố chung thân 2 người, 4 người phải 20 năm khổ-sai, 3 người 20 năm cấm-cố, một người khổ-sai 5 năm, một người cấm-cố 5 năm, 36 người phát-vãng và hai người được trắng án.

Kỳ hội-đồng này có ông ROUBAUD đại-biểu báo *Petit Parisien* ở Pháp sang cũng có lên dự thính.

Cấp-liên cho dân bị bão.— Quan Toàn-quyền đã ký nghị - định trích ở công-quỹ 51.500 đồng để phát cho dân mấy tỉnh Nam-định, Thái - bình, Phú-lý, Kiến-an, Quảng-yên bị bão hồi Juillet 1929.

Người Tàu được đặt lãnh-sự tại Đông-Pháp.— Ông MARTÉL là đại-sứ Pháp sang Trung-hoa điều-định việc thương-ước từ năm ngoái, nay vừa cùng VƯƠNG CHÍNH - ĐÌNH liên - danh ký tờ thương-ước ở Nam-kinh ưng-chuẩn cho Trung-hoa đặt hai viên lãnh-sự ở Đông-Pháp.

Hội-viên Việt-Nam Quốc-dân-dảng bị bắt.— Có 4 hội-viên Việt - Nam Quốc-dân-dảng bị bắt tại Nam-định. Bốn người này thuộc về chi-bộ Nam-định.

Các cuộc biểu-tình ở Nam-kỳ.— Hôm 28 ở Sadec và Chợ-mới có ước chừng 1000 người cầm cờ đỏ đi biểu-tình ở Chợ-mới. Ông chánh sở Mật - thám Nam-kỳ có dân lính đến dẹp, vì bọn biểu-tình nhất-định tiến lên nên lính bắn chết 2 người và nhiều người bị thương. Hôm 29 ở Ô - môn (Cần - tho)

cũng có mấy trăm người đi biểu-tình. Lính dẹp được yên và bắt các người đầu đảng.

Vụ án-mạng ở đường hàng Vôi.— Hồi 11 giờ sáng hôm 30 ông NGUYỄN BÌNH làm kiểm-soát Công-chính kiểm việc phát lương cho các người tòng-sự ở sở, khi đi lấy lương ở kho - bạc về tới nhà thì bị hai người bắn ngã xuống, cướp lấy cái cặp đựng hơn một vạn bạc rồi nhảy lên xe đạp đi mất. Người ta nghi cái án-mạng này do bọn Cộng-sản gây ra.

Bầu-cử dân-biểu.— Ngày 1er Juin ở đình Phúc-kiến và chùa Hàm - long Hà nội đã bầu-cử dân-biểu. Khu đình Phúc-kiến ông PHẠM HUY-LỰC trúng tuyển, còn khu Hàm - long không ai trúng-cử phải bầu lại. Ngày 8 Juin bầu lại thì ông Hoàng Tích-Chu được trúng cử.

Quan Toàn-quyền đi kinh lý.— Hôm 1er Juin quan Toàn-quyền cùng quan Thống-đốc Nam-kỳ đi thăm các miền Long-xuyên, Sadec, Ô - môn và Cần-thơ là những nơi đã xảy ra các cuộc biểu-tình. Hôm 22 quan Toàn - quyền đi Dalat.

Các cuộc biểu-tình.— Hôm 1er Juin ở huyện Thanh-chương (Vinh) có 2000 người họp nhau kéo vào huyện đưa cho viên tri-huyện một bức thư yêu-cầu tha cho những người cách - mệnh bị bắt và trợ-cấp cho gia - quyến các người bị giết trong các cuộc biểu-tình ở Nghệ-an và Thái-bình. Viên tri-huyện hứa đệ thư ấy lên quan tỉnh thì bọn biểu-tình giải-tán. — Hôm 2 ở Vinh-long (Nam-kỳ) cũng có rầm trăm người định đi lêu biểu-tình ở tỉnh-ly, song có lính dẹp yên ngay và bắt nhiều người.

Hai vụ cộng-sản Bắc - giang tại tòa Thượng - thẩm.— Sáng 2 Juin tòa Thượng-thẩm đã họp đề xử lại hai vụ

Cộng-sản đã xử ở Bắc-giang ngay 11 và 15 Mars mới rồi.

Vụ 15 Mars tòa Thượng-thẩm tuyên án 1 người khổ-sai chung-thân, 2 người 10 năm khổ-sai và 1 người 10 năm biệt-xử.

Vụ 11 Mars tòa xử hai người khổ-sai chung-thân, 6 người 10 năm khổ-sai và 1 người 3 năm tù với 300 bạc phạt.

Phóng-viên báo Le Matin ở Đông-dương.— Ông GERVILLE-RÉACHE là phóng-viên của báo *Le Matin* phải sang để xét tình-thế Đông-dương có đến phỏng-vấn quan Toàn-quyền PASQUIER để gửi bài về Pháp đăng báo.

Đảng Cộng-sản đe dọa các nhà buôn.— Phủ Thống-sứ có bá-cáo cho nhân dân biết rằng ít lâu nay có nhiều nhà buôn to nhận được thơ của các kẻ tự xưng là cộng-sản, trong thơ dọa-nạt bắt các nhà buôn ấy phải cho tiền. Đối với việc đó, dân lương-thiện không nên lo và khi nhận được thơ thì nên tìm cách bắt cho được kẻ đưa thơ, vì chúng chỉ rắp tâm đi lừa thôi.

Các cuộc biểu-tình ở Nam-kỳ.— Tối hôm 4 có ước 2000 người họp nhau ở tổng Đức-hòa gần Chợ-lớn. Đội lính cảnh-sát thấy bọn biểu-tình có ý làm dữ, bắn phải mười người bị thương và lính khổ xanh bắt độ 40 người. Ở Gia-định, Hóc-môn, Gò-vấp và gần Lai-thieu cũng có nhiều cuộc biểu-tình. Toán lính khổ xanh ở Đại-lý Gia-định có bắn chết hai người biểu-tình, 7 người bị thương và bắt nhiều người.

Chính-phủ Nam-kỳ tuyên-ngôn là không dong-tung các cuộc biểu-tình, sẽ dùng võ-lực mà giữ trật-tự và những điều dân yêu-cầu thì khi nào yên lặng không xảy chuyện gì lôi-thôi nữa sẽ

cùng các người có quyền thay mặt cho dân bàn xét.

Ngày 5 tại Bến-lực có cuộc biểu-tình Ông chủ tỉnh Chợ-lớn là RENAULT cùng một đội khổ xanh đến điều-dinh với bọn biểu-tình. Bọn này có nói rõ các lời yêu-cầu của mình rất bình-tĩnh. Sáng ngày 6 ông RENAULT lại gặp một cuộc biểu-tình có độ 1000 người ở bên kia cầu Bến-lực thuộc Tân-an. Lính bắn 1 người bị thương.

Các bọn biểu-tình nào có đệ đơn yêu-cầu thì quan Thống-đốc Nam-kỳ trả lời chung là các thứ thuế năm 1930 đã hạ hơn 1929 rồi. Các hội-viên hội-dồng quản-hạt An-Nam tuyên-bổ cùng quan Thống-đốc Nam-kỳ rằng sẽ hết sức giúp chi h-phủ để bãi-trừ các cuộc rối-loạn.

Về cuộc biểu-tình ở Ô-môn hồi cuối tháng 5 thì hôm 5 Juin tòa án Cần-thơ đã tuyên án phạt 32 người, một người 5 năm tù, một người 3 năm, hai người 2 năm, hai người 1 năm, bảy người 6 tháng và 18 người 3 tháng.

Phát truyền - đơn.— Đêm hôm 4 ở Tân-định (Nam-kỳ) có bắt được nhiều giấy truyền-đơn rải ở các đường. Ở Sài-gòn bắt được 5 người rải truyền-đơn.

Hội-dồng đề-hình tại Hà-nội.— Hội-dồng đề-hình đang tra-vấn các người bị-cáo. Chừng 60 người phải xử trước hội-dồng. Các người bị cáo hôm 09 hội-dồng đề-hình Phú-thọ kết án rồi thì nay giải về Hà-nội để hội-dồng Bảo-hộ xét lại đơn xin chống án.

Làm rối cuộc trị-an.— Sở Mật-thám Hải-phòng, theo lệnh quan dự-thầm Hà-nội, đã bắt 6 người can tội làm rối cuộc trị-an của chính-phủ Bảo-hộ.

Việc Yên-báy tại Pháp.— Hôm 6 Hạ-nghị - viện đã bàn xét những lời chất-vấn của các ông nghị MOUTET và TAITTINGER về việc biến-động ở Yên-báy.

Giáo-sư FÉLICIEN CHALLAYE diễn-thuyết ở hội Nhân-quyền đề phản-đối chính-sách thực-dân của nước Pháp ở Đông-dương và yêu-cầu giải-phóng cho các thuộc-địa. Vì bài diễn-thuyết này mà nghị-viên Nam-kỳ OUTREY đệ đơn xin chất-vấn quan Học-vụ Tổng-trưởng về cái thái-độ của giáo-sư.

Nghị-viên đảng Cộng-sản BERTHON chất-vấn Thuộc-địa Tổng-trưởng và Học-vụ Tổng-trưởng về việc sở Cảnh-sát bắt và trục-xuất các học-sinh Đông-dương đã tổ-chức cuộc biểu-tình tháng trước.

Hội-đồng Bảo-hộ.— Sáng hôm 7 hội-đồng Bảo-hộ đã họp ở phủ Thống-sứ. Trong các việc hội-đồng xét, có việc xin chống án của 84 người bị hội-đồng đề-bình Phú-thọ kết án. Các hồ-sơ của 10 người bị kết án xử-tử sẽ gửi sang Pháp.

Một chi-bộ Cộng-sản ở Lạng-son.— Các quan binh ở Lạng-son mới xét ra được rằng các binh lính đóng ở tỉnh đó có lập một chi bộ cộng sản. Hơn 10 người vừa cai, đội, lính đứng đầu tuyên-truyền đã bị bắt để đem xử tại tòa án binh.

Một người can việc Yên-báy bị bắt ở Nam-kỳ.— Một người Bắc-kỳ bị hội-đồng đề-bình kết án xử-tử khuyết-tịch vì can việc Yên-báy, mới bị bắt ở Chợ-lớn.

Sau các cuộc biểu-tình ở Nam-kỳ.— Tòa án Trưng-trị Sài-gòn họp hôm 10 xử những người dự cuộc biểu-tình ở An-thành. Tòa kết án 2 người 5 năm tù, 1 người 4 năm và 27 người từ 20

ngày đến 4 tháng tù. Việc biểu-tình ở Lương-phủ, tòa tuyên-án 12 người từ 1 tháng đến 2 năm tù. Về vụ biểu-tình ở Bến-lực, tòa kết án 2 người 5 năm tù, 1 người đàn-bà 4 năm tù, 23 người từ 1 tháng đến 4 năm tù.

Tại tòa án Trưng-trị My-tho, Cần-tho và Vĩnh-long cũng kết án nhiều người dự các cuộc biểu-tình mới rồi.

Một cuộc biểu-tình ở Vinh.— Sáng hôm 11 có chừng 1000 người họp nhau biểu-tình ở Đò-lường (Vinh) để xin miễn các thứ thuế. Viên phủ sở-tại giải-tân được ngay.

Ở Chợ-đen gần Chợ-lớn cũng có 300 người định biểu-tình. Cảnh-sát đến bắt được nhiều người.

Lễ phát phần-thưởng.— Sáng hôm 12 tại nhà Hát tây đã làm lễ phát phần thưởng cho các trường công ở Hà-nội.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý.— Ngày 12 qua Thống-sứ đi kinh-lý tỉnh Phú-thọ và Yên-báy.

Giải tù đi Sơn-la.— Hôm 14, có 26 người tù quốc-sự đã giải đi phát-vãng ở Sơn-la.

Giới-thiệu sách mới

1) *Tặng bạn tri-kỷ.*— Thôn-nữ Liên-hương soạn. Sách 48 trang, in tại Đông-kinh ấn-quán Hà-nội, có bán ở các hàng sách, giá 0p.25

2) *Bể tràn chìm nổi.*— Tùng-Thành soạn, 33 trang, in tại Đông tây ấn quán Hà nội, giá 0p.12.

3) *Hậu-dinh hoa.*— Trúc-dinh soạn, Nguyễn-Kinh Công-ti, Hải-phòng xuất-bản, 118 trang.

4) Ngâm-khúc : 1) *Cung - oán* ; 2) *Chính phu* ; 3) *Tỳ - bà*. — Nguyễn Quang-Oánh hiệu-khảo. — Vĩnh-hung-long thư-quán (49-51 Phố Hàng Đường, Hà-nội). Giá 4 hào rưỡi.

Nam-phong tùng - thư

Mới xuất-bản :

Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire (Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở hội Địa - dư Hà - nội).

Đông - kinh ấn - quán xuất - bản, giá 0p.40 ; ở xa tiền cước ngoài.

Xuất - bản trước :

- | | |
|--|--------|
| 1. — Văn-minh luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, quyển thứ I, 5 hào. Quyển thứ II | 4 hào. |
| 6. — Khảo về tiền-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế - giới | 4 hào. |

